TÀI LIỆU DẠY HỌC SINH LỚP 9 CHƯA ĐẠT CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG
MÔN NGỮ VĂN
(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

PHẦN A. GIỚI THIỆU CHUNG

Đây là tài liệu Hội thảo xây dựng nội dung ôn tập môn Ngữ văn do Sở GD&ĐT tổ chức ngày 29,30/12/2009 được sử dụng để ôn tập cho học sinh lớp 9, nhất là đối tượng học sinh yếu kém. Giáo viên triển khai nội dung ôn tập cho học sinh theo tài liệu, đồng thời dựa vào cách biên soạn tài liệu của Sở để biên soạn thêm nội dung đảm bảo bao quát chương trình đã học.

Tài liệu được biên soạn dưới dạng các chuyên đề, trong đó, mỗi vấn đề được cấu trúc theo dạng câu hỏi, dạng đề và gợi ý trả lời . Những nội dung kiến thức trình bày trong tài liệu là nội dung cơ bản, ngắn gọn, giúp học sinh nắm được những kiến thức cơ bản để nâng cao chất lượng tốt nghiệp lớp 9 và tỷ lệ thi đầu vào lớp 10.

Do thời gian biên soạn còn hạn chế nên tài liệu này chưa bao quát hết nội dung chương trình. Một số nội dung có tính chất đề cương, gợi ý, giáo viên cần bổ sung. Dựa theo cách biên soạn của tài liệu, giáo viên biên soạn nội dung cho phù hợp với điều kiện dạy học và trình độ của đối tượng học sinh trường mình. Tuy nhiên, khi biên soạn bổ sung cần đảm bảo ngắn gọn để học sinh dễ tiếp nhận.

Về cách thức dạy học: Căn cứ vào trình độ của học sinh, giáo viên có thể vận dụng các phương pháp dạy học cho phù hợp nhằm làm cho học sinh nắm được kiến thức cơ bản; tăng cường thực hành, luyện tập để viết bài theo từng loại chuyên đề. Mỗi kiểu bài cần cho học sinh viết nhiều lần theo cách, từ đơn giản, sơ lược đến đầy đủ với nhiều dạng câu hỏi, dạng đề khác nhau để rèn luyện kỹ năng trình bày.

PHẦN B. NỘI DUNG

PHẦN I: TIẾNG VIỆT
Chuyên đề 1: Từ vựng.

Tiết 1:

Tõ xÐt vÒ cÊu t¹o

A.TÓM TẮT KI ẾN THỨC CƠ BẢN

1. Từ đơn: Là từ chỉ có một tiếng.
VD: *Nhà, cây, trời, đất, đi, chạy…*
2. Từ phức: Là từ do hai hoặc nhiều tiếng tạo nên.
VD: *Quần áo, chăn màn, trầm bổng, câu lạc bộ, bâng khuâng…*
Từ phức có 2 loại:
* ***Từ ghép:*** Gồm những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.
- Tác dụng: Dùng để định danh sự vật, hiện tượng hoặc dùng để nêu các đặc điểm, tính chất, trạng thái của sự vật.
* ***Từ láy:*** Gồm những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng.
- Vai trò: Tạo nên những từ tượng thanh, tượng hình trong miêu tả thơ ca… có tác dụng gợi hình gợi cảm.

B. CÁC DẠNG BÀI TẬP

1. Dạng bài tập 1 điểm:

Đề 1: Trong những từ sau, từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy?
Ngặt nghèo, nho nhỏ, giam giữ, gật gù, bó buộc, tươi tốt, lạnh lùng, bọt bèo, xa xôi, cỏ cây, đưa đón, nhường nhịn, rơi rụng, mong muốn, lấp lánh.

Gợi ý:
* **Từ ghép:** *Ngặt nghèo, giam giữ, bó buộc, tươi tốt, bọt bèo, cỏ cây, đưa đón, nhường nhịn, rơi rụng, mong muốn.*
* **Từ láy:** *nho nhỏ, gật gù, lạnh lùng, xa xôi, lấp lánh.*

Đề 2: Trong các từ láy sau đây, từ láy nào có sự "giảm nghĩa" và từ láy nào có sự "tăng nghĩa" so với nghĩa của yếu tố gốc?
trăng trắng, sạch sành sanh, đèm đẹp, sát sàn sạt, nho nhỏ, lành lạnh, nhấp nhô, xôm xốp.

Gợi ý:
* Những từ láy có sự " giảm nghĩa": *trăng trắng, đèm đẹp, nho nhỏ, lành lạnh, xôm xốp.*
* Những từ láy có sự " tăng nghĩa": *sạch sành sanh, sát sàn sạt, nhấp nhô,*

2. Dạng bài tập 2 điểm:

Đề 1. Đặt câu với mỗi từ: *nhỏ nhắn, nhẹ nhàng, nhẹ nhõm, nhỏ nhẻ.*

Gợi ý:
- Bạn Hoa tr«ng thËt *nhá nh¾n*, dÔ th¬ng.
- Bµ mÑ *nhÑ nhµng* khuyªn b¶o con.
- Lµm xong c«ng viÖc, nã thë phµo *nhÑ nhâm* nh trót ®îc g¸nh nÆng
- B¹n Hoa ¨n nãi thËt *nhá nhÎ*.

3. Dạng đề 3 điểm:

Cho các từ sau: *lộp bộp, róc rách, lênh khênh, thánh thót, khệnh khạng, ào ạt, chiễm chệ, đồ sộ, lao xao, um tùm, ngoằn ngoèo, rì rầm, nghênh ngang, nhấp nhô, chan chát, gập ghềnh, loắt choắt, vèo vèo, khùng khục, hổn hển.*

Em hãy xếp các từ trên vào 2 cột tương ứng trong bảng sau:

Từ tượng thanh	Từ tượng hình
- Lộp bộp, róc rách, thánh thót, ào ào, lao	*- Lênh khênh, khệnh khạng, chễm chệ, đồ sộ,*

xao, rì rầm, chan chát, vèo vèo, khùng khục, hổn hển	*um tùm, ngoằn ngoèo, nghêng ngang, nhấp nhô, gập ghềnh, loắt choắt.*

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. Dạng bài tập 2 điểm:

Đề 1:

a, Gạch chân các từ tượng hình trong đoạn thơ sau:

"Chú bé loắt choắt
Cái sắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghêng nghêng"

(**Tố Hữu**, *Lượm)*

b, Cho biết tác dụng của các từ tượng hình trong đoạn thơ?

***Gợi ý:**

a, Các từ tượng hình trong đoạn thơ:

- *loắt choắt, thoăn thoắt, nghêng nghêng*

b, Các từ tượng hình (*loắt choắt, thoăn thoắt, nghêng nghêng*) đã góp phần khắc hoạ một cách cụ thể và sinh động hình ảnh Lượm một chú bé liên lạc, gan dạ, dũng cảm.

Đề 2: Viết một đoạn văn ngắn (4- 5 dòng) trong đó có sử dụng: từ đơn, từ phức.

Gợi ý :

- Học sinh viết được một đoạn văn ngắn có sử dụng: từ đơn, từ phức
(Tùy sự sáng tạo của học sinh).
- Có nội dung, thể hiện một ý nghĩa, câu cú rõ ràng, trình bày khoa học.
- Gạch chân những từ: từ đơn, từ phức, đã sử dụng trong đoạn văn.

Tiết 2:

Tõ xÐt vÒ nguån gèc

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tõ mîn:

Lµ nh÷ng tõ vay mîn cña tiÕng níc ngoµi ®Ó biÓu thÞ nh÷ng sù vËt, hiÖn t-îng, ®Æc ®iÓm... mµ tiÕng ViÖt cha cã tõ thÝch hîp ®Ó biÓu thÞ.

***VÝ dô:** *Cöu Long, du kÝch, hi sinh...*

2.Từ ngữ địa phương:

Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ được sử dụng ở 1 hoặc 1 số địa phương nhất định.

*** Ví dụ:**

*" **Rứa** là hết chiều **ni** em đi mãi*
*Còn mong **chi** ngày trở lại Phước ơi!"*

(Tố Hữu - *Đi đi em)*

- 3 từ trên (*rứa, ni, chi*) chỉ được sử dụng ở miền Trung.

*Mét sè từ địa phương khác:

C¸c vïng miÒn	VÝ dô	
	Từ địa phương	Từ toàn dân
Bắc Bộ	*biu điện*	*bưu điện*
Nam Bộ	*dề, dui*	*về, vui*
Nam Trung Bộ	*béng*	*bánh*
Thừa Thiên HuÕ	*té*	*ngã*

3. Biệt ngữ xã hội:

- Biệt ngữ xã hội lµ nh÷ng tõ ng÷ chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.

*** Ví dụ:**

- Ch¸n qu¸, h«m nay m×nh ph¶i nhËn con ***ngçng*** cho bµi kiÓm tra to¸n.
- ***Tróng tñ***, h¾n nghiÔm nhiªn ®¹t ®iÓm cao nhÊt líp.

+ ***Ngỗng:*** *điểm 2*

+ ***trúng tủ:*** *đúng vào bài mình đã chuẩn bị tốt*

(Được dùng trong tầng lớp học sinh, sinh viên)

***Sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội**:

- ViÖc sö dông từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội phải phù hợp với tình huống giao tiếp .
- Trong thơ văn, tác giả có thể sử dụng một số từ ngữ thuộc 2 lớp từ này để tô đậm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội của ngôn ngữ, tính cách nhân vật.
- Muốn tránh lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội cần tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương đương để sử dụng khi cần thiết.

B. CÁC d¹ng bµi tËp

1. Dạng bài tập 1 điểm:

Đề 1: Tìm một số từ ngữ địa phương nơi em ở hoặc ở vùng khác mà em biết. Nêu từ ngữ toàn dân tương ứng?

Gợi ý

Trái - quả
Chén - bát
Mè - vừng
Thơm - dứa

Đề 2: Hãy chỉ ra các từ địa phương trong các câu thơ sau:

a, Con ra tiền tuyến xa xôi
Yêu bầm yêu nước, cả đôi mẹ hiền
b, Bác kêu con đến bên bàn,
Bác ngồi bác viết nhà sàn đơn sơ.

Gợi ý

Các từ ngữ địa phương:

a, *bầm*
b, *kêu*

2. Dạng bài tập 2 điểm:

Sưu tầm một số câu ca dao, hò và vè có sử dụng từ ngữ địa phương?

Gợi ý:

+ *Đứng bên **ni** đồng ngó bên **tê** đồng mªnh m«ng b¸t ng¸t,*
*Đứng bên **tª** đồng ngó bên **ni** đồng b¸t ng¸t mªnh m«ng.*
+ *Đường **vô** xứ Huế quanh quanh,*
Non xanh níc biÕc nh tranh ho¹ ®å.
+ *Tóc đến lưng vừa chừng em **bối***
§ể chi dài, bối rối dạ anh
+ *Dầu mà cha mẹ không dung*
*Đèn chai nhỏ nhựa, em cùng lăn **vô**.*
+ *Tay mang khăn gói sang sông*
*Mẹ kêu **khấn** tới, thương chồng **khấn** lui.*
+ ***Rứa** là hết chiều ni em đi mãi*
Còn mong chi ngày trở lại Phước ơi.

C.BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng bài tập 1 điểm:

Hãy tìm trong ca dao, tục ngữ, thơ hay truyện ngắn có sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội?

<u>Gợi ý:</u>

Ví dụ một số bài thơ của nhà thơ Tố Hữu.

Truyện ngắn "***Chiếc lược ngà"*** của Nguyễn Quang Sáng....

<u>2. Dạng bài tập 2 điểm:</u>

Em hãy viết một đoạn văn kho¶ng 5 câu có sử dụng từ ngữ địa phương ?

<u>Gợi ý:</u>

(Viết theo suy nghĩ, tù chän chñ ®Ò, đoạn văn phải có sử dụng từ ngữ địa phương)

....

Tiết 3 + 4:

Tõ xÐt vÒ nghÜa vµ hiÖn tîng chuyÓn nghÜa cña tõ

<u>A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:</u>

<u>1. NghÜa cña tõ:</u> Lµ néi dung mµ tõ biÓu thÞ.

VÝ dô: *Bµn, ghÕ, s¸ch...*

<u>2. Tõ nhiÒu nghÜa:</u> Lµ tõ mang s¾c th¸i ý nghÜa kh¸c nhau do hiÖn tîng chuyÓn nghÜa.

VÝ dô:

<u>3. HiÖn tîng chuyÓn nghÜa cña tõ:</u>

a. C¸c tõ xÐt vÒ nghÜa: Tõ ®ång nghÜa, tõ tr¸i nghÜa, tõ ®ång ©m.

* Tõ ®ång nghÜa: lµ nh÷ng tõ cïng n»m trong mét trêng nghÜa vµ ý nghÜa gièng nhau hoÆc gÇn gièng nhau.

VD: *xinh- ®Ñp, ¨n- x¬i*

- Tõ ®ång nghÜa cã thÓ chia thµnh hai lo¹i chÝnh:

+ Tõ ®ång nghÜa hoµn toµn

VD: *qu¶- tr¸i, mÑ- m¸...*

+ §ång nghÜa kh«ng hoµn toµn:

VD: *khuÊt nói- qua ®êi, chÕt- hi sinh...*

* Tõ tr¸i nghÜa: Lµ nh÷ng tõ cã nghÜa tr¸i ngîc nhau

VD: *cao- thÊp, bÐo- gÇy, xÊu- tèt...*

* Tõ ®ång ©m: Lµ nh÷ng từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau.

VD:

- Con ngựa đang đứng bỗng ***lồng*** lên.

- Mua được con chim, bạn tôi nhốt ngay vào ***lồng.***

b, CÊp ®é kh¸i qu¸t nghÜa cña tõ:

- NghÜa cña mét tõ ng÷ cã thÓ réng h¬n hoÆc hÑp h¬n nghÜa cña tõ ng÷ kh¸c.

- Mét tõ ng÷ ®îc coi lµ cã nghÜa réng khi ph¹m vi nghÜa cña tõ ng÷ ®ã bao hµm ph¹m vi nghÜa cña mét sè tõ ng÷ kh¸c.

- Mét tõ ng÷ ®îc coi lµ cã nghÜa hÑp khi ph¹m vi nghÜa cña tõ ng÷ ®ã ®îc bao hµm trong ph¹m vi nghÜa cña mét tõ ng÷ kh¸c.

- Mét tõ ng÷ cã nghÜa réng ®èi víi nh÷ng tõ ng÷ nµy, ®ång thêi cã thÓ cã nghÜa hÑp ®èi víi mét tõ ng÷ kh¸c.

VD: § *éng vËt: thó, chim, c¸*

+ Thó: voi, h¬u...

+ Chim: tu hó, s¸o....

+ C¸: c¸ r«, c¸ thu...

c, Trêng tõ vùng: Lµ tËp hîp cña nh÷ng tõ cã Ýt nhÊt mét nÐt chung vÒ nghÜa.

B. CÁC DẠNG **Bµi tËp:**

1. Dạng bài tập 1 điểm:

Đề 1: Trong đoạn thơ sau, tác giả đã chuyển các từ in đậm từ trường từ vựng nào sang trường từ vựng nào ?

Ruộng rẫy là ***chiến trường****,*
Cuốc cày là ***vũ khí****,*
Nhà nông là ***chiến sĩ****,*
Hậu phương thi đua với tiền phương.
(Hồ Chí Minh)

****Gợi ý***:

- Những từ in đậm được chuyển từ trường ***quân sự*** sang trường ***nông nghiệp***.

Đề 2: Trong hai c©u th¬ sau, tõ ***hoa*** trong ***thÒm hoa, lÖ hoa*** ®îc dïng theo nghÜa gèc hay nghÜa chuyÓn? Cã thÓ coi ®©y lµ hiÖn tîng chuyÓn nghÜa lµm xuÊt hiÖn tõ nhiÒu nghÜa ®îc kh«ng? V× sao?

“Nçi m×nh thªm tøc nçi nhµ,
ThÒm hoa mét bíc lÖ hoa mÊy hµng!”
(NguyÔn Du, *TruyÖn KiÒu*).

Gợi ý:

- Tõ ***hoa*** trong ***thÒm hoa, lÖ hoa*** ®îc dïng theo nghÜa chuyÓn.
- Tuy nhiªn kh«ng thÓ coi ®©y lµ hiÖn tîng chuyÓn nghÜa lµm xuÊt hiÖn tõ nhiÒu nghÜa, v× nghÜa chuyÓn nµy cña tõ ***hoa*** chØ lµ nghÜa chuyÓn l©m thêi, nã cha lµm thay ®æi nghÜa cña tõ, cha thÓ ®a vµo tõ ®iÓn.

2. Dạng bài tập 2 điểm:

Đề 1: *Đặt tên trường từ vựng cho mỗi dãy sau:*

a. *Lưới, nơm, câu, vó.*
b. *Tủ, giường, hòm, va li, chai, lọ.*
c. *Đá, đạp, giẫm, xéo.*
d. *Buồn, vui, phấn khởi, sợ hãi.*

***Gợi ý:**

a. Dụng cụ đánh bắt thuỷ sản.
b. Dụng cụ để đựng.
c. Hoạt động của chân.
d. Trạng thái tâm lí.

Đề 2: Các từ in đậm trong đoạn văn sau đây thuộc trường từ vựng nào ?

Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những ***hoài nghi*** *để tôi* ***khinh miệt*** *và* ***ruồng rẫy*** *mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là goá chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình* ***thương yêu*** *và lòng* ***kính mến*** *mẹ tôi lại bị những* ***rắp tâm*** *tanh bẩn xâm phạm đến…*

(*Nguyên Hồng, Những ngày thơ ấu*)

*** Gợi ý:**

Các từ “*hoài nghi, khinh miệt, ruồng rẫy, thương yêu, kính mến, rắp tâm*” : trường từ vựng “*thái độ*”

Đề 3:

Khi ngêi ta ®· ngoµi 70 xu©n th× tuæi t¸c cµng cao, søc khoÎ cµng thÊp.
(Hå ChÝ Minh, *Di chóc*)

Cho biÕt dùa trªn c¬ së nµo, tõ ***xu©n*** cã thÓ thay thÕ cho tõ ***tuæi***. ViÖc thay tõ trong c©u trªn cã t¸c dông diÔn ®¹t nh thÕ nµo?

Gợi ý:

- Dùa trªn c¬ së tõ ***xu©n*** lµ tõ chØ mét mïa xu©n trong n¨m, kho¶ng thêi gian t¬ng øng víi mét tuæi. Cã thÓ coi ®©y lµ trêng hîp lÊy bé phËn ®Ó thay thÕ cho toµn thÓ, mét h×nh thøc chuyÓn nghÜa theo ph¬ng thøc ho¸n dô.
- ViÖc thay tõ ***xu©n*** trong c©u trªn cã t¸c dông: thÓ hiÖn tinh thÇn l¹c quan cña t¸c gi¶. Ngoµi ra cßn tr¸nh ®îc viÖc lÆp l¹i tõ tuæi t¸c.

2. Dạng bài tập 3 điểm:

X¸c ®Þnh trêng tõ vùng vµ ph©n tÝch c¸i hay trong c¸ch dïng tõ ë bµi th¬ sau:

¸o ®á em ®i gi÷a phè ®«ng
C©y xanh nh cïng ¸nh theo hång
Em ®i löa ch¸y trong bao m¾t
Anh ®øng thµnh tro em biÕt kh«ng?
(Vò QuÇn Ph¬ng, ***¸o ®á***)

Gợi ý:

- C¸c tõ *(¸o) ®á, (c©y) xanh, (¸nh) hång, löa, ch¸y, tro* t¹o thµnh 2 trêng tõ vùng: trêng tõ vùng chØ mµu s¾c vµ trêng tõ vùng chØ löa vµ nh÷ng sù vËt, hiÖn tîng cã quan hÖ chÆt chÏ víi nhau.
- Mµu ¸o ®á cña c« g¸i th¾p s¸ng lªn trong ¸nh m¾t chµng trai vµ bao ngêi kh¸c ngän löa. Ngän löa ®ã lan to¶ trong con ngêi anh lµm anh say ®¾m, ng©y ngÊt *(®Õn møc cã thÓ ch¸y thµnh tro)* vµ lan ra c¶ kh«ng gian lµm nã biÕn s¾c (*c©y xanh nh cïng ¸nh theo hång*).

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng bài tập 1 điểm:

Em h·y t×m 1 sè tõ cã nhiÒu nghÜa?

Gợi ý:

- *M¾t: m¾t na, m¾t døa, m¾t mÝa ...*
- *Mòi: mòi thuyÒn, mòi kiÕm, mòi Cµ Mau...*

2. Dạng đề 2 ®iÓm

Xếp các từ *mũi, nghe, tai, thính, điếc, thơm, rõ* vào đúng trường từ vựng của nó theo bảng sau (một từ có thể xếp cả 2 trường)

***Gợi ý:**

Khứu giác	Thính giác
Mũi, thơm, điếc, thính	*Tai, nghe, điếc, rõ, thính*

....

TiÕt 5+6: MỘT SỐ PHÐp TU TỪ TỪ VỰNG

(So sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, điệp ngữ, chơi chữ, nói quá, nói giảm - nói tránh.)

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. So sánh:

- Là đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng làm tăng sức gợi hình, gơi cảm cho sự diễn đạt.

*** Cấu tạo của phép so sánh**

So sánh 4 yếu tố:
- Vế A : Đối tượng (sự vật) được so sánh.
- Bộ phận hay đặc điểm so sánh (phương diện so sánh).
- Từ so sánh.
- Vế B : Sự vật làm chuẩn so sánh.
Ta có sơ đồ sau :

Yếu tố 1	Yếu tố 2	Yếu tố 3	Yếu tố 4
Vế A (Sự vật được so sánh)	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B (Sự vật dùng để làm chuẩn so sánh)
Mặt trời *Trẻ em*	*xuống biển*	*như* *như*	*hòn lửa* *búp trên cành*

+ Trong 4 yếu tố trên đây yếu tố (1) và yếu tố (4) phải có mặt
+ Yếu tố (2) và (3) có thể vắng mặt. Khi yếu tố (2) vắng mặt người ta gọi là so sánh chìm vì phương diện so sánh (còn gọi là mặt so sánh) không lộ ra do đó sự liên tưởng rộng rãi hơn, kích thích trí tuệ và tình cảm người đọc nhiều hơn.
*** Các kiểu so sánh**
a. So sánh ngang bằng
b. So sánh hơn kém
*** Tác dụng của so sánh**
+ So sánh tạo ra những hình ảnh cụ thể sinh động. Phần lớn các phép so sánh đều lấy cái cụ thể so sánh với cái không cụ thể hoặc kém cụ thể hơn, giúp mọi người hình dung được sự vật, sự việc cần nói tới và cần miêu tả.

2. Ẩn dụ:
- Ẩn dụ là cách gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện khác có nét tương đồng quen thuộc nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
*Thấy một **mặt trời** trong lăng rất đỏ."*

Mặt trời thứ hai là hình ảnh ẩn dụ vì : lấy tên mặt trời gọi Bác. Mặt trời →Bác có sự tương đồng về công lao giá trị.
*** Các kiểu ẩn dụ**
+ Ẩn dụ hình tượng là cách gọi sự vật A bằng sự vật B.
+ Ẩn dụ cách thức là cách gọi hiện tượng A bằng hiện tượng B.
+ Ẩn dụ phẩm chất là cách lấy phẩm chất của sự vật A để chỉ phẩm chất của sự vật B.
+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. là lấy cảm giác A để chỉ cảm giác B.
***Tác dụng của ẩn dụ**
Ẩn dụ làm cho câu văn thêm giàu hình ảnh và mang tính hàm súc. Sức mạnh của ẩn dụ chính là mặt biểu cảm. Cùng một đối tượng nhưng ta có nhiều cách thức diễn đạt khác nhau. *(thuyền – biển, mận - đào, thuyền – bến, biển – bờ)* cho nên một ẩn dụ có thể dùng cho nhiều đối tượng khác nhau. ẩn dụ luôn biểu hiện những hàm ý mà phải suy ra mới hiểu. Chính vì thế mà ẩn dụ làm cho câu văn giàu hình ảnh và hàm súc, lôi cuốn người đọc người nghe.
3. Nhân hóa :
- Nhân hoá là cách gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên bằng những từ ngữ vốn được dùng đẻ gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối đồ vật, … trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ tình cảm của con người.
*** Các kiểu nhân hoá**
+ Gọi sự vật bằng những từ vốn gọi người
+ Những từ chỉ hoạt động, tính chất của con người được dùng để chỉ hoạt động, tính chất sự vật.
+ Trò chuyện tâm sự với vật như đối với người

*** Tác dụng của phép nhân hoá**

- Phép nhân hoá làm cho câu văn, bài văn thêm cụ thể, sinh động, gợi cảm ; là cho thế giới đồ vật, cây cối, con vật được gần gũi với con người hơn.

<u>4. Hoán dụ:</u>

- Gọi tên sự vật khái niệm bằng tên của một sự vật hiện tượng khái niệm khác có mối quan hệ gần gũi với nó, tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt

*** Các kiểu hoán dụ**

+ Lấy bộ phận để gọi toàn thể: Ví dụ lấy *cây bút* để chỉ *nhà văn*
+ Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng: *làng xóm* chỉ *nông dân*
+ Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật: *Hoa đào, hoa mai* để chỉ *mùa xuân*
+ Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng: *Mồ hôi* để chỉ sự *vất vả*

<u>5. Nói quá:</u>

- Biện pháp tu từ phóng đại mức độ quy mô tính chất của sự vật hiện tượng được miêu tả để gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm

<u>6. Nói giảm, nói tránh</u>

- Là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị uyển chuyển, tránh gây cảm giác đau buồn ghê sợ tránh thô tục, thiếu lịch sự

<u>7. Điệp ngữ:</u>

- Lặp lai từ ngữ kiểu câu làm nổi bật ý, gây cảm súc mạnh
- Điệp ngữ vừa để nhấn mạnh ý, tạo cho câu văn câu thơ, đoạn văn, đoạn thơ giầu âm điệu, nhịp nhàng, hoặc hào hùng mạnh mẽ

<u>8. Chơi chữ :</u>

- Lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm hài hước làm cho câu văn hấp dẫn và thú vị

*** Các lối chơi chữ** :

+ Dùng từ đồng nghĩa, dùng từ trái nghĩa
+ Dùng lối nói lái
+ Dùng lối đồng âm:
+ Chơ chữ điệp phụ âm đầu

<u>B. CÁC DẠNG BÀI TẬP</u>

<u>1. *Dạng đề 1 điểm*</u>

Em hãy xác định câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào?

"*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ."

<u>Gợi ý:</u>

Nhân hóa: *Thuyền im- bến mỏi- nằm*

Con thuyền sau một chuyến ra khơi vất vả trở về, nó mỏi mệt nằm im trên bến. Con thuyền được nhân hóa gợi cảm nói lên cuộc sống lao động vất vả, trải qua bao sóng gió thử thách. Con thuyền chính là biểu tượng đẹp của dân chài.

<u>2. *Dạng đề 2 điểm*</u>:

<u>Đề 1:</u> Xác định điệp ngữ trong bài cao dao sau

Con kiến mà leo cành đa
Leo phải cành cụt, leo ra leo vào.
Con kiến mà leo cành đào
Leo phải cành cụt, leo vào leo ra.

<u>Gợi ý</u>: Điệp một từ: *leo, cành, con kiến*

Điệp một cụm từ: *leo phải cành cụt, leo ra, leo vào.*

<u>Đề 2:</u> Vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo của những câu thơ sau:

a, Gác kinh viện sách đôi nơi
Trong gang tấc lại gấp mười quan san

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

b, Còn trời còn nước còn non
Còn cô bán rượu anh còn say sưa

(Ca dao)

<u>* Gợi ý:</u>

a, Phép nói quá: Gác Quan Âm, nơi Thuý Kiều bị Hoạn Thư bắt ra chép kinh, rất gần với phòng đọc sách của Thúc Sinh. Tuy cùng ở trong khu vườn nhà Hoạn Thư, gần nhau trong *gang tấc*, nhưng giờ đây hai người cách trở *gấp mười quan san*.

- Bằng lối nói quá , tác giả cực tả sự xa cách giữa thân phận, cảnh ngộ của Thuý Kiều và Thúc Sinh

b, Phép điệp ngữ (*còn)* và dùng từ đa nghĩa (*say sưa)*

- *Say sưa* vừa được hiểu là chàng trai vì uống nhiều rượu mà say, vừa được hiểu chàng trai say đắm vì tình.
- Nhờ cách nói đó mà chàng trai thể hiện tình cảm của mình mạnh mẽ và kín đáo.

<u>3. *Dạng đề 3 điểm*:</u>

Xác định biện pháp tu từ từ vựng trong đoạn thơ sau. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó

"*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió".

*(*Tế Hanh - *Quê hương)*

<u>Gợi ý:</u>

*** Biện pháp tu từ vựng**

+ So sánh "*chiếc thuyền"* như *"con tuấn mã"* và cánh buồm như *"mảnh hồn làng"* đã tạo nên hình ảnh độc đáo; sự vật như được thổi thêm linh hồn trở nên đẹp đẽ.

+ Cánh buồm còn được nhân hóa như một chàng trai lực lưỡng đang "rướn" tấm thân vạm vỡ chống chọi với sóng gió**.**

*** Tác dụng**

- Góp phần làm hiện rõ khung cảnh ra khơi của người dân chài lưới. Đó là một bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống của người dân vùng biển.
- Thể hiện rõ sự cảm nhận tinh tế về quê hương của Tế Hanh...
- Góp phần thể hiện rõ tình yêu quê hương sâu nặng, da diết của nhà thơ.

<u>C. BÀI TẬP VỀ NHÀ</u>

1. *Dạng đề 1- 1,5 điểm*:

Em hãy xác định những câu sau sử dụng biện pháp tu từ nào?

a. *Có tài mà cậy chi tài*
Chữ tài liền với chữ tai một vần

b. Trẻ em như búp trên cành

c. Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta

<u>Gợi ý</u>*:* a. Chơi chữ
b. So sánh
c. Nhân hóa.

<u>2. *Dạng đề 2 điểm*:</u>

<u>Đề 1:</u> Em hãy sưu tầm 2 câu thơ, văn có sử dụng phép tu từ từ vựng**,** chỉ ra thuộc phép tu từ nào?

<u>Gợi ý:</u> - Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu
- Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

- Nhân hóa: *buồn, sầu*
- Nói quá: *Mồ hôi như mưa*

Đề 2: Vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo của những câu thơ sau:

a, Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ

(Hồ Chí Minh, *Ngắm trăng*)

b, Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng

(Nguyễn Khoa Điềm, *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*

*** Gợi ý:**

a, Phép nhân hoá: nhà thơ đã nhân hoá ánh trăng, biến trăng thành người bạn tri âm, tri kỉ.
- Nhờ phép nhân hoá mà thiên nhiên trong bài thơ trở nên sống động hơn, có hồn hơn và gắn bó với con người hơn.
b, Phép ẩn dụ tu từ: từ ***mặt trời*** trong câu thơ thứ hai chỉ em bé trên lưng mẹ, đó là nguồn sống, nguồn nuôi dưỡng niềm tin của mẹ vào ngày mai.

....

CHUYÊN ĐỀ 2: NGỮ PHÁP.

Tiết 1 - 2

TỪ LOẠI TIẾNG VIỆT

A. Tóm tắt kiến thức cơ bản

1. Danh từ

a) Khái niệm: Danh từ là từ chỉ sự vật, hiện tượng, khái niệm.

b) Các loại danh từ:

- Danh từ chỉ sự vật:

+ Danh từ chung: Là những danh từ có thể dùng làm tên gọi cho một loạt sự vật cùng loại. VD: *bàn, ghế, quần, áo, sách, bút ...*

+ Danh từ riêng: Là những danh từ dùng làm tên gọi riêng cho từng cá thể, sự vật, người, địa phương, cơ quan, tổ chức. VD: *Hoàng, Trang, Hà nội, Trường THCS Ba Đình ...*

- Danh từ chỉ đơn vị:

+ Danh từ chỉ đơn vị tự nhiên (còn gọi là loại từ). VD*: cái, con, hòn, viên, tấm, bức, bọn, nhóm ...*

+ Danh từ chỉ đơn vị quy ước (Danh từ chỉ đơn vị chính xác và danh từ chỉ đơn vị ước chừng).

2. Động từ

a) Khái niệm: Động từ là những từ có ý nghĩa khái quát chỉ hành động, trạng thái của sự vật. Động từ có khả năng kết hợp với các từ *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, cứ, còn, hãy, đừng, chớ ...* và thường làm vị ngữ trong câu.

b) Các loại động từ: Động từ tình thái, động từ hành động trạng thái,

3. Tính từ

a) Khái niệm: Là những từ có ý nghĩa khái quát chỉ đặc điểm, tính chất. Tính từ có khả năng kết hợp với *đã, đang, sẽ, rất, lắm, quá*. Thường làm vị ngữ trong câu hoặc phụ ngữ trong cụm danh từ và cụm động từ.

b) Các loại tính từ: Tính từ không đi kèm các từ chỉ mức độ và tính từ có thể đi kèm các từ chỉ mức độ.

4. Số từ: Là những từ chỉ số lượng hoặc số thứ tự.

5. Đại từ là những từ dùng để thay thế cho người, sự vật, hoạt động, tính chất được nói đến hoặc dùng để hỏi. Đại từ không có nghĩa cố định, nghĩa của đại từ phụ thuộc vào nghĩa của từ ngữ mà nó thay thế.

6. Lượng từ là những từ chỉ lượng ít hay nhiều một cách khái quát.

7. Chỉ từ là những từ dùng để chỏ vào sự vật xác định sự vật theo các vị trí không gian thời gian.

8. Phó từ là những từ chuyên đi kèm để bổ sung ý nghĩa cho động từ và tính từ. Phó từ không có khả năng gọi tên các quan hệ về ý nghĩa mà nó bổ sung cho động từ và tính từ.
9. Quan hệ từ là những từ dùng nối các bộ phận của câu, các câu, các đoạn với nhau để biểu thị các quan hệ khác nhau giữa chúng.
10. Trợ từ là các từ chuyên đi kèm các từ ngữ khác để nhấn mạnh hoặc để nêu ý nghĩa đánh giá sự vật, sự việc được các từ ngữ đó biểu thị. Trợ từ không có khả năng làm thành một câu độc lập.

Ví dụ: *những, có, chính đích, ngay,...*

11. Thán từ: là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi nó được tách ra thành một câu đặc biệt.

Thán từ gồm 2 loại chính:

- Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: *a, ái, ôi, ô hay, than ôi, trời ơi,...*
- Thán từ gọi đáp: *này, ơi, vâng , dạ , ừ.*

12. Tình thái từ là những từ dùng để tạo các kiểu câu phân loại theo mục đích nói.

B. Các dạng bài tập

1. Dạng bài tập 2 điểm

Bài tập 1. Cho các câu sau:

a)*Tôi / không / lội / qua / sông / thả / diều / như / thằng / Quý / và / không / đi / ra / đồng / nô đùa / như / thằng / Sơn / nữa.*

b) Trong / chiếc / áo /vải / dù / đen / dài / tôi / cảm thấy / mình / trang trọng / và / đứng đắn.

(Thanh Tịnh – Tôi đi học)

- Xác định từ loại cho các từ trong các câu trên.
- Hãy cho ví dụ về từ loại còn thiếu trong các câu trên.

Gợi ý:

**** Xác định từ loại:***

- Danh từ: *sông, diều, thằng, Quý, thằng, Sơn, đồng, chiếc, áo, vải, dù.*
- Động từ: *lội, thả, đi, ra, nô đùa, cảm thấy.*
- Tính từ: *đen, dài, trang trọng, đứng đắn.*
- Đại từ: *tôi, mình.*
- Phó từ: *không, nữa,*
- Quan hệ từ: *qua, và, như.*

**** Ví dụ về một số từ loại còn thiếu:***

- Số từ: *hai, ba, thứ hai, thứ ba.*
- Lượng từ: *những, các, mọi, mỗi.*
- Chỉ từ: *này, kia, ấy, nọ.*
- Trợ từ: *chính đích, ngay, là, những, có.*
- Tình thái từ: *à, ư, hử, hả, thay, sao, nhé.*
- Thán từ: *ôi, ô hay, dạ, vâng, ơi.*

Bài tập 2: Hãy thêm các từ cho sau đây vào trước những từ thích hợp với chúng trong ba cột bên dưới. Cho biết mỗi từ trong ba cột đó thuộc từ loại nào?

a. *những, các, một*
b. *hãy, đã, vừa*
c. *rất, hơi, quá*

/ .../ hay	/.../ cái(lăng)	/.../đột ngột
/ .../ đọc	/.../ phục dịch	/.../ ông giáo
/.../ lần	/ .../ làng	/.../ phải
/.../ nghĩ ngợi	/.../ đập	/.../ sung sướng

*** Gợi ý**

Rất hay (TT)	*một* cái (lăng) (DT)	*rất* đột ngột (TT)
Đã đọc (ĐT)	*đã* phục dịch (ĐT)	*những* ông giáo (DT)
Một lần (DT)	*các* làng (DT)	*rất* phải (TT)

Vừa nghĩ ngợi (ĐT) *vừa* đập (ĐT) *quá* sung sướng (TT)

C. **Bài tập về nhà:**

Dạng bài tập 2 hoặc 3 điểm:

Viết một đoạn văn ngắn về chủ đề học tập trong đó có sử dụng các từ loại đã học.

Gợi ý: - Viết được đoạn văn theo đúng chủ đề.

- Trong đoạn văn có sử dụng từ 3 từ loại trở lên.

....

Tiết 3 CỤM TỪ

A. Tóm tắt kiến thức cơ bản

I. Cụm danh từ

*** Khái niệm:** là loại tổ hợp từ do danh từ và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Cụm danh từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình danh từ, nhưng hoạt động trong câu giống như một danh từ.

VD*: Một **túp lều** nát trên bờ biển.*

*** Mô hình của cụm danh từ**: Gồm có phần trước, phần trung tâm và phần sau.

- Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho danh từ các ý nghĩa về số lượng.

- Các phụ ngữ ở phần sau nêu lên đặc điểm của sự vật mà danh từ biểu thị hoặc xác định vị trí của sự vật ấy trong không gian hay thời gian.

VD: *Một chàng dế thanh niên cường tráng*.

số từ trung tâm Phụ sau

II. Cụm động từ

*** Khái niệm**: là loại tổ hợp từ do động từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình động từ, nhưng hoạt động trong câu giống như một động từ.

VD: ***Góp** cho đất nước mình núi Bút, non Nghiên.*

*** Mô hình của cụm động từ**: Gồm có phần trước, phần trung tâm và phần sau.

- Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho động từ các ý nghĩa về quan hệ thời gian, sự tiếp diễn tương tự...

- Các phụ ngữ ở phần sau bổ sung cho động từ các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, mục đích, nguyên nhân...

VD: *Chưa tìm được ngay câu trả lời*.

PT PTT Phụ sau

III. Cụm tính từ

*** Khái niệm:** là loại tổ hợp từ do tính từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành . Cụm tính từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình tính từ, nhưng hoạt động trong câu giống như một tính từ.

VD: ***Thơm** dịu ngọt cốm mới.*

*** Mô hình của cụm tính từ**: Gồm có phần trước, phần trung tâm và phần sau.

- Các phụ ngữ ở phần trước biểu thị quan hệ thời gian, sự tiếp diễn tương tự, mức độ của đặc điểm, tính chất ...

- Các phụ ngữ ở phần sau biểu thị vị trí, sự so sánh, mức độ....

VD: *Đang trẻ như một thanh niên*

PT PTT Phần sau

B. Các dạng bài tập

Dạng bài tập 2 điểm:

Bài tập 1. Tìm và phân tích các cụm từ có trong đoạn trích sau:

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã.

(**Thanh Tịnh** - *Tôi đi học)*

*** Gợi ý:**

+ *Cụm danh từ*

- *Những ý tưởng ấy.*
  PT DT PS
- *Mấy em nhỏ.*
  PT DT

+ *Cụm động từ:*

- *Chưa lần nào ghi lên giấy.*
  PT ĐT PS
- *Lần đầu tiên đi đến trường.*
  PT ĐT PS

+ *Cụm tính từ*

- *Rụt rè núp dưới nón mẹ .*
  TT PS
- *Lại tưng bừng rộn rã*
  PT TT PS

Bài tập 2 (1 điểm)

Tìm phần trung tâm của các cụm từ in đậm trong các câu sau:

a. *Nhưng những điều kì lạ là **tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó** đã nhào nặn với cái gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được ở Người.*

(**Lê Anh Trà**, *Phong cách Hồ Chí Minh*).

b. *Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh **sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.***

(**Nguyễn Quang Sáng**, *Chiếc lược ngà*)

c. *Không lời gửi của một Nguyễn Du, một Tôn - xtôi cho nhân loại **phức tạp hơn, cũng phong phú và sâu sắc hơn.***

*** Gợi ý**

a. *Nhưng những điều kì lạ là **tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó** đã nhào nặn với*
DT
cái gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được ở người.

(**Lê Anh Trà**, *Phong cách Hồ Chí Minh*).

b. *Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh **sẽ chạy xô vào lòng***
ĐT
anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.
ĐT

(**Nguyễn Quang Sáng**, *Chiếc lược ngà*)

c. *Không lời gửi của một Nguyễn Du, một Tôn - xtôi cho nhân loại **phức tạp hơn,***
TT
cũng phong phú và sâu sắc hơn.
TT

C. Bài tập về nhà:

*** Dạng bài tập 1 hoặc 2 điểm:**

Bài tập 1: Tìm trong các văn bản đã học một đoạn văn, chỉ ra các cụm từ và gạch chân các cụm từ đó.

***Gợi ý:**

- HS tìm được đoạn văn có sử dụng các cụm từ.
- Xác định đúng các cụm từ và gạch chân.

Bài tập 2. Hãy viết một đoạn văn ngắn từ 5 đến 7 câu trong đó có sử dụng các cụm từ đã học, chỉ ra và phân tích các cụm từ đó theo mô hình 3 phần.

***Gợi ý**:*

- HS viết được đoạn văn có sử dụng các cụm từ (tùy sự sáng tạo của học sinh)
- Trình bày cấu trúc đúng theo kết cấu của đoạn văn, có nội dung theo một chủ đề cụ thể cụ thể.
- Hình thức: trình bày sạch sẽ, khoa học.

....

Tiết 4 THÀNH PHẦN CÂU

A. Tóm tắt kiến thức cơ bản

I. Thành phần chính và thành phần phụ

1. Các thành phần chính.

- **Chủ ngữ**: Nêu lên sự vật, hiện tượng có đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái ... được nói đến ở vị ngữ. Chủ ngữ thường trả lời câu hỏi *ai, con gì, cái gì.*

- Vị ngữ*:* Nêu lên đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng được nói đến ở chủ ngữ, có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian. Vị ngữ thường trả lời cho câu hỏi *làm gì, như thế nào, là gì, ...*

2. Các thành phần phụ.

- Trạng ngữ là thành phần nêu lên hoàn cảnh, thời gian, không gin, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức của sự việc được diễn đạt trong câu.

- Khởi ngữ: Là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu. Trước khởi ngữ, thường có thể thêm các quan hệ từ ***về, đối với.***

II. Các thành phần biệt lập.

1. Thành phần tình thái: được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

* Những yếu tố tình thái gắn với độ tin cậy của sự việc được nói đến, như:

- *chắc chắn, chắc hẳn, chắc là,...* (chỉ độ in cậy cao).
- *hình như, dường như, hầu như, có vẻ như,....* (chỉ độ tin cậy thấp)

VD: *Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ vừa lắc đầu cười.* ***Có lẽ*** *vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.*

* Những yếu tố tình thái gắn với ý kiến của người nói, như:

- *theo tôi, ý ông ấy, theo anh*

* Những yếu tố tình thái chỉ thái độ của người nói đối với người nghe, như:

- *à, ạ, a, hả, hử, nhé, nhỉ, đây, đấy...* (đứng cuối câu).

VD: *Mời u xơi khoai đi* ***ạ!*** (Ngô Tất Tố)

2. Thành phần cảm thán: được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận,...).

VD: ***Trời ơi!*** *Chỉ còn có năm phút.*

3. Thành phần gọi – đáp: được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.

VD:

- ***Bác ơi****, cho cháu hỏi chợ Đông Ba ở đâu?*
- ***Vâng,*** *mời bác và cô lên chơi*

(**Nguyễn Thành Long**, *Lặng lẽ Sa Pa*)

4. Thành phần phụ chú: được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu. Thành phần phụ chú thường đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn hoặc giữa một dấu gạch ngang với một đấu phẩy. Nhiều khi thành phần phụ chú còn được đặt sau dấu hai chấm.

VD: *Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh-* ***và cũng là đứa con duy nhất của anh****, chưa đầy một tuổi*

(Nguyễn Quang Sáng, *Chiếc lược ngà*)

- Các thành phần tình thái, cảm thán, gọi- đáp, phụ chú là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập.

B. Các dạng bài tập

*** Dạng bài tập 2 điểm:**

Bài tập 1. Chỉ ra các thành phần câu trong mỗi câu sau:

a*) Nửa tiếng đồng hồ sau, chị Thao chui vào hang.*

(Lê Minh Khuê – Những ngôi sao xa xôi)

b) *Tác giả thay mặt cho đồng bào miền Nam – những người con ở xa bày tỏ niềm tiếc thương vô hạn.*

c) Thế à, cảm ơn các bạn!

(**Lê Minh Khuê** – Những ngôi sao xa xôi)

d) Này ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn.

*(**Nam Cao** – Lão Hạc)*

***Gợi ý:**

a*) Nửa tiếng đồng hồ sau, chị Thao chui vào hang.*

TN CN VN

(**Lê Minh Khuê** – Những ngôi sao xa xôi)

b) *Tác giả thay mặt cho đồng bào miền Nam – **những người con ở xa** - bày tỏ*

TPPC

niềm tiếc thương vô hạn.

*c) **Thế à**, cảm ơn các bạn!*

CT

(**Lê Minh Khuê** – Những ngôi sao xa xôi)

*d) **Này**! ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn.*

TT *(**Nam Cao** – Lão Hạc)*

Bài tập 2 : Tìm các thành phần tình thái, cảm thán trong những câu sau đây :

a, *Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê rợn hơn cả những tiếng kia nhiều.*

(**Kim Lân,** *Làng*)

b, *Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài.*

(**Nguyễn Thành Long**, *Lặng lẽ Sa Pa)*

c, *Ông lão bỗng ngừng lại ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được.*

(**Kim Lân,** *Làng*)

Gợi ý:

a, Thành phần tình thái: *có lẽ*

b, Thành phần cảm thán: *Chao ôi*

c, Thành phần tình thái: *Chả nhẽ*

C. Bài tập về nhà:

*** Dạng bài tập 1 hoặc 2 điểm:**

Bài tập 1: Đặt 2 câu và xác định các thành phần trong câu đó.

*** Gợi ý:**

a) *Chim hót chào bình minh.*

CN VN

b) *Qua mùa đông, cây bàng trụi không còn một lá.*

TN CN VN

Bài tập 2: Xác định thành phần phụ chú, thành phần khởi ngữ trong các ví dụ sau:

a, *Thế rồi bỗng một hôm, chắc rằng hai cậu bàn cãi mãi, hai cậu chợt nghĩ kế rủ Oanh chung tiền mở cái trường*

(**Nam Cao)**

b) Lan - bạn thân của tôi - học giỏi nhất lớp.

c. Nhìn cảnh ấy mọi người đều chảy nước mắt, còn tôi, tôi cảm thấy như có ai đang bóp nghẹt tim tôi.

(Nguyễn Quang Sáng - *Chiếc lược ngà)*

d. Kẹo đây, con lấy mà chia cho em.

<u>* Gợi ý:</u>

- Thành phần phụ chú: a) *chắc rằng hai cậu bàn cãi mãi*

b) *bạn thân của tôi*

- Thành phần khởi ngữ: c) *còn tôi,*

d) *kẹo đây*

*** Dạng bài tập 3 điểm**

Viết một đoạn văn ngắn nói về cảm xúc của em khi đọc xong một tác phẩm văn học, trong đó có chứa thành phần tình thái hoặc cảm thán.

***Gợi ý:**

- HS viết được đoạn văn có sử dụng thành phần tình thái hoặc cảm thán (tùy sự sáng tạo của học sinh)
- Trình bày cấu trúc đúng theo kết cấu của đoạn văn, có nội dung theo một tác phẩm cụ thể.
- Hình thức: trình bày sạch sẽ, khoa học.

....

Tiết 5 - 6. CÁC KIỂU CÂU

<u>A. Tóm tắt kiến thức cơ bản</u>

<u>I. Câu đơn</u>

**** Khái niệm*** : Câu đơn là câu có một cụm C-V là nòng cốt.

VD: *<u>Ta</u> <u>hát bài ca tuổi xanh</u>*.

C V

<u>II. Câu đặc biệt</u>

**** Khái niệm***: Là câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ, câu đặc biệt có cấu tạo là một từ hoặc cụm từ làm trung tâm cú pháp của câu.

VD: *Gió. Mưa. Não nùng.*

<u>III. Câu ghép</u>

1. Đặc điểm của câu ghép

- Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C – V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C – V được gọi là một vế câu.

VD: *<u>Gió</u> <u>càng thổi mạnh</u> thì <u>biển</u> <u>càng nổi sóng</u>*

C V C V

2. Cách nối các vế câu ghép.

* Có hai cách nối các vế câu:

- Dùng các từ có tác dụng nối:

+ Nối bằng một quan hệ từ: *và, rồi, nhưng, còn, vì, bởi vì, do, bởi, tại ….*

+ Nối bằng một cặp quan hệ từ: *vì … nên (cho nên) …., nếu … thì …; tuy ... nhưng ...*

+ Nối bằng một cặp phó từ (*vừa … vừa ..; càng … càng …; không những … mà còn …; chưa … đã …; vừa mới … đã …*), đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp từ hô ứng) (*ai …nấy, gì … ấy, đâu … đấy, nào…. ấy, sao … vậy, bao nhiêu ….bấy nhiêu)*

- *Không dùng từ nối*: Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.

3. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu.

- Những quan hệ thường gặp: *quan hệ nguyên nhân, quan hệ điều kiện (giả thiết), quan hệ tương phản, quan hệ tăng tiến, quan hệ lựa chọn, quan hệ bổ sung, quan hệ tiếp nối, quan hệ đồng thời, quan hệ giải thích.*

- Mỗi quan hệ thường được đánh dấu bằng những quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định. Tuy nhiên, để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, trong nhiều trường hợp, ta phải dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.

III. Biến đổi câu.

1. Rút gọn câu.

- Khi nói hoặc viết có thể lược bỏ một số thành phần của câu tạo thành câu rút gọn.
- Câu rút gọn còn được dùng để ngụ ý rằng hành động, tính chất được nêu trong câu là của chung mọi người.

-VD: *Học, học nữa, học mãi*. (Lê-nin)

2. Tách câu.

- Khi sử dụng câu, để nhấn mạnh người ta có thể tách một thành phần nào đó của câu (hoặc một vế câu) thành một câu riêng.
- VD: *Đơn vị thường ra đường vào lúc mặt trời lặn. Và làm việc có khi suốt đêm.*

(Lê Minh Khuê - *Những ngôi sao xa xôi)*

3. Câu bị động.

- Là câu có chủ ngữ chỉ đối tượng bị hành động nêu ở vị ngữ hướng tới.
- VD: *Thầy giáo khen Nam*. (Câu chủ động)

Nam được thầy giáo khen. (Câu bị động)

B. Các dạng bài tập

*** Dạng bài tập 1 điểm:**

Bài tập 1.

Các câu sau gồm mấy cụm C – V, chúng có phải là câu ghép không?

a) *Bác trai đã khá rồi chứ ?*

(**Ngô Tất Tố**, Tắt đèn)

b) *Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt!*

(Nam Cao, Lão Hạc)

c) *Nắng ấm, sân rộng và sạch.*

d) *... Bà ta thương tình toan gọi hỏi xem sao thì mẹ tôi vội quay đi, lấy nón che.*

(**Nguyên Hồng**, Những ngày thơ ấu)

Gợi ý

a) Bác trai (C) đã khá rồi chứ (V) ? => ***Câu đơn***

b) Lão (C) hãy yên lòng mà nhắm mắt (V)! => ***Câu ghép***

c) Nắng (C) ấm (V), / sân (C) rộng và sạch (V). => ***Câu ghép***

d) … Bà ta (**C**) thương tình toan gọi hỏi xem sao (**V**) thì mẹ tôi (**C**) vội quay đi, lấy nón che (**V**).

=> ***Câu ghép***

Bài tập 2.

Trong những câu sau, câu nào là câu ghép? Các vế trong câu ghép đó được nối với nhau bằng những phương tiện nào?

a) Cây non vừa trồi, lá đã xòa sát mặt đất.

(Nguyễn Thái Vận)

b) Tôi nói "nghe đâu" vì tôi thấy người ta bắn tin rằng mẹ và em tôi xoay ra sống bằng cách đó.

(Nguyên Hồng, Những ngày thơ ấu)

c) Hổ đực mừng rỡ đùa giỡn với con, còn hổ cái thì nằm phục xuống, dáng mỏi mệt lắm.

(Con hổ có nghĩa)

d) Trời chưa sáng, nó đã dậy.

Gợi ý:

a) Câu ghép có các vế câu nối với nhau bằng *dấu phẩy.*

b) Câu ghép có các vế câu nối với nhau bằng quan hệ từ *vì.*

c) Câu ghép có các vế câu nối với nhau bằng quan hệ từ *còn.*

d) Câu ghép có các vế câu nối với nhau bằng cặp phó từ *chưa … đã*

<u>* Dạng bài tập 2 điểm</u>.

<u>Bài tập 1</u>. *Cho biết các mối quan hệ giữa các vế của những câu ghép dưới đây:*

a) *Giá như nó nghe tôi thì đâu đến nỗi phải nghỉ học.*

b) *Tôi đọc sách, còn nó nấu cơm.*

c) *Để phong trào thi đua của lớp ngày một tiến bộ thì chúng ta phải cố gắng hơn.*

d) *Trời càng mưa to đường càng ngập nước.*

Gợi ý:

a) Quan hệ điều kiện (giả thiết) – hệ quả.

b) Quan hệ tương phản.

c) Quan hệ mục đích.

d) Quan hệ tăng tiến.

<u>Bài tập 2</u>. Trong số những câu dưới đây câu nào là câu tỉnh lược, câu nào là câu đặc biệt:

- Một người qua đường đuổi theo nó. Hai người qua đường đuổi theo nó. Rồi ba bốn người, sáu bảy người. Rồi hàng chục người.

(Nguyễn Công Hoan)

***-** Đình chiến. Các anh bộ đội đội nón lưới có gắn sao kéo về đầy nhà Út.*

(Nguyễn Thi)

*** Gợi ý:**

- Câu tỉnh lược: **+** *Rồi ba bốn người, sáu bảy người.*

+ Rồi hàng chục người.

- Câu đơn đặc biệt*: *Đình chiến.

<u>Bài tập 3</u>. Tìm câu bị động trong phần trích sau:

Con mèo nhà em bị con chó nhà hàng xóm cắn. Nó đau lắm nhưng không hề rên một tiếng.

*** <u>Gợi ý:</u> *Câu bị động*:** *Con mèo nhà em bị con chó nhà hàng xóm cắn.*

<u>III. Bài tập về nhà.</u>

**** Dạng bài tập 2 điểm***

<u>Bài tập 1</u>: *Viết một đoạn văn ngắn về một trong các đề tài sau (trong đoạn văn có sử dụng ít nhất là một câu ghép).*

a/ Thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông

b/ Tác dụng của việc lập dàn ý trước khi viết bài tập làm văn

<u>Gợi ý</u> :

Bước 1: lựa chọn đề tài .
Bước 2 : xác định cấu trúc đoạn văn (Quy nạp , diễn dịch, song hành…)
Bước 3 : viết các câu văn
Bước 4 : kiểm tra tính liên kết của đoạn văn
Bước 5 : gạch chân câu ghép đã sử dụng trong đoạn văn

**** Với đề tài (a):*** Muốn tạo câu ghép, có thể dựa vào tính chất tiện lợi nhưng cũng có nhiều tác hại của bao bì ni lông hoặc cách sử dụng bao bì ni lông để tạo câu ghép với cặp từ "*tuy…. nhưng…*", hoặc "*nếu….. thì …*

**** Chọn câu ghép có quan hệ điều kiện, nguyên nhân để viết: (cả đề tài a và b)***

VD: - *Nếu chúng ta sử dụng bao bì ni lông đúng cách thì môi trường sẽ không bị ô nhiễm.*

- Nếu chúng ta thực hiện lập dàn ý trước khi viết bài tập làm văn thì bài văn sẽ mạch lạc và đủ ý.

<u>Bài tập 2</u>. Đọc đọc trích dưới đây và trả lời câu hỏi:

Chị Dậu càng tỏ ra bộ đau đớn:

- Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u. Nếu con chưa đi, cụ Nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được. Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u thì con đi ngay bây giờ cho u.

(**Ngô Tất Tố**, Tắt đèn)

a) Quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép thứ hai là quan hệ gì? Có nên tách mỗi vế câu thành một câu đơn không? Vì sao?

b) Thử tách mỗi vế trong câu ghép thứ nhất và thứ ba thành một câu đơn. So sánh cách viết ấy với cách viết trong đoạn trích, qua mỗi cách viết, em hình dung nhân vật nói như thế nào?

<u>Gợi ý:</u>

a) Quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép thứ hai là quan hệ điều kiện. Để thể hiện rõ mối quan hệ này, không nên tách mỗi vế câu thành một câu đơn.

b) Trong các câu ghép còn lại, nếu tách các vế câu thành một câu đơn thì hàng loạt câu ngắn đứng cạnh nhau như vậy có thể giup ta hình dung là nhân vật nói nhát gừng hoặc nghẹn ngào. Trong khi đó cách viết của Ngô Tất Tố gợi ra cách nói kể lể, van vỉ thiết tha của chị Dậu.

....

PHẦN II. LÀM VĂN

.

CHUYÊN ĐỀ 1: VĂN TỰ SỰ

Tiết 1+2+3:

CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TRONG VĂN TỰ SỰ

<u>A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN</u>

- Khái niệm tự sự: là trình bày một chuỗi các sự việc, từ sự việc này dẫn đến sự việc kia và dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.

- Tóm tắt văn bản tự sự là dùng lời văn của mình trình bày một cách ngắn gọn nội dung chính (sự việc tiêu biểu và nhân vật quan trọng) của văn bản đó.

- Cần đọc kĩ đề, hiểu đúng chủ đề văn bản, xác định nội dung cần tóm tắt; sắp xếp các nội dung ấy theo một thứ tự hợp lí sau đó viết thành một văn bản tóm tắt.

- Trong văn bản tự sự, sự miêu tả cụ thể chi tiết về cảnh vật, nhân vật và sự việc có tác dụng làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm. Qua đó, giúp học sinh thấy được vai trò của yếu tố miêu tả hành động, sự việc, cảnh vật và con người trong văn bản tự sự.

- Nghị luận là nêu lý lẽ, dẫn chứng để bảo vệ một quan điểm, tư tưởng (luận điểm) nào đó.

- Vai trò, ý nghĩa của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự: để người đọc, người nghe phải suy ngẫm về một vấn đề nào đó.

- Phương thức nghị luận: dùng lý lẽ, lô gích, phán đoán... nhằm làm sáng tỏ một ý kiến, một quan điểm, tư tưởng nào đó.

- Dấu hiệu và đặc điểm của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự:

+ Nghị luận thực chất là các cuộc đối thoại (đối thoại với người hoặc với chính mình)

+Dùng nhiều câu khẳng dịnh và phủ định, câu có tác dụng mệnh đề hô ứng như: *nếu...thì, chẳng những....mà còn....*

+ Dùng nhiều từ có tính chất lập luận như: *tại sao, thật vậy, tuy thế...*

- Đối thoại, độc thoai, độc thoại nội tâm là những hình thức quan trọng để thể hiện nhân vật trong văn bản tự sự.

+ Đối thoại là hình thức đối đáp, trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người. Trong văn bản tự sự, đối thoại được thể hiện bằng cách gạch đầu dòng ở đầu lời trao và lời đáp (mỗi lượt lời là một lần gạch đầu dòng)

+ Độc thoại là lời của một người nào đó nói với chính mình hoặc nói với một ai đó trong tưởng tượng. Trong văn bản tự sự, khi người độc thoại nói thành lời thì phía trước câu nói có gạch đầu dòng; còn khi không thành lời thi không có gạch đầu dòng.

B. CÁC DẠNG ĐỀ

I. Dạng đề từ 2 đến 3 điểm

Đề 1: *Tóm tắt một câu chuyện xảy ra trong cuộc sống mà em đã được nghe kể hoặc đã được chứng kiến.*

***Gợi ý:**

1***. Mở đoạn:*** giới thiệu khái quát về câu chuyện kể đó: Ở đâu? Khi nào? Có những ai tham gia?

2. Thân đoạn: Trình bày nội dung của câu chuyện:

- Nguyên nhân dẫn đến sự việc trong câu chuyện đó?

- Sự việc đó diễn ra như thế nào?

- Kết cục của sự việc đó ra sao?

- Sự việc đó có ý nghĩa như thế nào đối với em?

3. Kết đoạn:

- Suy nghĩ của em về sự việc đó. Liên hệ bản thân.

Đề 2:

Hãy tóm tắt truyện ngắn "Chiếc lược ngà" (Nguyễn Quang Sáng) bằng một đoạn văn (từ 10 đến 12 dòng)

*** Gợi ý:**

- Trước khi chuẩn bị đi tập kết, anh Ba cùng anh Sáu về thăm gia đình, nhưng suốt ba ngày đêm ở nhà, bé Thu, con gái anh nhất định không chịu nhận anh Sáu là ba của mình. Mặc dù anh đã tìm hết cách để chứng minh. Khi biết sự thật thì đã tới lúc anh Sáu phải lên đường. Ở khu căn cứ, anh dồn hết sức làm chiếc lược ngà tặng con gái. Nhưng trong một trận càn, anh đã hi sinh. Trước lúc nhắm mắt, anh còn kịp trao cây lược cho người bạn, với lời hứa sẽ trao tận tay cho bé Thu.

Đề 3: *Xác định yếu tố nghị luận trong đoạn văn sau:*

Một học sinh xấu tính

Trong lớp chúng tôi có một đứa rất khó chịu, đó là Phran-ti. Tôi ghét thằng này vì nó là một đứa rất xấu bụng. Khi thấy một ông bố nào đấy đến nhờ thấy giáo khiển trách con mình là nó mừng rỡ. Khi có người khóc là nó cười. Nó run sợ trước mặt Ga-rô-nê, nhưng lại đánh cậu bé thợ nề không đủ sức tự vệ. Nó hành hạ Grốt-xi, cậu bé bị liệt một cánh tay, chế giễu Prê- cốt-xi mà mọi người đều nể, nhạo báng cả Rô- bét- ti, cậu học sinh lớp hai đi phải chống nạng vì đã cứu một em bé. Nó khiêu khích những người yếu nhất, và khi đánh nhau thì nó hăng máu, trở nên hung tợn, cố chơi những miếng rất hiểm độc.

Có một cái gì làm cho người ta ghê tởm ở cái trán thấp ấy, trong cái nhìn vẩn đục ấy, được che giấu dưới cái mũ có lưỡi trai bằng vải dầu [...]. Sách, vở, sổ tay của nó đều giây mực bê bết rách nát và bẩn thỉu; thước kẻ thì như có răng cưa, ngòi bút thì toè ra, móng tay thì cắn bằng mồm, quần áo thì bị rách tứ tung trong những lúc đánh nhau...

(***Ét- môn-đô-đơ- A-mi-xi***, ***Những tấm lòng cao cả)***

Gợi ý:

- Yếu tố nghị luận: chứng minh

- Vấn đề nghị luận: những thói xấu của Phran-ti

- Chứng minh vấn đề: lần lượt nêu ra các ví dụ cụ thể biểu hiện những thói xấu của Phran-ti: từ tâm lý, tính cách, ngôn ngữ, hành động... đến ăn mặc, quần áo, sách vở.

II. Dạng đề từ 5 đến 7 điểm

Đề 1: *Tóm tắt văn bản: "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ.*

Gợi ý: Các sự việc chính trong truyện để viết thành văn bản như sau:

- Xưa có chàng Trương Sinh cùng vợ là Vũ Nương sống với nhau rất hạnh phúc.

- Giặc đến,triều đình kêu gọi thanh niên trai tráng trong làng đi lính. Trương Sinh bị bắt đi lính.

- Vũ Nương ở nhà chăm sóc mẹ già, nuôi dưỡng con nhỏ và ngày ngày ngóng trông tin tức của chồng.

- Giặc tan, Trương Sinh trở về nghe lời con nhỏ nghi vợ mình không chung thuỷ.

- Vũ Nương bị oan, gieo mình xuống sông hoàng Giang để tự vẫn

- Một đêm Trương Sinh cùng con trai ngồi bên đèn, đứa con chỉ chiếc bóng trên tường và nói đó chính là người hay tới đêm đêm.

- Chàng Trương hiểu ra rằng vợ mình bị oan.

- Phan Lang tình cờ gặp Vũ Nương dưới thuỷ cung.

- Khi Phan Lang được trở về trần gian, Vũ Nương giữ chiếc hoa vàng cùng lời nhắn cho Trương Sinh.

- Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang, Vũ Nương trở về ngồi trên chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, lúc ẩn, lúc hiện

Đề 2: *Dựa vào đoạn trích cảnh ngày xuân hãy viết một bài văn kể về việc chị em Thúy Kiều đi chơi xuân trong tiết thanh minh. Trong khi kể chú ý vận dụng miêu tả cảnh ngày xuân*

**** Gợi ý:***

a. Mở bài

- Giới thiệu sơ lược về gia cảnh Vương viên ngoại.

- Cú ba người con: Thúy Kiều, Thúy Vân, Vương Quan.

- Nhân tiết thanh minh, ba chị em rủ nhau đi chơi xuân.

b. Thân bài:

* Quang cảnh ngày xuân:

- Tiết thanh minh vào đầu tháng ba (âm lịch), khí trời mưa xuân mát mẻ, trong lành, hoa cỏ tốt tươi, chim chao liệng trên bầu trời quang đãng.

- Khung cảnh rộn ràng tấp nập, ngựa xe như nước, tài tử, giai nhân dập dìu chen vai sát cánh...

- Nhà nhà lo tảo mộ cũng bởi ... sự giao hòa giữa người sống và người chết diễn ra trong không khí thiêng liêng.

* Cuộc du xuân của chị em Thúy Kiều.

- Ba chị em vui vẻ hòa vào dòng người đi trẩy hội.

- Lần đầu tiên được đi chơi xa, tâm trạng ai cũng náo nức, hân hoan...

- Chiều tà, người đó vón, cảnh vật gợi buồn.

"Nao nao dòng nước uốn quanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang
...
Chị em thơ thẩn dan tay ra về"

c. Kết bài:

- Tâm trạng Thúy Kiều vui buồn bâng khuâng khó tả.

- Vương Quan giục hai chị em rảo bước bởi đường về còn xa.

Đề 3: *Hãy kể về một người bạn mà em yêu quý.*

Gợi ý dàn bài:

**** Mở bài:***

- Giới thiệu người bạn (tên, tuổi, học ở trường nào...) và tình cảm của em đối với bạn.

**** Thân bài:*** Kể về người bạn mà em yêu quý (kết hợp miêu tả, biểu cảm, nghị luận)

(Nghị luận: lý do mà mình yêu quý bạn: có thể là bạn ngoan, học giỏi, hay giúp đỡ bạn bè....)

**** Kết bài:*** khẳng định lại tình bạn, mong muốn....

C.BÀI TẬP VỀ NHÀ:

I. Dạng đề từ 2 đến 3 điểm:

Đề 1: *Hãy tóm tắt truyện ngắn "Chiếc lược ngà" (Nguyễn Quang Sáng) bằng một đoạn văn (từ 10 đến 12 dòng)*

*** Gợi ý:**

- Trước khi chuẩn bị đi tập kết, anh Ba cùng anh Sáu về thăm gia đình, nhưng suốt ba ngày đêm ở nhà, bé Thu, con gái anh nhất định không chịu nhận anh Sáu là ba của mình. Mặc dù anh đã tìm hết cách để chứng minh. Khi biết sự thật thì đã tới lúc anh Sáu phải lên đường. ở khu căn cứ, anh dồn hết sức làm chiếc lược ngà tặng con gái. Nhưng trong một trận càn, anh đã hi sinh. Trước lúc nhắm mắt, anh còn kịp trao cây lược cho người bạn, với lời hứa sẽ trao tận tay cho bé Thu.

Đề 2: *Tìm yếu tố tả người và tả cảnh trong hai đoạn trích "Chị em Thúy Kiều và Cảnh ngày xuân" (Nguyễn Du)*

**** Gợi ý:***

+ Tả người: " Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da
Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh"

+ Tả cảnh:

"Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa"

"Tà tà bóng ngả về tây

Chị em thơ thẩn đan tay ra về"

Đề 3: *Viết một đoạn văn (từ 15 đến 20 dòng) kể về một việc tốt mà em đã làm, trong đó có sử dụng yếu tố nghị luận.*

Gợi ý:

**** Mở đoạn:***

- Giới thiệu hoàn cảnh làm được việc tốt, việc tốt đó là gì? cảm xúc của em khi làm được việc tốt.

**** Thân đoạn:*** kể về việc tốt mà em đã làm (có thể là: giúp đỡ một bà cụ qua đường, một bạn học sinh nghèo trong lớp...)

(nghị luận: ý nghĩa của việc tốt mình đã làm)

**** Kết đoạn:***

- Khẳng định sự cần thiết và ý nghĩa to lớn của những việc làm tốt trong đời sống, xã hội.

II. Dạng đề từ 5 đến 7 điểm:

Đề 1: *Hãy kể một kỉ niệm về thầy (hay cô giáo cũ) mà em nhớ mãi.*

**** Gợi ý***:

** Mở bài*:

- Giới thiệu chung: Hoàn cảnh để nhớ lại kỉ niệm về thầy (cô) giáo cũ.

** Thân bài:*

- Kể về kỉ niệm gắn bó với thầy, cô.(Kết hợp miêu tả ngoại hình, tính cách...) của thầy, cô

** Kết bài:*

- Cảm nghĩ của em về những kỉ niệm đó

Đề 2: *Hãy kể về một người thân yêu gần gũi nhất với em.*

*** Gợi ý dàn bài:**

**** Mở bài***: giới thiệu về người thân (tên tuổi, nghề nghiệp, tình cảm của mình với người thân...)

**** Thân bài:*** kể chuyện về người thân (có thể chọn kể về công việc, sở thích, tính cách của người thân...)

(Nghị luận: tình cảm của mình với người thân và ngược lại)

**** Kết bài:*** khẳng định lại tình cảm của mình với người thân.

Đề 3: *Hãy kể lại tình đồng chí, đồng đội của những người lính trong bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu.*

*** Gợi ý dàn bài:**

**** Mở bài:***

Giới thiệu hoàn cảnh tiếp xúc bài thơ " Đồng chí" và tình đồng chí đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng trong kháng chiến chống Pháp nói chung, trong bài thơ nói riêng.

**** Thân bài:***

- Kể về tình đồng chí đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính trong bài thơ:

+ Những người lính trong bài thơ họ đều xuất thân từ nông dân, từ những vùng quê nghèo.

+ Họ cùng chung mục đích, lý tưởng, chung nhiệm vụ.

+ Họ cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau.

+ Họ cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính

+ Tình cảm gắn bó sâu nặng giữa những người lính.

+ Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ giữa cảnh rừng hoang mùa đông, sương muối gió rét.

**** Kết bài***: Khẳng định vẻ đẹp bình dị mà cao cả của người lính cách mạng cụ thể là hình ảnh anh bộ đội hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Suy nghĩ của bản thân về những người lính cách mạng...

....

CHUYÊN ĐỀ 2: VĂN NGHỊ LUẬN

Tiết 1+ 2: CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC.

- Văn nghị luận là đưa ra các lý lẽ dẫn chứng để bảo vệ hoặc làm sáng tỏ một quan điểm, tư tưởng (luận điểm) nào đó.

- Một bài văn nghị luận đều phải có luận điểm, luận cứ và lập luận. Trong một văn có thể có một luận điểm chính và các luận điểm phụ.

+ Luận điểm: Là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định (hay phủ định), được diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu, nhất quán. Luận điểm là linh hồn của bài viết, nó thống nhất các đoạn văn thành một khối. Luận điểm phải đúng đắn, chân thật, đáp ứng nhu cầu thực tế thì mới có sức thuyết phục.

+Luận cứ: là lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm. Luận cứ phải chân thật, đúng đắn, tiêu biểu thì mới khiến cho luận điểm có sức thuyết phục.

+ Lập luận là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm. Lập luận phải chặt chẽ, hợp lí thì bài văn mới có sức thuyết phục.

** Các dạng nghị luận ở lớp 9.*

- Nghị luận xã hội:

  + Nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống.

  + Nghị luận về một tư tưởng đạo lý.

- Nghị luận văn học:

+ Nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

+ Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

- Văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen hay đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ.

** Yêu cầu chung của bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống.*

- Bài nghị luận phải nêu được sự việc, hiện tượng có vấn đề. Phân tích mặt đúng, mặt sai, nguyên nhân và bày tỏ thái độ của người viết.

- Hình thức phải có bố cục mạch lạc, rõ ràng, luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, lập luận phù hợp.

** Cách làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống.*

- Muốn làm tốt bài văn phải tuõn theo các bước sau:

+ Đọc kĩ đề (tìm hiểu đề).

+ Phân tích sự việc, hiện tượng đó để tìm ý.

+ Lập dàn ý.

+ Đọc bài và sửa chữa.

B. CÁC DẠNG ĐỀ.

***1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm*.**

Đề 1.

Cho các đề sau:

1. Trong trường, trong lớp em có nhiều tấm gương học sinh nghèo vượt khó học giỏi. Em hãy trình bày một trong những tấm gương đó và nêu lên suy nghĩ của mình.

2. Hiện nay có tình trạng nhiều bạn học sinh mải chơi trò chơi điện tử, sao nhãng việc học hành.Em có thái độ như thế nào trước hiện tượng đó.

3. Trường em vừa phát động phong trào xây dựng quỹ "Ba đủ " giúp đỡ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Em có suy nghĩ gì về việc này.

Em hãy so sánh chỉ ra điểm giống và khác nhau trong các đề?

Gợi ý:

* Giống nhau:

- Thể loại đều là văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống.

- Các đề yêu cầu người viết phải trình bày được quan điểm, tư tưởng, thái độ của mình đối với vấn đề đặt ra.

* Khác nhau:

- Đề 1 và đề 3 đưa ra những nhận xét, suy nghĩ về những việc làm tốt đáng biểu dương, nhân rộng điển hình.

- Đề 2 cần có thái độ dứt khoát lên án, tuyên truyền loại bỏ hiện tượng xấu.

Đề 2.

Tìm hiểu đề và luËn ®iÓm cho đề sau: *Hút thuốc lá có hại cho sức khoẻ.*

Gợi ý:

- Thể loại: Nghị luận về một sự việc hiện tượng trong đời sống đó là vấn đề hút thuốc lá.

- Nội dung: Phải nêu bật hút thuốc lá là hiện tượng đáng chê, cần tuyên truyền đến mọi người hiểu được tác hại của thuốc lá để có một môi trường trong lành không khói thuốc.

- Yêu cầu học sinh tìm ra các luËn ®iÓm sau:

+ Chỉ ra nguyên nhân, biểu hiện của hiện tượng đó.

+ Trình bày được các tác hại, hậu quả của thuốc lá đối với sức khoẻ người hút và sức khoẻ cộng đồng.

+ Bày tỏ thái độ và tuyên truyền đến mọi người.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm.

Đề 1.

Em hãy viết bài nghị luận tuyên truyền đến mọi người từ bỏ thuốc lá vì sức khoẻ cộng đồng.

Dàn bài:

* Mở bài.

- Giới thiệu thực trạng của hiện tượng hút thuốc lá trong xã hội hiện nay.

* Thân bài.

- Chỉ ra các nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả, tác hại của việc hút thuốc lá (lấy dẫn chứng tiêu biểu minh hoạ, thuyết phục).

+ Ảnh hưởng tới sức khoẻ của mỗi cá nhân người hút thuốc sinh ra các căn bệnh hiểm nghèo. Ảnh hưởng tới những người xung quanh, sức khoẻ cộng đồng và vấn đề giống nòi.

+ Ảnh hưởng xấu tới môi trường sống.

+ Gây tốn kém tiền bạc cho người hút thuốc lá.

- Ảnh hưởng tác động của thuốc lá đến lứa tuổi thanh thiếu niên như thế nào ?

- Thái độ và hành động của thế giới, cả nước nói chung và của học sinh chúng ta nói riêng ra sao?

* Kết bài.

- Lời kêu gọi hãy vì sức khoẻ cộng đồng và vì một môi trường không có khói thuốc lá.

- Liên hệ bản thân và rút ra bài học kĩ năng sống .

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ.

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm.

<u>Đề 1</u>.

Hãy viết một đoạn văn ngắn(từ 15 đến 20 dòng) về một sự việc, hiện tượng đáng phê phán ở địa phương em.

Gợi ý:

- HS xác định những sự việc, hiện tượng nổi bật, nóng bỏng ở địa phương mình như: Vấn đề rác thải, ô nhiễm nguồn nước, chặt phá rừng...®Ó viÕt bµi v¨n nghÞ luËn.

***<u>2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm</u>*.**

<u>Đề 2</u>.

Một hiện tượng khá phổ biến hiện nay là vứt rác bừa bãi, tuỳ tiện ra đường, ra nơi công cộng. Ý kiến, thái độ của em như thế nào trước hiện tượng này và em hãy đặt nhan đề cho bài viết của mình.

Dàn bài:

* Mở bài

- Giới thiệu hiện tượng sự việc .

* Thân bài .

- Trình bày các biểu hiện của hiện tượng.

- Chỉ rõ nguyên nhân của việc vứt rác bừa bãi: Do ý thức của con người tuỳ tiện, vô ý, kém hiểu biết ...

- Tác hại của việc vứt rác bừa bãi (Cần đưa ra những dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục).

+ Làm mất cảnh quan, mỹ quan môi trường.

+ Ô nhiễm môi trường sống, lây lan mầm bệnh, ổ dịch...

+ Sinh ra các thói quên xấu.

- Thái độ, suy nghĩ của em như thế nào? Hành động và nêu ra biện pháp khắc phục

* Kết bài.

- Lời kêu gọi cộng đồng hãy chung tay vì một môi trường trong sạch.

……………………………………………………………

Tiết 3+4: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO LÝ

A. <u>TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN</u>.

- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... của con người.

- Yêu cầu về nội dung của bài nghị luận là phải làm sáng tỏ các vấn đề , tư tưởng, đạo lý bằng cách: Giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích ... để chỉ ra chỗ đúng (hay chỗ sai) của một tư tưởng nào đó, nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.

- Về hình thức: Bài viết phải có bố cục ba phần:

* Mở bài: Giới thiệu vấn đề tư tưởng, đạo lý cần bàn luận.

* Thân bài:

+ Giải thích, chứng minh nội dung vấn đề tư tưởng, đạo lý.

+ Nhận định, đánh giá vấn đề tư tưởng, đạo lý đó trong bối cảnh của cuộc sống riêng, chung.

* Kết bài: Kết luận, tổng kết, nêu nhận thức mới, tỏ ý khuyên bảo hoặc tỏ ý hành động.

Trong bài văn nghị luận cần có luận điểm đúng đắn sáng tỏ, lời văn chính xác, sinh động.

B. CÁC DẠNG ĐỀ

1. ***Dạng đề 2 hoặc 3 điểm.***

Đề 1: *Viết một đoạn văn ngắn (15 đến 20 dòng) Trình bày suy nghĩ của em về đức tính trung thực.*

Gợi ý:

a.Mở đoạn.

Giới thiệu chung về đức tính trung thực.

b.Thân đoạn.

- Trình bày được khái niệm về đức tính trung thực.
- Biểu hiện của tính trung thực
- Vai trò của tính trung thực trong cuộc sống

+ Tạo niềm tin với mọi người

+ Được mọi người yêu quý.

+ Góp phần xây dựng, hoàn thiện nhân cách con người trong xã hội.

- Tính trung thực đối với học sinh (Học thật, thi thật)

c. Kết đoạn.

- Sự cần thiết phải sống và rèn luyện đức tính trung thực.

2. ***Dạng đề 5 đến 7 điểm***

Đề 1:

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống, nhưng chung một giàn

Em hiểu như thế nào về lời khuyên trong câu ca dao trên? Hãy chứng minh rằng: Truyền thống đạo lý đó vẫn được coi trọng trong xã hội ngày nay.

Dàn bài.

a. Mở bài.

- Giới thiệu chung về truyền thống thương yêu, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau của dân tộc Việt Nam.

- Trích dẫn câu ca dao.

b. **Thân bài**.

* Hiểu câu ca dao như thế nào?

- Bầu bí là hai thứ cây khác giống nhưng cùng loài, thường được trồng cho leo chung giàn nên cùng điều kiện sống.

- Bầu bí được nhân hoá trở thành ẩn dụ để nói về con người cùng chung làng xóm, quê hương, đất nước.

- Lời bí nói với bầu ẩn chứa ý khuyên con người phải yêu thương đoàn kết dù khác nhau về tính cách, điều kiện riêng.

* Vì sao phải yêu thương đoàn kết?

- Yêu thương đoàn kết sẽ giúp cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

+ Người được giúp đỡ sẽ vượt qua khó khăn, tạo lập và ổn định cuộc sống.

+ Người giúp đỡ thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn, gắn bó với xã hội, với cộng đồng hơn.

+ Xã hội bớt người khó khăn.

- Yêu thương giúp đỡ nhau là đạo lý, truyền thống của dân tộc ta.

* Thực hiện đạo lý đó như thế nào?

- Tự nguyện, chân thành.

- Kịp thời, không cứ ít nhiều tuỳ hoàn cảnh.

- Quan tâm giúp đỡ người khác về vật chất, tinh thần.

* Chứng minh đạo lý đó đang được phát huy.

- Các phong trào nhân đạo.

- Toàn dân tham gia nhiệt tình, trở thành nếp sống tự nhiên.

- Kết quả phong trào.

c. Kết bài.

- Khẳng định tính đúng đắn của câu ca dao.

C.BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. *Dạng đề 2 hoặc 3 điểm*.

Đề 1:

Viết một đoạn văn ngắn về việc thể hiện lòng biết ơn đối với thầy cô giáo trong xã hội hiện nay.

1. Mở đoạn.

Giới thiệu chung về việc thể hiện lòng biết ơn của học sinh đối với thầy cô giáo hiện nay.

2. Thân đoạn.

- Cách thể hiện lòng biết ơn:

+ Làm và thực hiện tốt những điều thầy cô dạy bảo.

+ Chăm chỉ học tập rèn luyện.

+ Kính trọng lễ phép với thầy cô giáo.

+..........

- Phê phán những biểu hiện : Vô lễ không tôn trọng thầy cô giáo.....

3. Kết đoạn.

Khẳng định vai trò của thầy cô giáo đối với mỗi người.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm.

Đề 1.

Anh em như thể chân tay

Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần.

Suy nghĩ của em về lời khuyên trong câu ca dao trên?

Dàn bài.

a. Mở bài.

- Giới thiệu chung về nét đẹp tình cảm gia đình của dân tộc Việt Nam.
- Trích dẫn câu ca dao.

b. Thân bài.

* Giải thích ý nghĩa của câu ca dao.

- Hình ảnh so sánh: Anh em như thể chân tay.

+ Tay - Chân: Hai bộ phận trên cơ thể con người có quan hệ khăng khít, hỗ trợ cho nhau trong mọi hoạt động.

+ So sánh cho thấy mối quan hệ gắn bó anh em.

- Rách , lành là hình ảnh tượng trưng cho nghèo khó, bất hạnh và thuận lợi, đầy đủ.

Từ đó câu ca dao khuyên : Giữ gìn tình anh em thắm thiết dù hoàn cảnh sống thay đổi.

* Vì sao phải giữ gìn tình anh em?

- Anh em cùng cha mẹ sinh ra dễ dàng thông cảm giúp đỡ nhau.
- Anh em hoà thuận làm cha mẹ vui.
- Đó là tình cảm nhưng cũng là đạo lý.
- Là trách nhiệm, bổn phận của mỗi con người.
- Là truyền thống dân tộc.

* Làm thế nào để giữ được tình cảm anh em?

- Quan tâm đến nhau từ lúc còn nhỏ cho đến khi đã lớn.
- Quan tâm giúp đỡ nhau về mọi mặt: Vật chất, tinh thần.
- Giữ hoà khí khi xảy ra xung khắc, bất đồng.
- Nghiêm khắc nhưng vị tha khi anh, chị em mắc sai lầm.

c. Kết bài.

- Khẳng định tính đúng đắn của câu ca dao.

………………………………………………………………………………

Tiết 5+6: NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN HOẶC ĐOẠN TRÍCH

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể.

** Các bước làm bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích:*

1. Tìm hiểu đề và tìm ý
2. Lập dàn bài:
3. Viết bài
4. Đọc lại bài viết và sửa chữa

**Bố cục của bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích*

1. Mở bài: Giới thiệu tác phẩm (hoặc đoạn trích) và nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình.

2. Thân bài:

- Nêu các luận điểm chính về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm (hoặc đoạn trích)
- Có phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu, xác thực.

3. Kết bài: Nêu nhận định, đánh giá chung của mình về tác phẩm (hoặc đoạn trích)

* Yêu cầu:

- Các luận điểm, luận cứ cần thể hiện sự cảm thụ và ý kiến riêng của người viết về tác phẩm
- Giữa các phần, các đoạn của bài văn cần có sự liên kết hợp lí và tự nhiên.

B. CÁC DẠNG ĐỀ

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

* **Đề**: *Viết một đoạn văn ngắn (khoảng từ 15 đến 20 dòng) về tâm trạng của Thuý Kiều qua đoạn trích: "Kiều ở lầu Ngưng Bích" (Nguyễn Du)*

* **Gợi ý:**

1. Mở đoạn:

- Vị trí của đoạn thơ trong truyện.
- Đoạn thơ là bức tranh tâm tình, xúc động, biểu hiện tâm trạng Thuý Kiều.

2. Thân đoạn:

- Tâm trạng cô đơn, buồn tủi trước cảnh thiên nhiên rộng lớn bên lầu Ngưng Bích.

- Nỗi nhớ của Thuý Kiều:

+ Nỗi nhớ Kim Trọng, ân hận vì đã phụ thề.

+ Nỗi nhớ và xót thương cho cha, mẹ lúc già yếu, sớm chiều tự cửa ngóng trông con.

- Nỗi buồn lo sợ trước những bão táp, tai biến ập đến, tấm thân sẽ không biết trôi dạt vào đâu trên dòng đời vô định.

3. *Kết đoạn:*

Khẳng định giá trị của đoạn thơ trong "Truyện Kiều": là đoạn thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

*** Đề:** *Vẻ đẹp về tính cách và tâm hồn của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long*

***Gợi ý lập dàn bài:**

1. Mở bài:

* Nêu những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm:

2. Thân bài:

* Hoàn cảnh sống và làm việc:

- Anh thanh niên sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2.600 mét, quanh năm suốt tháng chỉ có mây mù bao phủ...Công việc của anh là đo gió, đo mưa,đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất. Công việc ấy đòi hỏi sự tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.

* Vẻ đẹp tính cách và tâm hồn của anh thanh niên;

- Sự ý thức về công việc và lòng yêu nghề, thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng của mình. Sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống.

- Anh đã có những suy nghĩ thật đúng, thật giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống: "Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?".

- Anh còn biết tìm đến những nguồn vui lành mạnh để cân bằng đời sống tinh thần của mình: anh biết lấy sách làm bạn tâm tình, biết tổ chức cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, tươi tắn (trồng hoa, nuôi gà...)

- Sự cởi mở chân thành, rất quý trọng tình cảm của mọi người, luôn khao khát được gặp gỡ và trò chuyện cùng mọi người: vui mừng đến luống cuống, hấp tấp cùng thái độ ân cần, chu đáo tiếp đãi những người khách xa đến thăm bất ngờ...

- Anh còn là người khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc và những đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé: khi ông hoạ sĩ muốn vẽ chân dung anh, anh không dám từ chối để khỏi vô lễ nhưng anh nhiệt thành giới thiệu những người khác mà anh thực sự cảm phục.

3. Kết bài:

Khẳng định tâm hồn trong sáng, sự cống hiến thầm lặng của anh thanh niên cho Tổ quốc.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

***Đề bài:** Viết một đoạn văn ngắn (khoảng từ 15 đén 20 dòng) nêu cảm nhận của em về nhân vật Nhuận Thổ qua truyện ngắn "Cố hương" của Lỗ Tấn.

*** Gợi ý;**

1. Mở đoạn;

- Giới thiệu về tác giả và tác phẩm
- Giới thiệu chung về nhân vật Nhuận Thổ

2. Thân đoạn

- Hình ảnh Nhuận Thổ lúc còn nhỏ: thông minh, tháo vát, lanh lợi, nhanh nhẹn...
- Hình ảnh Nhuận Thổ lúc trưởng thành: còm cõi, đần độn, mụ mẫm, chậm chạp...
- Tình cảm của nhân vật "Tôi" với Nhuận Thổ.

3. Kết đoạn:

- Nhận xét chung về nhân vật.
- Suy nghĩ của bản thân về nhân vật Nhuận Thổ.

<u>II. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm</u>:

<u>Đề:</u> *Suy nghĩ của em về những cảm nhận của nhân vật Nhĩ qua truyện ngắn "Bến quê"của Nguyễn Minh Châu.*

Gợi ý;

1. Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả và tác phẩm.

2. Thân bài:

- Hoàn cảnh của nhân vật Nhĩ: anh bị bệnh tật hiểm nghèo kéo dài, mọi sự phải trông cậy vào sự chăm sóc của vợ, con.
- Cảm nhận của nhân vật về vẻ đẹp của thiên nhiên: cảm nhận bằng những cảm xúc tinh tế: từ những bông hoa bằng lăng ngay phía ngoài cửa sổ đến con sông Hồng...
- Cảm nhận về tình yêu thương, sự tần tảo và đức hi sinh thầm lặng của Liên: tấm áo vá, những ngón tay gầy guộc âu yếm vuốt ve bên vai...
- Niềm khao khát được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông:

+ Sự thức tỉnh về những giá trị bền vững, bình thường mà sâu xa của đời sống, những giá trị thường bị người ta lãng quên, vô tình, nhất là lúc còn trẻ, khi lao theo những ham muốn xa vời.

+ Sự thức nhận này chỉ đến được với người ta ở cái độ đã từng trải, đã thấm thía những sướng vui và cay đắng.

+ Cựng với sự thức tỉnh ấy thường là những õn hận xút xa.

+ Nhĩ chiờm nghiệm được quy luật phổ biến của đời người: "con người ta tròn đường đời thật khó tránh khỏi những điều chựng chõnh và vũng vốo của cuộc sống"

3. Kết bài: Khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của nhõn vật Nhĩ và sự trõn trọng những giỏ trị bền vững của cuộc sống.

……………………………………………………………

Tiết 7, 8, 9: NGHỊ LUẬN VỀ BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

- Nghi luận về một đoạn thơ, bài thơ là trõnh bày nhận xột, đánh giá của mõnh về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ ấy.

- Nghi luận về một đoạn thơ, bài thơ là trõnh bày nhận xột, đánh giá của mõnh về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ ấy.

- Nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ được thể hiện qua ngôn từ, hõnh ảnh, giọng điệu…..Bài nghị luận cần phân tích các yếu tố ấy để có những nhận xét đánh giá cụ thể, xác đáng .

- Bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ cần có bố cục mạch lạc, râ rụng, có lời văn gợi cảm, thể hiện rung động chân thành của người viết.

** Bố cục của bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ:*

1. Mở bài:

Giới thiệu về đoạn thơ hoặc bài thơ đó và nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình.

2. Thân bài:

Lần lượt trình bày suy nghĩ đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ đó.

3. Kết bài:

Khái quát giá trị và ý nghĩa của đoạn thơ, bài thơ đó.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

I. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

Đề 1:

Viết đoạn văn ngắn (khoảng từ 15 đến 20 dòng) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của hai nhân vật Thuý Kiều và Thuý Vân, qua đó nhận xét về nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du ?

Gợi ý:

1. Mở đoạn:

- Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm, nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du

2. Thân đoạn :

a. Chân dung của Thuý Vân:

- Bằng bút pháp ước lệ, biện pháp nghệ thuật so sánh ẩn dụ gợi tả vẻ đẹp duyên dáng , thanh cao, trong trắng của người thiếu nữ.

- Chân dung Thuý Vân là chân dung mang tính cách, số phận. Vẻ đẹp của Vân tạo sự hài hào, êm đềm với xung quanh. Báo hiệu một cuộc đời bình lặng, suôn sẻ.

b. Chân dung Thuý Kiều:

- Vẫn bằng bút pháp ước lệ , nhưng khác tả Vân tác giả dành một phần để tả sắc, còn hai phần để tả tài năng của nàng. Vẻ đẹp của Kiều là vẻ đẹp của cả sắc, tài, tình.

- Chân dung của Kiều cũng là chân dung mang số phận. Dự cảm một cuộc đời nhiều biến động và bất hạnh.

3. Kết đoạn:

- Khẳng định lại về tài năng miờu tả nhõn vật của Nguyễn Du.

<u>Đề 2:</u>

Viết một đoạn văn (khoảng 15 đến 20 dũng) phân tích cơ sở hình thành tình đồng chí của những người lính trong bài "Đồng chí" của Chính Hữu.

Gợi ý:

1. Mở đoạn:

- Giới thiệu khỏi quát về tác giả tác phẩm, vị trí của đoạn trích.

2. Thân đoạn: Cơ sở của tình đồng chí:

- Họ có chung lí tưởng.
- Họ chiến đấu cùng nhau.
- Họ sinh hoạt cùng nhau.
- Nghệ thuật: chi tiết chân thực, hình ảnh gợi cảm và cô đúc, giàu ý nghĩa biểu tượng.

3. Kết đoạn:

- Nhấn mạnh lại về vẻ đẹp, sự bền chặt của tình đồng chí được nảy nở và vun đúc trong gian khó.

<u>II. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm</u>:

<u>Đề 1</u>:

Phân tích đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga" (Nguyễn Đình Chiểu) để thấy Lục vân Tiên đã hành động rất đúng với lí tưởng:

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng."

Gợi ý:

1. Mở bài:

- Truyện Lục Vân Tiên - tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu đề cao những con người trung hiếu, trọng nghĩa.
- Vân Tiên một hình tượng đẹp nêu cao lí tưởng nhân nghĩa đó hành động đúng theo lí tưởng.
- Vị trí đoạn trích

2. Thân bài:

a. Vân Tiên đánh tan bọn cướp cứu người gặp nạn :

- Vân Tiên con nhà thường dân, một thí sinh trên đường vào kinh đô dự thi gặp bọn cướp hung dữ.

- Vân Tiên không quản ngại nguy hiểm xông vào đánh tan bọn cướp, giết tướng cướp, cứu người bị nạn.

b. Vân Tiên từ chối sự đền ơn đáp nghĩa của Kiều Nguyệt Nga:

- Nghe người gặp nạn kể lại sư tình Vân Tiên động lòng thương cảm, tỏ thái độ đàng hoàng, lịch sự.

- Nguyệt Nga thiết tha mời chàng về nhà để đền ơn.

- Vân Tiên cương quyết từ chối (Quan niệm của chàng thể hiện lí tưởng sống cao đẹp : " Làm ơn há để trông người trả ơn". Thấy việc nghĩa không làm không phải là anh hùng.

3. Kết bài:

- Lí tưởng sống của Vân Tiên phù hợp với đạo lí của nhân dân.

- Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm tâm huyết, lẽ sống của mình vào hình tượng Vân Tiên.

Đề 2:

Phân tích tình yêu quê hương trong bài thơ: "Quê hương" của Tế Hanh

Gợi ý:

1. Mở bài:

- Giới thiệu tình yêu quê hương, nêu ý kiến khái quát của mình về tình yêu quê hương trong bài thơ.

2. Thân bài:

- Khái quát chung về bài thơ: một tình yêu tha thiết trong sáng, đậm chất lí tưởng lãng mạn

- Cảnh ra khơi: vẻ đẹp trê trung, giàu sức sống, đầy khí thế vượt Trường Giang

- Cảnh trở về: đông vui, no đủ, bình yên

- Nỗi nhớ: hình ảnh đọng lại, vẻ đẹp, sức mạnh, mùi nồng mặn của quê hương.

3. Kết bài:

Cả bài thơ là một khúc ca quê hương tươi sáng, ngọt ngào, nó là sản phẩm của một tâm hồn trẻ trung, thiết tha đầy thơ mộng.

Đề 3

Phân tích bài thơ "Viếng lăng Bác" của Viễn Phương

Gợi ý:

1. Mở bài:

- Cuộc đời và sự nghiệp của Bác là nguồn cảm hứng vô tận cuả thơ ca.

- Bài thơ "Viếng lăng Bác" đã thể hiện được những cảm súc chân thành tha thiết.

2. Thân bài

a. Khổ 1:

- Mở đầu bằng lối xưng hô: "con" tự nhiên gần gũi

- Ấn tượng về hàng tre quanh lăng Bác.(Tre tĩng trưng cho sức sống và tâm hồn Việt Nam).

b. Khổ 2:

- Mặt trời thật đi qua trên lăng ngày ngày, từ đó liên tưởng và so sánh Bác cũng là một mặt trời rất đỏ (Mặt trời tượng trưng, đem ánh sáng đến cho dân tộc, ánh sáng đó toả sáng mãi mãi)

- Lòng tiếc thương vô hạn của nhân dân: hình ảnh dòng người nối dài vô tân như kết thành tràng hoa dâng Bác.

c. Khổ 3:

- Có cảm giác Bác đang ngủ, một giấc ngủ bình yên có trăng làm bạn.

- Nhưng trở về với thực tại: Bác đã đi xa, một nỗi đau nhức nhối.

d. Khổ 4:

- Lưu luyến bịn rịn không muốn xa Bác.

- Muốn làm “chim, hoa, tre” để được gần Bác

- “Cây tre trung hiếu” thực hiện lí tưởng của Bác, và lời dậy của Bác : “trung với nước hiếu với dân”.

3. Kết bài:

- Nghệ thuật: Bài thơ giàu cảm xúc, âm hưởng trầm lắng, lời thơ tự nhiên.

- Bài thơ gây ấn tượng sâu đậm, trước hết là tiếng nói chân thành, tha thiết của nhà thơ và của chúng ta đối với Bác Hồ kính yêu.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ

Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

Đề 3:_*Cảm nhận về bức tranh cá thứ nhất và thứ hai trong bài thơ : “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận.(bằng một đoạn văn từ 15 đến 20 dũng)*

Gợi ý:

1. Mở đoạn:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích.

2. Thân đoạn:

- Bức tranh cỏ thứ nhất: là những nột vẽ tài hoa về bức tranh cá trong tưởng tượng, trong mơ ước.

- Bức tranh cỏ thứ hai: là bức tranh hiện thực được vẽ bằng bút pháp lóng mạn. Trên ngư trường những người dân vừa ca hát, vừa gừ mỏi chốo đuổi bắt cá.

- Bức tranh cá đầy màu sắc và ánh sáng, có giá trị thẩm mĩ đặc sắc gợi tả và ngợi ca biển quê hương rất giàu và đẹp.

3. Kết đoạn:

Bức tranh cá thể hiện cảm hứng vũ trụ, tình yêu biển của Huy Cận.

…………………………………………………………………

CHUYÊN ĐỀ 3 : VĂN THUYẾT MINH

TIẾT 1: **ÔN TẬP LÍ THUYẾT**

A. **Tóm tắt kiến thức cơ bản**:

***1. Khái niệm*:** Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong đời sống nhằm cung cấp tri thức về: đặc điểm, tính chất, nguyên nhân…của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.

2. Yêu cầu:

- Tri thức trong văn bản thuyết minh phải khách quan, xác thực, hữu ích cho mọi người.
- Văn thuyết minh cần trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, hấp dẫn.

3. Sự khác nhau giữa văn miêu tả và văn thuyết minh:

Văn miêu tả	Văn thuyết minh
+ Có hư cấu tưởng tượng, không nhất thiết phải trung thành với sự vật, đối tượng…. + Dùng nhiều so sánh, liên tưởng. + Mang nhiều cảm xúc chủ quan của người viết. + ít dùng số liệu cụ thể. VD: "Những đám mây trắng như bông đang tô vẽ cho nền trời bằng những hình thù lạ mắt. Nắng trong vắt như pha lê. Nắng xiên qua cây gỗ tếch ở vườn hoa phố Nguyễn Cao, rọi xuống và chạy lung tung quanh cái bàn ăn trưa của bốn cụ già…"	+Trung thành với đặc điểm của sự vật, đối tượng. + ít dùng so sánh, liên tưởng. + Đảm bảo tính khách quan, khoa học. + Dùng số liệu cụ thể. VD: "Hoa chuông cao từ 15- 20 cm. Hoa nhỏ có hình chuông, hương thơm, thân uốn cong, màu trắng hay hồng lợt. Hoa có thể sống trong bình từ 5- 7 ngày…"

* Trong văn bản thuyết minh có thể kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả, biện pháp nghệ thuật làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật, hấp dẫn.

4. Phương pháp thuyết minh:

1. **Phương pháp nêu định nghĩa**:

*VD: Giun đất **là** động vật có đốt, gồm khoảng 2500 loài, chuyên sống ở vùng đất ẩm.*

2. **Phương pháp liệt kê:**

VD: Cây dừa cống hiến tất cả của cải của mình cho con người: thân cây làm máng, lá làm tranh, cọng lá chẻ nhỏ làm vách, gốc dừa già làm chõ đồ xôi, nước dừa để uống, để kho cá, kho thịt, nấu canh, làm nước mắm…

3. **Phương pháp nêu ví dụ:**

VD: Người ta cấm hút thuốc ở tất cả những nơi công cộng, phạt nặng những người vi phạm (ở Bỉ, từ năm 1987, vi phạm lần thứ nhất phạt 40 đô la, tái phạm phạt 500 đô la)

4. **Phương pháp dùng số liệu:**

VD: Một tượng phật ở Nhạc Sơn, Tứ Xuyên, Trung Quốc, cao 71m, vai rộng 24m, trên mu bàn chân tượng có thể đỗ 20 chiếc xe con".

5. **Phương pháp so sánh:**

VD: Biển Thái Bình Dương chiếm một diện tích lớn bằng ba đại dương khác cộng lại và lớn gấp 14 lần diện tích biển Bắc Băng Dương là đại dương bé nhất.

6. Phương pháp phân loại, phân tích:

VD: Muốn thuyết minh về một thành phố, có thể đi từng mặt: vị trí địa lý, khí hậu, dân số, lịch sử, con người, sản vật…

5. Cách làm bài văn thuyết minh:

- Bước 1: **+** Xác định đối tượng thuyết minh.

+ Sưu tầm, ghi chép và lựa chọn các tư liệu cho bài viết

+ Lựa chọn phương pháp thuyết minh phù hợp

+ Sử dụng ngôn từ chính xác, dễ hiểu để thuyết minh làm nổi bật các đặc điểm cơ bản của đối tượng.

- Bước 2: Lập dàn ý

- Bước 3: Viết bài văn thuyết minh

+ Viết phần mở bài**:**

Mở bài có nhiều phương pháp, nhưng có thể quy vào hai phương pháp chủ yếu là mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp.

Ví dụ 1: Mở bài trực tiếp

Chiêm Hoá, một huyện miền núi của tỉnh Tuyên Quang là nơi cư trú của nhiều dân tộc anh em như: Kinh, Tày, Dao, H'Mông, Sán Dìu…Tuy phong tục, tập quán khác nhau nhưng chung sống rất hoà thuận cùng nhau xây dựng quê hương ngày thêm tươi đẹp.

Ví dụ 2: Mở bài gián tiếp.

Là người Việt Nam ai cũng đã một lần nghe câu ca dao:

Đồng Đăng có phố Kì Lừa
Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh

Từ Hà Nội đi theo quốc lộ 1A, du khách ngồi trên xe ô tô khoảng 2 tiếng đồng hồ là đến địa phận Lạng Sơn. Qua dãy núi Kai Kinh rồi đến ải Chi Lăng thâm nghiêm hùng vĩ, những kì tích đó đã làm cho bao kẻ thù xưa nay khiếp sợ. Đường 1A trườn dài theo những triền núi ngút ngàn thông reo. Từng đoàn xe lớn nhỏ hối hả về xứ Lạng ẩn mình trong sương sớm. Qua khỏi đèo Sài Hồ là đến thị xã Lạng Sơn, vùng biên ải của Tổ quốc nơi quê hương của hoa thơm, trái ngọt và nhữnglàn điệu dân ca đặc sắc: Then, Sli, Lượn của các dân tộc Tày, Nùng, Dao.

+ Viết phần thân bài:

Phần này thường gồm một số đoạn văn được liên kết với nhau thành một hệ thống nhằm giải đáp một số yêu cầu của đề bài

Viết đoạn văn trong văn bản thuyết minh nên tuân thủ theo thứ tự cấu tạo của sự vật, theo thứ tự nhận thức (*từ tổng thể đến bộ phận, từ ngoài vào trong, từ xa đến gần*), theo thứ tự diễn biến sự việc trong một thời gian trước- sau; hay theo thứ tự chính phụ: cái chính nói trước, cái phụ nói sau.

+ Viết phần kết bài:

Phần kết bài có thể nhấn mạnh một lần nữa đặc sắc của đối tượng giới thiệu- thuyết minh hoặc nêu một lời mời, một kiến nghị, hoặc một ấn tượng mạnh mẽ nhất về đối tượng đó.

Ví dụ 1: *Hiện tại và tương lai, Chiêm Hoá là một điểm du lịch thu hút rất nhiều khách tham quan. Hãy đến với Chiêm Hoá để dự hội Lồng Tông tổ chức vào ngày mùng 8 tháng giêng hàng năm, thăm đền Bách Thần, đền Đầm Hồng. Vào mùa hè các bạn có thể đi du ngoạn thác Bản Ba và đặc biệt chúng ta sẽ được thăm khu di tích lịch sử Kim Bình. Chúng ta sẽ thấy Chiêm Hoá đẹp biết nhường nào.*

B. **Các dạng đề:**

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

Nhận biết yếu tố thuyết minh trong bài ca dao sau:

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

- ***Gợi ý*** : Yếu tố thuyết minh:

  Cấu tạo của hoa sen "Lá xanh, bông trắng, nhị vàng"

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

Đề bài: Con trâu ở làng quê Việt Nam.

*** Mở bài**:

Giới thiệu chung về con trâu trong đời sống của người nông dân Việt Nam

*** Thân bài**:

- Nêu nguồn gốc, đặc điểm của con trâu

VD: *Trâu là động vật thuộc phân bộ nhai lại, nhóm sừng rỗng, bộ guốc chẵn, lớp thú có vú.*

Trâu Việt Nam có nguồn gốc từ trâu rừng thuần hóa, thuộc nhóm trâu đầm lầy. Lông màu xám, xám đen, thân hình vạm vỡ, thấp, ngắn, bụng to, mông dốc, bầu vú nhỏ, sừng hình lưỡi liềm. Có 2 đai màu trắng: dưới cổ và chỗ đầu xương ức. Trâu cái nặng trung bình 350-400 kg, trâu đực 400- 500 kg…

- Vai trò, lợi ích của con trâu:

- Trong đời sống vật chất:

+ Là tài sản lớn của người nông dân.

+ Là công cụ lao động quan trọng.

+Là nguồn cung cấp thực phẩm, đồ mĩ nghệ, phân bón…

- Trong đời sống tinh thần:

+ Con trâu gắn bó với người nông dân như người bạn thân thiết, gắn bó với tuổi thơ.

+ Con trâu có vai trò quan trọng trong lễ hội, đình đám (hội chọi trâu ở Đồ Sơn (Hải Phòng), Hàm Yên, Chiêm Hoá (Tuyên Quang)…, hội đâm trâu (Tây Nguyên)…)

* Kết bài:

Khẳng định lại vai trò của con trâu trong đời sống hiện nay.

C. **Bài tập về nhà:** *(Dạng đề 5 hoặc 7 điểm)*

Viết bài văn hoàn chỉnh từ đề bài: Con trâu ở làng quê Việt Nam.

Gợi ý : *(theo dàn ý chi tiết đã xây dựng tại lớp)*

....

Tiết 2:

CÁCH LÀM MỘT SỐ DẠNG ĐỀ VĂN THUYẾT MINH

A. **Tóm tắt kiến thức cơ bản:**

- Cách làm một số dạng đề văn thuyết minh:

**** Khi đối tượng thuyết minh là một đồ vật thì nội dung thuyết minh thường là:***

- Cấu tạo của đối tượng
- Các đặc điểm của đối tượng

- Tính năng hoạt động

- Cách sử dụng, cách bảo quản

- Lợi ích của đối tượng

**** Khi thuyết minh về một loài vật, nội dung thuyết minh thường là:***

- Nguồn gốc

- Đặc điểm

- Hình dáng

- Lợi ích

**** Khi thuyết minh về một thể loại văn học, nội dung thuyết minh thường là:***

- Nêu một định nghĩa chung về thể thơ
- Nêu các đặc điểm của thể thơ:
+ Số câu, chữ.
+ Quy luật bằng trắc.
+ Cách gieo vần.
+ Cách ngắt nhịp.
+ Cảm nhận về vẻ đẹp, nhạc điệu của thể thơ.

****Khi đối tượng thuyết minh là một danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, thì nội dung thuyết minh thường là:***

- Vị trí địa lí.

- Những cảnh quan làm nên vẻ đẹp đặc sắc của đối tượng.

- Những truyền thống lịch sử, văn hoá gắn liền với đối tượng.

- Cách thưởng ngoạn đối tượng.

****Khi đối tượng thuyết minh là một danh nhân văn hoá thì các nội dung thuyết minh thường là:***

- Hoàn cảnh xã hội.

- Thân thế và sự nghiệp.

- Đánh giá xã hội về danh nhân .

Lưu ý : Trong các phần trên, phần thân thế, sự nghiệp chiếm vai trò chủ yếu, có dung lượng lớn nhất trong bài viết.

****Khi giới thiệu một đặc sản thì nội dung thuyết minh thường là:***

- Nguồn gốc, ý nghĩa tên gọi món ăn, đặc sản.

- Đặc điểm riêng của món ăn, đặc sản: dáng vẻ, màu sắc, hương vị.

- Cách thức chế biến, thưởng thức.

B. **Các dạng đề:**

1. *Dạng đề 2 hoặc 3 điểm*:

Đề bài: *Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu món Cơm lam quê em.*

Gợi ý: - Cơm lam là một món ăn dân dã, quen thuộc của người miền núi phía Bắc

- Cách làm: Cho gạo đã vo vào ống nứa (tre) non, cuộn lá chuối hay lá dong nút chặt, chất củi đốt. Phải đốt đều đến khi vỏ nứa cháy thành lớp than mỏng là cơm chín.

- Cách thưởng thức: nếu ăn ngay chỉ việc chẻ ống nứa ra. Nếu muốn để dành thì dùng dao róc hết lớp nứa bị cháy chỉ để lại lớp vỏ trắng…

- Hiện nay Cơm lam còn trở thành đặc sản trong nhà hàng, khách sạn.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

Đề bài: Thuyết minh về một loài hoa trong ngày tết cổ truyền của dân tộc.

*Gợi ý: xây dựng dàn ý chi tiết

1.Mở bài:
Giới thiệu chung về một loài hoa trong ngày tết cổ truyền của dân tộc (hoa đào)
- Xuất hiện vào mùa xuân , trong sự vui tươi, náo nức của ngày tết.
- Hoa đào là loài hoa đẹp, có sức sống mạnh mẽ, có ý nghĩa trong ngày tết cổ truyền của dân tộc- món ăn tinh thần không thể thiếu được của người Việt.

2.Thân bài:
- Đặc điểm chung của loài hoa: Hoa đào là loài hoa đặc trưng cho Hà Nội, biểu tượng cho mùa xuân và sức sống của miền Bắc
- Phân loại các loài hoa: đào bích , đào phai, đào bạch…
- Đặc điểm của hoa:
  + loài cây thân gỗ.
  + Nở vào mùa xuân.
  + Các loại hoa đào:
    Đào bích: Có hoa màu đỏ thẫm. Màu đỏ tượng trưng cho may mắn.
    Đào phai: Có màu hồng nhạt, sai quả, sai hoa, thường được trồng để lấy quả. Màu sắc trang nhã, kín đáo.
    Đào bạch: ít hoa, có màu trắng và tương đối khó trồng.
- Ý nghĩa tinh thần của loài hoa: Mọi người chuộng chơi đào ngày tết vì hoa đào đem lại sự may mắn, phúc lộc đầu năm.
- Tình cảm gắn bó với hoa đào…

3.Kết bài:
- Nhấn mạnh vẻ đẹp của hoa đào trong cuộc sống tinh thần của người Việt nói chung và bản thân nói riêng.
- Hoa đào là biểu hiện những đức tính, tâm hồn cao đẹp của con người Việt Nam; góp phần tô điểm sắc xuân thêm vui tươi và đầm ấm.

C. Bài tập về nhà:(*dạng đề 5 hoặc 7 điểm)*
- Viết bài văn hoàn chỉnh từ đề bài: Thuyết minh về một loài hoa trong ngày tết cổ truyền của dân tộc.
* Gợi ý: (theo dàn ý chi tiết đã xây dựng tại lớp)

Tiết 3: LUYỆN TẬP

A. **Tóm tắt kiến thức cơ bản:**
- HS biết lập dàn ý cho đề bài.
- Viết được đoạn mở bài, thân bài từ các đề cụ thể.
- Viết hoàn chỉnh bài văn theo yêu cầu của đề.
- Biết tự sửa những lỗi sai về chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu.

B. Các dạng đề:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Yêu cầu học sinh lập dàn ý cho các đề sau:

* *Đề 1. Thuyết minh về cái phích nước.*

a. Mở bài:
Giới thiệu khái quát về cái phích

b. Thân bài:
- Nêu cấu tạo của phích:
  + Vỏ phích
  + Ruột phích
- Cách bảo quản, sử dụng.

c. Kết bài:

Vai trò của cái phích trong đời sống hiện nay.

***Đề 2**. Giới thiệu về nhà thơ hoặc nhà văn mà em yêu thích*

a. Mở bài:

Giới thiệu khái quát về nhà thơ hoặc nhà văn.

b. Thân bài:

- Hoàn cảnh xã hội.
- Thân thế và sự nghiệp
- Đánh giá chung về đối tượng đó.

c. Kết bài:

Khẳng định vai trò, vị thế của nhà văn (nhà thơ) trong xã hội.

***Đề 3**. Giới thiệu về di tích lịch sử, văn hoá của địa phương.*

a. Mở bài :

Giới thiệu chung về di tích lịch sử, văn hoá của địa phương.

b. Thân bài :

- Vị trí.
- Nguồn gốc.
- Những truyền thống lịch sử, văn hoá gắn liền với đối tượng.
- Những cảnh quan làm nên vẻ đẹp đặc sắc của đối tượng.
- Cách chiêm ngưỡng, thưởng ngoạn đối tượng (nếu đối tượng thuyết minh là danh lam, thắng cảnh).

c. Kết bài:

Ý nghĩa, giá trị của di tích lịch sử, văn hoá đối với đời sống con người.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

***Đề 1**. Em hãy viết đoạn văn giới thiệu về thân thế và sự nghiệp của nhà văn Nam Cao.*

(HS viết một đoạn văn phần thân bài cho đề 2).

** Gợi ý* :

- *Mở đoạn :* Nam Cao(1915-1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân (nay là xã Hoà Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam.
- *Thân đoạn* : Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài viết chân thực về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi , bế tắc trong xã hội cũ... Các tác phẩm chính : các truyện ngắn Chí Phèo, Trăng sáng, Đời thừa, Lão Hạc, Một đám cưới...
- *Kết đoạn*: Nam Cao được nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật...

** HS trình bày đoạn văn, nhận xét, sửa lỗi.*

** GV nhận xét, kết luận.*

** GV đọc bài tham khảo.*

Hồ Gươm

Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm là một **hồ nước ngọt** nằm giữa thủ đô **Hà Nội**. Tên hồ cũng được đặt cho một quận của Hà Nội (**quận Hoàn Kiếm**).

Cách đây khoảng 6 thế kỷ, hồ Gươm gồm hai phần chạy dài từ phố Hàng Đào, qua phố Hai Bà Trưng và phố Lý Thường Kiệt, tới phố Hàng Chuối, thông với sông Hồng. Nước hồ quanh năm xanh biếc nên hồ Gươm cũng được gọi là hồ Lục Thuỷ.

Tương truyền vào thế kỷ 15 hồ được đổi tên thành hồ Hoàn Kiếm, gắn liền với truyền thuyết trả gươm thần cho Rùa Vàng, ghi lại thắng lợi của cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam chống lại quân Minh dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi… Khi lên ngôi về đóng đô ở Thăng Long, trong một lần nhà vua đi chơi thuyền trên hồ Lục Thuỷ, bỗng một con rùa xuất hiện và đòi gươm. Lê Thái Tổ rút gươm khỏi vỏ, nâng gươm về phía rùa vàng, rùa há miệng đớp lấy và lặn xuống đáy hồ. Từ đó hồ Lục Thuỷ có tên gọi mới là hồ Hoàn Kiếm (trả gươm) hay hồ Gươm.

Giới thiệu về nhà thơ Hữu Thỉnh

Hữu Thỉnh tên khai sinh là Nguyễn Hữu Thỉnh, sinh ngày 15-2-1942. Quê gốc làng Phú Vinh, xã Duy Phiên, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước hòa bình lập lại (1954) Hữu Thỉnh đã phải trải qua một tuổi thơ vô cùng khổ cực. Mười tuổi ông phải đi làm phu, làm đủ mọi thứ lao dịch cho các đồn binh Pháp. Đến sau năm 1954 ông mới được đi học. Năm 1963, khi vừa tốt nghiệp phổ thông, ông vào bộ đội tăng thiết giáp, Trung đoàn 202, học lái xe, làm cán bộ tiểu đội. Ông tham gia chiến đấu nhiều năm tại chiến trường. Sau năm 1975, Hữu Thỉnh học tại trường viết văn Nguyễn Du khóa 1. Từ năm 1982, ông là cán bộ biên tập, Trưởng ban thơ và là Phó Tổng biên tập Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Từ năm 1990, Hữu Thỉnh chuyển sang Hội nhà văn Việt Nam, giữ chức Tổng biên tập tuần báo Văn nghệ, tham gia ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khóa III, IV, V.

Tác phẩm đã xuất bản: Âm vang chiến hào (Thơ in chung - 1975), Đường tới thành phố (Trường ca- 1979), Khi bé Hoa ra đời (Thơ thiếu nhi- in chung), Thư mùa đông (thơ 1994), Trường ca Biển (1994), Thơ Hữu Thỉnh (1998).

Nhà thơ đã được trao giải thưởng: Giải ba cuộc thi thơ báo Văn nghệ năm 1972- 1973; Giải nhất năm 1975- 1976; Giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1980 (Trường ca Đường tới thành phố) và năm 1995 (tập thơ Thư mùa đông); Giải xuất sắc Bộ Quốc phòng năm 1994 (Trường ca biển).

Hữu Thỉnh thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Ông đã sớm khẳng định một phong cách thơ riêng. Ngôn ngữ thơ Hữu Thỉnh mang nhiều chất dân gian. Ông đã vận dụng một cách nhuần nhuyễn những câu tục ngữ ca dao trong thơ mình và nhờ vậy đã tạo nên hiệu quả thẩm mĩ đặc biệt. Bên cạnh đó, những nhà nghiên cứu cũng thường đề cập đến tính triết luận sâu sắc trong thơ Hữu Thỉnh.Vì thế thơ ông mang đến cho bạn đọc những cảm xúc đặc biệt, những nhận thức mới mẻ về tâm hồn con người- một thế giới còn ẩn chứa nhiều điều bất ngờ, thú vị.

C. **Bài tập về nhà:** *(Dạng đề 5 hoặc 7 điểm)*

- Viết hoàn chỉnh bài văn cho một trong các đề bài sau:

* Đề 1. Thuyết minh về cái phích nước.
* Đề 2: Giới thiệu về một danh lam, thắng cảnh ở địa phương em.
Đề 3. *Giới thiệu về di tích lịch sử, văn hoá của địa phương.*

....

CHUYÊN ĐỀ 4
VĂN BẢN HÀNH CHÍNH CÔNG VỤ

Hệ thống kiến thức cấp học.

1. Cách viết đơn theo mẫu và không theo mẫu

2. Khái niệm về văn bản hành chính, mục đích, nội dung, yêu cầu và các loại văn bản hành chính thường gặp trong cuộc sống. Cụ thể là:

- Nắm được đặc điểm của văn bản đề nghị, văn bản báo cáo.

- Hiểu tình huống cần viết văn bản đề nghị, văn bản báo cáo, nhận ra những sai sót thường gặp khi viết văn bản đề nghị, báo cáo.

3. Nắm được đặc điểm của văn bản tường trình: Mục đích, yêu cầu, nội dung và cách làm loại văn bản này. Thông qua luyện tập biết ứng dụng cách làm văn bản tường trình vào các tình huống cụ thể.

4. Phân tích được các yêu cầu của biên bản, liệt kê được các loại biên bản thường gặp trong thực tế cuộc sống viết được một biên bản .....

5. Phân tích được đặc điểm, mục đích, tác dụng của hợp đồng, vận dụng vào viết một hợp đồng đơn giản, có ý thức cẩn trọng khi soạn thảo hợp đồng và ý thức trách nhiệm với việc thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng đã được thỏa thuận, ký kết.

....

TIẾT 1:

VĂN BẢN HÀNH CHÍNH CÔNG VỤ: ĐƠN, ĐỀ NGHỊ

A – Tóm tắt kiến thức cơ bản:

1. Đơn : Là loại văn bản được viết ra giấy để đề đạt một nguyện vọng với một người hay một cơ quan, tổ chức có quyền hạn giải quyết nguyện vọng đó.

2. Đề nghị : Là loại văn bản của cá nhân hay tập thể (thường là tập thể)gửi đến các cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền để nêu ý kiến của mình khi có nhu cầu quyền lợi chính đáng nào đó trong đời sống.

B **- Các dạng đề:**

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

a) Viết đơn:

Bài tập: Trong những tình huống sau đây, tình huống nào cần viết đơn, đơn gửi ai? Lý do viết đơn?

A- Khi em có nguyện vọng gia nhập vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
B- Do bị ốm, em không đi học được.
C- Gia đình em bị kẻ gian đột nhập, lấy trộm tài sản.
D- Một số HS vi phạm khuyết điểm làm mất điểm thi đua của lớp.
Đ- Do sơ xuất, em bị mất giấy chứng nhận Tiểu học.

**** Gợi ý :*** Các trường hợp cần viết đơn: A, B, Đ

- Tình huống A:
  + Đơn gửi BCH Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
  + Lý do xin gia nhập Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
- Tình huống B:
  + Đơn gửi thầy cô giáo chủ nhiệm và thầy cô giáo bộ môn.
  + Lý do xin nghỉ học.
- Tình huống Đ:
  + Đơn gửi hiệu trưởng trường Tiểu học.
  + Lý do xin cấp lại giấy chứng nhận hoàn thành chương trình Tiểu học

b. Đề nghị:

Bài tập: *Trong 2 tình huống sau, cần sử dụng văn bản hành chính nào? Từ hai tình huống hãy so sánh điểm giống và khác nhau giữa các loại văn bản hành chính đó?*

A. Do có việc đột xuất không thể tham gia buổi hoạt động ngoài giờ lên lớp được.
B. Có một vở chèo rất hay, liên quan đến tác phẩm đang học cả lớp cần đi xem tập thể.

**** Gợi ý:***

+ Tình huống A: Viết đơn xin nghỉ hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.
+ Tình huống B: Viết đề nghị.

- So sánh:

+ Giống nhau: Hình thức.

+ Khác nhau : Nội dung trình bày.

<u>2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm</u>

***Đề bài**: Em hãy viết đơn xin miễn(giảm) học phí?*

**** Gợi ý:***

Lá đơn cần đảm bảo những mục sau:

+ Quốc hiệu - Tiêu ngữ
+ Địa điểm làm đơn
+ Tên đơn
+ Nơi gửi
+ Họ, tên, nơi ở của người viết đơn
+ Trình bày sự việc, lý do, nguyện vọng viết đơn
+ Ký tên

- *lưu ý : Văn phong tường minh, một nghĩa, không có yếu tố văn chương.*

*** Giải nghĩa các yếu tố Hán Việt:**

- Văn bản hành chính : văn bản thuộc phạm vi hoạt động của chính quyền, của Nhà nước.
- Công vụ: việc công (việc chung)
- Quốc hiệu : tên hiệu của một nhà nước
- Tiêu ngữ : Từ ngữ đề dẫn

<u>C - Bài tập về nhà</u>: *(dạng đề 5 hoặc 7 điểm)*

***Đề bài**: Em hãy viết một lá đơn xin nghỉ học*

Gợi ý: + Quốc hiệu, tiêu ngữ.
+ Tên đơn.
+ Địa điểm, thời gian viết đơn.
+ Họ tên, địa chỉ của người viết đơn.
+ Lí do viết đơn.
+ Yêu cầu, nguyện vọng.
+ Cam đoan và cảm ơn.
+ Kí tên.

<u>TIẾT 2:</u>

VĂN BẢN HÀNH CHÍNH CÔNG VỤ: BÁO CÁO, TƯỜNG TRÌNH

<u>A . Tóm tắt kiến thức cơ bản:</u>

1. Báo cáo : Là văn bản trình bày về tình hình, sự việc và các kết quả đạt được của một cá nhân hay tập một tập thể.

2. Tường trình: Là văn bản trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét. Người viết tường trình là người có liên quan đến sự việc, người nhận tường trình là cá nhân hay cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

<u>B – Các dạng đề:</u>

<u>1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm</u>

<u>a. Báo cáo:</u>

Nêu một số tình huống theo em cần viết văn bản báo cáo?

**** Gợi ý:***

+ Để nhà trường biết được kết quả thi đua của lớp *(HK I, năm học, đợt thi đua)*
+ Kết quả quyên góp, ủng hộ HS nghèo của lớp
+ Kết quả tuần học tốt trong tháng 11

…

b. Tường trình:

Nêu thể thức mở đầu của văn bản tường trình?

**** Gợi ý**:*

+ Quốc hiệu - Tiêu ngữ

+ Địa điểm, thời gian
+ Tên văn bản
+ Người, cơ quan nhận tường trình

2***. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm***

Em vi phạm nội quy của trường hãy viết bản tường trình sự việc vi phạm.

* ***Gợi ý:*** Một bản tường trình, cần đảm bảo những mục sau:

+ Phải trình bày đầy đủ, chính xác về thời gian, địa điểm, sự việc, họ tên những người có liên quan.
+ Có người gửi, người nhận.
+ Ngôn ngữ rõ ràng.

C. Bài tập về nhà: *(dạng đề 5 hoặc 7 điểm)*

T ường trình sự việc em làm hỏng dụng cụ thí nghiệm trong giờ thực hành.

* ***Gợi ý :***

- Quốc hiệu, tiêu ngữ.
- Tên văn bản.
- Thời gian, địa điểm làm tường trình.
- Diễn biến sự việc (thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, những người có liên quan đến sự việc, sự việc xảy ra như thế nào?…)
- Đề nghị của người viết.
- Người nhận tường trình.
- Người làm tường trình kí và ghi rõ họ tên.

TIẾT 3:

VĂN BẢN HÀNH CHÍNH CÔNG VỤ: BIÊN BẢN, HỢP ĐỒNG

A – Tóm tắt kiến thức cơ bản:

1 . Biên bản: Là loại văn bản ghi chép lại những sự việc đã xảy ra hoặc đang xảy ra trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức chính trị, xã hội, hoạt động của các cá nhân liên quan tới việc phải xem xét, giải quyết bằng pháp luật hoặc chính sách Nhà nước.

- Biên bản phải ghi chép các sự việc, hiện tượng kịp thời tại chỗ với đầy đủ mọi chi tiết, mọi tình tiết khách quan.
- Ghi chép trung thực, đầy đủ. Lời văn ngắn gọn chính xác.

2. Hợp đồng: Là văn bản phản ánh sự thoả thuận giữa các cá nhân hoặc giữa các đơn vị cơ quan, tập thể. Hợp đồng là cơ sở pháp lý để các bên tham gia ký kết ràng buộc lẫn nhau, có trách nhiệm thực hiện các điều khoản đã ghi nhằm đảm bảo cho công việc thu được kết quả, tránh thiệt hại cho các bên tham gia.

B – Các dạng đề:

1. *Dạng đề 2 hoặc 3 điểm*

a. Biên bản:

Viết phần mở đầu biên bản bàn giao nhiệm vụ trực tuần của chi đội em cho chi đội bạn.

* ***Gợi ý:***

+ Quốc hiệu - Tiêu ngữ.
+ Tên biên bản.
+ Thời gian – địa điểm.
+ Thành phần tham dự.

b. Hợp đồng:

Bản hợp đồng gồm những nội dung nào? Trình tự sắp xếp ra sao?

* ***Gợi ý:***

+ Các bên tham gia ký kết hợp đồng.

+ Các điều khoản, nội dung thỏa thuận giữa các bên: Yêu cầu nội dung công việc, cách thức thực hiện hợp đồng, quyền lợi, nghĩa vụ của mỗi bên.

+ Hiệu lực của hợp đồng *(thời gian, phạm vi thực hiện, bồi thường thiệt hại, cam kết, họ tên, chữ ký của người đại diện và các bên tham gia ký kết)*

2. *Dạng đề 5 hoặc 7 điểm* .

Đề bài*: Em hãy ghi lại biên bản bàn giao nhiệm vụ trực tuần của chi đội em cho chi đội bạn?*

*** Gợi ý:***

Phần mở đầu

+ Quốc hiệu - Tiêu ngữ.

+ Tên biên bản.

+ Thời gian – địa điểm.

+ Thành phần tham dự.

Phần nội dung:

+ Chi đội 6A đã tiến hành bàn giao nhiệm vụ trực tuần cho chi đội 6B.

+ Nội dung và kết quả đã làm trong tuần.

+ Nội dung, công việc sẽ thực hiện trong tuần tới.

+ Các phương tiện vật chất và hiện trạng của cơ sở vật chất tại thời điểm bàn giao.

(sổ trực tuần, sổ đầu bài các lớp...)

Phần kết thúc:

+ Thời gian kết thúc.

+ Chữ ký, họ tên người bàn giao và người nhận.

C. Bài tập về nhà: *(dạng đề 5 hoặc 7 điểm)*

Đề bài*: Gia đình em cho thuê phòng trọ. Em giúp mẹ làm hợp đồng cho thuê phòng trọ đó?*

***Gợi ý**:

Hợp đồng thuê nhà tối thiểu phải có các nội dung sau đây

+ Tên hợp đồng.

+ Thời gian, địa điểm, các chủ thể đại diện tham gia ký kết hợp đồng.

+ Hiện trạng của căn nhà cho thuê (địa chỉ, diện tích, trang thiết bị…)

+ Các điều khoản hợp đồng.

+ Các quy định hiệu lực của hợp đồng.

II . Củng cố kiến thức, Liên hệ mở rộng kiến thức.

1. Thể thức chung của một văn bản hành chính công vụ được quy định như thế nào?
2. Ngoài những văn bản hành chính công vụ đã được học trong chương trình, em còn biết thêm các loại văn bản hành chính công vụ nào khác? *(Gợi ý: Thông báo, thông tri, nghị định, nghị quyết, Chỉ thị, kế hoạch, thư, điện…)*

....

PHẦN III. VĂN HỌC

Chuyªn ®Ò 1: v¨n häc trung ®¹i viÖt nam

(15 tiết)

Tiết 1:

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI KỲ TRUNG ĐẠI

I/ Tóm tắt kiến thức cơ bản.

1. Khái niệm về văn học trung đại.

Văn học trung đại là một cách gọi tên mang tính qui ước, đó là một giai đoạn mà văn học hình thành và phát triển trong khuôn khổ của nhà nước phong kiến Việt Nam(*Văn học thời phong kiến, văn học*

cổ) được xác định từ thế kỷ X *(dấu mốc cho sự ra đời của nhà nước phong kiến Việt Nam đầu tiên*) đến hết thế kỷ XIX.

2. Vị trí, vai trò của văn học trung đại.

- Có vai trò, vị trí rất quan trọng bởi đây là mốc đầu tiên, chặng đường đầu tiên của văn học.
- Nội dung tư tưởng của văn học trung đại có tính chất bao trùm lên nền văn học dân tộc.

3. Các giai đoạn của văn học trung đại.

Được chia làm 3 giai đoạn:

+ Từ thế kỷ X --> thế kỷ XV.
+ Từ thế kỷ XVI--> nửa đầu thế kỷ XVIII
+ Từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX.

4. Nội dung văn học trung đại.

- Phản ánh khí phách hào hùng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc
- Phản ánh lòng yêu nước, lòng căm thù giặc, đòi quyền sống quyền làm người...
- Tố cáo chế độ phong kiến...

II/Các dạng đề.

1. Dạng đề từ 2- 3 điểm.

Đề 1: *Nêu vai trò vị trí của văn học trung đại trong nền văn học Việt Nam.*

*** Gợi ý***:*

- Văn học trung đại có vai trò vị trí rất quan trọng bởi đây là mốc đầu tiên, chặng đường đầu tiên của văn học. Về sau này các đặc tính của văn học hiện đại đều bắt nguồn từ văn học trung đại
- Nội dung tư tưởng của văn học trung đại có tính chất bao trùm nên nền văn học dân tộc như phản ánh lòng yêu nước, lòng căm thù giặc, đòi quyền sống quyền làm người...Sau này văn học hiện đại đều phản ánh rất sâu sắc những nôi dung trên, tuy nhiên do tư duy của hai thời kỳ khác nhau, nhu cầu phản ánh khác nhau nên phương thức biểu đạt cũng khác nhau.

2. Dạng đề từ 5- 7 điểm.

Đề 2: *Văn học trung đại có mấy giai đoạn? Kể tên tác phẩm tiêu biểu cho từng giai đoạn qua đó đưa ra nhận xét về sự phát triển của từng giai đoạn văn học.*

Gợi ý:*

Văn học trung đại có 3 giai đoạn:

a. Giai đoạn 1: Từ thế kỷ X --> thế kỷ XV.

- Tác phẩm tiêu biểu: Nam Quốc Sơn Hà, Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Bình ngô đại cáo.
- Văn học thời kỳ này phần lớn hướng về tư tưởng trung quân ái quốc, phục vụ cho các cuộc kháng nhiến và xây dựng đất nước vì vậy mang đậm tình yêu nước, khí phách hào hùng và lòng tự hào dân tộc.

b. Giai đoạn 2: Từ thế kỷ XVI--> nửa đầu thế kỷ XVIII

- Tác phẩm tiêu biểu: Truyền kỳ mạn lục(Nguyễn Dữ), Luận pháp học (Nguyễn Thiếp)
- Các tác phẩm vẫn chịu ảnh hưởng của văn học Trung Quốc, tuy chưa có lối đi riêng nhưng cũng đã đề cao được ý thức dân tộc, bắt đầu ca ngợi cuộc sống, đạo lý con người.

c. Giai đoạn 3: Từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX.

- Tác phẩm tiêu biểu:Truyện Kiều(Nguyễn Du), Lục Vân Tiên(Nguyễn Đình Chiểu), thơ Hồ Xuân Hương...
- VH phát triển mạnh mẽ, có nhiều sự chuyển bến lớn nhằm thoát ra khỏi sự ảnh hưởng của văn họcTrung Quốc tạo nên đặc trưng riêng của văn học dân tộc. Hầu hết các tác phẩm thời kỳ này được viết bằng chữ Nôm và phong phú hơn về thể loại.

III. Bài tập về nhà.

1. Dạng đề từ 2-3 điểm.

Đề 1: *Hệ thống các tác phẩm văn học trung đại đã được học trong chương trình Ngữ văn 9 (tập một) theo mẫu sau:*

STT	Tác phẩm	Tác giả	Nội dung chính	Nghệ thuật

Gợi ý: HS dựa vào SGK và những kiến thức đã học để làm bài tập này.

2. Dạng đề từ 5-7 điểm.

Đề 2*: Nêu nội dung chính của văn học trung đại.*

Gợi ý:

-VHTĐ được hình thành và phát triển trong khuôn khổ của nhà nước phong kiến vì vậy chịu sự chi phối lớn của đạo Nho với những Tam cương, Ngũ thường nên giai đoạn đầu nội dung văn học đã hoàn toàn thủ tiêu cái tôi cá nhân, đòi hỏi bổn phận trách nhiệm của con người, đặc biệt là bổn phận của người đàn ông đối với " Quân- Sư -Phụ" đồng thời phải quên đi bản thân.

- Sang đến giai đoạn 2 nội dung văn học vẫn đề cao chuẩn mực của Tam cương, Ngũ thường song đã bắt đầu phản ánh cuộc sống đời thường, đề cao cái "tôi"

- Giai đoạn 3 nội dung văn học đã phát huy và phản ánh cùng một lúc nhiều đề tài khác nhau:

+ Các biến cố lịch sử xã hội.

+Tố cáo vạch trần bộ mặt thối nát của chế độ phong kiến.

+Phản ánh số phận con người, đặc biệt là thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

+ Bày tỏ kín đáo tâm sự yêu nước, đề cao đạo lý làm người, ca ngợi cuộc sống...

....

Tiết 2 + 3

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

-Nguyễn Dữ-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả:

- Nguyễn Dữ sống ở thế kỷ XVI, giai đoạn chế độ xã hội phong kiến đang từ đỉnh cao của sự phát triển, bắt đầu rơi vào tình trạng suy yếu.

- Nguyễn Dữ chỉ làm quan một năm rồi về ở ẩn, giữ cách sống thanh cao đến trọn đời, dù vậy qua tác phẩm, ông vẫn tỏ ra quan tâm đến xã hội và con người.

2. Tác phẩm:

Vị trí đoạn trích: "Chuyện người con gái Nam Xương" là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của ***Truyền kỳ mạn lục.***

a. Nội dung:

- Chuyện kể về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương.

- Chuyện thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ.

b. Nghệ thuật:

- Nghệ thuật dựng truyện.

- Miêu tả nhận vật.

- Sử dụng yếu tố tự sự kết hợp với trữ tình.

c. Chủ đề.

- Số phận oan nghiệt của người phụ nữ có nhan sắc, đức hạnh dưới chế độ phong kiến.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 1:

Ý nghĩa của các yếu tố kỳ ảo trong ***"Chuyện người con gái Nam Xương".***

Gợi ý:

a. Mở đoạn:
- Giới thiệu khái quát về đoạn trích.
b. Thân đoạn:
- Các yếu tố kỳ ảo trong truyện:
+ Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.
+ Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, gặp Linh Phi, được cứu giúp, gặp lại Vũ Nương, được xứ giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế.
+ Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan trên bến Hoàng Giang giữa lung linh, huyền ảo rồi lại biến đi mất.
- Ý nghĩa của các chi tiết kỳ ảo.
+ Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của nhân vật Vũ Nương: Nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.
+ Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện.
+ Thể hiện ước mơ về lẽ công bằng ở đời của nhân dân ta.
c. Kết đoạn:
- Khẳng định ý nghĩa của yếu tố kỳ ảo đối với truyện.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

Đề 1 : *Cảm nhận của em về văn bản* ***"Chuyện người con gái Nam Xương"*** *của Nguyễn Dữ.*

***Gợi ý**
a. **Mở bài**
- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.
- Nêu giá trị nhân đạo, hiện thực và nghệ thuật đặc sắc của truyện.
b. **Thân bài:**
1. Giá trị hiện thực:
- Tố cáo xã hội phong kiến bất công, thối nát ...
+ Chàng Trương đang sống bên gia đình hạnh phúc phải đi lính.
+ Mẹ già nhớ thương, sầu não, lâm bệnh qua đời.
+ Người vợ phải gánh vác công việc gia đình.
- Người phụ nữ là nạn nhân của lễ giáo phong kiến bất công.
+ Vũ Thị Thiết là một người thuỷ chung, yêu thương chồng con, có hiếu với mẹ ...
+ Trương Sinh là người đa nghi, hồ đồ, độc đoán -> đẩy Vũ Nương đến cái chết thảm thương.
+ Hiểu ra sự thật Trương Sinh ân hận thì đã muộn.
2. Giá trị nhân đạo
- Đề cao, ca ngợi phẩm hạnh cao quý của người phụ nữ qua hình ảnh Vũ Nương.
+ Đảm đang: Thay chồng gánh vác việc nhà...
+ Hiếu thảo, tôn kính mẹ chồng ...
+ Chung thuỷ: Một lòng, một dạ chờ chồng ...
3. Giá trị nghệ thuật:
- Ngôn ngữ, nhân vật.
- Kịch tính trong truyện bất ngờ.
- Yếu tố hoang đường kỳ ảo.
c**. Kết bài:**
- Khẳng định lại giá trị nội dung của truyện.
- Truyện là bài học nhân sinh sâu sắc về hạnh phúc gia đình.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

Đề 1: *Viết một đoạn văn ngắn (8 đến 10 dòng) tóm tắt lại "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ.*

*** Gợi ý:**

- Vũ Nương là người con gái thuỳ mị, nết na. Chàng Trương là con gia đình hào phú vì cảm mến đã cưới nàng làm vợ. Cuộc sống gia đình đang xum họp đầm ấm, xảy ra binh đao, Trương Sinh phải đăng lính, nàng ở nhà phụng dưỡng mẹ già, nuôi con. Khi Trương Sinh về thì con đã biết nói, đứa trẻ ngây thơ kể với Trương Sinh về người đêm đêm đến với mẹ nó. Chàng nổi máu ghen, mắng nhiệc vợ thậm tệ, rồi đánh đuổi đi, khiến nàng phẫn uất, chạy ra bến Hoàng Giang tự vẫn. Khi hiểu ra nỗi oan của vợ, Trương Sinh đã lập đàn giải oan cho nàng.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

Đề 1: *Cảm nhận của em về nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm* ***"Chuyện người con gái Nam Xương"*** *của Nguyễn Dữ.*

*** Gợi ý:**

a. Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.
- Vẻ đẹp, đức hạnh và số phận của Vũ Nương.

b. Thân bài:

- Vũ Nương là người phụ nữ đẹp.
- Phẩm hạnh của Vũ Nương:
    + Thuỷ chung, yêu thương chồng (khi xa chồng ...)
    + Mẹ hiền (một mình nuôi con nhỏ ...)
    + Dâu thảo (tận tình chăm sóc mẹ già lúc yếu đau, lo thuốc thang ...)
- Những nguyên nhân dẫn đến bi kịch của Vũ Nương.
    + Cuộc hôn nhân bất bình đẳng.
    + Tính cách và cách cư sử hồ đồ, độc đoán của Trương Sinh.
    + Tình huống bất ngờ (lời của đứa trẻ thơ ...)
- Kết cục của bi kịch là cái chết oan nghiệt của Vũ Nương.
- Ý nghĩa của bi kịch: Tố cáo xã hội phong kiến.
- Giá trị nhân đạo của tác phẩm.

b. Kết bài:

- Khẳng định lại phẩm chất, vẻ đẹp của Vũ Nương.
- Khẳng định lại giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

....

TIẾT 4-5:

CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH

'Trích: Vũ trung tuỳ bút- Phạm Đình Hổ"

A. Tóm tắt kiến thức cơ bản

1. Tác giả: Phạm Đình Hổ (1768- 1839) tục gọi là Chiêu Hổ

- Quê: Đan Loan - Đường An - Tỉnh Hải Dương
- Sự nghiệp: Có nhiều công trình biên soạn, khảo cứu có giá trị đủ các lĩnh vực tất cả đều bằng chữ Hán

2. Tác phẩm "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh"

- Gồm 88 mẩu chuyện nhỏ bàn về các thứ lễ nghi, phong tục, tập quán, ghi chép những sự việc xảy ra trong xã hội lúc đó. Tác phẩm có giá trị văn chương đặc sắc, cung cấp những tài liệu quý về sử học, địa lí, xã hội học

a. Nội dung

- Thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận trong phủ chúa Trịnh
- Những thủ đoạn nhũng nhiễu dân của bọn quan lại hầu cận
- Tình cảnh của người dân

b. Nghệ thuật

- Các sự việc đưa ra cụ thể, chân thực, khách quan, không xen lời bình của tác giả, có liệt kê và cũng có miêu tả tỉ mỉ, vài sự kiện để khắc hoạ ấn tượng. Cảm xúc của tác giả (*thái độ bất bình, phê phán*) cũng được gửi gắm kín đáo

c. Chủ đề: "*Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*" phản ánh đời sống xa hoa của vua chúa và sự những nhiễu của quan lại thời Lê - Trịnh

B. CÁC DẠNG ĐỀ

1. Dạng đề 3 điểm :

Đề 1: Viết đoạn văn từ 10-15 dòng nêu ý nghĩa của đoạn văn sau "*Nhà ta ở phường Hà Khẩu, huyện Thọ Xương, trước nhà Tiền đường có trồng một cây lê, cao vài mươi trượng, lúc nở hoa, trắng xoá thơm lừng; trước nhà trung đường cũng trồng hai cây lựu trắng, lựu đỏ, lúc ra quả trông rất đẹp, bà cung nhân ta sai chặt đi cũng vì cớ ấy."*

(Phạm Đình Hổ - ***Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*** - Ngữ văn 9 tập 1)

*** Gợi ý :**

a. Mở đoạn:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm
- Đoạn văn được trích trong văn bản "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh" - Phạm Đình Hổ - Ngữ văn 9 tập 1

b. Thân đoạn:

- Tác giả kể lại một sự việc đã từng xảy ra ngay tại gia đình mình . Bà mẹ của tác giả đã phải sai chặt đi một cây lê và hai cây lựu quí rất đẹp trong vườn nhà mình để tránh tai hoạ.
- Ý nghĩa: Cách dẫn dắt câu chuyện làm tăng sức thuyết phục cho những chi tiết chân thực mà tác giả đã ghi chép, cách viết phong phú và sinh động. Qua đó cảm xúc của tác giả (*thái độ bất bình, phê phán*) cũng được gửi gắm một cách kín đáo. Sự vật được kể mang tính khách quan.

c. **Kết đoạn**:

- Thủ đoạn của bọn hoạn quan khiến cho người dân phải tự huỷ bỏ cây quý của nhà mình. Đó là điều hết sức vô lí, bất công

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm :

Đề 1: *Cảm nhận của em về văn bản "**Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh**" của Phạm Đình Hổ (Ngữ văn 9- tập 1)*

***Gợi ý** :

1. Mở bài: Giới thiệu chung về tác giả - tác phẩm, khái quát nội dung nghệ thuật của tác phẩm "***Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh***" phản ánh đời sống xa hoa của vua chúa và sự nhũng nhiễu của quan lại thời Lê - Trịnh

2. Thân bài:

a. Thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh

- Xây dựng nhiều cung điện, đình đài ở các nơi để thoả ý
- Thích chơi đèn đuốc, ngắm cảnh đẹp - > Ý thích đó không biết bao nhiêu cho vừa. Vì vậy việc xây dựng đình đài cứ liên miên, hao tài, tốn của
- Những cuộc dạo chơi của chúa ở Tây Hồ được miêu tả tỉ mỉ (diễn ra thường xuyên, tháng ba bốn lần). Huy động rất đông người hầu hạ (*Binh lính dàn hầu vòng quanh bốn mặt hồ mà Tây Hồ rất rộng)*
- Các nội thần, quan hộ giá, nhạc công ... bày đặt nhiều trò giải trí lố lăng và tốn kém
- Việc tìm thu vật "phụng thủ" thực chất là cưỡng đoạt những của quý trong thiên hạ (*chim quý, thú lạ)* về tô điểm cho nơi ở của chúa.

VD: Miêu tả kĩ, công phu: Đưa một cây đa cổ thụ "từ bên bờ Bắc chở qua sông đem về" phải một cơ binh hàng trăm người mới khiêng nổi

-> Ý nghĩa đoạn văn "*Mỗi khi đêm thanh vắng... biết đó là triệu bất tường*" => Cảm xúc chủ quan của tác giả được bộc lộ, nhất là khi ông xem đó là "triệu bất tường" -> Điềm gở, điềm chẳng lành -> Báo trước sự suy vong tất yếu của một triều đại chỉ biết ăn chơi hưởng lạc.

b. Những thủ đoạn nhũng nhiễu dân của bọn quan lại hầu cận

Thời chúa Trịnh Sâm bọn hoạn quan hầu cận trong phủ chúa rất được sủng ái -> Chúng ỷ thế nhà chúa mà hoành hành tác oai, tác quái trong nhân dân. Thủ đoạn của chúng là hành đông vừa ăn cướp vừa la làng.

c. Tình cảnh của người dân

- Người dân bị cướp tới hai lần, bằng không thì phải tự tay huỷ bỏ của quý của mình. Chính bà mẹ của tác giả đã phải sai chặt đi một cây lê và hai cây lựu quí rất đẹp trong vườn nhà mình để tránh tai hoạ

*** Nghệ thuật**: Cảnh được miêu tả là cảnh thực (*cảnh ở các khu vườn rộng*...)

- Cảm xúc chủ quan của tác giả được bộc lộ khi ông xem đó là "triệu bất tường"
- Các sự việc đưa ra cụ thể, chân thực, khách quan, không xen lời bình của tác giả, có liệt kê và cũng có miêu tả tỉ mỉ vài sự kiện để khắc hoạ ấn tượng. Cảm xúc của tác giả (thái độ bất bình, phê phán) cũng được gửi gắm kín đáo.

3. Kết đoạn

- Suy nghĩ của bản thân về thực trạng của đất nước qua những ghi chép của tác giả.
- Liên hệ thực tế xã hội ngày nay.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. Dạng đề 3 điểm:

Đề 1: *Viết đoạn văn (15-20 dòng) giới thiệu về tác giả và nội dung chính của đoạn trích* ***"Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh"*** *(Trích* ***Vũ trung tuỳ bút****) Phạm Đình Hổ (Ngữ văn 9- tập 1)*

*** Gợi ý:**

a. Mở đoạn: Giới thiệu khái quát về đoạn trích.

b. Thân đoạn:

- Giới thiệu tác giả: Phạm Đình Hổ sống vào thời buổi đất nước loạn lạc nên muốn ẩn cư. Đến thời Minh Mạng nhà Nguyễn, vua vời ông ra làm quan. Ông đã mấy lần từ chức rồi lại bị triệu ra.

- Nội dung chính: Tác phẩm viết khoảng đầu đời Nguyễn (đầu thế kỉ IX)

+ Ghi chép về cuộc sống ở phủ chúa thời Thịnh Vương Trịnh Sâm, lúc mới lên ngôi, Thịnh Vương (1742-1782) là con người "cứng rắn, thông minh, quyết đoán, sáng suốt, trí tuệ hơn người" nhưng sau khi đã dẹp yên được các phe phái chống đối, lập lại kỉ cương thì "dần dần sinh bụng kiêu căng, xa xỉ, phi tần, thị nữ kén vào rất nhiều, mặc ý vui chơi thoả thích, chúa say mê Đặng Thị Huệ, đắm chìm trong cuộc sống xa hoa, ăn chơi hưởng lạc..." gây nên nhiều biến động, các vương tử tranh giành quyền lực, đánh giết lẫn nhau. Đó chính là hiện thực đen tối của lịch sử nước ta thời đó.

c. Kết đoạn:

- Khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

2. Dạng đề 5 -7 điểm:

Đề 1: *Em hãy thử tưởng tượng mình là Trịnh Sâm và tự kể lại ý thích, thói quen ăn chơi xa xỉ của mình (có sử dụng yếu tố miêu tả)*

*** Gợi ý:**

a. Mở bài: - (*Dùng ngôi kể thứ nhất*) Giới thiệu khái quát bản thân. (*Ta - Thịnh Vương Trịnh Sâm, thông minh sáng suốt, từng một tay dẹp yên các phe phái đối lập, lập lại trật tự kỉ cương xã hội...)*

b. Thân bài

- Kể lại cuộc sống của mình (*bám sát nội dung văn bản)*

- Thích ngao du sơn thuỷ uống rượu, cho thoả chí.
- Xây dựng rất nhiều cung điện, đền đài. Công việc xây dựng tiêu tốn khá nhiều tiền của nhưng không hề gì, miễn là thích...
- Thường xuyên ngự trên Hồ Tây, trên núi, cứ mỗi tháng độ ba bốn lần ta lại ra Hồ Tây ngắm cảnh, tưởng như đang lạc giữa chốn bồng lai tiên cảnh.
- Rất thích thú với cảnh binh lính dàn hầu đông đúc vòng quang bốn bề mặt hồ rộng lớn, cảnh các nội thần, thái giám hoá trang, mặc áo đàn bà…

- Suốt ngày ta chỉ nghĩ đi đâu chơi, bày đặt trò giải trí nào để thoả sức hưởng thụ. Cuộc sống thật dễ chịu...

- Có thú chơi cao sang là sưu tầm đồ quý trong thiên hạ. Đi đến đâu cũng sai bọn hầu cận lùng sục trong dân chúng xem có cái gì đáng giá là tịch thu ngay đem về phủ chúa...

c. Kết bài: Khái quát nội dung

- Làm bất cứ những gì ta thích. Bởi vì ta là một vị chúa thông minh, tài giỏi và có nhiều công lao nhất...

....

Tiết 6+7:

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

-Ngô gia văn Phái-

A/ TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. **Tác giả:**

Ngô gia văn Phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du làm quan thời Lê Chiêu Thống...

2.Tác phẩm:

a/ Nội dung: phản ánh vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và bè lũ bán nước Vua tôi nhà Lê.

b/ Nghệ thuật:

- Lối văn trần thuật kết hợp miêu tả chân thực, sinh động. Thể loại tiểu thuyết viết theo lối chương hồi. Tất cả các sự kiện lich sử trên đều được miêu tả một cách cụ thể, sinh động.
- Tác phẩm được viết bằng văn xuôi chữ Hán, có quy mô lớn đạt được những thành công xuất sắc về mặt nghệ thuật , đặc biệt trong những lĩnh vực tiểu thuyết lịch sử.

c/ Chủ đề: Phản ánh chân thực vẻ đẹp của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ với lòng yêu nước, quả cảm, tài trí, nhân cách cao đẹp. Sự hèn nhát, thần phục ngoại bang một cách nhục nhã của quân tướng nhà Thanh và vua tôi nhà Lê.

B/ CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

Đề 1: *Viết một đoạn văn ngắn tóm tắt hồi 14:* ***Đánh Ngọc Hồi quân Thanh bị thua trận. Bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài*** *(trích* ***Hoàng Lê nhất thống chí*** *)của Ngô Gia Văn Phái.*

*** Gợi ý:**

a/ Mở đoạn: Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm và vị trí đoạn trích.

b/ Thân đoạn:

- Nhận được tin cấp báo quân Thanh chiếm được thành Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế và thân chinh cầm quân đi dẹp giặc.
- Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.
- Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống.

c. Kết đoạn:

- Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ với lòng yêu nước quả cảm tài chí và sự thất bại thảm hại của quân tướng nhà Thanh và vua tôi nhà Lê.

2. Dạng đề 5- 7 điểm:

Đề 1*: Phân tích ngắn gọn hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ ở hồi 14 trong tác phẩm* ***Hoàng Lê nhất thống chí***

*** Gợi ý**

a. **Mở bài:**

- Giới thiệu khái quát về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm.
- Giới thiệu chung về hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ ở hồi 14.

b. Thân bài:

- *Con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán.*

+ Nghe tin giặc chiếm thành Thăng Long, Quang Trung định thân chinh cầm quân đi ngay.

+ Chỉ trong vòng hơn một tháng lên ngôi Hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc gặp gỡ người Cống Sỹ ở huyện La Sơn, tuyển mộ quân lính và mở cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An, phủ dụ tướng sỹ, định kế hoạch hành quân, đánh giặc và cả kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau chiến thắng.

- *Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén.*

+ Sáng suốt trong việc phân tích tình hình thời cuộc và thế tương quan chiến lược giữa ta và địch.

+ Sáng suốt, nhạy bén trong việc xét đoán và dùng người thể hiện qua cách xử trí với các tướng sỹ ở Tam Điệp …

- *Ý chí quyết chiến, quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng.*

- *Tài dùng binh như thần.*

+ Cuộc hành quân thần tốc của vua Quang Trung làm cho giặc phải kinh ngạc…

+ Vừa hành quân vừa đánh giặc

- Hình ảnh lẫm liệt trong chiến trận.

+ Vua Quang Trung thân chinh cầm quân…

+ Đội quân không phải là lính thiện chiến, lại trải qua cuộc hành quân cấp tốc, không có thời gian nghỉ ngơi mà dưới sự lãnh đạo tài tình của Quang Trung trận nào cũng thắng lớn…

c. Kết bài:

- Khẳng định lòng yêu nước, tài trí, mưu lược của người anh hùng Nguyễn Huệ.

<u>C. BÀI TẬP VỀ NHÀ</u>:

<u>1. Dạng đề 2-3 điểm</u>:

*** Đề 1**: *Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm* ***Hoàng Lê nhất thống chí.***

a. Mở đoạn:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.

b. Thân đoạn:

- Giới thiệu nhóm tác giả Ngô Thì với hai tác giả chính là Ngô Thì Chí và Ngô Thì Du.

- Giới thiệu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí**.**

c. Kết đoạn:

- Khẳng định giá trị và nội dung nghệ thuật của tác phẩm.

<u>2. Dạng đề 5 -7 điểm</u>:

Đề 1*: Cảm nhận của em về sự thất bại của quân tướng nhà Thanh và số phận thảm hại của bọn vua tôi phản nước hại dân.*

*** Dàn bài:**

a. Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vị trí đoạn trích.

b. Thân bài:

- Sự thất bại của quân tướng nhà Thanh:

+ Tôn Sĩ Nghị là một tên tướng bất tài, kiêu căng, tự mãn, chủ quan khinh địch.

+ Không đề phòng, suốt ngày chỉ lo vui chơi, yến tiệc.

+ Khi quân Tây Sơn tấn công thì sợ mất mật, quân tướng ai nấy đều rụng rời sợ hãi xin hàng, ai nấy đều rụng rời sợ hãi hoảng hồn tan tác.

- Số phận thảm hại của bọn vua tôi phản nước hại dân:

+ Đem vận mệnh của cả dân tộc đặt vào tay kẻ thù xâm lược nên đã phải chịu đựng nỗi sỉ nhục của kẻ di cầu cạnh van xin, không còn tư cách của một quân vương.

+ Chịu chung số phận bi thảm của kẻ vong quốc.

+ Tình cảnh của vua tôi nhà Lê trên đường tháo chạy.

+ Suy nghĩ của bản thân.

c. Kết bài:
- Khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

....

TRUYỆN KIỀU
Nguyễn Du

***Tiết 8-9* : TÁC GIẢ TÁC PHẨM**

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả: Nguyễn Du
- Bản thân.
- Gia đình.
- Thời đại.
- Cuộc đời
- Sự nghiệp.
- Tư tưởng- tình cảm.

2. Tác phẩm:
- Hoàn cảnh sáng tác:
- Xuất xứ
- Tóm tắt tác phẩm.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

Đề 1: Tóm tắt ngắn gọn tác phẩm Truyện Kiều trong 20 dòng.

** Gợi ý:Tóm tắt truyện***.**

Phần 1. Gặp gỡ và đính ước
- Chị em Thúy Kiều đi chơi xuân, Kiều gặp Kim Trọng (bạn Vương Quan) quyến luyến.
- Kim Trọng tìm cách dọn đến ở gần nhà, bắt được cành thoa rơi, trò chuyện cùng Thuý Kiều, Kiều-Kim ước hẹn nguyền thề.

Phần 2. Gia biến và lưu lạc
- Kim về hộ tang chú, gia đình Kiều gặp nạn. Kiều bán mình chuộc cha.
- Gặp Thúc Sinh, Chuộc khỏi lầu xanh . Bị vợ cả Hoạn Thư đánh ghen, bắt Kiều về hành hạ trước mặt Thúc Sinh.
- Kiều xin ra ở Quan Âm Các, Thúc Sinh đến thăm, bị Hoạn Thư bắt, Kiều sợ bỏ trốn ẩn náu ở chùa Giác Duyên. Kiều rơi vào tay Bạc Bà, rồi lại rơi vào lầu xanh lần hai.
- Kiều gặp Từ Hải, được chuộc khỏi lầu xanh. Kiều báo ân báo oán. Bị mắc lừa HồTôn Hiến. Từ Hải chết. Kiều bị gán cho viên Thổ quan. Kiều nhảy xuống dòng Tiền Đường tự vẫn. Sư bà Giác Duyên cứu thoát về tu ở chùa.

Phần 3. Đoàn tụ
- Sau khi hộ tang trở về được gả Thúy Vân, Kim vẫn khôn nguôi nhớ Kiều, tìm kiếm Kiều. Kim lập đàn lễ, gặp Kiều, gia đình sum họp. Kiều không muốn nối lại duyên xưa. Chỉ coi nhau là bạn.

Đề 2: *Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật Tác phẩm Truyện Kiều - Nguyễn Du.*

*** Gợi ý:**

1. Nội dung:
- Giá trị nhân đạo: Đề cao tự do, ước mơ đẹp về tình yêu; khát vọng công lí, khát vọng về quyền sống... Ca ngợi phẩm chất con người (*Kiều: Đẹp, tài, trí, hiếu thảo, trung hậu, vị tha)*
- Giá trị hiện thực: Bức tranh hiện thực về một xã hội bất công. Tiếng nói lên án, tố cáo các thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người.

2. Nghệ thuật:

- Truyện Kiều là sự kết tinh tthành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ thể loại (*Văn học dân tộc; thể thơ lục bát; nghệ thuật tự sự ; Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên ; khắc hoạ tính cách , tâm lý con người).*

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

Đề 1: Giới thiệu những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Du.

*** Gợi ý:**

1. Bản thân.

- Sinh 3.1.1766 *(Năm Ất Dậu niên hiệu Cảnh Hưng*) Mất 16.9.1820. Tên chữ Tố Như hiệu Thanh Hiên.
- Quê Tiên Điền, Nghi Xuân , Trấn Nghệ An. 10 tuổi mồ côi mẹ.
- Là một trong năm người nổi tiếng đương thời.

2. Gia đình.

- Đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống khoa bảng. Có thế lực bậc nhất lúc bấy giờ.
- Cha là Nguyễn Nghiễm - nhà văn - nhà nghiên cứu sử học- nhà thơ và từng làm tể tướng.
- Mẹ là Trần Thị Tần xuất thân dòng dõi bình dân, người xứ Kinh Bắc, là vợ thứ ba và ít hơn chồng 32 tuổi.
-Thuở niên thiếu Nguyễn Du chịu nhiều ảnh hưởng của mẹ.

3. Thời đại.

- Cuối Lê đầu Nguyễn - thời kì phong kiến Việt Nam suy tàn , giai cấp thống trị thối nát, đời sống xã hội đen tối, nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Khởi nghĩa Tây Sơn.

4. Cuộc đời.

- Từng làm quan cho nhà Lê, chống lại Tây Sơn nhưng thất bại, định trốn vào Nam theo Nguyễn Ánh nhưng không thành, bị bắt rồi được thả.
- Sống lưu lạc ở miền Bắc, về quê ở ẩn, nếm trải cay đắng
- Năm 1802 làm quan cho triều Nguyễn, tài giỏi được cử đi xứ sang Trung Quốc hai lần.

5. Sự nghiệp thơ văn.

- Ông để lại một di sản văn hóa lớn cho dân tộc:
  + Thơ chữ Hán: Thanh Hiên Thi Tập, Bắc hành tạp lục, Nam Trung tạp ngâm.
  + Thơ chữ Nôm: Đoạn Trường Tân Thanh (Truyện Kiều),Văn chiêu hồn,Văn tế sống hai cô gái trường lưu.

6. Tư tưởng tình cảm

- Đối với những kẻ thuộc tầng lớp trên, tướng lĩnh hay quan lại cao cấp Nguyễn Du vạch trần tội ác của chúng.
- Đối với những con người bất hạnh... ông dành hết tình thương đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

**** Tóm lại:***

- Sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Du từ chữ Hán đến truyện Kiều, văn chiêu hồn đều sáng ngời Chủ nghĩa nhân đạo. Mặc dù sinh ra trong gia đình quý tộc, Nguyễn Du lăn lộn nhiều trong cuộc sống, yêu thương quần chúng, lắng nghe tâm hồn, nguyện vọng của quần chúng nên ông ý thức được những vấn đề trọng đại của cuộc đời.Với tài năng nghệ thuật tuyệt vời ông đã làm cho vấn đề trọng đại càng trở nên bức thiết hơn, da diết hơn, nóng bỏng hơn.Thơ Nguyễn Du dù chữ Hán hay Nôm đều đạt tới trình độ điêu luyện. Riêng truyện Kiều là một công hiến to lớn của ông đối với sự phát triển của văn học dân tộc.
- Nguyễn Du - đại thi hào dân tộc- người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học dân tộc- một danh nhân văn hóa thế giới.
- Thơ Nguyễn Du là niềm tự hào dân tộc – Niềm tự hào của văn học Việt Nam.
- Tố Hữu ca ngợi: Tiếng thơ ai động đất trời

Nghe như non nước vọng lời ngàn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.”

Tiết 10: CHỊ EM THUÝ KIỀU

A/ TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Nội dung:

- Khắc hoạ những nét riêng về nhan sắc tài năng, tính cách số phậnThuý Vân, Thuý Kiều.
- Trân trọng, ca ngợi vẻ đẹp của con người.

2. Nghệ thuật:

- Bút pháp nghệ thuật ước lệ, lấy vẻ đẹp thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp con người.

B/ CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 3 điểm

***Đề** 1: Cảm nhận của em về vẻ đẹp chung của chị em Thuý Kiều qua đoạn trích Chị em Thuý Kiều của Nguyễn Du.*

*** Gợi ý**:

- Mở đoạn: Giới thiệu chung về vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều.
- Thân đoạn: Vẻ đẹp chung của hai chị emThuý Vân, Thuý Kiều.
- Kết đoạn: Khẳng định vẻ đẹp cao quý của chị em Thuý Kiều qua nghệ thuật tả người tài tình của tác giả Nguyễn Du.

2. Dạng đề 5 đến7 điểm

Đề 2: *Cảm nhận của em về đoạn trích "Chị em Thúy Kiều" (Trích "Truyện Kiều" Nguyễn Du).*

a. Mở bài.

- Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích;
- Cảm nhận chung về đoạn trích.

b. Thân bài.

* *Bốn câu đầu*.- Vẻ đẹp chung của hai chị em.

- Nhịp điệu, hình ảnh được lựa chọn theo bút pháp ước lệ cổ điển " Mai cốt cách.... mười phân vẹn mười" hoa, tuyết ước lệ cho người phụ nữ, người đẹp.

Hình mảnh mai, sắc rực rỡ, hương quý phái. Tinh thần trắng trong, tinh khiết, thanh sạch. Hai vế đối nhau, câu thơ trở nên tao nhã gợi cảm. Âm điệu nhịp nhàng nhấn mạnh sự đối xứng làm nổi bật vẻ đẹp cân đối hoàn hảo của hai chị em.

* *16 câu tiếp theo*: - Vẻ đẹp của Thúy Vân và tài sắc của Thúy Kiều.

- Bốn câu tả Thúy Vân.

+ Hình ảnh: Khuôn mặt đầy đặn, cân đối phúc hậu, suối tóc óng như mây, điệu cười, giọng nói đoan trang, làn da sáng hơn tuyết.

Tác giả miêu tả Thúy Vân toàn vẹn bằng những nét ước lệ hình ảnh ẩn dụ thích hợp, tinh tế từ khuôn mặt, nét mày, điệu cười giọng nói, mái tóc làn da. Kì diệu hơn Nguyễn Du vừa miêu tả nhan sắc đã cho thấy ngay số phận an bài hạnh phúc của nhân vật.

- 12 câu tả Kiều.

+Số lượng câu chứng tỏ Nguyễn Du dùng hết bút lực, lòng yêu mến vào nhân vật này.

lấy Vân làm nền để làm nổi bật Kiều, Vân xinh đẹp là thế nhưng Kiều còn đẹp hơn.

Nếu Vân đẹp tươi thắm, hiền dịu thì Thúy Kiều lại đẹp sắc sảo " nghiêng nước, nghiêng thành"

- Trích dẫn: Thơ
  - Nhận xét: - Kiều đẹp tuyệt đối,
  - Phân tích: bằng nghệ thuật ước lệ, tác giả điểm xuyết một đôi nét dung nhan khiến Thúy Kiều hiện lên rạng rỡ :

+ "làn thu thủy": đôi mắt trong xanh như nước mùa thu gợi cảm mà huyền ảo.

+ " nét xuân sơn": nét mày thanh thản tươi xanh mơn mởn đẹp như dáng núi mùa xuân tươi trẻ.

- Phân tích: phép tu từ nhân hóa, từ ngữ chọn lọc thể hiện thái độ của thiên nhiên với Kiều. Với vẻ đẹp của Vân thiên nhiên chẳng đố kị mà chịu thua, chịu nhường còn với vẻ đẹp của Kiều " hoa ghen", " liễu hờn" thể hiện sự đố kị.
- Tả vẻ đẹp lấy từ điển cố " nhất cố khuynh thành, tái cố khuynh quốc" tạo sự súc tích, có sức gợi lớn làm bật vẻ đẹp có sức hút mạnh mẽ

*__Tóm lại__: Vẻ đẹp của Kiều gây ấn tượng mạnh, một trang tuyệt sắc.

- Không chỉ là giai nhân tuyệt thế mà Kiều còn rất đa tài.
- Tài đánh đàn, Soạn nhạc: khúc " bạc mệnh oán" (Tâm hồn đa sầu, đa cảm, phong phú. Khúc nhạc dự đoán cho số phận đau khổ, bất hạnh của Kiều sau này).
- So với đoạn tả Thúy Vân, chức năng dự báo còn phong phú hơn.
- Những câu thơ miêu tả nhan săc, tài năng dự đoán số phận đã thể hiện quan niệm " thiên mệnh" của nho gia, thuyết tài mệnh tương đố" của Nguyễn Du.
- Nét tài hoa của Nguyễn Du bộc lộ rõ nét trong nghệ thuật tả người ở đoạn thơ.
- Bút pháp nghệ thuật có tính truyền thống của thơ văn cổ nhưng ông đã vượt lên được cái giới hạn đó. 16 câu tả vẻ đẹp của hai chị em Kiều gần như đầy đủ vẻ đẹp của người phụ nữ theo quan niệm xưa: Công - dung - ngôn - hạnh. Tài ấy thể hiện cả ở tả tình, tâm hồn của nhân vật và dự báo số phận nhân vật.

* *Đức hạnh và phong thái của hai chị em Kiều.*

- Cuộc sống "êm đềm", " phong lưu" khuôn phép, đức hạnh mẫu mực.
- Đoạn cuối: khép lại bức chân dung của hai chị em Thúy Kiều đồng thời khép lại toàn đoạn trích khiến nó thêm chặt chẽ với tác phẩm, với số phận từng nhân vật. Vân êm ái, Kiều bạc mệnh.
- Cách miêu tả - giới thiệu chính xác số phận từng nhân vật.

Cuối đoạn miêu tả vẫn trong sáng, đằm thắm như chở che bao bọc cho chị em Kiều - 2 bông hoa vẫn còn trong nhụy.

* Nhận xét chung về nội dung - nghệ thuật.

C.Kết bài:

Khẳng định vẻ đẹp trong sáng thanh cao của chị em Thuý Kiều. Nghệ thuật miêu tả nhân vật tài tình, tình cảm yêu quý trân trọng của tác giả dành cho Vân, Kiều.

Tiết 11: CẢNH NGÀY XUÂN

__A/ TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN__:

1. Nội dung:

- Gợi tả bức hoạ mùa xuân với những đặc điểm riêng biệt.
- Thể hiện tâm trạng của nhân vật trong buổi du xuân.

2. Nghệ thuật :

- Tả cảnh thiên nhiên đặc sắc.
- Từ ngữ giàu chất tạo hình.

__B/ CÁC DẠNG ĐỀ:__

__1. Dạng đề 3 điểm__:

Đề 1: Viết đoạn văn ngắn 10 -15 dòng nêu cảm nhận của em về hai câu thơ:

Dập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nêm

Cảnh ngày xuân (Trích ***Truyện Kiều -*** Nguyễn Du)

**** Gợi ý:***

- Cảnh lễ hội trong tiết thanh minh được miêu tả thật sinh động, mang đậm nét văn hoá dân gian việt nam:

Dập dìu tài tử giai nhân

Ngựa xe như nước áo quần như nêm

- Tết thanh minh, mọi người tập trung đi tảo mộ, họ là những nam thanh nữ tú đi sửa sang lại phần mộ của người thân . Không khí thật đông vui, rộn ràng được thể hiện qua một loạt các từ ghép, từ láy giàu chất tạo hình (Dập dìu, Ngựa xe, giai nhân- tài tử, áo quần…) Câu thơ nhịp nhàng , uyển chuyển ….

- Tất cả đều góp phần thể hiện cái không khí lễ hội đông vui, náo nhiệt. Một truyền thống tốt đẹp của những nước Á Đông.

2. Dạng đề 5 - 7 điểm :

Đề1: *Cảm nhận về khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp trong đoạn trích* ***Cảnh ngày xuân****. (Truyện Kiều- Nguyễn Du)*

*** Gợi ý :**

a. Mở bài : Giới thiệu chung về đoạn trích

- Cảm nhận chung về khung cảnh thiên nhiên được miêu tả trong đoạn trích

b. Thân bài : **Khung cảnh ngày xuân**

- Bốn câu thơ đầu gợi lên khung cảnh mùa xuân . Một bức tranh xuân tuyệt tác:

"*Ngày xuân con én đưa thoi*
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh rợn chân trời.
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa. "

- Ngày xuân qua đi nhanh như chiếc thoi dệt vải trong khung cửi -> không khí rộn ràng, tươi sáng của cảnh vật trong mùa xuân; tâm trạng nuối tiếc ngày xuân trôi qua nhanh quá. Như thế hai câu đầu vừa nói về thời gian mà còn gợi tả không gian mùa xuân. Hai câu còn lại là một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp.

"*Cỏ non xanh tận chân trời.*
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa"

- Bát ngát trải rộng đến tận chân trời là thảm cỏ non tơ xanh rợn -> gam màu nền của bức tranh ngày xuân tươi đẹp. Sự phối hợp màu sắc của bức tranh thật hài hòa. Màu xanh non tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở, cho sức sống đang lên , còn màu trắng là biểu tượng của sự trong trắng tinh khiết .

-> Ngày xuân ở đây thật khoáng đạt, mới mẻ, thanh tân, dạt dào sức sống trong một không khí trong lành, thanh thoát. Từ "điểm" dùng ở đây làm cho bức tranh thêm sinh động, có hồn.

- Cảnh lễ hội trong tiết thanh minh cũng được miêu tả thật sinh động , náo nức:

"Gần xa nô nức yến oanh .
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Dập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nêm
Ngổn ngang gò đống kéo lên .
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay"

- Không khí rộn ràng được thể hiện qua một loạt các từ ghép, từ láy giàu chất tạo hình.Tất cả đều góp phần thể hiện cái không khí lễ hội đông vui, một truyền thống tốt đẹp của những nước Á Đông.

" Tà tà ... bắc ngang".

- Cảm giác bâng khuâng nuối tiếc. Cảnh vật, không khí mùa xuân trong sáu câu này so với mấy câu đầu đã có sự khác biệt. Mọi thứ đều đã lắng xuống, nhạt dần.

- Nắng xuân ấm áp hồng tươi vào buổi sớm giờ đây đã "nhạt" đi, khe suối nhỏ, nhịp cầu bắc ngang tuy vẫn giữ nét thanh dịu của mùa xuân với mọi chuyển động nhẹ nhàng, nhưng mặt trời ngả bóng về Tây, bước chân người thẩn thơ lưu luyến, tiếc nuối, dòng nước uốn quanh.

- Cảnh chiều tan hội. Tâm trạng mọi người theo đó cũng khác hẳn. Những từ láy "nao nao", "tà tà", "thanh thanh" đâu chỉ tả cảnh mà còn ngụ tình … Một cái gì đó lãng đãng, bâng khuâng, xuyến xao và tiếc nuối…

c. Kết bài : - Nhận xét chung về cảnh thiên nhiên tươi đẹp trong đoạn trích

- Nghệ thuật tả cảnh của đại thi hào Nguyễn Du.

Tiết 12: MÃ GIÁM SINH MUA KIỀU

A/ TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1.Nội dung: Hiểu được tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du:

- Khinh bỉ và căm phẫn sâu sắc bọn buôn người qua hình ảnh nhân vật Mã Giám Sinh .
- Xót xa trước thực trạng con người bị hạ thấp, bị trà đạp dưới chế độ xã hội phong kiến.

2.Nghệ thuật:

- Miêu tả nhân vật, khắc hoạ tính cách qua diện mạo cử chỉ.

B/ CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 3 điểm:

Đề 1: *Trong đoạn trích **Mã Giám Sinh Mua Kiều** (trích Truyện Kiều - Nguyễn Du) có những câu thơ rất hay miêu tả về nhân vật này. Em hãy chép lại đúng những câu thơ đó.*

* Gợi ý : Học sinh học thuộc đoạn trích, chép lại đúng những câu thơ miêu tả về nhân vật Mã Giám Sinh.

2. Dạng đề 7 điểm :

Đề 2: *Nêu cảm nhận của em về đoạn trích **"Mã Giám Sinh mua Kiều" (**Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du) để thấy rõ nghệ thuật miêu tả nhân vật phản diện độc đáo của tác giả.*

*** Dàn ý:**

a.Mở bài.

Giới thiệu về nội dung- vị trí đoạn trích. Khái quát nghệ thuật miêu tả nhân vật phản diện độc đáo của tác giả.

b.Thân Bài.

* Giới thiệu: Màn kịch vấn danh.

- Trong lễ vấn danh Mã Giám Sinh xuất hiện là một sinh viên trường Quốc tử Giám đến hỏi Kiều làm vợ.

+ Giới thiệu: là người viễn khách – khách phương xa

+ Quê "Huyện lâm Thanh cũng gần. Họ tên không rõ ràng.

+ Tuổi ngoại tứ tuần.

+ Diện mạo: mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao ⇒ chải chuốt, trai lơ.

Hỏi tên, rằng: Mã Giám Sinh. Hỏi quê, rằng: Huyện Lâm Thanh cũng gần ⇒ cộc lốc

+ Cử chỉ hành vi: *Ghế trên ngồi tót sỗ sàng* ⇒ sỗ sàng, thô lỗ, kệch cỡm.

Tóm lại: Tác giả để nhân vật tự bộc lộ tính cách. Nhân vật Mã Giám Sinh đã phơi bày chân tướng – Một con buôn vô học.

*. Màn mua bán. (Dẫn chứng, Phân tích)

- Gặp Kiều: nhìn, ngắm, cân đo, xoay lên đặt xuống coi Kiều như một món hàng ngoài chợ, khi bằng lòng : mặc cả "cò kè" -> bộc lộ rõ bản chất bỉ ổi, trắng trợn, ti tiện, bẩn thỉu

⇒ Hình thức là một lễ vấn danh nhưng thực chất lại là cuộc buôn thịt bán người, trắng trợn bỉ ổi. Từ việc mua bán đề cập tới một hiện thực: xã hội đồng tiền và một loại người xuất hiện ở đó đồng tiền có thế lực vạn năng nên việc mua bán con người dễ dàng như mua một món đồ ngoài chợ.

* Thúy Kiều với nỗi đau đầu đời.

- Tâm trạng đau khổ ê chề, nỗi đau khổ tột cùng nhưng vẫn không làm suy giảm vẻ trang đài của nàng.Thấy được sự cảm thông, lòng yêu thương sâu sắc của tác giả với số phận nhân vật của mình. (Dẫn chứng, Phân tich)

c. Kết bài:

- Bằng ngoại hình, hành động, cử chỉ, lời nói của nhân vật, đoạn trích khắc hoạ chân tướng Mã Giám sinh- Tên buôn thịt bán người giả dối đểu cáng, trơ trẽn qua nghệ thuật miêu tả nhân vật phản diện đặc sắc của tác giả. Đó cũng là tiếng nói cảm thông chia sẻ - Tấm lòng nhân đạo cao cả của Nguyễn Du với cuộc đời, với con người trong xã hội xưa.

Tiết 13: KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH.

A/ TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1.Nội dung:

- Cảm nhận được tâm trạng cô đơn buồn tủi và tấm lòng thuỷ chung hiếu thảo của Thuý Kiều.

2.Nghệ thuật:

- Khắc họa nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại.
- Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

B/ CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 3 điểm

Đề 1: *Chép lại 8 câu thơ cuối trong đoạn trích : " Kiều ở lầu ngưng bích" và nêu cảm nhận về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật trong đoạn thơ.*

*** Gợi ý:**

- Chép đúng nội đúng 8 câu thơ.
- Phần cảm nhận:
  + Mở đoạn: Giới thiệu nghệ thuật tả cảnh ngụ tình
  + Thân đoạn: cảm nhận về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật trong đoạn thơ.
  + Kết đoạn: Đánh giá chung về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc của tác giả.

2. DẠNG ĐỀ 5 HOẶC 7 ĐIỂM:

Đề1: *Cảm nhận của em về tâm trạng của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích qua nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật của Nguyễn Du.*

*** Gợi ý:**

a Mở bài: Giới thiệu chung về đoạn trích *(Đoạn thơ hay nhất biểu hiện bút pháp nghệ thuật đặc sắc về tự sự, tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ độc thoại thể hiện nỗi lòng và tâm trạng của nhân vật Thuý Kiều*)

b. Thân bài:

* Tâm trạng của Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích:

- Đó là tâm trạng cô đơn buồn tủi, đau đớn xót xa
- Nàng nhớ đến Kim trọng, thương chàng
- Nàng thương cha mẹ già thiếu người chăm sóc.
- Nàng nghĩ về hiện tại của bản thân thì thấy buồn dâng lớp lớp như tâm trạng ngổn ngang trước một tương lai mờ mịt, bế tắc.

* Nghệ thuật miêu tả tâm lý của Nguyễn Du:

- Nhà thơ sử dụng ngoại cảnh để tả tâm cảnh.
- Vừa tạo ra sự đối lập *Thiên nhiên rộng lớn- con người nhỏ bé cô đơn* vừa tạo ra sự tương đồng : *cảnh ngổn ngang - tâm trạng ngổn ngang, cảnh mờ mịt nhạt nhoà - tâm trạng u buồn, bế tắc.*
- Nguyễn Du sử dụng điệp ngữ, các từ láy tạo nên sự trùng điệp như nỗi lòng của Kiều đang " Lớp lớp sóng dồi"

C. Kết bài:

- Khẳng định nghệ thuật ***Vịnh cảnh ngụ tình*** đặc sắc của đại thi hào Nguyễn Du.
- Xót thương số phận tài hoa bạc mệnh của Thuý Kiều.
- Căm ghét xã hội phong kiến xấu xa, thối nát, tàn bạo.

Đề 2: *Nêu cảm nhận của em về số phận của người phụ nữ việt nam dưới chế độ xã hội phong kiến thông qua hình ảnh Vũ thị Thiết - (Chuyện Người con gái nam xương) và Thuý Kiều - (Truyện Kiều - Nguyễn Du).*

*** Gợi ý:**

1. Mở Bài:

- Nhấn mạnh về số phận bất hạnh của người phụ nữ việt nam xưa.
- Giới thiệu hai tác phẩm Chuyện Người con gái nam xương- Nguyễn Dữ và Truyện Kiều - Nguyễn Du).

2. Thân bài:

- Số phận bi kịch của người phụ nữ xưa:

+ Đau khổ, bất hạnh, oan khuất tài hoa bạc mệnh . Hồng nhan đa truân.

(- Không được sum họp vợ chồng hạnh phúc, một mình nuôi già, dạy trẻ, bị chồng nghi oan , phải tìm đến cái chết, vĩnh viến không thể đoàn tụ với gia đình chồng con… - Nàng vũ thị Thiết.

- Số phận vương Thuý Kiều: Bi kịch tình yêu, mối tình đầu tan vỡ, phải bán mình chuộc cha, thanh lâu hai lượt thanh y hai lần (Hai lần tự tử, hai lần đi tu, hai lần phải vào lầu xanh, hai lần làm con ở) quyền sống và quyền hạnh phúc bị cướp đoạt nhiều lần…).

+ Cảm thương xót xa cho cuộc đời của những người phụ nữ xưa. Căm giận xã hội phong kiến bất công tàn bạo đã trà đạp lên nhân phẩm cuộc đời họ…

- Vẻ đẹp, nhân phẩm của họ:

+ Tài sắc vẹn toàn:

- Chung thuỷ son sắt (Vũ Thị Thiết)
- Tài sắc hiếu thảo nhân hậu, bao dung khát vọng tụ do công lý và chính nghĩa (Thuý Kiều).

3. Kết bài:

- Nêu cảm nhận bản thân. (Xót xa thương cảm) .
- Bày tỏ thái độ không đồng tình, lên án chế độ xã hội phong kiến bất công vô nhân đạo xưa).
- Khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa hôm nay…

....

Tiết 14 +15 **TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN**

(Nguyễn Đình Chiểu)

A -TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1-Tác giả :

- Nguyễn Đình Chiểu (*1822-1888*), tục gọi Đồ Chiểu ,sinh tại quê mẹ ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định (*nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh*),quê cha ở xã Bồ Điền -Phong Điền -Thừa Thiên Huế .
- Là nhà thơ lớn của dân tộc, ông để lại cho đời nhiều tác phẩm văn chương có giá trị nhằm truyền bá đạo lý và cổ vũ lòng yêu nước, ý chí cứu nước .

2-Tác phẩm

a -Nội dung:

Truyện lục vân tiên là truyện thơ nôm được sáng tác vào khoảng đầu những năm 50 của thế kỷ XI X. Truyện gồm 2082 câu thơ lục bát được viết ra nhằm mục đích truyền dạy đạo lý làm người . Đạo lý đó là :

- Xem trọng tình nghĩa giữa con người với con người trong xã hội, tình cha con, mẹ con, nghĩa vợ chồng, tình bè bạn, tình yêu thương cưu mang những người hoạn nạn.
- Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy...
- Thể hiện khát vọng của nhân dân, hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời .

b-Nghệ thuật:

Lục Vân Tiên là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Nguyễn Đình Chiểu, truyện thơ nôm mang tính chất là truyện để kể nhiều hơn là để đọc, để xem .Truyện có kết cấu ước lệ gần như đã

thành khuôn mẫu .Tác phẩm khắc hoạ thành công những phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga .

c-Chủ đề : Tác phẩm thể hiện khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả, phẩm chất của hai nhân vật, thái độ và niềm tin của tác giả đối với nhân dân lao động.

B- CÁC DẠNG ĐỀ

1. Dạng đề 2-3 điểm

Đề 1 : *Cho hai câu thơ sau :*

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng ".

Em hãy viết đoạn văn giới thiệu về tác giả và cho biết ý nghĩa của hai câu thơ trên?

*** Gợi ý :**

a- Mở đoạn: giới thiệu khái quát về Nguyễn Đình Chiểu , và hai câu thơ.

b - Thân đoạn:

*Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn cuả dân tộc, mãi mãi xứng đáng là ngôi sao sáng trên bầu trời văn nghệ Việt Nam thế kỷ XI X , để lại cho đời nhiều tác phẩm văn chương có giá trị, nhất là truyện Lục Vân Tiên ...

- Lục Vân Tiên là người anh hùng lý tưởng của nhà thơ mù yêu nước. Chiến công đánh cướp của chàng mãi là bài ca hùng tráng của người anh hùng trong xã hội loạn lạc .Vân Tiên đã thể hiện một cách ứng xử vô cùng cao thượng và hào hiệp. Người đẹp băn khoăn về chuyện" báo đức thù công " thì Vân Tiên 'liền cười " rồi đĩnh đạc nói :

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng ".

* Ý nghĩa của hai câu thơ :

Hai câu thơ tác giả thể hiện một quan niệm đạo lý người anh hùng là người sẵn sàng làm việc nghĩa một cách vô tư, không tính toán làm việc nghĩa là bổn phận, là lẽ tự nhiên. Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán .

c-Kết đoạn: Nguyễn Đình Chiểu đã đề cao tinh thần nhân nghĩa , ca ngợi lý tưởng anh hùng vị nghĩa cao đẹp. Quan niệm đó gắn với đạo lý làm người, hướng về nhân dân. Đó là bài học sâu sắc nhất mà ta cảm nhận được...

2 . Dạng đề 5-7 điểm

Đề 2 : *Cảm nhận của em về lòng nhân nghĩa trong đoạn trích "Lục Vân Tiên gặp nạn".*

*** Gợi ý :**

a-Mở bài : Giới thiệu về tác giả , tác phẩm ,nhân vật

- Khái quát chủ đề của đoạn trích

Nguyễn Đình Chiểu đã suốt đời dùng thơ văn làm vũ khí bảo vệ đạo đứcđạo lý ca ngợi chính nghĩa ,nhân nghĩa, ca ngợi những người anh hùng nghĩa hiệp, trọng nghĩa khinh tài, làm việc nhân nghĩa không mảy may vụ lợi ...Một trong những đoạn trích thể hiện thành công chủ đề lòng nhân nghĩa là đoạn trích***"Lục Vân Tiên gặp nạn "...***

b-Thân bài: Cảm nhận về lòng nhân nghĩa trong đoạn trích:

- Thể hiện ở nhân vật Ông Ngư qua :
  + Hành động,việc làm
  + Lời nói ...

Hình ảnh ông ngư và gia đình ông là một hình ảnh đẹp ,đối lập với hình ảnh trịnh hâm như cái thiện đối lập với cái ác, cái cao cả đối lập với những toan tính thấp hèn, ánh sáng đối lập với bóng tối .Hiình ảnh đó hiện lên cao đẹp trong sáng qua những việc làm, lời nói và cuộc sống của ông Ngư:

- Việc làm :

...vớt ngay lên bờ .
Hối con vầy lửa một giờ
Ông hơ bụng dạ ,mụ hơ mặt mày .

Việc làm khẩn trương và rất ân cần ,chu đáo ,cả nhà xúm vào hết lòng chạy chữa cho Vân Tiên những cách thức rất dân dã .Đó là những tình cảm chân thực và lòng yêu thương con người của gia đình ông Ngư .

- Lời nói :

...người ở cùng ta ,
Hôm mai hẩm hút một nhà cho vui .

Những lời nói đầy ân tình và rất mực khảng khái, trọng nghĩa, khinh tài . Gia đình ông Ngư cũng chẳng giàu có gì, chỉ rau cháo qua ngày, vậy mà tấm lòng rộng mở, sẵn sàng cưu mang Vân Tiên . Tấm lòng đó đâu cần đến một sự trả ơn !

...lòng lão chẳng mơ
Dốc lòng nhân nghĩa ,há chờ trả ơn.

Câu nói của ông bộc lộ một thái độ khảng khái, vô tư của con người không vụ lợi, ích kỷ, một lòng làm việc nghĩa không bao giờ cần sự báo đáp của người chịu ơn, đó là đức tính khiêm nhường, thấy việc nghĩa thì làm, không coi đó là công trạng ...

- Cuộc sống của gia đình ông Ngư :

Nước trong rửa ruột ...Hàn Giang .

+ Cuộc sống ngoài vòng danh lợi, ngoài sự bon chen của thế tục nên nó rất trong sạch không gợn vẩn đục .

+ Cuộc sống tự do giữa thiên nhiên cao rộng, hoà nhập, bầu bạn với thiên nhiên.

+ Cuộc sống lạc quan, ung dung, thanh thản bởi con người tự làm chủ mình, tìm thấy niềm vui trong lao động tự do ...

c- Kết bài: hình ảnh ông Ngư bao hàm cả niềm tin và mơ ước của tác giả về cuộc đời , về con người . Điều đáng quý là niềm tin và ước mơ đó đã được Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm vào nhân dân và những người lao động bình thường ...

C- BÀI TẬP VỀ NHÀ

Đề ***1*** *: Viết đoạn văn tóm tắt ngắn gọn tác phẩm "Lục Vân Tiên " của NĐC*

*** Gợi ý** :

- Lục Vân Tiên khôi ngô tuấn tú, tài kiêm văn võ .nghe tin triều đình mở khoa thi liền từ giã thầy xuống núi đua tài ,trên đường về thăn cha mẹ gặp bọn cướp Phong Lai hoành hành, chàng đã một mình đánh tan bọn cướp cứu Kiều Nguyệt Nga ...

Sau khi về thăm cha mẹ,Vân Tiên lên đường đi thi, ghé thăm Võ Công người đã hứa gả con gái cho chàng.Vân Tiên có thêm bạn đồng hành là Vương Tử Trực,...Lúc sắp vào thi Vân Tiên được tin mẹ mất liền bỏ thi về chịu tang. Dọc đường về Vân Tiên đau mắt nặng và bị mù cả hai mắt, lại bị Trịnh Hâm hãm hại, được gia đình ông Ngư cưu mang ....

Đề 2 ***:*** *"Lục Vân Tiên là một chàng trai tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài ". Hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga ".*

(Trích Lục Vân Tiên -Nguyễn Đình Chiểu)

***Gợi ý :**

a - Mở bài: giới thiệu chung về tác giả, đoạn trích, nhân vật

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ yêu nước nổi tiếng, là tấm gương chói sáng trong lịch sử và văn học Việt Nam . Ông đã cống hiến cho đời nhiều tác phẩm nổi tiếng. Truyện thơ Lục Vân Tiên là tác phẩm được nhân dân ta vô cùng yêu thích và truyền tụng, bởi nó là bài học lớn về đạo lý làm người . Đoạn trích là một sự kiện đặc biệt làm nổi bật phẩm chất cao quý của Lục Vân Tiên...

b- Thân bài: Phân tích -chứng minh làm sáng tỏ những luận điểm sau:

- Lục Vân Tiên là chàng trai tài ba, dũng cảm : (hành động đánh cướp cứu dân , một mình tả xung hữu đột, không sợ nguy hiểm đến tính mạng ...Ân cần hỏi han Nguyệt Nga và nữ tì , thương cảm và lo lắng cho hai người một cách chân tình ....

- Lục Vân Tiên là chàng trai trọng nghĩa khinh tài:(khi Kiều Nguyệt Nga kể đầu đuôi sự việc mình mắc nạn và xin được đền ơn thì Lục Vân Tiên liền cười và cho rằng đó là việc làm tất yếu, chuyện thường tình ....

c - Kết bài: khẳng định ....đó là những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật -mẫu người anh hùng lý tưởng của ông và quần chúng ...

Đề bài: *Nhận xét về số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến, Nguyễn Du đã xót xa:*

Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung

Bằng các tác phẩm đã học: "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ và những đoạn trích đã học của "Truyện Kiều" (Nguyễn Du), em hãy làm sáng tỏ điều đó.

Gợi ý:

* Học sinh phải vận dụng những kiến thức đã học về văn bản và kiểu văn bản nghị luận văn học để giải quyết vấn đề đặt ra : số phận đầy đau khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

* Qua hai tác phẩm đã học: "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ và "Truyện Kiều" của Nguyễn Du, ta cần làm rõ những nỗi đau khổ mà ngời phụ nữ phải gánh chịu.

- Nàng Vũ Nương là nạn nhân của chế độ phong kiến nam quyền đầy bất công đối với người phụ nữ.

+ Cuộc hôn nhân của Vũ Nương với Trương Sinh có phần không bình đẳng (Trương Sinh xin mẹ màng trăm lạng vàng cới Vũ Nương về làm vợ) - sự cách bức giàu nghèo khiến Vũ Nương luôn sống trong mặc cảm *"thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu",* và cũng là cái thế để Trương Sinh đối xử với vợ một cách vũ phu, thô bạo và gia trưởng.

+ Chỉ vì lời nói con trẻ ngây thơ mà Tròn Sinh tin nên đã hồ đồ độc đoán mắng nhiếc đánh đuổi vợ di, không cho nàng thanh minh, Vũ Nương buộc phải tìm đến cái chết oan khuất để tự minh oan cho mình.

+ Cái chết đầy oan ức của Vũ Nương cũng không hề làm cho lương tâm Trương Sinh day dứt. Anh ta cũng không hề bị xã hội lên án. Ngay cả khi biết Vũ Nương bị nghi oan, Trương Sinh cũng coi nhẹ vì việc đã qua rồi. Kẻ bức tử Vũ Nương coi mình hoàn toàn vô can.

- Nàng Kiều lại là nạn nhân của xã hội đồng tiền đen bạc

+ Vì tiền mà bọn sai nha gây nên cảnh tan tác, chia lìa gia đình Kiều.

" Một ngày lạ thói sai nha
Làm cho khốc liệt chẳng qua vì tiền"

+ Để có tiền cứu cha và em khỏi bị đánh đập, Kiều đã phải bán mình cho Mã Giám Sinh - một tên buôn thịt bán người, để trở thành món hàng cho hắn cân đong, đo đếm, cò kè, mặc cả, ngã giá…

+ Cũng vì món lợi đồng tiền mà Mã Giám Sinh và Tú Bà đã đẩy Kiều vào chốn lầu xanh nhơ nhớp, khiến nàng phải đau đớn, cay đắng suốt mời lăm năm lưu lạc, phải *"thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần".*

- Những người phụ nữ như Vũ Nương, Thuý Kiều đều phải tìm đến cái chết để giải mọi nỗi oan ức, để giải thoát cuộc đời đầy đau khổ, oan nghiệt của mình.

2. Yêu cầu về hình thức:

- Biết vận dụng kiến thức về nghị luận chứng minh để lập luận tạo thành một bài văn chứng minh hoàn chỉnh.
- Bố cục bài viết có đủ 3 phần
- Biết dùng dẫn chứng trực tiếp và gián tiếp để chứng minh.
- Diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.

....

CHUYÊN ĐỀ 2
THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945

Chủ đề 1: Tình yêu đất nước và tinh thần cách mạng

TIẾT 1+ 2: ĐỒNG CHÍ

(Chính Hữu)

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả:

- Tên thật là Trần Đình Đắc(1926 -2007) quê huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
- Là nhà thơ trưởng thành trong quân đội.
- Thơ của ông hầu như chỉ viết về người lính và hai cuộc kháng chiến.
- Thơ của Chính Hữu có những bài đặc sắc, cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ và hình ảnh chọn lọc, hàm súc.

2. Tác phẩm:

a. Nội dung:

- Cơ sở hình thành tình đồng chí : Bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân của những người lính. Hình thành từ chỗ chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng, sát cánh bên nhau trong hàng ngũ chiến đấu. Tình đồng chí nảy nở và trở thành bền chặt trong sự chan hòa và chia sẻ với nhau.

- Những biểu hiện cảm động của tình đồng chí : Tình đồng chí là sự cảm thông sâu sắc tâm tư nỗi niềm của nhau (nỗi nhớ quê hương, người thân, những khó khăn nơi quê nhà), là cùng nhau chia sẻ những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính (những năm tháng chống Pháp).

- Hình ảnh kết thúc bài thơ : Bức tranh đẹp về tình đồng chí đồng đội, là biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ. Hình ảnh khép lại của bài thơ có sự kết hợp hài hòa giữa chất hiện thực và chất lãng mạn.

b. Nghệ thuật:

- Thể thơ tự do

- Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.

c. Chủ đề: Người lính và tình yêu đất nước và tinh thần cách mạng.

B. CÁC DẠNG ĐỀ.

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm.

Đề 1: *Viết một đoạn văn (15 -> 20 dòng) nêu cảm nhận của em về khổ thơ cuối trong bài thơ " Đồng chí" của Chính Hữu.*

"Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo."

Gợi ý

- Cảnh thực của núi rừng trong thời chiến khốc liệt hiện lên qua các hình ảnh : rừng hoang, sương muối. Người lính vẫn sát cánh cùng đồng đội : đứng cạnh bên nhau, mai phục chờ giặc.
- Hình ảnh *"Đầu súng trăng treo"* vừa có ý nghĩa tả thực, vừa có tính biểu trưng của tình đồng đội và tâm hồn bay bổng lãng mạn của người chiến sĩ. Phút giây xuất thần ấy làm tâm hồn người lính lạc quan thêm tin tưởng vào cuộc chiến đấu và mơ ước đến tương lai hoà bình. Chất thép và chất tình hoà quện trong tâm tưởng đột phá thành hình tượng thơ đầy sáng tạo của Chính Hữu.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm.

Đề 1: *Tình đồng chí cao quý của các anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp qua bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu.*

a- Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.
- Nêu nhận xét chung về bài thơ (như đề bài đã nêu)

b- Thân bài:

**** Cơ sở hình thành tình đồng chí:***

- Xuất thân nghèo khổ: *Nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá*
- Chung lí tưởng chiến đấu: *Súng bên súng, đầu sát bên đầu*
- Chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui, họ nhập lại trong một đội ngũ gắn bó keo sơn: *nước mặn, đất sỏi đá* (người vùng biển, kẻ vùng trung du), *đôi người xa lạ, chẳng hẹn quen nhau*, rồi đến *đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.*
- Kết thúc đoạn là dòng thơ chỉ có một từ : *Đồng chí*!

(một nốt nhấn, một sự kết tinh cảm xúc).

**** Biểu hiện của tình đồng chí:***

- Họ cảm thông chia sẻ tâm tư, nỗi nhớ quê: nhớ ruộng nương, lo cảnh nhà gieo neo (*ruộng nương... gửi bạn, gian nhà không ... lung lay*), từ *"mặc kệ"* chỉ là cách nói có vẻ phớt đời, về tình cảm phải hiểu ngược lại), giọng điệu, hình ảnh của ca dao (*bến nước, gốc đa*) làm cho lời thơ càng thêm thắm thiết.
- Cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn, những cơn sốt rét rừng nguy hiểm: những chi tiết đời thường trở thành thơ (*tôi với anh biết từng cơn ớn lạnh,...*) ; từng cặp chi tiết thơ sóng đôi như hai đồng chí bên nhau : *áo anh rách vai / quần tôi có vài mảnh vá ; miệng cười buốt giá / chân không giày ; tay nắm / bàn tay.*
- Kết đoạn cũng quy tụ cảm xúc vào một câu : *Thương nhau tay nắm lấy bàn tay* (tình đồng chí truyền hơi ấm cho đồng đội, vượt qua bao gian lao)

**** Biểu tượng của tình đồng chí:***

- Cảnh chờ giặc căng thẳng, rét buốt : *đêm, rừng hoang, sương muối.*
- Họ càng sát bên nhau vì chung chiến hào, chung nhiệm vụ chiến đấu : *chờ giặc.*
- Cuối đoạn mà cũng là cuối bài cảm xúc lại được kết tinh trong câu thơ rất đẹp : *Đầu súng trăng treo* (như bức tượng đài người lính, hình ảnh đẹp nhất, cao quý nhất của tình đồng chí, cách biểu hiện thật độc đáo, vừa lãng mạn vừa hiện thực, vừa là tinh thần chiến sĩ vừa là tâm hồn thi sĩ)

c- Kết bài :

- Đề tài về người lính của Chính Hữu được biểu hiện một cách cảm động, sâu lắng nhờ sự khai thác chất thơ từ những cái bình dị của đời thường. Đây là một sự cách tân so với thơ thời đó viết về người lính.
- Viết về bộ đội mà không tiếng súng nhưng tình cảm của người lính, sự hi sinh của người lính vẫn cao cả, hào hùng.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. Dạng 2 hoặc 3 điểm

Đề 2: *Theo em, vì sao tác giả đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là "Đồng chí"?*

- Đó là tên một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến.
- Đó là cách xưng hô phổ biến của những người lính, công nhân, cán bộ từ sau Cách mạng.
- Đó là biểu tượng của tình cảm cách mạng, của con người cách mạng trong thời đại mới.

Đề 3: *Hãy chép 7 câu thơ đầu và nhận xét về cấu trúc của câu thơ thứ 7 trong bài thơ " Đồng chí" của Chính Hữu.*

Đề 4:

"Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo."

Những câu thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về người lính và cuộc chiến đấu?

2. Dạng 5 hoặc 7 điểm
Đề 2: *Suy nghĩ của em về hình ảnh người lính Cụ Hồ trong bài thơ "Đồng chí' của Chính Hữu.*

Gợi ý:

a. Mở bài:
- Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm.
- Cảm xúc khái quát về hình ảnh người lính.

b. Thân bài:

- Những người nông dân áo vải vào chiến trường : Họ ra đi từ những vùng quê nghèo khó, nước mặn đồng chua. Đó chính là cơ sở chung giai cấp của những người lính cách mạng.
- Tình đồng chí cao đẹp của những người lính :
+ Tình đồng chí được nảy sinh từ sự chung nhiệm vụ, sát cánh bên nhau chiến đấu.
+ Tình đồng chí đồng đội nảy nở và thành bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui.
+ Tình đồng chí giúp người lính vượt qua mọi khó khăn gian khổ. Giúp họ chia sẻ, cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau.

c. Kết bài.
Hình ảnh người lính hiện lên chân thực, giản dị mà cao đẹp.

Đề 3: *Hình tượng anh bộ đội Cụ Hồ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp qua bài thơ " Đồng chí" của Chính Hữu.*

....

TIẾT 3+4

BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH
-Phạm Tiến Duật-

A. TÓM TẮT CÁC KIẾN THỨC CƠ BẢN

1.*Tác giả*
- Phạm Tiến Duật (1941- 2007) Quê: Phú Thọ.
- Nhà thơ trẻ, trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.
- Chiến đấu ở binh đoàn vận tải Trường Sơn.
- Phong cách thơ: sôi nổi, hồn nhiên, sâu sắc.
- Đoạt giải nhất về cuộc thi thơ của tuần báo *Văn nghệ,* 1970.

2.Tác phẩm.

a. Nội dung:
- ***Hình ảnh những chiếc xe không kính***:

+ Không kính, không đèn, không có mui, thùng xe xước-> Liên tiếp một loạt các từ phủ định diễn tả độc đáo chân thực những chiếc xe trên đường ra trận .

+ Những chiếc xe không kính hiện lên thực tới mức trần trụi, khơi gợi sự khốc liệt của chiến tranh trong những năm chống Mỹ cam go khốc liệt.

- ***Hình ảnh người chiến sĩ lái xe:***

+ Họ luôn ở tư thế ung dung, hiên ngang, oai hùng mặc dù trải qua muôn vàn thiếu thốn, gian khổ.

Nhìn: đất, trời, nhìn thẳng
Thấy: gió vào xoa mắt đắng; con đường chạy thẳng vào tim; sao trời đột ngột cánh chim.

->Đó là cái nhìn đậm chất lãng mạn, chỉ có ở những con người can đảm, vượt lên trên những thử thách khốc liệt của cuộc sống chiến trường=> Điệp từ, nhịp thơ dồn dập, giọng khoẻ khoắn, tràn đầy niềm vui.

+ Thể hiện tinh thần dũng cảm, lạc quan, sôi nổi, vui tươi; sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ : Bụi phun, mưa tuôn, mưa xối,gió xoa mắt đắng, người lính vẫn cười ngạo nghễ (*cười ha ha*)

- > Đó là những con người có tính cách tươi trẻ, vui nhộn, luôn yêu đời. Tinh thần lạc quan và tình yêu cuộc sống giúp họ vượt qua những gian lao thử thách.

- Cách kết thúc bài thơ rất bất ngờ nhưng cũng rất giàu sức thể hiện: Mặc cho bom rơi, đạn nổ, mặc cho gió, mưa quất thẳng vào buồng lái, mặc cho muôn vàn thiếu thốn, hiểm nguy, những chiếc xe vẫn chạy, "*chỉ cần trong xe có một trái tim*". Đó là trái tim yêu nước, mang lý tưởng khát vọng cao đẹp, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

b. Nghệ thuật

- Nhiều chất hiện thực, nhiều câu văn xuôi tạo sự phóng khoáng, ngang tàng, nhịp thơ sôi nổi trẻ trung tràn đầy sức sống.
- Thu hút người đọc ở vẻ khác lạ độc đáo. Đó là chất thơ của hiện thực chiến tranh.

c. Chủ đề: Người lính và tình yêu đất nước, tinh thần cách mạng.

B. CÁC DẠNG ĐỀ

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm.

Đề 1:

*Chép lại khổ thơ cuối trong **"Bài thơ về tiểu đội xe không kính"** của Phạm Tiến Duật. Nêu nội dung chính của khổ thơ đó?*

Gợi ý:

- HS chép lại 4 câu thơ cuối
- Nội dung:

+ Khổ thơ cuối hiện lên rõ nét sự khốc liệt và dữ dội của chiến tranh : Xe không kính, không đèn, không mui và có thêm một thứ nhưng đó là thêm vết xước, thêm sự hư hại.

+ Không có gì cả nhưng lại có tất cả. Trái tim và sức mạnh của người lính, đó là sức mạnh của con người đã chiến thắng kẻ thù. Trái tim yêu thương, trái tim sôi sục căm giận, trái tim can trường của người chiến sĩ lái xe vì miền Nam thân yêu đang chìm trong máu lửa chiến tranh. Đó là trái tim của lòng quyết tâm chiến đấu và chiến thắng.

2. Dạng đề 5 đến 7 điểm

Đề 1:

*Cảm nghĩ của em về hình ảnh người lính trong "**Bài thơ về tiểu đội xe không kính**" của Phạm Tiến Duật.*

*** Gợi ý**

a. Mở bài:

- Giới thiệu những nét cơ bản về nhà thơ Phạm Tiến Duật và tác phẩm "*Bài thơ về tiểu đội xe không kính."*
- Cảm nghĩ chung về lòng khâm phục và biết ơn thế hệ cha anh đi trước.

b. Thân bài:

- Cảm nhận về chân dung người chiến sĩ lái xe- những con người sôi nổi, trẻ trung, anh dũng, họ kiêu hãnh, tự hào về sứ mệnh của mình. Những con người của cả một thời đại

" Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước"

- Tư thế chủ động, tự tin luôn làm chủ hoàn cảnh của người chiến sỹ lái xe *" Ung dung buồng lái ta ngồi*"
- Tinh thần lạc quan, sẵn sàng chấp nhận những thử thách trước gian khổ, hiểm nguy:

" Không có kính ừ thì có bụi...

... Không có kính ừ thì ướt áo"

- Nhiệt tình cách mạng của người lính được tính bằng cung đường cụ thể " *Lái trăm cây số nữa"*
- Tình đồng đội thắm thiết, thiêng liêng.
- Quyết tâm chiến đấu và chiến thắng vì miền Nam, khát vọng tự do hoà bình cháy bỏng của người chiến sĩ lái xe (khổ thơ cuối)

c. Kết bài.

- Đánh giá về vị trí của bài thơ trên thi đàn văn học kháng chiến .
- Cảm nghĩ khâm phục biết ơn và tự hào về thế hệ đi trước, những con người đã cống hiến cả tuổi thanh xuân của mình cho độc lập và hoà bình của dân tộc.

D. BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm.

Đề 2: *Giải thích ý nghĩa nhan đề của tác phẩm* ***" Bài thơ về tiểu đội xe không kính"*** *của Phạm Tiến Duật.*

Gợi ý:

- Bài thơ có một nhan đề khá dài, độc đáo mới lạ của nó. Nhan đề bài thơ đã làm nổi bật rõ hình ảnh của toàn bài: Những chiếc xe không kính. Hình ảnh này là một phát hiện thú vị của tác giả, thể hiện sự gắn bó và am hiểu hiện thực đời sống chiến tranh trên tuyến đường Trường Sơn.
- Nhan đề giúp cho người đọc thấy rõ hơn cách nhìn cách khai thác hiện thực của tác giả: Không phải chỉ viết về những chiếc xe không kính hay là hiện thực khốc liệt của cuộc chiến tranh mà chủ yếu muốn nói về chất thơ của hiện thực ấy, chất thơ của tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm, trẻ trung, vượt lên thiếu thốn gian khổ, hiểm nguy của chiến tranh.

Đề 3:

*Viết một đoạn văn (15-20 dòng) nêu cảm nghĩ của em về thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ qua bài thơ "****Bài thơ về tiểu đội xe không kính"*** *của Phạm Tiến Duật.*

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

Đề 2:

*Em hãy phân tích "****Bài thơ về tiểu đội xe không kính****" của Phạm Tiến Duật.*

Gợi ý

a. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm.
- Khái quát nội dung của tác phẩm.*(* Tác giả ca ngợi tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, bất chấp mọi khó khăn nguy hiểm; niềm vui trẻ trung, sôi nổi cùng quyết tâm chiến đấu vì miền Nam của các chiến sỹ lái xe Trường Sơn.)

b. Thân bài:

**** Hình ảnh của những chiếc xe không kính:***

- Đó là những chiếc xe vận tải chở hàng hoá, đạn dược ra mặt trận, bị máy bay Mỹ bắn phá , kính xe vỡ hết.
- Bom đạn chiến tranh còn làm cho những chiếc xe ấy biến dạng thêm, trần trụi hơn:

Không có kính rồi xe không có đèn
Không có mui xe thùng xe có xước.

**** Hình ảnh chủ nhân của những chiếc xe không kính- những chiến sĩ lái xe:***

- Tư thế hiên ngang, tự tin
- Tinh thần dũng cảm, lạc quan vượt qua những khó khăn gian khổ: Gió, bụi, mưa nhưng không làm giảm ý chí và quyết tâm của các chiến sỹ lái xe. Họ vẫn: *phì phèo châm điếu thuốc. "Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha*" ....
- Tình đồng đội thắm thiết, thiêng liêng là sợi dây vô hình nối kết mọi người trong hoàn cảnh hiểm nguy, cận kề cái chết:

Những chiếc xe từ trong bom rơi...

... Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi

Tất cả cùng chung lý tưởng chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và tin tưởng vào tương lai tươi sáng đang tới rất gần: *Lại đi, lại đi trời xanh thêm*

- Đoạn kết, chất hiện thực và chất trữ tình hoà quyện vào nhau tạo thành một hình tượng thơ tuyệt đẹp

..... Chỉ cần trong xe có một trái tim.

c. Kết bài:

-*"Bài thơ về tiểu đội xe không kính"* đã khắc hoạ hình ảnh các chiến sỹ lái xe Trường Sơn bằng tình cảm yêu mến và lòng cảm phục chân thành.

- Ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên và giàu cảm xúc. Tác giả đã phát hiện và ca ngợi phẩm chất anh hùng của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc chiến tranh giữ nước đau thương mà oanh liệt vừa qua.

Đề 3:

*Nêu cảm nhận của em về hình ảnh những chiếc xe không kính và những chiến sĩ lái xe trong **" Bài thơ về tiểu đội xe không kính"** của Phạm Tiến Duật.*

....

Chủ đề 2:
TÌNH CẢM GIA ĐÌNH HÒA QUYỆN VỚI TÌNH YÊU ĐẤT NƯỚC

Tiết 5+6: BẾP LỬA

-Bằng Việt-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả.

- Bằng Việt tên thật là Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê ở Thạch Thất - Hà Tây.
- Thuộc lớp nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.
- Là một luật sư
- Đề tài: thường viết về những kỷ niệm, ước mơ của tuổi trẻ, gần gũi với người đọc trẻ tuổi, bạn đọc trong nhà trường.

2. Tác phẩm

a. Nội dung

a) Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu

Bắt đầu từ hình ảnh bếp lửa -> từ đó cả tuổi thơ ấu bỗng sống lại -> Kỷ niệm về những năm tháng tuổi thơ gắn liền với bếp lửa. Bếp lửa đánh thức tuổi thơ, ở đó lung linh hình ảnh người bà và có cả hình ảnh quê hương.

b) Những suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa : Bà tần tảo chịu thương chịu khó, lặng lẽ hy sinh cả một đời -> Từ ngọn lửa của bà cháu nhận ra cả một niềm tin dai dẳng về ngày mai, cháu hiểu được linh hồn của một dân tộc vất vả gian lao mà tình nghĩa.

Từ những ý nghĩa, từ bếp lửa bài thơ đến hình ảnh ngọn lửa của lòng yêu thương, của niềm tin, cuả sức sống mãnh liệt.

c) Niềm thương nhớ của cháu: ở nơi xa khi đã trưởng thành người cháu vẫn không nguôi nhớ về bà và hình ảnh bếp lửa. Hình ảnh ấy đã trở thành kỷ niệm thiêng liêng làm ấm lòng, nâng đỡ cháu trên bước đường đời.

b.Về nghệ thuật

- Sáng tạo: hình ảnh thơ vừa thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng.

- Bài thơ kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận. Thành công của bài thơ còn ở sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi mọi kỷ niệm, cảm xúc và suy nghĩ về bà và tình bà cháu.

- Giọng điệu phù hợp với cảm xúc hồi tưởng suy ngẫm.

c. Chủ đề: Tình cảm gia đình hoà quyện với tình yêu đất nước.

B. CÁC DẠNG ĐỀ

1. Dạng đề 2 đến 3 điểm

Đề 1: Cho câu thơ sau:

"Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa"

.....

a. Hãy chép chính xác 7 câu thơ tiếp theo trong bài thơ "*Bếp lửa*" của Bằng Việt.

b. Hình ảnh bếp lửa và hình ảnh ngọn lửa được nhắc đến nhiều lần trong bài thơ có ý nghĩa gì?

Gợi ý:

b.

- Hình ảnh bếp lửa trong bài thơ có ý nghĩa:

+ Bếp lửa luôn gắn liền với hình ảnh của người bà. Nhớ đến bếp lửa là cháu nhớ đến người bà thân yêu (bà là người nhóm lửa) và cuộc sống gian khổ.

+ Bếp lửa bàn tay bà nhóm lên mỗi sớm mai là nhóm lên niềm yêu thương, niềm vui sưởi ấm, san sẻ.

+ Bếp lửa là tình bà ấm nóng, tình cảm bình dị mà thân thuộc, kì diệu, thiêng liêng.

- Hình ảnh ngọn lửa trong bài thơ có ý nghĩa:

+ Ngọn lửa là những kỉ niệm ấm lòng, niềm tin thiêng liêng, kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài.

+ Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu.

2. Dạng đề 5 đến 7 điểm

Đề 1: *Cảm nhận của em về tình bà cháu và bếp lửa trong bài thơ **" Bếp lửa"** của Bằng Việt.*

Gợi ý:

a. Mở bài: Giới thiệu chung về tác giả và bài thơ với tình bà cháu thiêng liêng, ấm áp.

b. Thân bài:

- Hình ảnh *Bếp lửa* khơi nguồn cho cảm xúc

- Hình ảnh bếp lửa cứ cháy trong kỉ niệm của tình bà cháu

Lên 4 tuổi,
Tám năm ròng,
...giặc đốt làng

Đó là thời điểm từ bé đến lớn, ký ức về nỗi cay cực đói nghèo.

- Hình ảnh người bà và bếp lửa trong nỗi nhớ của người cháu, đó là người bà chịu thương chịu khó, giàu đức hy sinh

"Rồi sớm rồi chiều...
Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn
……………chứa niềm tin dai dẳng"

-> Ngọn lửa của trái tim con người, của tình yêu thương mà người bà truyền cho người cháu, ngọn lửa của niềm tin, của hy vọng.

- Bếp lửa là hình ảnh của cuộc sống thực đầy vất vả nhọc nhằn của hai bà cháu, và là hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng cho tình bà ấm áp.

- Hình ảnh bếp lửa là sự nuôi dưỡng, nhen nhóm tình cảm yêu thương con người, thể hiện nỗi nhớ, lòng biết ơn, khơi gợi lên cho cháu một tâm hồn cao đẹp.

c. Kết bài:

Là bài thơ cảm động về tình bà cháu. Tình cảm dạt dào trong lòng đã tìm đến một giọng điệu, một nhịp điệu thật phù hợp.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 diểm:

*** Đề 2:** ***Giá trị nghệ thuật của điệp từ "nhóm" trong khổ thơ sau:***

"Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ"

*** Gợi ý:**

- Điệp từ "nhóm" được nhắc lại 4 lần làm toả sáng hơn nét "kì lạ" và thiêng liêng bếp lửa. Bếp lửa của tình bà đã nhóm lên trong lòng cháu bao điều thiêng liêng, kì lạ. Từ "nhóm" đứng đầu mỗi dòng thơ mang nhiều ý nghĩa:

+ Khơi dậy tình cảm nồng ấm

+ Khơi dậy tình yêu thương, tình làng nghĩa xóm, quê hương

+ Khơi dậy những kỉ niệm tuổi thơ, bà là cội nguồn của niềm vui, của ngọt bùi nồng đượm, là khởi nguồn của những tâm tình tuổi nhỏ.

=> Đó là bếp lửa của lòng nhân ái, chia sẻ niềm vui chung.

Đề 3:

Hình ảnh bếp lửa và ngọn lửa được nhắc đến nhiều lần trong bài thơ ***" Bếp lửa"*** *của Bằng Việt có ý nghĩa gì?*

<u>2. Dạng đề 5 hoặc 7 diểm</u>:

*** Đề 2:**

Suy nghĩ của em về bài thơ ***"Bếp lửa"*** *của Bằng Việt.*

a. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.
- Nêu cảm nhận chung về bài thơ.

2. Thân bài

a. Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu.

- Hình ảnh đầu tiên được tác giả tái hiện là hình ảnh một bếp lửa ở làng quê Việt Nam thời thơ ấu.
- Từ hình ảnh bếp lửa, liên tưởng tự nhiên đến người nhóm lửa, nhóm bếp - đến nỗi nhớ, tình thương bà của đứa cháu đang ở xa: "*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*".-> là cách nói ẩn dụ, gợi ra phần nào cuộc đời vất vả lo toan của bà.
- Bếp lửa lại thức thêm một kỉ niệm tuổi thơ: Những kỉ niệm đầy ắp âm thanh, ánh sáng và những tình cảm sâu sắc xung quanh cái bếp lửa quê hương.

b. *Những suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa.*

- Bà tần tảo, chịu thương chịu khó, lặng lẽ hi sinh cả một đời:

Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
………………………
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ"

- Hình ảnh bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa. Chính vì thế mà nhà thơ đã cảm nhận được trong hình ảnh bếp lửa bình dị mà thân thuộc sự kì diệu, thiêng liêng: "*Ôi kì lạ và thiêng liêng - Bếp lửa!"*

=> Như vậy, từ ngọn lửa của bà, cháu nhận ra cả một "*niềm tin dai dẳng*" về ngày mai, cháu hiểu được linh hồn của một dân tộc vất vả, gian lao mà tình nghĩa. Bà không chỉ là người nhóm lửa mà còn là người truyền lửa - ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

c. Niềm thương nhớ của cháu:

- Đứa cháu năm xưa giờ đã trưởng thành. Cháu đã được sống với những niềm vui rộng mở, nhưng cháu vẫn không thể quên bếp lửa của bà, vẫn không nguôi nhớ thương bà….
-Mỗi ngày đều tự hỏi: "*sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?*", mỗi ngày đều nhớ về bà và bếp lửa của bà. Hình ảnh ấy đã trở thành kỉ niệm thiêng liêng làm ấm lòng, nâng đỡ cháu trên những bước đường đời.

<u>c. Kết bài</u>

- Bài thơ chứa đựng ý nghĩa triết lí thầm kín: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức toả sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

- Bài thơ sáng tạo hình tượng bếp lửa vừa thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng; kết hợp miêu tả, biểu cảm, tự sự và bình luận; giọng điệu và thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc hồi tưởng, suy ngẫm.

Đề 3:

Cảm nghĩ của em về hình ảnh bếp lửa trong bài thơ cùng tên của Bằng Việt.

....

Tiết:7+8

NÓI VỚI CON

(Y Phương)

-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả:

-Y Phương tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước, dân tộc Tày, sinh năm 1948, quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Y Phương nhập ngũ 1968.

- Thơ Y Phương thể hiện tâm hồn chân chất, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy hình ảnh của con người miền núi.

2.Tác phẩm:

a. Nội dung:

- Bài thơ "*Nói với con*" rất tiêu biểu cho hồn thơ Y Phương: - Dân tộc Tày yêu quê hương, làng bản, tự hào và gắn bó với dân tộc mình.

- Mượn lời nói với con, nhà thơ gợi về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người, gợi về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của quê hương mình.

+ Con lớn lên trong tình yêu thương, sự nâng đỡ của cha mẹ, trong cuộc sống lao động nên thơ của quê hương.

+ Lòng tự hào với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, với truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy.

=> Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi mà nâng lên thành lẽ sống. Bài thơ đã vượt ra khỏi phạm vi gia đình để mang một ý nghĩa khái quát: Nói với con nhưng cũng là để nói với mọi người về một tư thế, một cách sống.

b. Nghệ thuật:

- Giọng điệu tha thiết.

- Hình ảnh cụ thể, sinh động có sức khái quát, mộc mạc, giàu chất thơ.

- Bố cục mạch lạc, mạch cảm xúc hợp lý, tự nhiên.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

****Đề 1 :***

*Viết một đoạn văn (10-> 15 dòng) nêu cảm nhận về những câu thơ mở đầu bài **"Nói với con"** của Y Phương:*

"Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ.
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước chạm tiếng cười".

Gợi ý:

- Bằng các hình ảnh thật cụ thể, Y Phương đã tạo nên hình ảnh một mái ấm gia đình rất hạnh phúc, đầm ấm và quấn quýt.

+ Người con được nuôi dưỡng chở che trong vòng tay ấm áp của cha mẹ.

+ Con được lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đón và mong chờ của cha mẹ.

+ Từng bước đi, từng tiếng nói, tiếng cười của con đều được cha mẹ chăm chút, vui mừng, đón nhận.
- Lời thơ rất đặc biệt: nói bằng hình ảnh, cách hình dung cụ thể để diễn tả ý trừu tượng của người miền núi khiến câu thơ mộc mạc mà gợi cảm khiến cho tình cha con thêm chân thành, thấm thía.

2. Dạng đề 5 hoặc7 điểm:

* Đề 1 :

*Phân tích tình cảm cha con trong bài thơ **"Nói với con"**của Y Phương*

*** Gợi ý:**

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nhận xét sơ bộ về tác phẩm.

b. Thân bài: Phân tích làm nổi bật những ý cơ bản sau: - Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người là gia đình và quê hương .

+ Cái nôi êm để từ đó con lớn lên, trưởng thành với những nét đẹp trong tình cảm, tâm hồn. Phải chăng đó là điều đầu tiên người cha muốn nói với đứa con của mình.

+ Tình cảm gia đình thắm thiết, hạnh phúc, quê hương thơ mộng nghĩa tình và cuộc sống lao động trên quê hương cũng giúp con trưởng thành, giúp tâm hồn con được bồi đắp thêm lên.

=>Bằng cách nhân hoá "*rừng"* và "*con đường*" qua điệp từ *"cho*", người đọc có thể nhận ra lối sống tình nghĩa của "*người đồng mình*" Quê hương ấy chính là cái nôi để đưa con vào cuộc sống êm đềm.

- Lòng tự hào về vẻ đẹp của "*người đồng mình*" và mong ước của người cha.

+ Người đồng mình không chỉ "*yêu lắm*" với những hình ảnh đẹp đẽ, giản dị gợi nhắc cội nguồn sinh dưỡng tâm hồn, tình cảm, lối sống cho con người mà còn với những đức tính cao đẹp, đáng tự hào. Trong cái ngọt ngào kỉ niệm gia đình và quê hương, người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất cao đẹp của con người quê hương.

+ Gửi trong những lời tự hào không giấu giếm đó, người cha ước mong, hy vọng người con phải tiếp nối, phát huy truyền thống để tiếp tục sống có tình có nghĩa, thuỷ chung với quê hương đồng thời muốn con biết yêu quý, tự hào với truyền thống của quê hương.

C. Kết luận:

Suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của bài thơ.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

****Đề 1 :***

Cha muốn nói với con điều gì trong những dòng thơ sau:

"Đan lờ cài nan hoa.
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời".

*(**"Nói với con"-** Y Phương)*

Gợi ý:

- Con được trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương.

+ Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của "*người đồng mình"* được nhà thơ gợi lên qua các hình ảnh đẹp: *"Đan lờ cài nan hoa. Vách nhà ken câu hát*". Các động từ "*cài, ken"* được dùng rất gợi cảm vừa miêu tả cụ thể công việc lao động của người miền núi, vừa nói lên sự gắn bó, quấn quýt.

+ Rừng núi quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. "*Rừng cho hoa*" là cho cái đẹp, một chữ "*hoa"* đủ nói lên vẻ thơ mộng của rừng núi quê hương. "*Con đường cho những tấm lòng"* là cho

nghĩa tình, tâm hồn và lối sống. Rừng núi đâu chỉ là thiên nhiên, cây, đá mà còn là tình người, là những tấm lòng yêu thương gắn bó bên nhau.

Đề 2.

*Viết đoạn văn (Từ 15-20 dòng) cảm nhận về tình Phụ - Tử trong bài thơ **" Nói với con"** của Y Phương.*

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

****Đề 1 :***

*Cảm nhận về bài thơ " **Nói với con**"của Y Phương.*

****Gợi ý:***

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Nêu cảm nhận chung về tác phẩm.

b. Thân bài:

- Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người là gia đình và quê hương

- > cái nôi êm để từ đó con lớn lên, trưởng thành với những nét đẹp trong tình cảm, tâm hồn.Phải chăng đó là điều đầu tiên người cha muốn nói với đứa con của mình.

-> Tình cảm gia đình thắm thiết, hạnh phúc, quê hương thơ mộng nghĩa tình và cuộc sống lao động trên quê hương cũng giúp con trưởng thành, giúp tâm hồn con được bồi đắp thêm lên.

- Lòng tự hào về vẻ đẹp của "người đồng mình" và mong ước của người cha:

+ Đức tính cao đẹp của người đồng mình:

+ Mong ước của người cha qua lời tâm tình.

-> Hai ý này liên kết chặt chẽ với nhau, từ việc ca ngợi những đức tính cao đẹp của người đồng mình người cha dặn dò con cần kế tục, phát huy một cách xứng đáng truyền thống của quê hương.

c. Kết bài:

- Khẳng định tình cảm của Y Phương với con, với quê hương, đất nước.
- Suy nghĩ, liên hệ .

....

Tiết 9+10 : CON CÒ

- Chế Lan Viên-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả:

- Chế Lan Viên (1920 – 1989) là nhà thơ xuất sắc của nền thơ hiện đại Việt Nam. Ông có những đóng góp quan trọng cho thơ ca dân tộc ở thế kỉ XX. Tập thơ đầu tay: "Điêu tàn" (1937) đã đưa tên tuổi Chế Lan Viên vào trong số những nhà thơ hàng đầu của phong trào thơ mới.
- Thơ Chế Lan Viên có phong cách nghệ thuật rõ nét và độc đáo. Đó là phong cách suy tưởng triết lí, đậm chất trí tuệ và tính hiện đại.
- Chế Lan Viên có nhiều sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng hình ảnh thơ. Hình ảnh thơ của ông phong phú, đa dạng, kết hợp giữa thực và ảo, thường được sáng tạo bằng sức mạnh của liên tưởng, tưởng tượng, nhiều bất ngờ, kì thú.

2. Tác phẩm:

- "Con cò" được sáng tác năm 1962, in trong tập thơ "Hoa ngày thường - Chim báo bão" (1967).

a. Nội dung: Bài thơ thể hiện khá rõ một số nét của phong cách nghệ thuật Chế Lan Viên trên cơ sở khai thác và phát triển hình ảnh con cò trong những câu hát ru quen thuộc, để ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa của lời ru với cuộc đời mỗi người.

b. Nghệ thuật:

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm (mượn hình ảnh con cò để bộc lộ tình cảm), kết hợp với miêu tả.

- Vận dụng sáng tạo ca dao,đúc kết được những suy ngẫm sâu sắc.

C. Chủ đề: Tình mẫu tử.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

*** Đề 1:**

Cảm nhận về hai câu thơ sau bằng một đoạn văn (khoảng 10-> 15 dòng)

"Con dù lớn vẫn là con của mẹ,
Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con".
(Con cò- Chế Lan Viên)

Gợi ý:

a. Mở đoạn :

- Giới thiệu bài thơ, hình tượng con cò
- Hai câu thơ ở cuối đoạn 2 là lời của mẹ nói với con - cò con

b. Thân đoạn :

-Trong suy nghĩ và quan niệm của người mẹ, dưới cái nhìn của mẹ: con dù lớn khôn, trưởng thành, làm gì, thành đạt đến đâu chăng nữa.. con vẫn là con của mẹ, là niềm tự hào, niềm tin và hi vọng của mẹ.

- Dù có phải xa con, thậm chí suốt đời, nhưng lúc nào lòng mẹ cũng ở bên con.

=> Từ sự thấu hiểu tấm lòng người mẹ, nhà thơ đã khái quát một quy luật tình cảm mang tính vĩnh hằng: Tình mẹ, tình mẫu tử bền vững, rộng lớn, sâu sắc.

c. Kết đoạn :

Bằng việc sử dụng điệp từ, tác giả đã ca ngợi tình cảm thiêng liêng, cao cả của người mẹ đối với con.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

*** Đề 1:** *Cảm nhận của em về bài thơ "Con cò" của Chế Lan Viên.*

a. Mở bài:

- Chế Lan Viên là nhà thơ xuất sắc của nền thơ hiện đại Việt Nam.
- Bài thơ "Con Cò" thể hiện khá rõ nét trong phong cách nghệ thuật của Chế Lan Viên. Hình tượng con cò quen thuộc trong những câu hát ru đã được tác giả khai thác và phát triển để ca ngợi tình mẹ con và ý nghĩa của lời ru đối với cuộc đời mỗi con người.

b. Thân bài:

- Cảm nhận chung về thể thơ, giọng điệu, hình ảnh con cò (nguồn gốc và sáng tạo)

+ Thể tự do, các câu thơ có độ dài ngắn khác nhau, nhịp điệu luôn biến đổi.

+ Hình tượng trung tâm xuyên suốt cả bài thơ là con cò được bổ sung, biến đổi qua những hình ảnh cụ thể và sinh động, giàu chất suy tư của tác giả. Tác giả xây dựng ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con cò nhằm nói lên tấm lòng người mẹ và vai trò của những lời hát ru đối với cuộc sống mỗi con người.

- Hình ảnh con cò "trong lời mẹ hát" đi vào giấc ngủ của con.

+ Hình ảnh con cò cứ thấp thoáng gợi ra từ những câu ca dao dùng làm lời hát ru rất phong phú về nội dung và biểu tượng.

+ Thấm đẫm trong lời hát là những xúc cảm yêu thương trào dâng trong trái tim của mẹ. Tình mẹ nhân từ, rộng mở với những gì nhỏ bé đáng thương, đáng được che chở.

-> Những cảm xúc yêu thương ấy mang đến cho con giấc ngủ yên bình, hạnh phúc trong sự ôm ấp, chở che của tiếng ru lòng mẹ:

- Hình ảnh cánh cò đã trở thành người bạn tuổi ấu thơ, thành bạn đồng hành của con người trong suốt cuộc đời.

+ Từ cánh cò của tuổi ấu thơ thật ngộ nghĩnh mà đầm ấm

+ Cánh cò của tuổi tới trường quấn quýt chân con

+ Cho đến khi trưởng thành, con thành thi sĩ .

- Hình ảnh con cò biểu tượng cho tấm lòng người mẹ lúc nào cũng bên con đến suốt cuộc đời:

c. Kết luận:

- "Con cò" là một bài thơ hay của Chế Lan Viên.

- Bằng sự suy tưởng, bằng sự vận dụng sáng tạo ca dao, giọng điệu tâm tình thủ thỉ, nhịp điệu êm ái, dịu dàng mang âm hưởng của những lời hát ru, bài thơ đã ngợi ca tình yêu sâu sắc bao la của mỗi người mẹ trong cuộc đời này.

- Ý nghĩa của bài thơ - Liên hệ cuộc sống.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

*** Đề 2:** *Sưu tầm những câu thơ, câu văn về Mẹ. Hãy chép lại những câu mà em thích (ghi rõ trích ở đâu)*

Gợi ý:

Con là mầm đất tươi thơm
Nở trong lòng mẹ - mẹ ươm mẹ trồng
Đôi tay mẹ bế, mẹ bồng
Như con sông chở nặng dòng phù sa
(*Hát ru - Vũ Quần Phương*)

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

*** Đề 2:** *Cảm nhận về hình tượng con cò trong bài thơ cùng tên của Chế Lan Viên.*

Gợi ý:

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và chủ đề.

b. Thân bài:

** Cảm nhận về nguồn gốc , sáng tạo và nghệ thuật xây dựng hình tượng con Cò.*

- Con cò là hình tượng trung tâm xuyên suốt cả bài thơ.

- Hình tượng con cò được bổ sung, biến đổi qua những hình ảnh cụ thể và sinh động, giầu chất suy tư của tác giả.

**Hình ảnh con cò "trong lời mẹ hát" đi vào giấc ngủ của con.*

- Khi con còn trong nôi , tình mẹ gửi trong từng câu hát ru quen thuộc

- Thấm đẫm trong lời hát là những xúc cảm yêu thương trào dâng trong trái tim của mẹ:

- Những cảm xúc yêu thương ấy làm nên chiều sâu của lời ru, mang đến cho con giấc ngủ yên bình, hạnh phúc trong sự ôm ấp, chở che của tiếng ru lòng mẹ.

** Hình ảnh con cò đã trở thành người bạn tuổi ấu thơ, theo cùng con người trên mỗi chặng đường đi tới, thành bạn đồng hành của con người trong suốt cuộc đời.*

- Bằng sự liên , tưởng tượng phong phú, nhà thơ đã sáng tạo ra những hình ảnh cánh cò đặc sắc, hàm chứa nhiều ý nghĩa.

- Hình ảnh thơ lung linh một vẻ đẹp bất ngờ, diễn tả một suy tưởng sâu xa.

**Hình ảnh con cò với ý nghĩa biểu tượng cho tấm lòng người mẹ lúc nào cũng bên con đến suốt cuộc đời.*

c. Kết luận:

- Ý nghĩa của hình tượng con cò.

Đề 3. *Tình mẹ lớn lao, sâu nặng qua bài thơ"* ***Con cò"*** *của Chế Lan Viên.*

Đề 4. *Từ bài thơ "****Con cò"*** *của Chế Lan Viên , hãy phát biểu suy nghĩ về tình mẹ và lời ru của mẹ.*

....

CHỦ ĐỀ 3: CẢM HỨNG VỀ LAO ĐỘNG

Tiết 11+12 : ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

-Huy Cận-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả
- Tên thật : Cù Huy Cận(1919- 2005)
- Quê : Nghệ Tĩnh.
- Là nhà thơ lớn của phong trào thơ mới.
- Tham gia cách mạng từ trước 1945 và sau Cách mạng tháng Tám từng giữ nhiều trọng trách trong chính quyền cách mạng.
- Thơ Huy Cận sau cách mạng tràn đầy niềm vui, niềm tin yêu cuộc sống mới. Thiên nhiên vũ trụ là nguồn cảm hứng dồi dào trong thơ Huy Cận và nó mang những nét đẹp riêng.

2. Tác phẩm

a. Nội dung

1. Cảnh ra khơi
- Khung cảnh hoàng hôn trên biển vừa diễm lệ vừa hùng vĩ đầy sức sống.
- Có sự đối lập giữa vũ trụ và con người:

Vũ trụ nghỉ ngơi >< con người lao động.
- Khí thế của những con người ra khơi đánh cá mạnh mẽ tươi vui, lạc quan, yêu lao động.
- Diễn tả niềm vui yêu đời, yêu lao động, yêu cuộc sống tự do, tiếng hát của những con người làm chủ quê hương giàu đẹp.

2. Cảnh đánh cá
- Khung cảnh biển đêm: Thoáng đãng lấp lánh, ánh sáng đẹp, vẻ đẹp lãng mạn kỳ ảo của biển khơi.
- Biển đẹp màu sắc lấp lánh: Hồng trắng, vàng chóe, vảy bạc, đuôi vàng loé rạng đông.
- Cảnh lao động với khí thế sôi nổi, hào hứng, khẩn trương, hăng say.
- Tinh thần sảng khoái ung dung, lạc quan, yêu biển, yêu lao động.
- Âm hưởng của tiếng hát là âm hưởng chủ đạo, niềm yêu say mê cuộc sống, yêu biển, yêu quê hương, yêu lao động.
- Nhịp điệu khoẻ, đa dạng, cách gieo vần biến hoá, sự tưởng tượng phong phú, bút pháp lãng mạn.

3. Cảnh trở về (khổ cuối)
- Cảnh kỳ vĩ, hào hùng, khắc hoạ đậm nét vẻ đẹp khoẻ mạnh và thành quả lao động của người dân miền biển.
- Ra đi hoàng hôn, vũ trụ vào trạng thái nghỉ ngơi.
- Sau một đêm lao động miệt mài, họ trở về trong cảnh bình minh, mặt trời bừng sáng nhô màu mới, hình ảnh mặt trời cuối bài thơ là hình ảnh mặt trời rực rỡ với muôn triệu mặt trời nhỏ lấp lánh trên thuyền: Một cảnh tượng huy hoàng của thiên nhiên và lao động.

b. Về nghệ thuật

Bài thơ được viết trong không khí phơi phới, phấn khởi của những con người lao động với bút pháp lãng mạn, khí thế tưng bừng của cuộc sống mới tạo cho bài thơ một vẻ đẹp hoành tráng mơ mộng.

c. Chủ đề*:* Cảm hứng về lao động mới.

B. CÁC DẠNG ĐỀ

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 1.

a. Nêu tên tác giả, hoàn cảnh sáng tác bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá".

b. Cảm hứng về lao động của tác giả đã tạo nên những hình ảnh đẹp tráng lệ, giàu màu sắc lãng mạn về con người lao động trên biển khơi bao la. Hãy chép lại các câu thơ đầy sáng tạo ấy.

Gợi ý:

a. HS nêu được:
- Tác giả của bài thơ: Huy Cận
- Hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Bài thơ được viết vào tháng 11 năm 1958, khi đất nước đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được giải phóng và đi vào xây dựng cuộc

sống mới. Huy Cận có một chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh. Bài thơ được ra đời từ chuyến đi thực tế đó.

b. Học sinh phải chép đúng và đủ các câu thơ viết về con người lao động trên biển khơi bao la bằng bút pháp lãng mạn:

- Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

- Thuyền ta lái gió với buồm trăng.

Lướt giữa mây cao với biển bằng

- Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

Đề 1: *Vẻ đẹp và sức mạnh của người lao động trước thiên nhiên - vũ trụ trong bài thơ* ***"Đoàn thuyền đánh cá****" của Huy Cận.*

Gợi ý:

a. Mở bài:

- Nêu những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.
- Bài thơ đã khắc họa được vẻ đẹp và sức mạnh của người lao động trước thiên nhiên- vũ trụ kỳ vĩ.

b. Thân bài

** Bức tranh thiên nhiên trong bài thơ: đẹp, rộng lớn, lộng lẫy.*

- Cảm hứng vũ trụ đã mang đến cho bài thơ những hình ảnh thiên nhiên hoành tráng.
- Cảnh hoàng hôn trên biển và cảnh bình minh được đặt ở vị trí mở đầu, kết thúc bài thơ vẽ ra không gian rộng lớn mà thời gian là nhịp tuần hoàn của vũ trụ.
- Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi: không phải là con thuyền mà là đoàn thuyền tấp nập.

-> Con thuyền không nhỏ bé mà kì vĩ, hoà nhập với thiên nhiên, vũ trụ.

- Vẻ đẹp rực rỡ của các loại cá, sự giàu có của biển cả. Trí tưởng tượng của nhà thơ đã chắp cánh cho hiện thực, làm giàu thêm, đẹp thêm vẻ đẹp của biển khơi.

** Người lao động giữa thiên nhiên cao đẹp.*

- Con người không nhỏ bé trước thiên nhiên mà ngược lại, đầy sức mạnh và hoà hợp với thiên nhiên.
- Con người ra khơi với niềm vui trong câu hát.
- Con người ra khơi với ước mơ trong công việc.
- Con người cảm nhận được vẻ đẹp của biển, biết ơn biển
- Người lao động vất vả nhưng tìm thấy niềm vui, phấn khởi trước thắng lợi.

c. Kết bài:

- Hình ảnh người lao động được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn cho thấy niềm vui phơi phới của họ trong cuộc sống mới.
- Thiên nhiên và con người phóng khoáng, lớn lao. Tình yêu cuộc sống mới của nhà thơ được gửi gắm trong những hình ảnh thơ lãng mạn đó.

D. BÀI TẬP VỀ NHÀ

1.Dạng 2 hoặc 3 điểm

Đề 2: *Hai câu thơ:"Mặt trời xuống biển như hòn lửa*
Sóng đã cài then đêm sập cửa"

được tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Cho biết tác dụng của những biện pháp nghệ thuật ấy.

Gợi ý:

Hai câu thơ sử dụng các biện pháp nghệ thuật so sánh và nhân hoá.

- *"Mặt trời xuống biển như hòn lửa"*

+ *"Mặt trời"* được so sánh như *"hòn lửa"*-> hoàng hôn trong thơ Huy Cận không buồn hiu hắt mà ngược lại, rực rỡ, ấm áp.

- *"Sóng đã cài then, đêm sập cửa"*

+ Biện pháp nhân hoá, gán cho sự vật những hành động của con người sóng *"cài then",* đêm *"sập cửa"*-> Gợi cảm giác vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với màn đên buông xuống là tấm cửa khổng lồ và

những gợn sóng là then cài cửa. Con người đi trong biển đêm mà như đi trong ngôi nhà thân thuộc của mình.

Đề 3:

a. Chép chính xác 4 câu cuối bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận.

b. Viết đoạn văn khoảng 10 câu, diễn tả cảm nhận của em về vẻ đẹp của những câu thơ vừa chép ở trên.

2. Dạng 5 hoặc 7 điểm.

Đề 2:

*Suy nghĩ của em về bài thơ **"Đoàn thuyền đánh cá "** của Huy Cận.*

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.
- Cảm nhận chung về nội dung và nghệ thuật chính của bài thơ.

b. Thân bài:

** Cảnh ra khơi:*

- Khung cảnh hoàng hôn trên biển vừa diễm lệ vừa hùng vĩ đầy sức sống.

Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa"

- Cảnh người lao động ra khơi : Mang vẻ đẹp lãng mạn, thể hiện tinh thần hào hứng và khẩn trương trong lao động.

"*Câu hát căng buồm cùng gió khơi"*

** Cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển:*

- Cảm nhận về biển : Giàu có và lãng mạn (đoạn thơ tả các loài cá, cảnh thuyền đi trên biển với cảm xúc bay bổng của con người

Lướt giữa mây cao với biển bằng

- Công việc lao động vất vả nhưng lãng mạn và thi vị bởi tình cảm yêu đời yêu biển của ngư dân. Họ coi đó như một cuộc đua tài

"Dàn đan thế trận lưới vây giăng"

** Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về:*

- Hình ảnh thơ lặp lại tạo nên một lối vòng khép kín với dư âm của lời hát lạc quan của sự chiến thắng.

- Hình ảnh nhân hóa, nói quá: "*Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời* ". Gợi vẻ đẹp hùng tráng về nhịp điệu lao động khẩn trương và không khí chiến thắng sau đêm lao động miệt mài của các chàng trai ngư dân.

- Cảnh bình minh trên biển được miêu tả thật rực rỡ, con người là trung tâm bức tranh với tư thế ngang tầm vũ trụ và hình ảnh no ấm của sản phẩm đánh bắt được từ lòng biển

" Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi"

c. Kết bài:

Khẳng định đây là bài ca lao động yêu đời phơi phới của người ngư dân sau những ngày giàng được tự do với ý thức quyết tâm xây dựng quê hương đất nước giàu đẹp.

Đề 3

*Cảm nhận của em về hình ảnh những con người lao động mới trong bài thơ **"Đoàn thuyền đánh cá "** của Huy Cận.*

....

CHỦ ĐỀ 4:
LÒNG THÀNH KÍNH VÀ TÌNH YÊU LÃNH TỤ

Tiết:13+14 **VIẾNG LĂNG BÁC**

- Viễn Phương-

-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả:

- Viễn Phương tên thật là Phan Thanh Viễn (1928) quê ở tỉnh An Giang. Tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.
- Ông là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời chống Mỹ cứu nước.
- Thơ Viễn Phương thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm và chất mơ mộng ngay trong hoàn cảnh chiến đấu ác liệt ở chiến trường
- Tác phẩm chính: "Mắt sáng học trò" (1970); "Nhớ lời di chúc" (1972); "Như mấy mùa xuân" (1978)

2. Tácphẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác

Bài "Viếng lăng Bác" được viết năm 1976, lúc công trình lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được hoàn thành. Tác giả cùng đồng bào, chiến sĩ từ miền Nam ra viếng Bác.

b. Nội dung và nghệ thuật

***.Nội dung** : Cảm xúc bao trùm trong toàn bài thơ là niềm xúc động thiêng liêng thành kính, lòng biết ơn và tự hào pha lẫn nỗi xót đau khi tác giả từ miền Nam ra viếng lăng Bác.

***Nghệ thuật** :

- Thể thơ và nhịp điệu

-> Các yếu tố ấy tạo nên giọng điệu thiết tha trầm lắng và trang trọng thành kính, phù hợp với không khí và cảm xúc của bài thơ.

- Từ ngữ và hình ảnh : Các từ xưng hô, các hình ảnh ẩn dụ có giá trị súc tích và gợi cảm thể hiện được lòng thành kính

-> Lời thơ dung dị mà cô đúc, giàu cảm xúc mà lắng đọng.

B.CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 1: *Trong bài thơ "Viếng lăng Bác" Viễn Phương viết : "Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân".*

Dựa trên hiện tượng chuyển nghĩa của từ, từ ***"mùa xuân"*** *có thể thay thế cho từ nào ? Theo phương thức chuyển nghĩa nào ? Việc thay thế từ trên có tác dụng diễn đạt như thế nào ?*

Gợi ý :

- Mỗi một năm xuân đến, con người lại thêm một tuổi. Cho nên " 79 mùa xuân " cũng được hiểu là 79 tuổi, 79 năm trong một đời người.
- Nếu để từ " tuổi " thì chỉ nói được Bác Hồ đã sống 79 năm, thọ 79 tuổi, câu thơ chỉ thuần tuý chỉ tuổi tác.
- Còn dùng từ " Xuân " có nghĩa là : cả cuộc đời Bác là 79 năm cống hiến cho nhân dân, 79 năm dành cho đất nước để đất nước có sắc xuân. Thêm nữa, kết "tràng hoa dâng 79 mùa xuân " gợi thêm sắc xuân bên lăng Bác. Và từ " mùa xuân " như làm cho xúc cảm của câu thơ, âm điệu câu thơ thêm mượt mà, sâu lắng, thiết tha. Câu thơ hay, ý thơ trở nên đa nghĩa và sâu sắc hơn nhiều-> chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

Đề 1: C*ảm nhận của em về bài thơ " Viếng lăng Bác" của Viễn Phương.*

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả và hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

- Bài thơ diễn tả niềm kính yêu, sự xót thương và lòng biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với lãnh tụ bằng một ngôn ngữ tinh tế, giàu cảm xúc sâu lắng.

b. Thân bài:

- *Cảm xúc của nhà thơ trước lăng Bác*: Hình ảnh hàng tre mộc mạc , quen thuộc, giàu ý nghĩa tượng trưng: Sức sống quật cường, truyền thống bất khuất của dân tộc Việt Nam; phẩm chất cao quý của Bác Hồ, hình ảnh hàng tre xanh khơi nguồn cảm xúc cho nhà thơ.

- *Cảm xúc chân thành, mãnh liệt của nhà thơ khi viếng lăng Bác*:

+ Ca ngợi sự vĩ đại của Bác, công lao của Bác đối với non sông đất nước qua hình ảnh ẩn dụ "*mặt trời trong lăng"*

+ Dòng người vào lăng viếng Bác kết thành những tràng hoa kính dâng Bác

+ Xúc động khi được ngắm Bác trong giấc ngủ bình yên vĩnh hằng. Thời gian ấy sẽ trở thành kỉ niệm quý giá không bao giờ quên.

+ Nói thay cho tình cảm của đồng bào miền Nam đối với Bác, lưu luyến, ước nguyện mãi ở bên Người.

c. Kết bài

- Viếng lăng Bác là một bài thơ hay giàu chất suy tưởng.
- Là tiếng lòng của tất cả chúng ta đối với Bác Hồ kính yêu.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 2. Câu thơ:

" Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ"

(Viếng lăng Bác- Viễn Phương***)***

a- Hãy phân tích ý nghĩa hình ảnh ẩn dụ "*mặt trời trong lăng*" ở câu thơ trên

b-Tìm những câu thơ có hình ảnh ẩn dụ mặt trời trong một bài thơ mà em đã học (ghi rõ tên và tác giả bài thơ)

Gợi ý:

+ Phân tích để thấy:

- Hai câu thơ sóng đôi hình ảnh thực và ẩn dụ *" Mặt trời"* điều đó khiến ẩn dụ "*mặt trời trong lăng*" nổi bật ý nghĩa sâu sắc.

- Dùng hình ảnh ẩn dụ "*mặt trời trong lăng*" để viết về Bác, Viễn Phương đã ca ngợi sự vĩ đại của Bác, công lao của Bác đối với non sông đất nước.

- Đồng thời, hình ảnh ẩn dụ "*mặt trời trong lăng*" cũng thể hiện sự tôn kính, lòng biết ơn của nhân dân với Bác, niềm tin Bác sống mãi với non sông đất nước ta.

b- Hai câu thơ có hình ảnh ẩn dụ mặt trời

" Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng

(*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*- Nguyễn Khoa Điềm)

Đề 3:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng

(*Trích Viếng lăng Bác*- Viễn Phương)

Phân tích hình ảnh hàng tre bên lăng Bác được miêu tả trong khổ thơ trên ? Hình ảnh ấy gợi ra những ý nghĩa gì ?

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

Đề 2.

*Tình cảm chân thành và tha thiết của nhân dân ta với Bác Hồ được thể hiện qua bài thơ **" Viếng Lăng Bác"** của Viễn Phương.*

a .Mở bài :

- Khái quát chung về tác giả và bài thơ.
- Tình cảm của nhân dân đối với Bác thể hiện rõ nét trong bài thơ "*Viếng lăng Bác*" của Viễn Phương

b.Thân bài:

Khổ 1 : Cảm xúc của tác giả khi đến thăm lăng Bác

- Câu thơ thật giản dị thân quen với cách dùng đại từ xưng hô "*con*" rất gần gũi, thân thiết, ấm áp tình thân thương.
- Tác giả sử dụng từ "*thăm*" thay cho từ "*viếng*" mong sao giảm nhẹ được nỗi đau thương, mất mát.
- Hình ảnh hàng tre qua cảm nhận của nhà thơ đã trở thành biểu tượng của tình cảm nhân dân gắn bó với Bác, thành biểu tượng sức sống bền bỉ, mạnh mẽ của dân tộc.

Khổ 2: Sự tôn kính của tác giả, của nhân dân đối với Bác khi đứng trước lăng Người.

- Hình ảnh ẩn dụ *"mặt trời trong lăng*" thể hiện sự tôn kính biết ơn của nhân dân đối với Bác. Cảm nhận về sức sống tư tưởng Hồ Chí Minh, về suy nghĩ Bác còn sống mãi chứa đựng trong mỗi hình ảnh của khổ thơ.

-Hình ảnh dòng người thành một tràng hoa trước lăng. =>Hình ảnh "tràng hoa" một lần nữa tô đậm thêm sự tôn kính, biết ơn tự hào của tác giả cũng như của dân tộc VN đối với Bác.

Khổ 3-4 : Niềm xúc động nghẹn ngào khi tác giả nhìn thấy Bác

- Những cảm xúc thiêng liêng của nhà thơ về Bác
- Những cảm xúc chân thành, tha thiết ấy nâng lên thành ước muốn sống đẹp.
- Những cảm xúc của nhà thơ về Bác cũng là cảm xúc của mỗi người dân miền Nam với Bác

c. Kết bài :- Khẳng định lại tình cảm chân thành tha thiết của nhân dân đối với Bác.

- Suy nghĩ của bản thân.

....

CHUYÊN ĐỀ 5:
CẢM NHẬN TINH TẾ VỀ THIÊN NHIÊN VÀ NHỮNG SUY NGẪM VỀ CUỘC ĐỜI

Tiết 15+16 ÁNH TRĂNG

-Nguyễn Duy-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả :

- Nhà thơ Nguyễn Duy tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948 tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá.
- Là nhà thơ - chiến sĩ, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.
- Phong cách thơ độc đáo - nhất là ở thể thơ lục bát (uyển chuyển mượt mà, hiện đại ở thi liệu, cấu tứ).
- 1966: Nhập ngũ; 1975: Làm báo văn nghệ.
- Hiện sống tại thành phố Hồ Chí Minh.
- Giải nhất cuộc thi thơ báo Văn nghệ 1972-1973; Giải A Hội Nhà văn Việt Nam (1984).

2. Tác phẩm:

a. Nội dung :

- Hình ảnh vầng trăng là hình ảnh của thiên nhiên là người bạn tri kỷ.
- Vầng trăng có ý nghĩa biểu tượng cho quá khứ tình nghĩa, vẻ đẹp bình dị và vĩnh hằng của đời sống.

- Vầng trăng mang chiều sâu tư tưởng , là lời nhắc nhở thái độ sống " *uống nước nhớ nguồn*", ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

b. Nghệ thuật:
- Cảm xúc của tác giả trong bài thơ được thể hiện qua một câu chuyện riêng, bằng sự kết hợp hài hoà giữa tự sự và trữ tình.
- Giọng điệu tâm tình, nhịp thơ khi thì trôi chảy tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi thì thầm lặng suy tư.
- Ngôn ngữ thơ giàu sức gợi cảm.

c. Chñ ®Ò: Suy ngÉm vÒ cuéc ®êi

<u>B. CÁC DẠNG ĐỀ:</u>

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

*** Đề 1:**

"Ánh trăng" *là một nhan đề đa nghĩa. Hãy viết một đoạn văn (từ 15-20 dòng) để làm sáng tỏ ý kiến trên.*

- Ánh trăng của Nguyễn Duy là hình ảnh đẹp của thiên nhiên với tất cả những gì là thi vị, gần gũi, hồn nhiên, tươi mát. Đó là vầng trăng của “hồi nhỏ sống với đồng”, Ánh trăng gắn với tuổi ấu thơ của tác giả. Vầng trăng ấy hồn nhiên như cuộc sống, như đất trời.
- Nhan đề “Ánh trăng” còn thực sự sâu sắc, ý nghĩa bởi vầng trăng ấy còn là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình - kí ức gắn với cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước cam go mà hào hùng.
- Vầng trăng mang chiều sâu tư tưởng , là lời nhắc nhở thái độ sống " uống nước nhớ nguồn", ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

<u>2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm</u>:

*** Đề 1:** *Niềm tâm sự thầm kín của Nguyễn Duy qua bài thơ "* ***Ánh trăng".***

<u>Gợi ý</u>

a. Mở bài

- Ánh trăng là đề tài quen thuộc của thi ca, là cảm hứng sáng tác vô tận cho các nhà thơ.
- Với Nguyễn Duy, ánh trăng không chỉ là niềm thơ mà còn được biểu đạt một hàm nghĩa mới, mang dấu ấn của tình cảm thời đại: Ánh trăng là biểu tượng cho quá khứ trong mỗi đời người.

b.Thân bài.

**Cảm nghĩ về vầng trăng quá khứ.*
- Ánh trăng gắn với những kỉ niệm trong sáng thời thơ ấu tại làng quê.
- Ánh trăng gắn bó với những kỉ niệm không thể nào quên của cuộc chiến tranh ác liệt của người lính trong rừng sâu.

** Cảm nghĩ về vầng trăng hiện tại*: Vầng trăng tri kỉ ngày nào nay đã trở thành “người dưng” - người khách qua đường xa lạ

+ Sự thay đổi của hoàn cảnh sống- không gian khác biệt, thời gian cách biệt, điều kiện sống cách biệt
+ Hành động “vội bật tung cửa sổ” và cảm giác đột ngột “nhận ra vầng trăng tròn”, cho thấy quan hệ giữa người và trăng không còn là tri kỉ, tình nghĩa như xưa vì con người lúc này thấy trăng như một vật chiếu sáng thay thế cho điện sáng mà thôi.
+ Câu thơ rưng rưng - lạnh lùng - nhức nhối, xót xa miêu tả một điều gì bội bạc, nhẫn tâm vẫn thường xảy ra trong cuộc sống.

** Niềm suy tư của tác giả và tấm lòng của vầng trăng.*
- Trăng và con người đã gặp nhau trong một giây phút tình cờ.
+ Vầng trăng xuất hiện vẫn một tình cảm tràn đầy, không mảy may sứt mẻ.
+ “Trăng tròn”-> tình cảm trọn vẹn, chung thuỷ như năm xưa.
+ Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” là tư thế đối mặt: “mặt” ở đây chính là vầng trăng tròn (nhân hoá). Con người thấy mặt trăng là thấy được người bạn tri kỉ ngày nào.

- Ánh trăng đã thức dậy những kỉ niệm quá khứ tốt đẹp, đánh thức lại tình cảm bạn bè năm xưa, đánh thức lại những gì con người đã lãng quên.

+ Cảm xúc "rưng rưng" là biểu thị của một tâm hồn đang rung động, xao xuyến, gợi nhớ gợi thương khi gặp lại bạn tri kỉ.

+ Nhịp thơ hối hả dâng trào như tình người dào dạt. Niềm hạnh phúc của nhà thơ như đang được sống lại một giấc chiêm bao.

- Ánh trăng hiện lên đáng giá biết bao, cao thượng vị tha biết chừng nào.

=> Câu thơ thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hoà bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công sức đấu tranh cách mạng của biết bao người đi trước.

c.Kết bài:

- Bài thơ "Ánh trăng" là một lần "giật mình" của Nguyễn Duy về sự vô tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đã qua.

- Nó gợi ra trong lòng chúng ta nhiều suy ngẫm sâu sắc về cách sống, cách làm người, cách sống ân nghĩa thuỷ chung ở đời.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

*** Đề 2:** *Nhận xét đoạn cuối bài thơ **"Ánh trăng"**của Nguyễn Duy..*

Gợi ý:

Khổ thơ cuối cùng là nơi tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng:

- Hình ảnh trăng được Nguyễn Duy miêu tả tròn đầy, vành vạnh, toả sáng khắp nơi. Đó là vẻ đẹp tự nó và mãi mãi vĩnh hằng. Đó còn là hình ảnh tượng trưng cho vẻ đẹp và những giá trị truyền thống.

- Phép nhân hoá khiến hình ảnh vầng trăng hiện ra như một con người cụ thể, một người bạn, một nhân chứng, rất nghĩa tình nhưng cũng vô cùng nghiêm khắc đang nhắc nhở con người, một lời nhắc nhở thấm thía, độ lượng nhưng đủ làm để làm con người "giật mình" nhận ra sự vô tình lãng quên quá khứ tốt đẹp, tức là con người đang phản bội lại chính mình. Nó còn có ý nhắc nhở con người nên trân trọng, giữ gìn vẻ đẹp và những giá trị truyền thống.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

*** Đề 2:** *Cảm nhận của em về bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy.*

a. Mở bài

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Nguyễn Duy viết "Ánh trăng" như một lời tâm sự, một lời nhắn nhủ chân tình với chính mình, với mọi người về lẽ sống chung thuỷ, nghĩa tình.

b.* Thân bài*:

** Cảm nghĩ về vầng trăng quá khứ:*

- Trước hết là hình ảnh vầng trăng tình nghĩa, hiền hậu, bình dị gắn liền với kỉ niệm trong sáng thời thơ ấu tại làng quê.

- Trăng thành người bạn tri kỉ, gắn với những kỉ niệm không thể nào quên của người lính trong những năm tháng gian lao nơi chiến trường,

-> Lời thơ kể không tả mà có sức gợi nhớ, âm điệu của lời thơ như trùng xuống trong mạch cảm xúc bồi hồi.

** Cảm nghĩ về vầng trăng hiện tại.*

- Sự thay đổi của hoàn cảnh sống- không gian khác biệt, thời gian cách biệt, điều kiện sống cách biệt, cuộc sống công nghiệp hoá, hiện đại hoá của điện gương đã làm át đi sức sống của ánh trăng trong tâm hồn con người...

- Vầng trăng tri kỉ ngày nào nay đã trở thành "người dưng" - người khách qua đường xa lạ, => Một sự thay đổi phũ phàng khiến người ta không khỏi nhói đau. Tình cảm xưa kia nay chia lìa.

** Niềm suy tư của tác giả và tấm lòng của vầng trăng.*

- Sự xuất hiện trở lại của vầng trăng thật đột ngột, ở vào một thời điểm không ngờ. ..

- Bất ngờ đối diện với vầng trăng, con người đã có cử chỉ "ngẩng mặt", tâm trạng "rưng rưng"

- Trăng hiện lên đáng giá biết bao, cao thượng vị tha biết chừng nào.
- Cái "giật mình" tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ thiên nhiên.

c. Kết bài:

"Ánh trăng" - một hình ảnh rất giản dị nhưng mang triết lí sâu xa. Nó gợi ra trong lòng chúng ta nhiều suy ngẫm sâu sắc về cách sống, cách làm người "uống nước nhớ nguồn" ân nghĩa thuỷ chung cùng quá khứ.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ.

1.Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 2:

*Chép lại chính xác khổ thơ cuối bài thơ **"Ánh trăng"**- Nguyễn Duy. Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ có ý nghĩa như thế nào?*

Gợi ý:

- Chép chính xác khổ thơ.
- Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ mang nhiều ý nghĩa tượng trưng.

+ Là hình ảnh thiên nhiên tươi mát, là bạn của người trong những năm tháng tuổi thơ và cả thời chiến tranh ở rừng.
+ Là biểu tượng quá khứ nghĩa tình, là biểu tượng vẻ đẹp vĩnh hằng của cuộc sống.
+ Là tượng trưng cho quá khứ nguyên vẹn không phai mờ, là bạn cũng là nhân chứng đầy tình nghĩa. Nhưng đó cũng là lời nghiêm khắc nhắc nhở con người về đạo lý sống: con người có thể vô tình nhưng quá khứ, lịch sử thì mãi vẹn nguyên.

Đề 3:

*Xác định thời điểm ra đời của bài thơ **"Ánh trăng"** liên hệ với cuộc đời Nguyễn Duy để phát biểu chủ đề bài thơ. Theo cảm nhận của em, chủ đề ấy có liên quan gì đến đạo lý, lẽ sống của dân tộc Việt Nam ta.*

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm.

Đề 2:

*Xuyên suốt bài thơ **"Ánh trăng"** của Nguyễn Duy là hình tượng ánh trăng. Em hiểu hình tượng đó như thế nào?*

Gợi ý:

a. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.
- Cảm nhận và suy nghĩ chung về vẻ đẹp của vầng trăng.

b. Thân bài:

** Cảm nhận và suy nghĩ về vẻ đẹp của vầng trăng, với những kỷ niệm nghĩa tình trong quá khứ.*

- Ánh trăng là hình ảnh của thiên nhiên..., là người bạn tri kỉ suốt thời tuổi nhỏ, thời chiến tranh ở rừng.
- Vầng trăng trong quá khứ là người bạn bình dị, hiền hậu, nghĩa tình, trong sáng và thủy chung, là quá khứ vẹn nguyên chẳng thể phai mờ.
- Vầng trăng là thiên nhiên , đất nước, là vẻ đẹp vĩnh hằng của cuộc sống...
- Là nhân chứng nghĩa tình, hiền hậu, bao dung và cũng rất nghiêm khắc để con người phải "giật mình" thức tỉnh lương tâm.
- Vầng trăng vưà là hình ảnh nhân hóa, vừa là hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa tượng trưng.

** Cảm nhận, suy nghĩ về sự thay đổi nhận thức của con người...*

- Người bạn tri kỉ trong quá khứ là vầng trăng đã có lúc bị lãng quên...
- Hoàn cảnh, tình huống bất ngờ " Thình lình đèn vụt tắt" làm con người chợt nhận ra sự vô tình vô nghĩa.
- Cảm xúc rưng rưng là một sự thức tỉnh chân thành... con người rút ra bài học về cách sống ân nghĩa thủy chung.

c. Kết bài:

Bài thơ đánh thức lương tâm con người bằng một câu chuyện nhỏ với hình tượng thơ độc đáo: Ánh trăng.

Đề 3:

Tưởng tượng mình là nhân vật trữ tình trong "Ánh trăng". Em hãy diễn tả dòng cảm nghĩ trong bài thơ thành một bài tâm sự ngắn.

....

Tiết 17+18

MÙA XUÂN NHO NHỎ

-Thanh Hải-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1**. Tác giả:**

Thanh Hải (1930 – 1980) quê ở huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Tham gia hoạt động văn nghệ từ cuối những năm kháng chiến chống Pháp. Là cây bút có công xây dựng nền văn học giải phóng miền Nam từ những ngày đầu. Ông từng là một người lính trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ với tư cách là một nhà văn.
- Thơ Thanh Hải chân chất và bình dị, đôn hậu và chân thành.
- Sau ngày giải phóng, Thanh Hải vẫn gắn bó với quê hương xứ Huế, sống và sáng tác ở đó cho đến lúc qua đời.

2. Tác phẩm:

- Bài thơ ra đời năm 1980 trong một hoàn cảnh đặc biệt khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh, ít lâu sau ông qua đời.

a. Nội dung: Bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một "mùa xuân nho nhỏ" của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.

b. Nghệ thuật:

+ Bài thơ theo thể 5 chữ, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca.

+ Kết hợp những hình ảnh tự nhiên giản dị đi từ thiên nhiên với những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát.

+ Cấu tứ của bài chặt chẽ, dựa trên sự phát triển của hình ảnh mùa xuân.

+ Giọng điệu bài thơ thể hiện đúng tâm trạng, cảm xúc của tác giả.

C. Chủ đề: Tình yêu quê hương đất nước và khát vọng dâng hiến cho cuộc đời.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

*** Đề 1:**

Trong phần đầu, tác giả dùng đại từ "Tôi", sang phần sau, tác giả lại dùng đại từ "Ta". Em hiểu như thế nào về sự chuyển đổi đại từ nhân xưng ấy của chủ thể trữ tình?

*** Gợi ý:**

- Sự chuyển đổi đại từ nhân xưng đó không phải là sự ngẫu nhiên vô tình mà là dụng ý nghệ thuật tạo nên hiệu quả sâu sắc
- Đó là sự chuyển từ cái "tôi" cá nhân nhỏ bé hoà vào cái "ta" chung của cộng đồng, nhân dân, đất nước. Trong cái "Ta" chung vẫn có cái "tôi" riêng, hạnh phúc là sự hoà hợp và cống hiến. Thể hiện niềm tự hào, niềm vui chung của dân tộc trong thời đại mới
- Sự chuyển đổi diễn ra rất tự nhiên, hợp lí theo mạch cảm xúc

2. Dạng đề 5 hoặc 7điểm:

*** Đề 1:** *Suy nghĩcủa em về bài thơ* ***"Mùa xuân nho nhỏ"****của Thanh Hải*

***Gợi ý:**

a. Mở bài:
- Giới thiệu tác giả.
- Hoàn cảnh ra đời đặc biệt của bài thơ .
- Những xúc cảm của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước và khát vọng đẹp đẽ muốn làm "một mùa xuân nho nhỏ" dâng hiến cho cuộc đời.

b. Thân bài

**Mùa xuân của thiên nhiên*

- Bức tranh mùa xuân tươi đẹp, trong sáng, gợi cảm, tràn đầy sức sống, tươi vui rộn rã qua các hình ảnh thơ đẹp: Bông hoa tím biếc, dòng sông xanh, âm thanh của tiếng chim chiền chiện
- Nghệ thuật:
  + Từ ngữ gợi cảm, gợi tả.
  + Đảo cấu trúc câu.
  + Sử dụng màu sắc, âm thanh…
  + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác trong câu thơ: "*Từng giọt long lanh rơi. Tôi đưa tay tôi hứng".*

-> Cảm xúc : say sưa, ngây ngất của nhà thơ trước cảnh đất trời vào xuân

** Mùa xuân của đất nước*

- Đây là mùa xuân của con người đang lao động và chiến đấu.
- Hình ảnh biểu tượng: người cầm súng, người ra đồng
  -> hai nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng đất nước.
- Hình ảnh ẩn dụ: lộc non (chồi non, lá non, sức sống của mùa xuân, thành quả hạnh phúc) trong câu thơ: " *Lộc giắt đầy trên lưng. Lộc trải dài nương mạ*"
- Nghệ thuật.
  + Nhịp điệu hối hả, những âm thanh xôn xao.
  + Hình ảnh so sánh, nhân hoá đẹp: "*Đất nước như vì sao - Cứ đi lên phía trước*"

-> ngợi ca vẻ đẹp đất nước tráng lệ, trường tồn, thể hiện niềm tin sáng ngời của nhà thơ về đất nước.

** Tâm niệm của nhà thơ.*

- Là khát vọng được hoà nhập, cống hiến vào cuộc sống của đất nước
- Ước nguyện đó được đẩy lên cao thành một lẽ sống cao đẹp, mỗi người phải biết sống, cống hiến cho cuộc đời. Thế nhưng dâng hiến, hoà nhập mà vẫn giữ được nét riêng của mỗi người….

***c*. Kết luận**:
- Bài thơ mang tựa đề thật khiêm tốn nhưng ý nghĩa lại sâu sắc, lớn lao.
- Cảm xúc đẹp về mùa xuân, gợi suy nghĩ về một lẽ sống cao đẹp của một tâm hồn trong sáng.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

*** Đề 1:**

Ta làm con chim hót
Ta làm một nhành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

Em hãy viết một đoạn văn khoảng 10-> 15 dòng diễn tả những suy nghĩ về nguyện ước chân thành của Thanh Hải trong đoạn thơ trên.

Gợi ý:
- Nêu và phân tích được những suy nghĩ của bản thân về nguyện ước chân thành của nhà thơ:
+ Đó là nguyện ước hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến cho cuộc đời chung.
+ Ước nguyện đó được Thanh Hải diễn tả bằng những hình ảnh đẹp, sáng tạo.
+ Ước nguyện đó vô cùng cao đẹp.

+ Ước nguyện của nhà thơ cho ta hiểu mỗi người phải biết sống, cống hiến cho cuộc đời.

Đề 2. *Viết một đoạn văn (từ 15-20 dòng) nêu cảm nhận của em về một khổ thơ trong bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải*

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

*** Đề 2:**

Cảm nhận của em về bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ"của Thanh Hải.

*** Gợi ý :**

a. Mở bài:

- Khái quát về tác giả, hoàn cảnh sáng tác bài thơ.
- Cảm nhận chung về bài thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước và khát vọng đẹp đẽ muốn làm "một mùa xuân nho nhỏ" dâng hiến cho cuộc đời.

b. Thân bài

- Mùa xuân của thiên nhiên rất đẹp, đầy sức sống và tràn ngập niềm vui rạo rực: Qua hình ảnh, âm thanh, màu sắc...
- Mùa xuân của đất nước*:* Hình ảnh "người cầm súng, người ra đồng" biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến đấu và lao động dựng xây lại quê hương sau những đau thương mất mát.

-> Âm hưởng thơ hối hả, khẩn trương với nhiều điệp từ, điệp ngữ láy lại ở đầu câu.

- Suy ngẫm và tâm niệm của nhà thơ trước mùa xuân đất nước là khát vọng được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp.

-> Thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh tự nhiên, giản dị và đẹp.

- Cách cấu tứ lặp lại như vậy tạo ra sự đối ứng chặt chẽ và mang một ý nghĩa mới: Niềm mong muốn được sống có ích,cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa toả hương sắc cho đời.

***c.* Kết luận**:

- Ý nghĩa đem lại từ bài thơ.
- Cảm xúc đẹp về mùa xuân, gợi suy nghĩ về một lẽ sống cao đẹp của một tâm hồn trong sáng.

Đề 3. *Làm sáng tỏ nhận định: " Bài thơ* ***Mùa xuân nho nhỏ*** *là tiếng lòng thể hiện tình yêu và khát vọng được cống hiến cho đời của nhà thơ Thanh Hải.*

....

Tiết:19+20

SANG THU

-Hữu Thỉnh-

-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả:

- Nguyễn Hữu Thỉnh sinh năm 1942 - quê ở Tam Dương - Vĩnh Phúc
- Là nhà thơ chiến sĩ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.
- Thơ Hữu Thỉnh ấm áp tình người và giàu sức gợi cảm. Ông viết nhiều và hay về con người, cuộc sống ở nông thôn về mùa thu.
- Có nhiều tập thơ, trường ca nổi tiếng.

2. Tác phẩm.

a. Nội dung: Bức tranh mùa thu được tác giả miêu tả bằng những chuyển mình đầy tinh tế của chính sự vật trước thời điểm giao mùa.

- Tín hiệu của mùa thu đã về (sự chuyển mùa cuối hạ đầu thu) Kết hợp một loạt các từ: "Bỗng - phả - hình như" thể hiện tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc bâng khuâng, cảm nhận tinh tế của tác giả tâm hồn thi sĩ biến chuyển nhịp nhàng với phút giao mùa của cảnh vật.
- Cảm giác giao mùa được diễn tả cụ thể và tinh tế bằng một hình ảnh đám mây của mùa hạ cũng như đang bước vào ngưỡng cửa của mùa thu vậy. Dường như giữa mùa hạ và mùa thu có một ranh giới cụ

thể, hữu hình, hiển hiện, liên tưởng đầy thú vị không chỉ cảm nhận bằng thị giác mà là sự cảm nhận bằng chính tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên tha thiết của Hữu Thỉnh.
- Ý nghĩa thực và ẩn dụ ở hai câu thơ cuối.

b. Nghệ thuật:

- Thể thơ 5 chữ. Nhịp thơ chậm, âm điệu nhẹ nhàng.
- Nhiều từ có giá trị gợi tả, gợi cảm sâu sắc.
- Sự cảm nhận tinh tế, thú vị, gợi những liên tưởng bất ngờ.
- Hình ảnh chọn lọc mang nét đặc trưng của sự giao mùa hạ - thu.

c. Chủ đề: Thiên nhiên và những suy ngẫm về cuộc đời.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

**** Đề 1:***

- Viết đoạn văn khoảng 10 câu trình bày cách hiểu của em về hai câu thơ cuối bài " Sang thu" (Hữu Thỉnh):

Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.

Gợi ý:

Trong đoạn văn này người viết cần trình bày được cách hiểu hai câu thơ cả về nghĩa cụ thể và về nghĩa ẩn dụ.

- Tầng nghĩa cụ thể - nghĩa tường minh diễn tả ý: sang thu, mưa ít đi, sấm cũng bớt. Hàng cây không còn bị giật mình vì những tiếng sấm bất ngờ nữa. Đó là hiện tượng tự nhiên.
- Tầng nghĩa thứ hai (ẩn dụ): suy ngẫm của nhà thơ về dân tộc, về con người: khi đã từng trải, con người đã vững vàng hơn trước những tác động bất ngờ của ngoại cảnh, của cuộc đời.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

*** Đề 1:**

*Cảm nhận của em về bài thơ **"Sang thu"** của Hữu Thỉnh.*

-

a. Mở bài:

- Giới thiệu đề tài mùa thu trong thi ca.
- Bài thơ được viết theo thể thơ năm chữ : nhịp nhàng, khoan thai, êm ái, trầm lắng và thoáng chút suy tư… thể hiện một bức tranh thu trong sáng, đáng yêu ở vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.

b. Thân bài.

Khổ 1: *Những cảm nhận ban đầu của nhà thơ về cảnh sang thu của đất trời.*

- *Thiên nhiên được cảm nhận từ những gì vô hình*:

+ Hương ổi phả trong gió se

+ Từ "phả": động từ có nghĩa là toả vào, trộn lẫn -> gợi mùi hương ổi ở độ đậm nhất, thơm nồng quyến rũ, hoà vào trong gió heo may của mùa thu, lan toả khắp không gian tạo ra một mùi thơm ngọt mát - hương thơm nồng nàn hấp dẫn của những vườn cây sum suê trái ngọt ở nông thôn Việt Nam.

+Sương chùng chình: những hạt sương nhỏ li ti giăng mắc như một làm sương mỏng nhẹ nhàng trôi, đang "cố ý" chậm lại thong thả, nhẹ nhàng, chuyển động chầm chậm sang thu. Hạt sương sớm mai cũng như có tâm hồn

- *Cảm xúc của nhà thơ*:

+ Tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc bâng khuâng .Nhà thơ giật mình, hơi bối rối, hình như còn có chút gì chưa thật rõ ràng trong cảm nhận.

->những cảm nhận nhẹ nhàng, thoáng qua hay là vì quá đột ngột mà tác giả chưa nhận ra? Tâm hồn thi sĩ biến chuyển nhịp nhàng với phút giao mùa của cảnh vật. Từng cảnh sang thu thấp thoáng hồn người : chùng chình, bịn rịn, lưu luyến,

Khổ 2: *Hình ảnh thiên nhiên sang thu được nhà thơ phát hiện bằng những hình ảnh quen thuộc làm nên một bức tranh mùa thu đẹp đẽ và trong sáng:*

+ Dòng sông quê hương –>gợi lên vẻ đẹp êm dịu của bức tranh thiên thiên mùa thu.

+ Đối lập với hình ảnh trên là những cánh chim chiều bắt đầu vội vã bay về phương nam tránh rét trong buổi hoàng hôn.

+ Mây được miêu tả qua sự liên tưởng độc đáo bằng tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên tha thiết:

Khổ 3: *Thiên nhiên sang thu còn được gợi ra qua hình ảnh cụ thể: nắng - mưa*:

- Nắng - hình ảnh cụ thể của mùa hạ. Nắng cuối hạ vẫn còn nồng, còn sáng nhưng đã nhạt dần, yếu dần bởi gió se đã đến chứ không chói chang, dữ dội, gây gắt.
- Hình ảnh ẩn dụ : "Sấm cũng bớt bất ngờ. Trên hàng cây đứng tuổi"

+ Ý nghĩa tả thực:

+ Ý nghĩa ẩn dụ :

c. Kết bài:

- Khẳng định lại giá trị của bài thơ .
- Suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của bài thơ.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

*** Đề 2:***

- Viết đoạn văn (10->15 dòng) nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của hình ảnh "đám mây mùa hạ" trong khổ thơ :

"*Sông được lúc dềnh dàng.*
Chim bắt đầu vội vã.
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu".

Gợi ý:

Đoạn văn có thể gồm các ý:

- Hình ảnh được cảm nhận tinh tế kết hợp trí tưởng tượng bay bổng của nhà thơ.
- Diễn tả hình ảnh đám mây mùa hạ còn sót lại trên bầu trời thu trong xanh, mỏng, kéo dài nhẹ trôi rất hững hờ như còn vương vấn, lưu luyến không nỡ rời xa, cảnh có hồn.
- Đó là hình ảnh gợi cảm giác giao mùa, hạ đã qua mà thu chưa đến hẳn.

Đề 2: *Từ bài thơ "Sang thu" của Hữu Thỉnh hãy viết đoạn văn tả cảnh đất trời vào thu.*

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

*** Đề 2:**

Những cảm nhận tinh tế, sâu sắc của nhà thơ Hữu Thỉnh về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu qua bài thơ "Sang thu".

Gợi ý:

a- Mở bài :

- Đề tài mùa thu trong thi ca xưa và nay rất phong phú
- "Sang thu" của Hữu Thỉnh lại có nét riêng bởi chỉ diễn tả các yếu tố chuyển giao màu. Bài thơ thoáng nhẹ mà tinh tế.

b. Thân bài:

* *Những dấu hiệu ban đầu của sự giao mùa*

- Mở đầu bài thơ bằng từ *"bỗng"* nhà thơ như diễn tả cái hơi giật mình chợt nhận ra dấu hiệu đầu tiên từ làn *"gió se"* mang theo hương ổi bắt đầu chín .

- *Hương ổi* ; *Phả vào trong gió se* : sự cảm nhận thật tinh

- Rồi bằng thị giác : sương đầu thu nên đến chầm chậm, lại được diễn tả rất gợi cảm *"chùng chình qua ngõ"* như cố ý đợi khiến người vô tình cũng phải để ý.

- Ngoài ra, từ *"bỗng"*, từ *"hình như"* còn diễn tả tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc bâng khuâng,…

** Những dấu hiệu mùa thu đã dần dần rõ hơn, cảnh vật tiếp tục được cảm nhận bằng nhiều giác quan.*

- Cái ngỡ ngàng ban đầu đã nhường chỗ cho những cảm nhận tinh tế, cảnh vật mùa thu mới chớm với những bước đi rất nhẹ, rất dịu, rất êm.

- Đã hết rồi nước lũ cuồn cuộn nên dòng sông thong thả trôi

- Trái lại, những loài chim di cư <u>bắt đầu vội vã</u>

- Cảm giác giao mùa được diễn tả rất thú vị . Sự giao mùa được hình tượng hoá thành dáng nằm duyên dáng *vắt nửa mình sang thu* .

** Tiết thu đã lấn dần thời tiết hạ:* Sự thay đổi rất nhẹ nhàng không gây cảm giác đột ngột, khó chịu được diễn tả khéo léo bằng những từ chỉ mức độ rất tinh tế :*vẫn còn, đã vơi, cũng bớt.*

c- Kết bài:

- Bài thơ bé nhỏ xinh xắn nhưng chứa đựng nhiều điều thú vị, bởi vì mỗi chữ, mỗi dòng là một phát hiện mới mẻ

- Chứng tỏ một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, một tài thơ đặc sắc.

Đề 3. *Phân tích sự tinh tế trong cảm nhận của nhà thơ về những biến chuyển của không gian trời đất lúc sang thu qua bài thơ "Sang thu"- Hữu Thỉnh.*

....

CHUYÊN ĐỀ 3:
TRUYỆN VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG 8 - 1945

Tiết 1+2 *Làng*

- Kim Lân-

<u>*A.TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:*</u>

1. Tác giả:

Kim Lân (1920- 2007) tên thật là Nguyễn Văn Tài, quê Bắc Ninh. ông là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và đã có sáng tác đăng báo từ trước cách mạng tháng Tám 1945. Vốn gắn bó và am hiểu sâu sắc cuộc sống ở nông thôn, Kim Lân hầu như chỉ viết về sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân. năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

2. Tác phẩm "Làng"

a. Nội dung: Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư đã được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật ông Hai trong truyện Làng.

b. Nghệ thuật: Tác giả đã thành công trong việc xây dựng tình huống truyện, trong nghệ thuật miêu tả tâm lí và ngôn ngữ nhân vật.

3. Chủ đề: Lòng yêu nước của người nông dân.

<u>*B.CÁC DẠNG ĐỀ:*</u>

1. Dạng đề 2 đến 3 điểm:

<u>**Đề 1:**</u>

Viết một đoạn văn ngắn thuật lại tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng mình theo giặc.

<u>**Gợi ý:**</u>

1. Mở đoạn

- Ông Hai là người tha thiết yêu làng quê, luôn tự hào về làng quê của mình
- Chính ông Hai là người nghe được tin làng ông theo giặc.

2. Thân đoạn

- Ông Hai bàng hoàng, sững sờ: “Cổ ông nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân...” Một lúc lâu sau ông mới cố chấn tĩnh lại, ông vẫn còn chưa tin. nhưng khi nghe những người tản cư khẳng định chắc chắn ông đành không thể không tin

- Ông thấy xấu hổ “đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng” “cúi gằm mặt xuống mà đi”

- Về đến nhà, ông “nằm vật ra giường”, “nhìn lũ con, tủi thân nước mắt ông cứ tràn ra”.

- Không khí nặng nề trùm lên gia đình ông Hai. ông gắt gỏng cả với vợ, ông “ trằn trọc không sao ngủ được…”

- Ông Hai không dám ra khỏi nhà. “Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy…”

3. Kết đoạn

- Cái tin làng theo Tây ám ảnh ông nặng nề đến mức trở thành nỗi sợ hãi thường xuyên, động cái gì cũng làm ông đau đớn, xấu hổ.

2. Dạng đề 5 đến 7 điểm

Đề 1:

Nhân vật ông Hai trong truyện “Làng” của Kim Lân.

Dàn bài:

1 . Mở bài:

(Nêu những nét chính về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và những nét khái quát về nhân vật ông Hai .)

- Kim Lân là nhà văn có sở trường về truyện ngắn, am hiểu về đời sống nông dân nông thôn.
- Truyện ngắn “Làng” được in lần đầu tiên trên tạp chí Văn nghệ năm 1948
- Nhân vật chính là ông Hai, một nông dân phải dời làng đi tản cư nhưng có tình yêu làng, yêu nước sâu sắc, tinh thần kháng chiến cao, trung kiên cách mạng.

2. Thân bài

a. Ông Hai có tình yêu làng sâu sắc đặc biệt với làng Chợ Dầu, nơi chôn nhau cắt rốn của ông.

- Kháng chiến chống Pháp nổ ra:

+ Ông Hai muốn trở lại làng để chống giặc nhưng vì hoàn cảnh gia đình phải tản cư, ông luôn day dứt nhớ làng.

+ Tự hào về làng, ông tự hào về phong trào cách mạng, tinh thần kháng chiến sôi nổi của làng.

b. Tình yêu làng của ông Hai hòa nhập thống nhất với lòng yêu nước, yêu kháng chiến, cách mạng.

+ Nghe tin làng chợ Dầu theo giặc Pháp ông đau đớn nhục nhã, “làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”.

+ Nghe tin cải chính làng không theo giặc, ông Hai vui sướng tự hào nên dù nhà ông bị giặc đốt ông không buồn, không tiếc, xem đó là bằng chứng về lòng trung thành của ông đối với cách mạng.

c. Kim Lân thành công trong cách xây dựng cốt truyện tâm lí, đặt nhân vật trong tình huống gay gắt, đấu tranh nội tâm căng thẳng để bộc lộ tâm trạng tính cách nhân vật.

- Miêu tả nổi bật tâm trạng tính cách nhân vật qua đối thoại, độc thoại, đấu tranh nội tâm, ngôn ngữ, thái độ, cử chỉ, suy nghĩ hành động.

3. Kết bài.

- Ông Hai tiêu biểu cho tầng lớp nông dân thời chống Pháp yêu làng yêu nước sâu sắc.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng đề 2 đến 3 điểm

Đề 2

Hãy tóm tắt truyện ngắn Làng bằng một đoạn văn khoảng 15 câu.

Gợi ý:

Đoạn tóm tắt truyện gồm các ý sau:

- Ông Hai là người một người nông dân y tha thiết yêu làng Chợ Dầu của mình.
- Do yêu cầu của ủy ban kháng chiến, ông Hai phải cùng gia đình tản cư. xa làng ông nhớ làng da diết.

- Trong những ngày xa quê , ông luôn nhớ đến làng Chợ Dầu và muốn trở về.
- Một hôm, ông nghe tin làng Chợ Dầu của ông làm Việt gian theo Tây. Ông Hai vừa căm uất vừa tủi hổ , chỉ biết tâm sự cùng đứa con thơ.
- Khi cùng đường, ông Hai nhất định không quay về làng vì theo ông "làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù."
- Sau đó, ông được nghe tin cải chính về làng mình rằng làng chợ Dầu vẫn kiên cường đánh Pháp. ông hồ hởi khoe với mọi người tin này dù nhà ông bị Tây đốt cháy.

Đề 3:

Hãy giới thiệu những nét chính về nhà văn Kim Lân.

Gợi ý:

Kim Lân (1920- 2007) tên thật là Nguyễn Văn Tài, quê Bắc Ninh. ông là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và đã có sáng tác đăng báo từ trước cách mạng tháng Tám 1945. Vốn gắn bó và am hiểu sâu sắc cuộc sống ở nông thôn, Kim Lân hầu như chỉ viết về sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân. năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

2. *Dạng đề 5 đến 7 điểm*

Đề 2. *Cảm nhân của em về truyện ngắn "Làng" của nhà văn Kim Lân.*

Gợi ý

A. Mở bài:

- Kim Lân tên thật là Nguyễn Văn Tài, quê ở huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
- Truyện ngắn Làng sáng tác đầu kháng chiến, được in năm 1948.
- Nêu cảm nhận chung về truyện nhăn Làng: Truyện ca ngợi tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến sôi nổi của người nông dân, thông qua nhân vật ông Hai.

B.Thân bài

1. Truyện ngắn Làng biểu hiện một tình cảm cao đẹp của toàn dân tộc, tình cảm quê hương đất nước. Với người nông dân thời đại cách mạng và kháng chiến thì tình yêu làng xóm quê hương đã hoà nhập trong tình yêu nước, tinh thần kháng chiến. Tình cảm đó vừa có tính truyền thống vừa có chuyển biến mới.

2. Thành công của Kim Lân là đã diễn tả tình cảm, tâm lí chung ấy trong sự thể hiện sinh động và độc đáo ở một con người, nhân vật ông Hai. ở ông Hai tình cảm chung đó mang rõ màu sắc riêng, in rõ cá tính chỉ riêng ông mới có.

a. Tình yêu làng, một bản chất có tính truyền thông trong ông Hai.
- Ông Hai tự hào sâu sắc về làng quê.
- Cái làng đó với người nông dân có một ý nghĩa cực kì quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần.

b. Sau cách mạng, đi theo kháng chiến, ông đã có những chuyển biến mới trong tình cảm.
- Được cách mạng giải phóng, ông tự hào về phong trào cách mạng của quê hương, vê việc xây dựng làng kháng chiến của quê ông. Phải xa làng, ông nhớ quá cái không khí "đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá…"; rồi ông lo "cái chòi gác,… những đường hầm bí mật,…" đã xong chưa?
- Tâm lí ham thích theo dõi tin tức kháng chiến, thích bình luận, náo nức trước tin thắng lợi ở mọi nơi "Cứ thế, chỗ này giết một tí, chỗ kia giết một tí, cả súng cũng vậy, hôm nay dăm khẩu, ngày mai dăm khẩu, tích tiểu thành đại, làm gì mà thằng Tây không bước sớm".

c. Tình yêu làng gắn bó sâu sắc với tình yêu nước của ông Hai bộc lộ sâu sắc trong tâm lí ông khi nghe tin làng theo giặc.
- Khi mới nghe tin xấu đó, ông sững sờ, chưa tin. Nhưng khi người ta kể rành rọt, không tin không được, ông xấu hổ lảng ra về. Nghe họ chì chiết ông đau đớn cúi gằm mặt xuống mà đi.
- Về đến nhà, nhìn thấy các con, càng nghĩ càng tủi hổ vì chúng nó "cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi". Ông giận những người ở lại làng, nhưng điểm mặt từng người thì lại không tin họ "đổ đốn" ra thế. Nhưng cái tâm lí "không có lửa làm sao có khói", lại bắt ông phải tin là họ đã phản nước hại dân.

- Ba bốn ngày sau, ông không dám ra ngoài. Cái tin nhục nhã ấy choán hết tâm trí ông thành nỗi ám ảnh khủng khiếp. Ông luôn hoảng hốt giật mình. Không khí nặng nề bao trùm cả nhà.
- Tình cảm yêu nước và yêu làng còn thể hiện sâu sắc trong cuộc xung đột nội tâm gay gắt: Đã có lúc ông muốn quay về làng vì ở đây tủi hổ quá, vì bị đẩy vào bế tắc khi có tin đồn không đâu chứa chấp người làng chợ Dầu. Nhưng tình yêu nước, lòng trung thành với kháng chiến đã mạnh hơn tình yêu làng nên ông lại dứt khoát: "Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù". Nói cứng như vậy nhưng thực lòng đau như cắt.
- Tình cảm đối với kháng chiến, đối với cụ Hồ được bộc lộ một cách cảm động nhất khi ông chút nỗi lòng vào lời tâm sự với đứa con út ngây thơ. Thực chất đó là lời thanh minh với cụ Hồ, với anh em đồng chí và tự nhủ mình trong những lúc thử thách căng thẳng này:
+ Đứa con ông bé tí mà cũng biết giơ tay thề: "ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm!" nữa là ông, bố của nó.
+ Ông mong "Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông".
+ Qua đó, ta thấy rõ:
Tình yêu sâu nặng đối với làng chợ Dầu truyền thống (chứ không phải cái làng đổ đốn theo giặc).
Tấm lòng trung thành tuyệt đối với cách mạng với kháng chiến mà biểu tượng của kháng chiến là cụ Hồ được biểu lộ rất mộc mạc, chân thành. Tình cảm đó sâu nặng, bền vững và vô cùng thiêng liêng: có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.

d. Khi cái tin kia được cải chính, gánh nặng tâm lí tủi nhục được trút bỏ, ông Hai tột cùng vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu.
- Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí "Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước" của người nông dân lao động bình thường.
- Việc ông kể rành rọt về trận chống càn ở làng chợ Dầu thể hiện rõ tinh thần kháng chiến và niềm tự hào về làng kháng chiến của ông.

3. Nhân vật ông Hai để lại một dấu ấn không phai mờ là nhờ nghệ thuật miêu tả tâm lí tính cách và ngôn ngữ nhân vật của người nông dân dưới ngòi bút của Kim Lân.
- Tác giả đặt nhân vật vào những tình huống thử thách bên trong để nhân vật bộc lộ chiều sâu tâm trạng.
- Miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ đối thoại và độc thoại.
- Ngôn ngữ của Ông Hai vừa có nét chung của người nông dân lại vừa mang đậm cá tính nhân vật nên rất sinh động.

C- Kết bài:

- Qua truyện ngắn Làng người đọc thấm thía tình yêu làng, yêu nước rất mộc mạc, chân thành mà vô cùng sâu nặng, cao quý trong những người nông dân lao động bình thường.
- Sự mở rộng và thống nhất tình yêu quê hương trong tình yếu đất nước là nét mới trong nhận thức và tình cảm của quần chúng cách mạng mà văn học thời kháng chiến chống Pháp đã chú trọng làm nổi bật. Truyện ngắn Làng của Kim Lân là một trong những thành công đáng quý.

....

Tiết 3 + 4 **LẶNG LẼ SA PA**

-Nguyễn Thành Long-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả:

- Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, Viết văn từ thời kì kháng chiến chống Pháp. Ông là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí.

- Nguyễn Thành Long là một cây bút cần mẫn và nghiêm túc trong lao động nghệ thuật, lại rất coi trọng thâm nhập thực tế đời sống. Sáng tác của ông hầu như chỉ viết về những vẻ đẹp bình dị của con người và thiên nhiên đất nước.

2. Tác phẩm "Lặng lẽ Sa Pa":

Truyện ngắn *"Lặng lẽ Sa Pa"* là kết quả của chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả. Truyện rút từ tập "Giữa trong xanh" in năm 1972.

a. Nội dung:

Khắc họa thành công hình ảnh những người lao động bình thường mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao.

b. Nghệ thuật:

- Xây dựng tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.

c. Chủ đề:

Khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng. Niềm hạnh phúc của con người trong lao động có ích.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng 2 hoặc 3 điểm:

**** Đề 1:***

Hãy tóm tắt truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long.

**** Gợi ý:***

Một họa sĩ già trước khi nghỉ hưu đã có một chuyến đi thực tế ở vùng cao Tây Bắc. Trên chuyến xe, ông ngồi cùng hàng ghế với cô kĩ sư trẻ lên nhận công tác ở Lai Châu. Đến Sa Pa, bác lái xe dừng lại lấy nước và nhân tiện giới thiệu với họa sĩ "một trong những người cô độc nhất thế gian". Đó là anh thanh niên trông coi trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn 2600 mét.

Cuộc gặp gỡ giữa bác lái xe, họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ và anh thanh niên diễn ra rất vui vẻ, cảm động. Anh thanh niên hào hứng giới thiệu với khách về công việc hằng ngày của mình – những công việc âm thầm nhưng vô cùng có ích cho cuộc sống. Họa sĩ già phát hiện ra phẩm chất đẹp đẽ, cao quý của anh thanh niên nên đã phác họa một bức chân dung. Qua lời kể của anh, các vị khách còn được biết thêm về rất nhiều gương sáng trong lao động, sản xuất, đem hết nhiệt tình phục vụ sự nghiệp xây dựng và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

**** Đề 1:***

Cảm nghĩ của em về nhân vật anh thanh niên trong truyện "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long.

**** Gợi ý:***

a. Mở bài:

- Giới thiệu chung về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm:

+ Tác giả: - Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, Viết văn từ thời kì kháng chiến chống Pháp.

- Ông là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí. Ông là một cây bút cần mẫn và nghiêm túc trong lao động nghệ thuật, lại rất coi trọng thâm nhập thực tế đời sống. Sáng tác của Nguyễn Thành Long hầu như chỉ viết về những vẻ đẹp bình dị của con người và thiên nhiên đất nước.

+ Tác phẩm *"Lặng lẽ Sa Pa":*

Truyện ngắn *"Lặng lẽ Sa Pa"* là kết quả của chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả. Truyện rút từ tập *"Giữa trong xanh"* in năm 1972.

- Cảm nhận chung về nhân vật anh thanh niên.

b. Thân bài:

- Anh thanh niên là nhân vật trung tâm của truyện, chỉ xuất hiện trong giây lát nhưng vẫn là điểm sáng nổi bật nhất trong bức tranh mà tác giả thể hiện.

- Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 mét, với công việc "đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày". Công việc đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.

- Gian khổ nhất đối với anh là phải sống trong hoàn cảnh cô độc, một mình trên đỉnh núi cao hàng tháng hàng năm. Điều ấy khiến anh trở thành một trong những người "cô độc nhất thế gian" và thèm người đến nỗi thỉnh thoảng phải ngăn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để gặp người trò chuyện.

- Ý thức công việc và lòng yêu nghề của mình. Thấy được công việc lặng thầm này là có ích cho cuộc sống và cho mọi người (cụ thể khi ấy là phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Mĩ; Góp phần bắn rơi nhiều máy bay Mĩ trên cầu Hàm Rồng, Thanh Hóa). Anh thấy cuộc sống và công việc của mình thật có ý nghĩa, thật hạnh phúc.

- Yêu sách và rất ham đọc sách – những người thầy, người bạn tốt lúc nào cũng sẵn sàng bên anh.

- Anh không cảm thấy cô đơn vì biết tổ chức, sắp xếp cuộc sống khoa học, ngăn nắp, chủ động, ngoài công việc anh còn chăm hoa, nuôi gà, nhà cửa và nơi làm việc nhỏ nhắn, xinh xắn, gọn gàng và khá đẹp.

- Ở người thanh niên ấy còn có những nét tính cách và phẩm chất rất đáng quí: sự cởi mở, chân thành, rất quí trọng tình cảm con người, khao khát gặp gỡ mọi người.

- Anh còn là người rất khiêm tốn, thành thực. Cảm thấy công việc và những lời giới thiệu nhiệt tình của bác lái xe về mình là chưa xứng đáng, đóng góp của mình chỉ là bình thường nhỏ bé so với bao nhiêu người khác. Khi ông họa sĩ muốn kí họa chân dung, anh từ chối, e ngại và giới thiệu những người khác cho ông vẽ.

- Anh còn là người rất ân cần chu đáo, hiếu khách: Trao gói tam thất cho bác lái xe, tiếp đón nồng nhiệt, chân thành tự nhiên với ông học sĩ và cô kĩ sư, tặng hoa, tặng làn trứng tươi cho hai vị khách quí…

c. Kết bài:

Chỉ qua một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, qua cảm nhận của các nhân vật khác, chân dung tinh thần của người thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu đã hiện lên rõ nét và đầy sức thuyết phục với những phẩm chất tốt đẹp, trong sáng về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về nghề nghiệp, cuộc sống. Đó là một trong những con người lao động trẻ tuổi, làm công việc lặng lẽ mà vô cùng cần thiết, có ích cho nhân dân, đất nước.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

**** Đề 2:***

Đóng vai nhân vật cô kĩ sư kể lại giây phút chia tay giữa ba người - anh thanh niên, ông họa sĩ và cô kĩ sư.

**** Gợi ý:***

Nghe tiếng chàng trai kêu to: *"Trời ơi, chỉ còn có năm phút!"* và sau đó là một giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ, tôi cũng cảm thấy giật mình, bâng khuâng…Cuộc chia tay của chúng tôi đã đến rồi ư? Sao nhanh thế? Tôi và chàng trai kia đã nói gì được với nhau đâu?

Bỗng chàng trai chạy ra sau nhà, rồi trở lại ngay với một cái làn trên tay. Nhà họa sĩ già tặc lưỡi đứng dậy. Tôi cũng đứng lên, chợt thấy lúng túng, bèn đưa tay đặt lại chiếc ghế, rồi thong thả đi đến chỗ nhà họa sĩ. Đúng lúc ấy, chàng trai kêu lên:

- Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này!

Tôi nhẹ nhàng quay lại, nhưng dường như không muốn để tôi phải khó nhọc trở lại bàn, chàng trai đã nhanh chân bước tới, cầm chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách, đi tới chỗ tôi đang đứng và đưa tận tay cho tôi.Tôi thực sự bối rối, nhận lại chiếc khăn và quay vội đi.

Nhà họa sĩ già đã bước tới bậu cửa, bỗng quay lại chụp lấy tay chàng trai lắc mạnh:

- Chào anh! Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại! Tôi ở với anh ít hôm được chứ?

Tôi cũng lặng lẽ bước tới chỗ chàng trai, chìa bàn tay của mình ra trước mặt anh. Anh nắm lấy bàn tay của tôi, bóp nhẹ. Hình như anh hơi run thì phải! Và không hiểu sao, tôi cũng cảm thấy lòng mình xốn xang, hồi hộp lạ lùng? Tôi nhìn thẳng vào mắt anh, không nói… anh cũng im lặng nhìn tôi… nhưng dường như chúng tôi đã nói với nhau tất cả… Tôi bóp nhẹ bàn tay của anh, thì thầm:

- Chào anh…

Đề 3:

Ngoài những nhân vật xuất hiện trực tiếp trong truyện "Lặng lẽ Sa Pa" còn có những nhân vật nào xuất hiện gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên? Nhận xét của em về họ?

Gợi ý:

+ Ông bố "*tuyệt lắm*", cả hai bố con cùng xung phong ra mặt trận.

+ Ông kĩ sư vườn rau ở SaPa.

+ Anh bạn ở trạm khí tượng Phan - xi - păng.

+ Anh kĩ sư lập bản đồ sét.

Không xuất hiện trực tiếp mà chỉ qua lời kể của anh thanh niên. Đó cũng là những con người sống và làm việc lặng lẽ, cô độc mà say mê quên mình vì công việc, vì mọi người dưới bầu trời SaPa lặng lẽ.

Họ góp phần thể hiện chủ đề của truyện: Khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng. Niềm hạnh phúc của con người trong lao động có ích.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

Đề 2:

Cảm nhận của em về truyện ngắn "Lặng lẽ SaPa" của Nguyễn Thành Long.

Gợi ý:

a. Mở bài: Giới thiệu chung về tác giả, hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

+ Tác giả: Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, viết văn từ thời kì kháng chiến chống Pháp.

- Ông là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí. Ông là một cây bút cần mẫn và nghiêm túc trong lao động nghệ thuật, lại rất coi trọng thâm nhập thực tế đời sống. Sáng tác của Nguyễn Thành Long hầu như chỉ viết về những vẻ đẹp bình dị của con người và thiên nhiên đất nước.

+ Tác phẩm:

Truyện ngắn *"Lặng lẽ SaPa"* là kết quả của chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả. Truyện rút từ tập *"Giữa trong xanh"* in năm 1972.

+ Cảm nhận chung của em về truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa.

b. Thân bài:

- Truyện ngắn *"Lặng lẽ SaPa"* viết về những con người sống đẹp, có ích cho đời, có lí tưởng ước mơ, niềm tin yêu vững bền vào nghề nghiệp, kiến thức, trình độ khoa học mà nhân vật anh thanh niên là hiện thân vẻ đẹp đó.

- Nhân vật anh thanh niên, ở tuổi đời hai mươi bảy tự nguyện rời nơi phồn hoa đô hội lên công tác ở đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Điều kiện làm việc vô cùng khắc nghiệt, vất vả nhưng bằng lòng yêu nghề, tình yêu cuộc sống đã khiến anh quyết định gắn bó với công việc khí tượng kiêm vật lí địa cầu.

- Khó khăn nhất mà anh phải vượt qua chính là sự cô đơn lạnh lẽo đến mức *"thèm người"* và được bác lái xe mệnh danh là *"người cô độc nhất thế gian"*.

- Ngoài là người có học thức, có trình độ, anh thanh niên còn có một tâm hồn trong sáng, yêu đời, yêu cuộc sống.

- Có niềm vui đọc sách, trồng rau, trồng hoa, nuôi gà cải thiện cuộc sống. Biết sắp xếp công việc, cuộc sống một cách ngăn nắp, chủ động.

- Ở anh thanh niên còn toát lên bản tính chân thành, khiêm tốn, cởi mở, hiếu khách, luôn biết sống vì mọi người.

- Qua lời kể của anh thanh niên, ông kĩ sư nông nghiệp ở vườn ươm su hào, anh kĩ sư lập bản đồ chống sét… đều là những người sống thầm lặng trên mảnh đất SaPa mà lao động cần mẫn, say mê quên mình vì công việc.

- Bác lái xe trong vai người dẫn truyện là điểm dừng cho mọi cuộc gặp gỡ. Tạo nên sự hấp dẫn, tò mò tìm hiểu của người đọc. Ông họa sĩ là nhân vật hóa thân của nhà văn - người xem đây là một chuyến đi may mắn trong cuộc đời nghệ thuật của mình. Cô kĩ sư đã phát hiện ra nhiều điều mới mẻ trong chuyến đi đầu đời.

- Nghệ thuật: Xây dựng tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.

c. Kết bài:

Nguyễn Thành Long đã góp một tiếng nói ca ngợi cuộc sống và tái hiện một cách đầy đủ những vẻ đẹp của con người. Khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng. Niềm hạnh phúc của con người trong lao động có ích.

....

Tiết 5 + 6

CHIẾC LƯỢC NGÀ

- Nguyễn Quang Sáng-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả:

- Nguyễn Quang Sáng 1932, quê ở An Giang. Ông là nhà văn quân đội trưởng thành trong quân ngũ từ hai cuộc kháng chiến của dân tộc, chuyên viết về cuộc sống và con người Nam Bộ.

2. Tác phẩm "Chiếc lược ngà".

a. Nội dung:

Truyện đã diễn tả một cách cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Qua đó tác giả khẳng định và ca ngợi tình cảm cha con thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc, nó càng cao đẹp trong những cảnh ngộ khó khăn.

b. Nghệ thuật:

Cốt truyện chặt chẽ, tình huống bất ngờ nhưng hợp lý. Truyện thành công trong việc miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật.

c. Chủ đề:

Tình cha con sâu sắc và cảm động của người chiến sĩ Cách mạng trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 2 đến 3 điểm:

Đề 1:

Chi tiết bé Thu trong truyện "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng không nhận cha khi anh Sáu đi kháng chiến trở về thăm nhà gợi cho em suy nghĩ gì?

Gợi ý:

a, Mở đoạn

- Giới thiệu vài nét về Nguyễn Quang Sáng và truyện ngắn "Chiếc lược ngà".

b, Thân đoạn

- Hoàn cảnh của câu chuyện: Do chiến tranh hai cha con chưa bao giờ gặp mặt, tám năm sau, ông Sáu về thăm nhà trước khi đi nhận công tác mới, ông được gặp con, nhưng bé Thu nhất định không nhận ông Sáu là cha.
- Tình cảm của ông Sáu dành cho con.
- Tình cảm của bé Thu dành cho ông Sáu.

c, Kết đoạn

- Khái quát nội dung và nghệ thuật của truyện.
- Nêu suy nghĩ của bản thân.

2. Dạng đề 5 đến 7 điểm:

Đề 1:

Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật bé Thu trong truyện ngắn "Chiếc lược ngà'' của Nguyễn Quang Sáng.

1. Mở bài:

- Giới thiệu được tác giả, tác phẩm và nhân vật bé Thu với tài năng miêu tả tâm lý nhân vật.

- Cảm nhận chung về nhân vật bé Thu.

2. Thân bài:

Phân tích diễn biến tâm lý của nhân vật bé Thu - nhân vật chính của đoạn trích "Chiếc lược ngà'' một cô bé hồn nhiên ngây thơ, có cá tính bướng bỉnh nhưng yêu thương ba sâu sắc.

- Khái quát được cảnh ngộ của gia đình bé Thu, đất nước có chiến tranh, cha đi công tác khi Thu chưa đầy một tuổi, lớn lên em chưa một lần gặp ba được ba chăm sóc yêu thương, tình yêu Thu dành cho ba chỉ gửi trong tấm ảnh ba chụp chung cùng má.

- Diễn biến tâm lý của bé Thu trước khi nhận anh Sáu là cha:

+ Yêu thương ba nhưng khi gặp anh Sáu, trước những hành động vội vã thái độ xúc động, nôn nóng của cha…Thu ngạc nhiên lạ lùng, sợ hãi và bỏ chạy….những hành động chứa đựng sự lảng tránh đó lại hoàn toàn phù hợp với tâm lí trẻ thơ bởi trong suy nghĩ của Thu anh Sáu là người đàn ông lạ lại có vết thẹo trên mặt giần giật dễ sợ.

+ Trong hai ngày sau đó Thu hoàn toàn lạnh lùng trước những cử chỉ đầy yêu thương của cha, nó cự tuyệt tiếng ba một cách quyết liệt trong những cảnh huống mời ba vào ăn cơm, xử lí nồi cơm sôi, và thái độ hất tung cái trứng cá trong bữa cơm…Từ cự tuyệt nó đã phản ứng mạnh mẽ….nó căm ghét cao độ người đàn ông mặt thẹo kia, nó tức giận, và khi bị đánh nó đã bỏ đi một cách bất cần…. đó là phản ứng tâm lí hoàn toàn tự nhiên của một đứa trẻ có cá tính mạnh mẽ… Hành động tưởng như vô lễ đáng trách của Thu lại hoàn toàn không đáng trách mà còn đáng thương, bởi em còn quá nhỏ chưa hiểu được những tình thế khắc nghiệt éo le của đời sống. Đằng sau những hành động ấy ẩn chứa cả tình yêu thương ba,sự kiêu hãnh của trẻ thơ về một tình yêu nguyên vẹn trong sáng mà Thu dành cho ba.

- Diễn biến tâm lý của Thu khi nhận ba:

+ Sự thay đổi thái độ đến khó hiểu của Thu, không ương bướng mà buồn rầu nghĩ ngợi sâu xa, ánh mắt cử chỉ hành động của bé Thu như thể hiện sự ân hận, sự nuối tiếc, muốn nhận ba nhưng e ngại vì đã làm ba giận.

+ Tình yêu thương ba được bộc lộ hối hả ào ạt mãnh liệt khi anh Sáu nói "Thôi ba đi nghe con". Tình yêu ấy kết đọng trong âm vang tiếng **Ba** trong những hành động vội vã: Chạy nhanh như con sóc, nhảy thót lên, hôn ba nó cùng khắp, trong lời ước nguyện mua cây lược, tiếng khóc nức nở…Đó là cuộc hội ngộ chia tay đầy xúc động, thiêng liêng đã tác động sâu sắc đến bác Ba, mọi người …

+ Sự lý giải nguyên nhân việc hiểu lầm của bé Thu được tác giả thể hiện thật khéo léo đó là do vết thẹo trên mặt người ba khi hiểu ra sự thực Thu "nằm im lăn lộn thở dài như người lớn". Vết thẹo không chỉ gây ra nỗi đau về thể xác mà còn hằn nên nỗi đau về tinh thần gây ra sự xa cách hiểu lầm giữa cha con bé Thu. Nhưng chiến tranh dù có tàn khốc bao nhiêu thì tình cảm cha con anh Sáu càng trở lên thiêng liêng sâu lặng.

- Khẳng định lại vấn đề: Ngòi bút miêu tả tâm lý khắc hoạ tính cách nhân vật tinh tế thể hiện được ở bé Thu một cô bé hồn nhiên ngây thơ, mạnh mẽ cứng cỏi yêu ghét rạch ròi. Trong sự đối lập của hành động thái độ trước và sau khi nhân ba lại là sự nhất quán về tính cách về tình yêu thương ba sâu sắc.

- Những năm tháng sống gắn bó với mảnh đất Nam Bộ, trái tim nhạy cảm, nhân hậu, am hiểu tâm lý của trẻ thơ đã giúp tác giả xây dựng thành công nhân vật bé Thu.

- Suy nghĩ về đời sống tình cảm gia đình trong chiến tranh, trân trọng tình cảm gia đình trong cuộc sống hôm nay.

3. Kết bài:

Khẳng định thành công, đồng thời bộc lộ ấn tượng sâu đậm nhất về nhân vật cũng như toàn bộ tác phẩm.

C. <u>BÀI TẬP VỀ NHÀ:</u>

1. Dạng đề 2 đến 3 điểm

<u>Đề 1</u>:

Tóm tắt truyện ngắn "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng.

<u>Gợi ý:</u>

Anh Sáu thoát li đi kháng chiến từ lúc đứa con gái chưa đầy một tuổi. Vì hoàn cảnh công tác, 8 năm sau anh có dịp ghé thăm nhà.

Anh càng muốn gần con thì đứa bé càng lạnh lùng xa cách, không chịu nhận anh là ba. Vì thấy anh khác xa với tấm ảnh chụp chung với má trước đây.

Nhờ bà ngoại giải thích về vết thẹo do đạn thù bắn trên mặt cha nó, bé Thu mới chịu nhận ba vào thời điểm anh Sáu phải lên đường.

Ở chiến khu, anh kì công làm cho con gái chiếc lược bằng miếng ngà voi với hi vọng sẽ trao được tận tay con. Nhưng anh Sáu đã hi sinh trong một trận giặc càn. Trước lúc anh nhắm mắt, bác Ba – một đồng đội thân thiết hứa sẽ đưa giùm anh chiếc lược cho con gái. Lúc nhận được chiếc lược thì bé Thu đã trở thành một cô giao liên dũng cảm.

1. Dạng đề 5 đến 7 điểm

Đề 2:

Cảm nhận của em về truyện ngắn "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng.

1. Mở bài:

- Giới thiệu được tác giả, tác phẩm:

- Nguyễn Quang Sáng 1932, quê ở An Giang. Ông là nhà văn quân đội trưởng thành trong quân ngũ từ hai cuộc kháng chiến của dân tộc, chuyên viết về cuộc sống và con người Nam Bộ.

- Truyện "Chiếc lược ngà" sáng tác năm 1966 tại chiến trường miền Tây Nam bộ, kể về tình cha con vô cùng cảm động của người cán bộ cách mạng.

- Nêu khái quát cảm nhận về truyện.

2. Thân bài:

- Cuộc gặp gỡ của hai cha con sau 8 năm xa cách:

+ Anh Sáu thoát li đi kháng chiến từ lúc đứa con gái chưa đầy một tuổi. Vì hoàn cảnh công tác, 8 năm sau anh có dịp ghé thăm nhà.

+ Anh vui mừng khôn xiết, muốn bày tỏ tình cảm yêu thương, âu yếm đối với con.

+ Ngược lại, bé Thu đối với anh như người xa lạ: sợ hãi, xa lánh, dù má giải thích thế nào đi nữa, bé vẫn dứt khoát không nhận cha.

+ Bữa cơm đoàn tụ, anh Sáu gắp cho con miếng trứng cá, bé Thu vùng vằng hất xuống đất. Anh Sáu nổi giận đánh con một cái vào mông. Bé Thu giận, chèo xuồng sang sông với bà.

- Cảnh chia tay cảm động:

+ Trong phút chia tay, tình yêu thương và nỗi khát khao được gặp cha bùng dậy trong lòng bé Thu khiến bé hối hả, cuống quýt bày tỏ tình cảm của mình.

+ Bé bật kêu lên tiếng gọi "ba", chạy tới ghì lấy cổ ba không rời, khóc nức nở, không cho ba đi nữa.

+ Chứng kiến cảnh này, ai cũng xúc động, xót xa. Bác Ba (bạn của anh Sáu) "bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim".

3. Kết bài:

- Truyện "Chiếc lược ngà" đã diễn tả chân thực tình cha con thắm thiết, sâu nặng trong hoàn cảnh chiến tranh, tình cảm ấy càng thiêng liêng, ngời sáng.

- Ẩn dưới câu chuyện được kể một cách khách quan là tiếng nói lên án chiến tranh xâm lược gây bao đau khổ cho con người.

....

Tiết 7 + 8 BẾN QUÊ

- Nguyễn Minh Châu-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1.Tác giả:

- Nguyễn Minh Châu (1930- 1989) quê ở huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, gia nhập quân đội trong thời kì kháng chiến chống Pháp và trở thành cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ.

- Sau năm 1975, bằng những tìm tòi đổi mới sâu sắc về văn học nghệ thuật, đặc biệt là về truyện ngắn, Nguyễn Minh Châu trở thành một trong những người mở đường cho công cuộc đổi mới văn học. Bến quê là một trong những truyện ngắn được viết trong giai đoạn đó.

2. **Tác phẩm:**

a. Nội dung: Truyện chứa đựng những suy nghĩ, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về con người và cuộc đời, thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình của quê hương.

b. Nghệ thuật: Kết hợp tự sự với miêu tả và biểu cảm trong một cốt truyện giàu yếu tố tâm lí.

c. ***Chủ đề:*** Bằng việc đặt nhân vật vào tình huống có tính nghịch lí, truyện Bến quê phát hiện một điều có tính quy luật: trong cuộc đời, con người khó tránh khỏi những điều vòng vèo, chùng chình, đồng thời thức tỉnh những giá trị và vẻ đẹp đích thực của đời sống ở những cái gần gũi, bình thường mà bền vững.

B. CÁC DẠNG ĐỀ

1. Dạng đề 2 đến 3 điểm

Đề 1:

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng từ 12 đến 15 dòng) nhận xét về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên của tác giả qua cách nhìn của nhân vật Nhĩ trong hai đoạn đầu truyện ngắn Bến quê của Nguyễn Minh Châu.

Gợi ý:

1. Mở đoạn:

- Giới thiệu khái quát cảm nhận của Nhĩ về vẻ đẹp của thiên nhiên trong một buổi sáng đầu thu được nhìn từ khung cửa sổ nhà mình trong truyện ngắn Bến Quê của Nguyễn Minh Châu.

2. Thân đoạn:

- Cảnh vật được miêu tả theo tầm nhìn của nhân vật Nhĩ, từ gần đến xa, tạo thành một không gian có chiều sâu, rộng.

- Miêu tả tỉ mỉ từng chi tiết màu sắc:
  + Màu hoa bằng lăng
  + Màu nước sông Hồng
  + Màu của bãi bồi bên kia sông

3. Kết đoạn: Cảnh vật thiên nhiên trong buổi sáng đầu thu được cảm nhận bằng những cảm xúc tinh tế qua cái nhìn của Nhĩ hiện ra với vẻ đẹp riêng, sinh động, gợi cảm, rất bình di, gần gũi, thân quen.

3. Dạng đề 7 điểm

Đề 1 *Những suy nghĩ và trải nghiệm của nhân vật Nhĩ qua cảnh vật thiên nhiên và con người nơi bến quê trong truyện ngắn Bến quê của Nguyễn Minh Châu.*

Dàn bài

1.Mở bài:

- Nguyễn Minh Châu là cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ. Sau năm 1975, bằng những tìm tòi đổi mới sâu sắc về văn học nghệ thuật, đặc biệt là về truyện ngắn, Nguyễn Minh Châu trở thành một trong những người mở đường cho công cuộc đổi mới văn học.
- *Bến quê được xuất bản năm 1985. Với cốt truyện rất bình di nhưng truyện chứa đựng những suy nghĩ, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về con người và cuộc đời, thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình của quê hương.*

2. Thân bài:

* Giới thiêu chung về nhân vật Nhĩ:

- Nhĩ là một con người từng trải và có địa vị, đi rộng biết nhiều ***"Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất"***, anh đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ, Có thể nói bao cảnh đẹp những nơi phồn hoa đô hội gần xa, những miếng ngon nơi đất khách quê người, anh đã được thưởng thức, nhưng những cảnh đẹp gần gũi, những con người tình nghĩa thân thuộc nơi quê hương cho đến ngày tháng năm ốm đau trên gường bệnh khi sắp từ giã cõi đời anh mới cảm thấy một cách sâu sắc, cảm động

a. Những suy nghĩ, trải nghiệm của nhân vật Nhĩ qua cảnh vật nơi bến quê:

- Qua của sổ nhà mình nhĩ cảm nhận được trong tiết trời lập thu vẻ đẹp của hoa bằng lăng *"đậm sắc hơn"*. Sông Hồng *"màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra"*, bãi bồi phù sa lâu đời ở bên kia sông dưới những tia nắng sớm đầu thu đang phô ra *"một thứ màu vàng thau xen với màu xanh non..."* và bầu trời, vòm trời quê nhà *"như cao hơn"*

- Nhìn qua cửa sổ nhà mình, Nhĩ xúc động trước vẻ đẹp của quê hương mà trước đây anh đã ít nhìn thấy và cảm thấy, phải chăng vì cuộc sống bận rộn, tất tả ngược xuôi hay bởi tại vô tình mà quên lãng

=> Nhắc nhở người đọc phải biết gắn bó, trân trọng những cảnh vật quê hương vì những cái đó là là máu thịt là tâm hồn của mỗi chúng ta.

b. Tình cảm và sự quan tâm của vợ con với Nhĩ:

* Nhĩ bị ốm đau nằm liệt gường, Nhĩ được vợ con chăm sóc tận tình, chu đáo

- Liên, vợ Nhĩ tần tảo, giàu đức hi sinh khiến Nhĩ cảm động *"Anh cứ yên tâm. Vất vả tốn kém đến bao nhiêu em và các con cũng chăm lo cho anh được" " tiếng bước chân rón rén quen thuộc"* của người vợ hiền thảo trên *"những bậc gỗ mòn lõm"* và *"lần đầu tiên anh thấy Liên mặc tấm áo vá"* Nhĩ đã ân hận vì sự vô tình của mình với vợ. Nhĩ hiểu ra rằng: Gia đình là điểm tựa vững chắc nhất của cuộc đời mỗi con người,

- Tuấn là đứa con thứ hai của Nhĩ. Nhĩ đã sai con đi sang bên kia sông *"qua đò đặt chân lên bờ bên kia, đi chơi loanh quanh rồi ngồi suống nghỉ chân ở đâu đó một lát, rồi về"*. Nhĩ muốn con trai thay mặt mình qua sông, để ngắm nhìn cảnh vật thân quen, bình di mà suốt cuộc đời Nhĩ đã lãng quên.

+ Tuấn *"đang sà vào một đám người chơi phá cờ thế trên hè phố"* mà quên mất việc bố nhờ, khiến Nhĩ nghĩ một cách buồn bã "*con người ta trên đường đời khó tránh khỏi những điều vòng vèo hoặc chùng chình*" để đến châm hoặc không đạt được mục đích của cuộc đời.

c. Quan hệ của Nhĩ với những người hàng xóm:

- Bọn trẻ: *"Cả bọn trẻ xúm vào, chúng giúp anh đặt một bàn tay lên bậu của sổ, kê cao dưới mông anh bằng cả một chiếc chăn gập lại rồi sau đó mới bê cái chồng gối đạt sau lưng"*

- Ông cụ giáo Khuyến *"Đã thành lệ, buổi sáng nào ông cụ già hàng xóm đi xếp hàng mua báo về cũng ghé vào hỏi thăm sức khỏe của Nhĩ"*

=> Đó là một sự giúp đỡ vô tư, trong sáng, giàu cảm thông chia sẻ, giản dị, chân thực.

2. Kết luận

- Khẳng định sự phát hiện và trân trọng những vẻ đẹp gần gũi và bình dị của cuộc sống và tình yêu cuộc sống mãnh liệt của nhân vật Nhĩ.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. Dạng đề 2 đến 3 điểm

Đề 2

Hãy tóm tắt truyện ngắn "Bến quê" bằng một đoạn văn khoảng 15 dòng.

Gợi ý (Về nhà)

Nhĩ từng đi khắp mọi nơi trên thề giới nhưng cuối đời lại bị cột chặt vào giường bệnh bởi một căn bệnh hiểm nghèo. Nhưng cũng chính vào thời điểm ấy, Nhĩ đã phát hiện ra vùng đất bên kia sông, nơi bến quê quen thuộc, một vẻ đẹp bình dị và hết sức quyến rũ , từ màu hoa bằng lăng, màu nước sông Hồng, vùng bãi bồi phù xa bên bờ sông Hồng... Cũng như đến lúc nằm liệt giường, nhận được sự săn sóc tận tình của vợ, Nhĩ mới cảm nhận hết được nỗi vất vả, sự tần tảo, tình yêu và đức hi sinh thầm lặng của vợ mình. Nhĩ cũng nhận được sự quan tâm của chăm sóc của những người hàng xóm như của bọn trẻ con sống cùng nhà, của cụ giáo Khuyến... Nhĩ vô cùng khao khát được một lần đặt chân lên bờ bãi bên kia sông, cái miền đất thật gần gũi nhưng đã trở nên rất xa vời đối với anh. Nhĩ nhờ Tuấn – anh con trai thứ hai của mình đi sang bờ bên kia hộ bố. Nhưng Tuấn đã sa vào một đám chơi phá cờ thế trên hè phố. Và anh đã chậm mất chuyến đò duy nhất trong ngày, không làm được điều người cha mong muốn. Điều đó đã giúp Nhĩ đã chiêm nghiệm được cái quy luật đầy vẻ nghịch lý của đời người: *"...con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình, [...].* Nhĩ thu hết sức tàn vẫy vẫy khi thuyền chạm mũi bên kia sông.

Đề 3.

Qua truyện ngắn "Bến quê" của Nguyễn Minh Châu, em rút ra được bài học gì cho bản thân ?

Gợi ý:

Học sinh tự rút ra bài học bổ ích cho bản thân. Nhưng có thể dựa trên các ý sau:

- Phải biết phát hiện và trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị gần gũi của cuộc sống của quê hương.
- Phải biết tin yêu vào cuộc sống quanh ta và làm cho nó đẹp hơn…

2. Dạng đề 5 điểm

Đề 2 *: Giới thiệu truyện ngắn Bến quê của Nhà văn Nguyễn Minh Châu.*

Gợi ý:

1.Tác giả:

- Nguyễn Minh Châu (1930- 1989) quê ở huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, gia nhập quân đội trong thời kì kháng chiến chống Pháp và trở thành cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ.

- Sau năm 1975, sáng tác của Nguyễn Minh Châu, đặc biệt là về truyện ngắn, đã thể hiện những tìm tòi quan trọng về tư tưởng và nghệ thuât, góp phần đổi mới văn học ở nước ta từ những năm 80 của thế kỉ XX đến nay. Ông được nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 2000)

2. **Tác phẩm:**

- Truyện ngắn Bến quê in trong tập truyện cùng tên của Nguyễn Minh Châu xuất bản năm 1985.

a. Nội dung:

- Truyện chứa đựng những suy nghĩ, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về con người và cuộc đời, thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình của quê hương.

b. Nghệ thuật:

- Miêu tả tâm lí tinh tế, nhiều hình ảnh giàu tính biểu tượng, cách xây dựng tình huống, trần thuật theo dòng tâm trạng của nhân vật.

....

Tiết 9 + 10 ***NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI***

- Lê Minh Khuê-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả:

- Lê Minh Khuê sinh năm 1949, quê ở huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá. Từ một nữ sinh Trung học phổ thông Lê Minh Khuê gia nhập đội thanh niên xung phong thời chống Mĩ cứu nước. Năm 1970 chị bắt đầu viết văn.Trong những năm chiến tranh, truyện của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của thanh niên xung phong (mà bản thân chị là thành viên) và bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn đã gây được sự chú ý của bạn đọc.

- Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người với tinh thần đổi mới mạnh mẽ, tâm lí tinh tế, sắc sảo, đặc biệt là tâm lí nhân vật phụ nữ.

2. Tác phẩm:

- Truyện " Những ngôi sao xa xôi" ở trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

- Lê Minh Khuê am hiểu cặn kẽ nỗi lòng cùng với tâm lí của những con người tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn.

- Truyện được trần thuật qua lời một nhân vật nữ Phương Định, một cô gái thanh niên xung phong trẻ nhiều mơ mộng, có tâm hồn nhạy cảm và trong sáng.

a. Nội dung:

Truyện “Những ngôi sao xa xôi” đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mộng mơ, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ.

b. Nghệ thuật:

Truyện sử dụng vai kể là nhân vật chính, có cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung và đặc biệt thành công về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật.

c. Chủ đề:

Ca ngợi những cô gái thanh niên xung phong trên những nẻo đường Trường Sơn thời kì kháng chiến chống Mĩ với tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần lạc quan, dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan. Đó là hình ảnh đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam những năm sáu mươi, bảy mươi của thế kỉ XX.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 2 đến 3 điểm

Đề 1:

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng từ 15 đến 20 dòng) về tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ qua truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.

Gợi ý:

1. Mở đoạn

- Giới thiệu chung về tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước qua hình ảnh các cô thanh niên xung phong trong truyện " Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.

2. Thân đoạn

- Hoàn cảnh cuộc chiến đấu đầy gian khổ, ác liệt, họ vẫn vươn lên và toả sáng những phẩm chất cao đẹp.

+ Trẻ trung, trong sáng, hồn nhiên, yêu thương nhau trên tinh thần đồng chí, đồng đội.

+ Tâm hồn mơ mộng, lãng mạn, lạc quan.

+ Vượt qua mọi gian khổ, hi sinh, dũng cảm chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ để bảo vệ Tổ quốc.

3. Kết đoạn

Tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ, sống có lí tưởng, có mục đích, có trách nhiệm, có trái tim yêu nước nồng nàn.

<u>2. Dạng đề 5 đến 7 điểm</u>

<u>Đề 1:</u>

Vẻ đẹp tính cách và tâm hồn của các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong truyện " ***Những ngôi sao xa xôi"*** *của Lê Minh Khuê.*

<u>Dàn bài:</u>

1. Mở bài

(Nêu những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm)

- Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn. Trong những năm chiến tranh, truyện của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên con đường đổi mới.

- Truyện " Những ngôi sao xa xôi" ở trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

2. Thân bài

* Vẻ đẹp chung của các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

- Đó là những cô gái tuổi đời còn trẻ. Vì nhiệm vụ giải phóng miền Nam, họ đã không tiếc tuổi xuân chiến đấu, cống hiến cho đất nước.

- Công việc của họ là trinh sát mặt đường gặp nhiều khó khăn nguy hiểm. Họ phải làm việc dưới mưa bom bão đạn, phải phá bom thông đường để những đoàn quân tiến vào giải phóng miền Nam.

- Họ mang lí tưởng chiến đấu để thống nhất Tổ Quốc nên đều giàu tinh thần trách nhiệm, coi thường gian khổ. Mỗi nhân vật có nét tính cách riêng nhưng họ yêu thương, lạc quan, có niềm tin vào tình yêu đất nước.

* Vẻ đẹp riêng của các cô gái thanh niên xung phong

a) Nhân vật Phương Định.

- Đây là cô gái Hà Nội trẻ trung yêu đời. Phương Định thích ngắm mình trong gương, là người có ý thức về nhan sắc của mình. Cô có hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Đôi mắt màu nâu, dài dài, hay nheo nheo như chói nắng...

- Phương Định là nhân vật kể chuyện xưng tôi đầy nữ tính.Cô đẹp nhưng không kiêu căng mà có sự thông cảm, hoà nhập. Cô thích hát dân ca quan họ Bắc Ninh, dân ca ý, đặc biệt hát bài Ca Chiu Sa. Cô có tài bịa lời cho những bài hát. Những bài hát về cuộc đời, về tình yêu và sự sống cất lên giữa cuộc chiến tranh ác liệt tôn thêm vẻ đẹp của những cô thanh niên xung phong có niềm tin vào cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc.

- Phương Định là cô gái dũng cảm. Hành động phá bom của cô cùng đồng đội đã góp phần thông mạch giao thông. Cảnh phá bom vừa hồi hộp, vừa căng thẳng, cho người đọc hình dung cuộc chiến tranh tàn khốc như thế nào nhưng cô vẫn bình tĩnh vì một ngày ít nhất các cô phải phá bom ba lần, đó là chuyện thường tình. Có lúc Phương Định nghĩ đến cái "chết" nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính liệu mìn có nổ, bom có nổ không?

- Phương Định là cô gái dễ thương, hay xúc động. Chứng kiến cảnh trận mưa đá cô nhớ về Hà Nội, nhớ mẹ, nhớ cái cửa sổ, nhớ những ngôi sao, nhớ quảng trường lung linh... Những hoài niệm; kí ức dội lên sâu thẳm càng chứng tỏ sự nhạy cảm trong tâm hồn cô gái Hà Nội mơ mộng, lãng mạn, thật đáng yêu.

b) Nhân vật Thao

Đây là cô gái lớn tuổi nhất trong nhóm, là đội trưởng tổ trinh sát mặt đường. ở chị có những nét dễ nhớ ấn tượng. Chị cũng tỉa tót lông mày nhỏ như cái tăm, cương quyết, mạnh mẽ, táo bạo. Chị không sợ bom đạn, chỉ đạo công việc dứt khoát nhưng lại rất sợ máu và vắt.

- Chị yêu thương đồng đội đúng vai trò của người chị cả. Khi Nho bị thương, chị rất lo lắng, săn sóc tận tình từng hớp nước, cốc sữa. Tình đồng đội sưởi ấm tâm hồn những cô gái lúc khó khăn nhất.

- Chị Thao cũng thích hát dù hát sai lời và sai nhạc. Tiếng hát yêu đời, cất lên từ cuộc chiến tranh để khẳng định bản lĩnh, sức mạnh, niềm tin vào lí tưởng của thanh niên thời đại những năm chống Mĩ.

c) Nhân vật Nho.

- Nho xuất hiện trong thời điểm quan trọng của câu chuyện. Đó là lúc phá bom, khi ranh giới của sự sống và cái chết gần kề gang tấc. Nho nhỏ nhẹ, dịu dàng, duyên dáng " Trông nó nhẹ mát mẻ như một que kem trắng"

3. kết luận

- Khẳng định tâm hồn trong sáng sự hồn nhiên và tính cách dũng cảm, lạc quan của các nhân vật nữ thanh niên xung phong.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 1:

*Hãy tóm tắt truyện ngắn **"Những ngôi sao xa xôi"** bằng một đoạn văn khoảng 20 câu.*

Gợi ý:

Đoạn tóm tắt truyện gồm các ý sau:

- Tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn gồm ba nữ thanh niên xung phong rất trẻ là Phương Định, Nho và tổ trưởng là chị Thao.

- Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu vị trí các trái bom chưa nổ và phá bom.

- Công việc của họ nguy hiểm, thường xuyên đối mặt với thần chết.

- Cuộc sống của họ gian khổ, nguy hiểm nhưng họ vẫn có niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút thanh thản mơ mộng và dù mỗi người một tính, họ vẫn rất yêu thương nhau.

- Phương Định là cô gái mơ mộng, hồn nhiên và dũng cảm.

- Phần cuối truyện kể về hành động, tâm trạng các nhân vật trong lúc chăm sóc Nho bị thương khi phá bom.

Đề 2:

Giải thích ý nghĩa nhan đề của tác phẩm **" Những ngôi sao xa xôi"**của Lê Minh Khuê.

Gợi ý:

- Những ngôi sao xa xôi là một nhan đề rất lãng mạn, rất đặc trưng của văn học thời kháng chiến chống Mĩ.

- Nhan đề những ngôi sao xa xôi xuất phát từ ánh mắt nhìn xa xăm của Phương Định, lời các anh bộ đội lái xe ngợi ca họ, hình ảnh lãng mạn, đẹp và trong sáng lại phù hợp với những cô gái mơ mộng đang sống và chiến đấu trên cao điểm trên tuyến đường Trường Sơn những năm chống Mĩ (60-70) ác liệt. Ba cô gái trẻ ba vì sao xa xôi trên cao điểm của tuyến đường Trường Sơn.

- Những ngôi sao xa xôi cái ánh sáng ẩn hiện xa xôi, dịu dàng mát mẻ như sương núi, có sức mê hoặc lòng người. Đó là biểu tượng về sự ngời sáng của phẩm chất cách mạng trong những cô gái thanh niên xung phong Trường Sơn. Phương Định, Nho hay Thao đều là những "ngôi sao xa" nơi cuối rừng Trường Sơn, sáng ngời vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Bằng khả năng sáng tạo và

nhờ có những ngày từng lăn lộn với chiến trường " Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê đã có một chỗ đứng vững vàng, luôn hấp dẫn người đọc.

2. Dạng đề 7 điểm

Đề 1:

Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Phương Định trong tác phẩm "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.

Dàn bài:

1. Mở bài

Giới thiệu những nét chính về tác giả Lê Minh Khuê, truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" và các nhân vật trong truyện.

- "Những ngôi sao xa xôi" " của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của " *Tổ trinh sát mặt đường*" trên con đường chiến lược Trường Sơn thời đánh Mĩ. *Tổ trinh sát mặt đường* gồm có ba cô thanh niên xung phong: Nho, Phương Định và chị Thao, họ ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, ở đó, máy bay Mĩ đánh phá dữ dội. Công việc của họ vô cùng nguy hiểm, gian khổ là đo và ước tính khối lượng đất đá bị địch đào xới, đếm, đánh dấu và phá bom nổ chậm, trong khi ấy thần chết là một tay không thích đùa *luôn lẩn trong ruột những quả bom*. Thần kinh căng như chão. Xong việc từ cao điểm trở về hang, cô nào cũng chỉ thấy *hai con mắt lấp lánh*, *hàm răng loá lên*, khi cười, khuôn mặt thì *lem luốc*.

- Cả ba cô, cô nào cũng đáng mến, đáng cảm phục. Nhưng Phương Định là cô gái để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng ta.

2. Thân bài

- Phương Định, con gái Hà Nội *hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn*. Đôi mắt cô được các anh lái xe bảo là *có cái nhìn sao mà xa xăm*. Nhiều pháo thủ và lái xe hay "*hỏi thăm*" hoặc "*viết những bức thư dài gửi đường dây*" cho Định. Cô có vẻ kiêu kì, làm *"điệu*" khi tiếp xúc với một anh bộ đội *nói giỏi* nào đấy, nhưng trong suy nghĩ của cô thì *những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ*.

- Phương Định là một cô gái rất hồn nhiên, yêu đời, giàu cá tính. Thuở nhỏ đã hay hát. Cô có thể ngồi lên thành cửa sổ căn phòng nhỏ bé nhà mình *hát say sưa ầm ĩ*. Bàn học lúc nào cũng *bày bừa bãi lên*, để đến nỗi mẹ phải mắng. Sống trong cảnh bom đạn ác liệt, cái chết kề bên, Định lại càng hay hát. Những bài hành khúc, những điệu dân ca quan họ, bài Ca-chiu-sa của Hồng quân Liên Xô, bài dân ca ý...Định còn bịa ra lời những bài hát, Định hát trong những khoảng khắc *im lặng*, hát để động viên Nho, chị Thao và động viên mình. Hát khi máy *bay rít, bom nổ*. Đúng là *tiếng hát át tiếng bom* của những người con gái trong tổ trinh sát mặt đường, những con người *khao khát làm nên những sự tích anh hùng.*

- Trong khángchiến chống Mĩ, tiền tuyến vẫy gọi, hàng vạn cô gái mang chí khí Bà Trưng, Bà Triệu xung phong ra tiền tuyến trong đó có Phương Định. Con đường Trường Sơn huyền thoại được làm nên bằng xương máu, mồ hôi và bao sự tích phi thường của những người con gái Việt Nam anh hùng.

- *Những ngôi sao xa xôi* tái hiện chân thực diễn biến tâm lí Phương Định trong một lần phá bom nổ chậm. Cô dũng cảm, bình tĩnh tiến đến gần quả bom *đàng hoàng mà bước tới*. Định dung lưỡi xẻng đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom, có lúc Định *rùng mình* vì cảm thấy tại sao mình làm chậm thế! Rồi bom nổ váng óc, đất rơi lộp bộp, mắt cay mãi mới mở được, cát lạo xạo trong miệng. Đó là cuộc sống thường nhật của họ. Phương Định cho biết *tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng đó là một cái chết mờ nhạt không cụ thể*.. Phương Định cùng Nho, chị Thao đã sáng ngời trong khói bom lửa đạn. Chiến công thầm lặng của họ bất tử với năm tháng và lòng người.

- Phương Định cô gái Hà Nội xinh đẹp, dũng cảm trong lửa đạn, giàu tình yêu thương đồng đội, trong sáng, mộng mơ, thích làm duyên như cô thôn nữ ngày xưa soi mình xuống giếng làng vừa mỉm cười vừa vuốt tóc. Họ có mặt trên những trọng điểm của con đường Trường Sơn chiến lược và trái tim rực đỏ của họ của những người con gái Việt Nam anh hùng là *những ngôi sao xa xôi* mãi mãi lung linh, toả sáng.

3. Kết luận

"Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê đã làm sống lại trong lòng ta hình ảnh tuyệt đẹp về những chiến công phi thường của tổ trinh sát mặt đường, của Nho, Định, Thao, của hàng vạn cô thanh niên xung phong thời đánh Mĩ. Chiến công thầm lặng của Phương Định và đồng đội là bài ca anh hùng.

- Đọc "Những ngôi sao xa xôi" ta như được sống lại những năm tháng hào hùng của đất nước. Những Phương Định gần xa vẫn toả sáng hồn ta với bao ngưỡng mộ.

....

CHUYÊN ĐỀ 4
VĂN BẢN NHẬT DỤNG – KỊCH
(9 tiết)

Tiết 1 PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

-Lê Anh Trà-

A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1- Tác giả

Nhà báo Lê Anh Trà

2- Tác phẩm

a) Xuất xứ : *Phong cách Hồ Chí Minh* là một phần bài viết *Phong cách Hồ Chí Minh cái vĩ đại gắn với cái giản dị* của tác giả Lê Anh Trà, trích trong cuốn *Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam* (Viện Văn hóa xuất bản, Hà Nội 1990).

b) Nội dung :

- Bài Phong cách Hồ Chí Minh chủ yếu nói về phong cách làm việc, phong cách sống của Người. Cốt lõi của phong cách Hồ Chí Minh là vẻ đẹp văn hóa với sự kết hợp hài hòa giữa tinh hoa văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Bài thuộc chủ đề về sự hội nhập với thế giới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy nhiên nó không chỉ mang ý nghĩa cập nhật mà còn có ý nghĩa lâu dài. Bởi lẽ học tập, rèn luyện theo phong cách Hồ Chí Minh là việc làm thiết thực, thường xuyên của các thế hệ người Việt Nam, nhất là lớp trẻ.

- Văn bản nói về hai nét nổi bật trong phong cách Hồ Chí Minh :

+ Kết hợp giữa bản sắc văn hóa dân tộc bền vững với hiểu biết sâu rộng tinh hoa văn hóa thế giới :

-> Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với văn hóa thế giới bằng nhiều con đường (đi nhiều nơi, làm nhiều nghề, học hỏi nhiều thứ tiếng ...)

-> Người tiếp thu một cách có chọn lọc tinh hoa văn hóa nước ngoài (không chịu ảnh hưởng một cách thụ động, tiếp thu mọi cái hay cái đẹp, phê phán những hạn chế tiêu cực, trên nền tảng văn hóa dân tộc mà tiếp thu ảnh hưởng quốc tế).

+ Lối sống hết sức giản dị, thanh đạm nhưng cũng rất thanh cao. Đó là *"Một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại"*:

-> Ở cương vị lãnh đạo cao nhất Hồ Chí Minh có lối sống vô cùng giản dị (nơi ở, nơi làm việc đơn sơ, trang phục hết sức giản dị, ăn uống đạm bạc)

-> Cách sống giản dị, đạm bạc của Hồ Chí Minh lại vô cùng thanh cao, sang trọng (không phải là lối sống khắc khổ của những con người tự vui trong nghèo khó, không phải là tự thần thánh hóa cho khác đời, hơn đời, mà là cách sống có văn hóa với quan niệm : cái đẹp là sự giản dị tự nhiên).

-> Nét đẹp của lối sống dân tộc của Hồ Chí Minh gợi nhớ tới cách sống của các vị hiền triết (Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Trãi).

c) Nghệ thuật

- Kết hợp giữa kể và bình luận. Đan xen giữa lời kể là lời bình luận một cách tự nhiên (có thể nói ít có vị lãnh tụ nào ... cổ tích).

- Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu (dẫn chứng trong văn bản)

- Đan xen thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, dùng từ Hán Việt gợi cho người đọc sự gần gũi giữa Bác với các bậc hiền triết dân tộc.

- Sử dụng nghệ thuật đối lập : vĩ nhân mà hết sức giản dị, gần gũi, am hiểu mọi nền văn hóa nhân loại mà hết sức Việt Nam.

B- CÁC DẠNG ĐỀ

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 1 :

Văn bản có tựa đề Phong cách Hồ Chí Minh. Tác giả không giải thích "phong cách" là gì nhưng qua nội dung văn bản, em hiểu từ "phong cách" trong trường hợp này có ý nghĩa như thế nào ?Nét nổi bật trong phong cách Hồ Chí Minh được Lê Anh Trà nêu trong bài viết là gì ?

Gợi ý :

- Từ "phong cách" có nhiều nghĩa. Ở văn bản này "phong cách" được hiểu là đặc điểm có tính ổn định trong lối sống, sinh hoạt, làm việc của một người tạo nên nét riêng của người đó.

- Nét nổi bật trong phong cách Hồ Chí Minh

+ Kết hợp giữa bản sắc văn hóa dân tộc bền vững với hiểu biết sâu rộng tinh hoa văn hóa thế giới :

+ Lối sống hết sức giản dị, thanh đạm nhưng cũng rất thanh cao. Đó là *"Một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại"*

2- Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

Đề 1 :

Nêu và phân tích những biện pháp nghệ thuật làm nổi bật vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh qua văn bản "Phong cách Hồ Chí Minh" của Lê Anh Trà.

Gợi ý : Yêu cầu viết thành bài văn, đảm bảo các ý chính sau :

- Kết hợp giữa kể và bình luận. Đan xen giữa lời kể là lời bình luận một cách tự nhiên (dẫn chứng)

- Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu (dẫn chứng)

- Đan xen thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, dùng từ Hán Việt gợi cho người đọc sự gần gũi giữa Bác với các bậc hiền triết dân tộc (dẫn chứng).

- Sử dụng nghệ thuật đối lập : vĩ nhân mà hết sức giản dị, gần gũi, am hiểu mọi nền văn hóa nhân loại mà hết sức Việt Nam (dẫn chứng).

C- BÀI TẬP VỀ NHÀ :

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 2 :

Vì sao có thể nói lối sống giản dị của Bác Hồ là một "lối sống thanh cao" và "có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác" ?

Gợi ý :

- Lối sống giản dị của Bác thể hiện một quan niệm sống đẹp, văn minh, một quan niệm thẩm mĩ sâu sắc. Đó là sự coi trọng các giá trị tinh thần, là cách sống không lệ thuộc vào điều kiện vật chất, không coi mục đích sống chỉ là hưởng thụ vật chất. Đó cũng là cách sống coi trọng và luôn tạo được sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên, đem lại niềm vui, sự khỏe khoắn và thanh cao cho tâm hồn thể xác. Chẳng hạn ngôi nhà sàn của Bác dù ở giữa chốn đô thị vẫn có sự hài hòa với thiên nhiên vườn cây, ao cá như những ngôi nhà sàn giản dị ở làng quê.

- Lối sống giản dị và thanh cao của Bác là sự kế tục truyền thống của các bậc hiền triết phương Đông. Cách sống ấy thể hiện quan niệm thẩm mĩ : cái đẹp là sự giản dị.

2- Dạng đề 5 hoặc 7 điểm :

Đề 2 :

Trong tình hình đất nước ta đang mở cửa hội nhập với thế giới như hiện nay, việc học tập phong cách Hồ Chí Minh có ý nghĩa như thế nào ?Từ ý nghĩa đó em cần học tập và rèn luyện như thế nào ?

Gợi ý :

Yêu cầu HS viết thành bài văn nêu và phân tích những suy nghĩ, cảm nhận của mình, trong đó đảm bảo các ý chính sau :

- Trong tình hình đất nước ta đang mở cửa hội nhập với thế giới, một vấn đề được đặt ra và cần giải quyết tốt đó là tiếp thu tinh hoa văn hóa, văn minh của nhân loại, của thế giới, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đó là một nhiệm vụ to lớn và không dễ dàng. Phong cách Hồ Chí Minh là một tấm gương về phương diện này. Vì thế việc học tập phong cách Hồ Chí Minh sẽ giúp cho mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ, có được một bài học sinh động về việc kết hợp tinh hoa văn hóa thế giới với bản sắc văn hóa dân tộc.
- Em nhận thức được thế nào là lối sống có văn hóa, thế nào là "mốt", là hiện đại trong ăn mặc nói năng ...

Tiết 2

ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH
(G. Mác – két)

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả:

- Ga-bri-en- Gác-xi-a Mác- két là nhà văn Cô-lôm-bi-a, sinh năm 1928.
- Ông là tác giả của nhiều tiểu thuyết và nhiều tập truyện ngắn theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo.
- "Trăm năm cô đơn "(1967) là cuốn tiểu thuyết nổi tiếng từng được giải và giới phê bình văn học đánh giá là một trong những cuốn sách hay nhất thế giới trong những năm 60 của thế kỷ XX.
- Năm 1982 , Mác -két được tặng giải thưởng Nô- ben về văn học.

2. Tác phẩm:

a) Nội dung

- Văn bản "Đấu tranh cho một thế giới hòa bình" trích từ bài tham luận nổi tiếng của G.Mác-két tại hội nghị của các nguyên thủ của sáu nước thuộc các châu lục Á, Âu, Phi, Mĩ- La tinh vào tháng 8 năm 1986, tại Mê -hi-cô.
- Văn bản chỉ rõ nguy cơ khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân và cuộc chạy đua vũ trang đang đe dọa toàn thể loài người cũng như mọi sự sống trên trái đất. Vì thế nhiệm vụ của tất cả mọi người là ngăn chặn nguy cơ đó, đấu tranh cho một thế giới hòa bình.
- Nội dung của văn bản được triển khai bằng một hệ thống luận điểm, luận cứ chặt chẽ :

+ Kho vũ khí hạt nhân đang được tàng trữ, có khả năng hủy diệt cả trái đất và các hành tinh khác trong hệ mặt trời.

+ Cuộc chạy đua vũ trang làm mất đi khả năng cải thiện nhiều lĩnh vực: Xã hội, y tế, tiếp tế thực phẩm,giáo dục….với những chi phí khổng lồ cho chạy đua vũ trang đã cho thấy tính chất phi lý của việc đó .

+ Chiến tranh hạt nhân không chỉ đi ngược lại lý trí của loài người mà còn ngược lại lý trí của tự nhiên, phản lại sự tiến hóa .

+ Vì vậy, tất cả chúng ta phải có nhiệm vụ ngăn chặn cuộc chiến tranh hạt nhân, đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

b) Nghệ thuật

* Nghệ thuật nghị luận của văn bản có nhiều điểm đặc sắc.

- Hệ thống luận điểm, luận cứ toàn diện chặt chẽ.

- Chứng cứ phong phú, cụ thể từ nhiều lĩnh vực tri thức khoa học và thực tiễn.

- Sử dụng phép so sánh thích hợp, có hiệu quả.

- Kết hợp lý lẽ sắc bén với tri thức phong phú và đặc biệt là lòng nhiệt tình mạnh mẽ của tác giả.

c) Chủ đề

- Văn bản kêu gọi toàn nhân loại đoàn kết ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình và sự sống trên trái đất.

B. CÁC DẠNG ĐỀ

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

* **Đề 1:** *Viết đoạn văn ngắn (khoảng từ 15 đến 20 dòng) đánh giá cách vào đề của nhà văn G. Mác-két qua đoạn đầu của văn bản " Đấu tranh cho một thế giới hòa bình"*

* **Gợi ý:**

1- Mở đoạn:

- Giới thiệu khái quát về cách lập luận vào đề của nhà văn Mác -két trong đoạn đầu của văn bản.

2- Thân đoạn:

- Nêu thời gian địa điểm: Chúng ta đang ở đâu ? Hôm nay ngày 8/8/1986.

- Nêu thẳng nguy cơ chiến tranh hạt nhân như một sự thật hiển nhiên bằng những con số cụ thể về đầu đạn hạt nhân.

- Tác giả làm phép tính đơn giản nhưng thật rõ ràng để mọi người có thể hình dung được sức mạnh tàn phá khủng khiếp của lượng vũ khí hạt nhân

- Sử dụng điển tích trong thần thoại Hy Lạp so sánh sự lan truyền và chết người hàng loạt.

3- Kết đoạn :

- Cách vào đề trực tiếp, chứng cứ cụ thể rõ ràng, trí tưởng tượng khoa học mạnh mẽ thu hút người đọc, người nghe thấy rõ sự tàn phá khủng khiếp của kho vũ khí hạt nhân.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

* **Đề 1 :** *Phát biểu cảm nghĩ của em về bài **"Đấu tranh cho một thế giới hòa bình"** của nhà văn G.Mác -két.*

* **Dàn bài**

1- Mở bài

- Trong thời đại ngày nay, điều đáng lo ngại nhất của thế giới chính là cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân giữa các cường quốc.

- G. Mác-két là nhà văn nổi tiếng của Cô-lôm-bi-a. Ông đã viết bài **Đấu tranh cho một thế giới hòa bình** để kêu gọi toàn nhân loại đoàn kết ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình và sự sống trên trái đất.

2- Thân bài:

a) Cảnh báo nguy cơ chiến tranh hạt nhân :

- Tác giả đưa ra một con số khủng khiếp để cụ thể hóa nguy cơ đó :

+ Tính đến ngày 8/8/1986, 50.000 đầu đạn hạt nhân được bố trí khắp hành tinh.

+ Bình quân, mỗi người đang ngồi trên 4 tấn thuốc nổ.

+ Nếu tất cả nổ tung thì sẽ tan biến mọi dấu vết của sự sống trên trái đất.

b) Sự chi phí đến mức vô nhân đạo của cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân:

- Chứng minh bằng hệ thống dẫn chứng tiêu biểu và toàn diện, có tính chất tương phản rất rõ:

- Dự định của UNICEF về chương trình giải quyết các vấn đề cấp bách cho hơn 500 triệu trẻ em nghèo khổ trên khắp thế giới không thể thực hiện được vì không có đủ số tiền 100 tỉ đô la.

- Số tiền này chỉ gần bằng chi phí bỏ ra cho 500 máy bay ném bom chiến lược của Mĩ và 7000 tên lửa vượt đại châu.

- Giá 100 chiếc tàu sân bay mang vũ khí hạt nhân đủ để thực hiện chương trình phòng bệnh trong 14 năm…

- Chỉ cần số tiền chế tạo 27 tên lửa MX là đủ cho các nước nghèo có thực phẩm dùng trong 4 năm …

- 2 chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân có giá trị tương đương với số tiền xóa nạn mù chữ cho toàn thế giới…

c) Lên án cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân là đi ngược lại lý trí của con người và quá trình tiến hóa của tự nhiên :

- Sự bức xúc cao độ của nhà văn thể hiện qua lập luận sắc bén, đầy sức thuyết phục.

- Từ lúc nhen nhóm sự sống trên trái đất cho đến nay, đã trải qua mấy trăm triệu năm.

- Chỉ cần nhấn một nút hạt nhân là cả quá trình tiến hóa vĩ đại ấy trở về điểm xuất phát đầu tiên, có nghĩa là sự sống hoàn toàn bị tiêu diệt.

d) Lời kêu gọi toàn nhân loại hãy đoàn kết chống chiến tranh hạt nhân :

- Mọi người hãy đoàn kết, đồng thanh phản đối chiến tranh hạt nhân, đòi hỏi một cuộc sống hòa bình, hạnh phúc.

3- Kết bài :

- Bài viết chứa đựng ý nghĩa thời sự và nhân đạo to lớn, sâu sắc.

- Mác -két xứng đáng là người chiến sĩ đấu tranh cho hòa bình của nhân loại.

C- BÀI TẬP VỀ NHÀ

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm.

* **Đề 2 :** *Hệ thống dẫn chứng mà tác giả dùng làm sáng tỏ luận cứ "Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân đã làm mất đi khả năng để con người được sống tốt đẹp hơn”.*

***Gợi ý**

- Tác giả đưa ra hàng loạt các dẫn chứng với những so sánh đầy thuyết phục trong các lĩnh vực: xã hội, y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục…

- UNICEF cần 100 tỉ USD để giải quyết những vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất thế giới gần bằng những chi phí cho 100 máy bay ném bom chiến lược Mĩ và dưới 7000 tên lửa vượt đại châu.

- Kinh phí của chương trình phòng bệnh 14 năm bảo vệ hơn 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét, cứu hơn 14 triệu trẻ em châu phi bằng giá 10 chiếc tàu sân bay mang vũ khí hạt nhân kiểu Ni-mít dự định đóng từ 1986- 2000.

- Số tiền cứu 575 triệu người thiếu dinh dưỡng không bằng 149 tên lửa MX.

- Tiền trả nông cụ cho các nước nghèo để họ có thực phẩm trong 4 năm bằng tiền sản xuất 27 tên lửa MX.

- Tiền đủ xóa nạn mù chữ cho toàn thế giới bằng tiền đóng góp 2 tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân.

* **Đề 3**.

*Vấn đề G.Mác -két đưa ra trong **Đấu tranh cho một thế giới hòa bình** có ý nghĩa như thế nào trong tình hình hiện nay.*

* **Gợi ý** :

Học sinh viết thành bài văn hoàn chỉnh thể hiện vấn đề nêu trong bài viết có tính cấp thiết đối với đời sống xã hội và con người hiện nay nó cũng là vấn đề đã có ý nghĩa lâu dài chứ không phải chỉ là nhất thời, đó là nguy cơ chiến tranh hạt nhân vẫn hiện hữu và mọi người cần đấu tranh cho một thế giới hòa bình. Cụ thể đảm bảo một số ý chính sau :

- Trong những năm qua thế giới có những đáng kể để làm giảm nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Chẳng hạn :

- Các hiệp ước cấm thử, cấm phổ biến vũ khí hạt nhân đã được nhiều nước kí kết, hiệp ước cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược giữa Mĩ và Liên Xô (nay là nước Nga). Nhưng hoàn toàn không có nghĩa là nguy cơ chiến tranh hạt nhân đã không còn hoặc lùi xa.

- Kho vũ khí hạt nhân vẫn tồn tại và ngày càng được cải tiến.

- Chiến tranh và xung đột vẫn liên tục nổ ra nhiều nơi trên thế giới .Vì vậy thông điệp của G.Mác -két vẫn còn nguyên giá trị, vẫn tiếp tục thức tỉnh và kêu gọi mọi người đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

2.Dạng đề 5 đến 7 điểm

* **Đề 2.** *Nhận xét về nghệ thuật nghị luận của nhà văn G.Mác -két trong văn bản **"Đấu tranh cho một thế giới hòa bình"***

* **Dàn bài.**

1- Mở bài

- Giới thiệu về nhà văn G.Mác -két và nghệ thuật nghị luận của văn bản

- Văn bản "Đấu tranh cho một thế giới hòa bình" có hệ thống luận điểm, luận cứ chặt chẽ, toàn diện, chứng cứ phong phú, cụ thể, so sánh có hiệu quả cao. Kết hợp lí lẽ sắc bén với tri thức phong phú, lòng nhiệt tình mạnh mẽ tác giả kêu gọi toàn nhân loại đoàn kết ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình và sự sống trên trái đất.

2- Thân bài

- Cách lập luận của nhà văn hợp lí : Tác giả nêu nguy cơ, sức hủy diệt của chiến tranh hạt nhân trên nhiều phương diện khác nhau (hủy diệt tính mạng con người, hủy diệt toàn bộ sự sống.

- Cuộc chạy đua vũ trang không những khiến loài người lâm vào tình trạng nghèo đói, khổ cực mà còn đi ngược lí trí con người, phản lại sự tiến hóa của tự nhiên.

- Hệ thống lý lẽ gắn liền với hệ thống dẫn chứng phong phú, chính xác cụ thể đảm bảo tính thuyết phục cao.

+ Dẫn chứng về thời gian, địa điểm, con số.

+ Dẫn chứng so sánh trên các lĩnh vực xã hội, y tế, giáo dục, tiếp tế thực phẩm

+ Dẫn chứng khoa học về nguồn gốc và sự tiến hóa của sự sống trên trái đất.

+ Lí lẽ sắc bén, tri thức phong phú, lòng nhiệt tình mạnh mẽ tác giả cảnh báo hiểm họa của chiến tranh hạt nhân.

- Văn bản kết hợp nghị luận, yếu tố biểu cảm ->lời kêu gọi toàn nhân loại đoàn kết chống chiến tranh hạt nhân. Hội nghị quốc tế là nơi các đại biểu cất cao tiếng nói chống chiến tranh, đòi quyền được sống trong một thế giới hòa bình.

3- Kết bài

- Bài viết giàu sức thuyết phục bởi cách lập luận chặt chẽ khoa học, hệ thống dẫn chứng chính xác, chọn lọc.

- Nhiệt huyết và cảm xúc chân thành của tác giả đã tác động mạnh mẽ đến tư tưởng tình cảm của người đọc khiến mọi người nhận ra hiểm họa chiến tranh hạt nhân là có thật, cần phải loại trừ nó ra khỏi đời sống của nhân loại.

Tiết 3

TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢOVỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM

A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1- Giới thiệu về hoàn cảnh ra đời tác phẩm

Văn bản trích phần đầu bản “Tuyên bố” của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em họp tại trụ sở Liên Hợp quốc, Niu oóc ngày 30-9-1990, trong cuốn **“Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em**” *(NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997).*

Sau phần trích này bản tuyên bố còn có phần **Cam kết**, phần **Những bước tiếp theo** khẳng định quyết tâm và nêu ra một chương trình, các bước cụ thể cần phải làm.

Hội nghị diễn ra trong bối cảnh mấy mươi năm cuối thế kỷ XX, khoa học kỹ thuật phát triển, kinh tế tăng trưởng, tính cộng đồng, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới được củng cố, mở rộng. Đó là những điều kiện thuận lợi đối với nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Song bên cạnh đó cũng có không ít khó khăn, nhiều vấn đề cấp bách được đặt ra : sự phân hóa rõ rệt về mức sống giữa các nước về giàu nghèo, tình trạng chiến tranh và bạo lực ở nhiều nơi trên thế giới, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bị tàn tật, bị bóc lột và nguy cơ thất học ngày càng nhiều.

2- Tác phẩm

a) Nội dung

Văn bản gồm 17 mục : chia 3 phần

- Phần Sự thách thức : Nêu lên những thực tế, những con số về cuộc sống khổ cực trên nhiều mặt, về tình trạng bị rơi vào hiểm hoạ của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nay. Cụ thể :

+ Bị trở thành nạn nhân của chiến tranh, và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ A-pác-thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài.

+ Chịu đựng những thảm hoạ của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, của tình trạng vô gia cư, dịch bệnh mù chữ, môi trường xuống cấp.

+ Chết do suy dinh dưỡng và bệnh tật.

- Phần Cơ hội : Khẳng định những điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Cụ thể :

+ Sự liên kết lại giữa các quốc gia cùng ý thức cao của cộng đồng quốc tế. Đã có công ước về quyền trẻ em làm cơ sở, tạo ra cơ hội mới.

+ Sự hợp tác và đoàn kết quốc tế ngày càng có hiệu quả : phong trào giải trừ quân bị được đẩy mạnh.

+ Ở nước ta Đảng và Nhà nước quan tâm một cách cụ thể. Nhận thức của cộng đồng về vấn đề này ngày càng sâu sắc.

- Phần nhiệm vụ : Xác định những nhiệm vụ cụ thể mà từng quốc gia và cả cộng đồng quốc tế cần làm vì sự sống còn, phát triển của trẻ em. Những nhiệm vụ này được nêu lên một cách hợp lý và tính cấp bách trên cơ sở tình trạng, điều kiện thực tế. Cụ thể :

+ Tăng cường sức khỏe và chế độ dinh dưỡng cho trẻ em.

+ Quan tâm chăm sóc trẻ em bị tàn tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

+ Tăng cường vai trò của phụ nữ nói chung và đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ.

+ Bảo đảm cho trẻ em được học hết bậc giáo dục cơ sở không có trẻ em nào mù chữ.

+ Thực hiện kế hoạch hóa gia đình, tạo điều kiện để trẻ em lớn khôn và phát triển trên nền móng gia đình.

+Vì tương lai của trẻ em cần cấp bách bảo đảm hoặc khôi phục lại sự tăng trưởng và phát triển đều đặn nền kinh tế ở tất cả các nước.

*** Tóm lại :**

Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những vấn đề quan trọng, cấp bách có ý nghĩa toàn cầu. Bản "Tuyên bố" của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em ngày 30-9-1990 đã khẳng định điều đó và cam kết thực hiện những nhiệm vụ có tính toàn diện vì sự sống còn phát triển của trẻ em, vì tương lai của toàn nhân loại.

b) Nghệ thuật :

- Văn bản có bố cục chặt chẽ, hợp lí. Bản thân các tiêu đề đã nói lên điều đó.

- Sau hai mục đầu khẳng định quyền được sống, quyền được phát triển của mọi trẻ em trên thế giới, khẩn thiết kêu gọi toàn nhân loại hãy quan tâm đến vấn đề này, 15 mục còn lại được bố cục thành 3 phần. Mỗi phần được đặt tiêu đề rõ ràng, thể hiện tính chặt chẽ, hợp lí của văn bản. Phần **Sự thách thức** tuy ngắn gọn nhưng đủ và cụ thể. Phần **Nhiệm vụ**, các nhiệm vụ nêu ra vừa cụ thể, vừa toàn diện bao quát trên mọi lĩnh vực (y tế, giáo dục, xã hội), mọi đối tượng (trẻ em bị tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trai, gái) và mọi cấp độ (gia đình, xã hội, quốc gia, cộng đồng quốc tế).

B- CÁC DẠNG ĐỀ

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 1 :

Tóm tắt lại các điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế hiện nay có thể đẩy mạnh việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

Gợi ý :

+ Sự liên kết lại giữa các quốc gia cùng ý thức cao của cộng đồng quốc tế. Đã có công ước về quyền trẻ em làm cơ sở, tạo ra cơ hội mới.

+ Sự hợp tác và đoàn kết quốc tế ngày càng có hiệu quả : phong trào giải trừ quân bị được đẩy mạnh.

+ Ở nước ta Đảng và Nhà nước quan tâm một cách cụ thể. Nhận thức của cộng đồng về vấn đề này ngày càng sâu sắc.

2- Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

Đề 1 : *Tại sao vấn đề chăm sóc, bảo vệ trẻ em ngày càng trở nên cấp bách, được cộng đồng quốc tế quan tâm đến thế ? Đọc phần Sự thách thức của Bản tuyên bố em hiểu như thế nào về tình trạng khổ cực của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nay ?*

Gợi ý :

Giải thích tính cấp bách của vấn đề này xuất phát từ :

- Vai trò của trẻ em đối với tương lai của một dân tộc, đối với toàn nhân loại.

- Thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay :

+ Bị trở thành nạn nhân của chiến tranh, và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ A-pác-thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài.

+ Chịu đựng những thảm hoạ của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, của tình trạng vô gia cư, dịch bệnh mù chữ, môi trường xuống cấp.

+ Chết do suy dinh dưỡng và bệnh tật.

C- BÀI TẬP VỀ NHÀ :

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 1 :

Em có nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em, về sự quan tâm của cộng đồng quốc tế về vấn đề này ?

Gợi ý :

- Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu của từng quốc gia và của cộng đồng quốc tế. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến tương lai của một đất nước của toàn nhân loại.

- Qua những chủ trương, chính sách, qua những hành động cụ thể đối với việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em mà ta nhận ra trình độ văn minh của một xã hội.

- Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em đang được cộng đồng quốc tế dành sự quan tâm thích đáng với các chủ trương, nhiệm vụ đề ra có tính cụ thể toàn diện.

2- Dạng đề 5 hoặc 7 điểm :

Đề 1 :

Phân tích tính chất cụ thể, toàn diện của những nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ trẻ em được bản tuyên bố nêu ra (từ mục 10 đến mục 17).

Gợi ý : Nêu từng nhiệm vụ cụ thể :

+ Tăng cường sức khỏe và chế độ dinh dưỡng cho trẻ em.

+ Quan tâm chăm sóc trẻ em bị tàn tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

+ Tăng cường vai trò của phụ nữ nói chung và đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ.

+ Bảo đảm cho trẻ em được học hết bậc giáo dục cơ sở không có trẻ em nào mù chữ.

+ Thực hiện kế hoạch hóa gia đình, tạo điều kiện để trẻ em lớn khôn và phát triển trên nền móng gia đình.

+Vì tương lai của trẻ em cần cấp bách bảo đảm hoặc khôi phục lại sự tăng trưởng và phát triển đều đặn nền kinh tế ở tất cả các nước.

Các nhiệm vụ nêu ra vừa cụ thể, vừa toàn diện bao quát trên mọi lĩnh vực (y tế, giáo dục, xã hội), mọi đối tượng (trẻ em bị tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trai, gái) và mọi cấp độ (gia đình, xã hội, quốc gia, cộng đồng quốc tế). Mục 17 nhấn mạnh *"Các nhiệm vụ đó đòi hỏi tất cả các nước cần phải có những nỗ lực liên tục và phối hợp với nhau trong hành động của từng nước cũng như trong hợp tác quốc tế"*.

Tiết 4 BÀN VỀ ĐỌC SÁCH

-Chu Quang Tiềm-

A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1- Tác giả :

- Chu Quang Tiềm (1897-1986) là nhà mĩ học và lí luận văn học nổi tiếng của Trung Quốc. Trong những bài viết của mình ông đã nhiều lần bàn về chuyện đọc sách. Riêng bài viết này là kết quả của quá trình tích luỹ kinh nghiệm, dày công suy nghĩ, là những lời bàn đầy tâm huyết của người đi trước muốn truyền lại cho các thế hệ sau.

2- Tác phẩm :

a) Nội dung :

- Bàn về đọc sách là bài viết vừa có lí lẽ xác đáng vừa giàu kinh nghiệm thực tế. Văn bản được trích có bố cục chặt chẽ, hợp lí. Sau khi vào bài, tác giả khẳng định tầm quan trọng, ý nghĩa cần thiết của việc đọc sách. Tiếp đó bài viết nêu ra các khó khăn, nguy hại dễ gặp của việc đọc sách trong tình hình hiện nay. Phần chính của bài viết dành để bàn về phương pháp đọc sách (bao gồm cách lựa chọn sách cần đọc và cách đọc thế nào cho có hiệu quả).

- Bằng sự phân tích ngắn gọn rõ ràng bài viết đã làm sáng tỏ ý nghĩa của sách trên con đường phát triển của nhân loại. Sách đã ghi chép, cô đúc và lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu mà loài người tìm tòi, tích luỹ được qua từng thời đại, trở thành kho tàng của cải tinh thần quý báu. Những cuốn sách có giá trị có thể xem là những cột mốc trên con đường phát triển học thuật của nhân loại. Vì sách có ý nghĩa quan trọng như thế nên đọc sách là một con đường tích luỹ, nâng cao vốn tri thức rất cơ bản của mỗi người.

- Trong bối cảnh hiện nay, sách vở ngày càng nhiều thì việc đọc càng phải có phương pháp. Chu Quang Tiềm đã bàn luận, phân tích một cách có lí lẽ, có thực tế rằng cần biết lựa chọn sách để đọc, kết hợp giữa đọc rộng với đọc sâu, giữa đọc sách thường thức với đọc sách chuyên môn. Việc đọc sách không thể tuỳ hứng mà phải có kế hoạch, có mục đích kiên định, phải vừa đọc vừa nghiền ngẫm.

b) Nghệ thuật

- Bàn về đọc sách là tác phẩm nghị luận có tính thuyết phục, sức hấp dẫn cao bởi cách trình bày vừa đạt lí vừa thấu tình, bởi lời văn giàu hình ảnh nhiều chỗ tác giả dùng cách nói ví von thật cụ thể và thú vị.

- Bố cục bài viết chặt chẽ, hợp lí dẫn dắt tự nhiên.

c) Chủ đề

Đọc sách là con đường quan trọng để tích luỹ nâng cao học vấn. Cần kết hợp giữa đọc rộng với đọc sâu, giữa đọc sách thường thức với đọc sách chuyên môn. Việc đọc sách không thể tuỳ hứng mà phải có kế hoạch, có mục đích kiên định, phải vừa đọc vừa nghiền ngẫm.

B- CÁC DẠNG ĐỀ

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 1 :

Vấn đề nghị luận của bài viết này là gì ? Hãy tóm tắt các luận điểm của tác giả khi triển khai vấn đề ấy ?

Gợi ý :

- Vấn đề nghị luận : Bàn về đọc sách

- Luận điểm :

+ Tầm quan trọng, ý nghĩa cần thiết của việc đọc sách

-> Sách có ý nghĩa quan trọng trên con đường phát triển của nhân loại

-> Đọc sách là một con đường tích luỹ, nâng cao vốn tri thức.

+ Nêu các khó khăn, các thiên hướng sai lạc dễ mắc phải của việc đọc sách trong tình hình hiện nay

-> Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu.

-> Sách nhiều dễ khiến ngược đọc lạc hướng

+ Bàn về phương pháp đọc sách

-> Cách chọn sách

-> Cách đọc sách

Đề 2 :

Tóm tắt nội dung chính bài viết "Bàn về đọc sách" của Chu Quang Tiềm trong khoảng 2 đến 3 câu ?

Gợi ý :

Bài viết nêu tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách, các khó khăn nguy hại dễ gặp của việc đọc sách trong tình hình hiện nay. Từ đó đưa ra cách lựa chọn sách cần đọc và cách đọc như thế nào cho hiệu quả.

2- Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

Đề 1 :

Qua lời bàn của Chu Quang Tiềm, em thấy sách có tầm quan trọng như thế nào ? Việc đọc sách có ý nghĩa gì ?

Gợi ý : Học sinh phát biểu nhận thức của mình về ý nghĩa của việc đọc sách trên con đường phát triển của nhân loại viết thành bài văn ngắn đảm bảo các ý chính sau:

- Sách đã ghi chép cô đúc và lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu mà loài người đã tìm tòi, tích luỹ qua từng thời đại.
- Những cuốn sách có giá trị có thể xem là những cột mốc trên con đường phát triển học thuật của nhân loại.
- Sách trở thành kho tàng quý báu của di sản tinh thần mà loài người thu lượm, suy ngẫm suốt mấy nghìn năm nay.
- Vì ý nghĩa quan trọng của sách nên đọc sách là một con đờng tích luỹ nâng cao tri thức.

C- BÀI TẬP VỀ NHÀ :

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 2 :

Phân tích lời bàn của Chu Quang Tiềm về phương pháp đọc sách (bao gồm cách lựa chọn sách để đọc và cách đọc).

Gợi ý : Học sinh đọc kỹ văn bản từ chỗ "Đọc sách không cốt lấy nhiều" cho đến hết. Suy nghĩ và phân tích theo các ý chính sau :

- Theo tác giả bài viết cần lựa chọn sách để đọc như thế nào, mối quan hệ giữa loại sách thông thường, loại sách ở lĩnh vực gần gũi, kế cận với chuyên môn của mình và loại sách tài liệu cơ bản, chuyên sâu ra sao ?
- Lời bàn thật cụ thể của tác giả về cách đọc sách (thái độ, tinh thần, phương pháp khi đọc).

2- Dạng đề 5 hoặc 7 điểm :

Đề 2 :

Nhận xét về cách lập luận, trình bày của tác giả bài viết. Phát biểu thu hoạch của em về cách khẳng định, triển khai vấn đề nghị luận sau khi đọc – hiểu văn bản ***Bàn về đọc sách*** *?*

Gợi ý :

HS viết thành bài văn đảm bảo được các ý chính sau :

- Nội dung lời bàn và cách trình bày vừa đạt lý vừa thấu tình
- Bố cục bài viết chặt chẽ, hợp lý.
- Sự kết hợp giữa lí lẽ, nhận định với kinh nghiệm, dẫn chứng thực tế.
- Giọng điệu của tác giả cùng cách viết giàu hình ảnh (đặc biệt là lối ví von thật cụ thể và thú vị).

=> Bài nghị luận có tính thuyết phục, sức hấp dẫn cao.

- Trình bày thu hoạch của mình về cách khẳng định, triển khai luận điểm trong một bài văn nghị luận (làm thế nào để luận điểm được nổi bật, được giải thích, chứng minh rõ ràng và giàu tính thuyết phục hấp dẫn).

Tiết 5 TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ

-Nguyễn Đình Thi-

A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1- Tác giả :

- Nguyễn Đình Thi (1924-2003) là một nghệ sĩ tài năng về nhiều mặt, không chỉ nổi tiếng với những tác phẩm thơ, văn nhạc kịch ông còn là một cây bút lí luận phê bình sắc sảo. Ông tham gia vào các hoạt động văn nghệ từ rất sớm, trên mỗi lĩnh vực đều để lại những tác phẩm nổi tiếng..

- Sáng tác của Nguyễn Đình Thi có nhiều thể loại : thơ, nhạc, văn xuôi, kịch, tiểu luận phê bình ... Cuộc đời sáng tạo nghệ thuật của ông gắn bó chặt chẽ với cuộc đời hoạt động cách mạng, đặc biệt trên mặt trận văn nghệ.

- Các tác phẩm chính : **Xung kích** (tiểu thuyết) **Thu đông năm nay** (truyện), **Người chiến sĩ** (thơ), **Mấy vấn đề văn học** (tiểu luận), **Bên bờ sông Lô** (truyện ngắn), **Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ hiện nay** (tiểu luận), **Con nai đen** (kịch), **Vỡ bờ** (tiểu thuyết) ...

- Tác giả đã được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996).

- Tiểu luận "Tiếng nói của văn nghệ" đưọc viết 1948, in trong cuốn **Mấy vấn đề văn học** (lí luận phê bình, xuất bản 1956), có nội dung lí luận sâu sắc, được thể hiện qua những rung cảm chân thành của một trái tim nghệ sĩ.

2- Tác phẩm :

a) Nội dung :

- Tiếng nói của văn nghệ được Nguyễn Đình Thi viết năm 1948 thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Những năm này chúng ta đang xây dựng một nền văn học nghệ thuật mới gắn bó với đời sồng kháng chiến vĩ đại của nhân dân, đậm đà tính dân tộc đại chúng. Vì thế nội dung và sức mạnh kỳ diệu của văn nghệ thường được tác giả gắn với đời sống phong phú, sôi nổi của quần chúng nhân dân đang chiến đấu và sản xuất. **Tiếng nói của văn nghệ** có nội dung lí luận sâu sắc, thể hiện nhiệt tình những rung cảm chân thành của người nghệ sĩ kháng chiến Nguyễn Đình Thi.

- Bài văn có hệ thống luận điểm như sau :

+ Nội dung tiếng nói của văn nghệ : Cùng với thực tại khách quan là nhận thức mới mẻ, là tư tưởng, tình cảm của cá nhân nghệ sĩ. Mỗi tác phẩm nghệ thuật lớn là một cách sống của tâm hồn, từ đó làm thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ.

+ Tiếng nói của văn nghệ rất cần thiết đối với cuộc sống con người, nhất là trong hoàn cảnh chiến đấu, sản xuất vô cùng gian khổ của dân tộc.

+ Văn nghệ có khả năng cảm hóa, sức mạnh lôi cuốn của nó thật là kỳ diệu, bởi đó là tiếng nói của tình cảm, tác động tới mỗi con người qua những rung cảm sâu xa tự trái tim.

b) Nghệ thuật

Là bài văn nghị luận đặc sắc :

- Bố cục chặt chẽ, hợp lí, cách dẫn dắt tự nhiên.

- Cách viết giàu hình ảnh, có nhiều dẫn chứng về thơ văn, về câu chuyện thực tế để khẳng định các ý kiến, các nhận định tăng thêm sức hấp dẫn cho bài tiểu luận.

- Giọng văn chân thành, say sưa, giàu nhiệt huyết, đặc biệt ở phần cuối.

c) Chủ đề

Nguyễn Đình Thi đã khẳng định văn nghệ là mối dây đồng cảm kỳ diệu giữa nghệ sĩ với bạn đọc qua những rung động mãnh liệt, sâu xa của trái tim. Văn nghệ giúp cho con người được sống phong phú hơn và tự hoàn thiện nhân cách tâm hồn mình.

B- CÁC DẠNG ĐỀ

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 1 : *Vì sao con người cần đến tiếng nói của văn nghệ ?*

Gợi ý : HS nêu sự cần thiết của văn nghệ đối với đời sống con người. Cụ thể :

- Văn nghệ giúp chúng ta được sống đầy đủ hơn, phong phú hơn với cuộc đời và với chính mình. "Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng, không bao giờ nhòa đi, ánh sáng ấy bấy giờ biến thành của ta, và chiếu tỏa lên mọi việc chúng ta sống, mọi con người ta gặp, làm cho ta thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ".

- Trong trường hợp con người bị ngăn cách với cuộc sống, tiếng nói của văn nghệ càng là sợi dây buộc chặt họ với cuộc đời thường bên ngoài, với tất cả những sự sống, hoạt động, những vui buồn gần gũi.

- Văn nghệ góp phần làm tươi mát sinh hoạt khắc khổ hàng ngày, giữ cho "đời cứ tươi". Tác phẩm văn nghệ hay giúp cho con người vui lên, biết rung cảm và ước mơ trong cuộc đời còn lắm vất vả cực nhọc.

Đề 2 : *Theo em nếu không có văn nghệ đời sống con người sẽ ra sao ?*

Gợi ý : Thực chất đây là câu hỏi về tác dụng, ý nghĩa của văn nghệ đối với con người nhưng từ tình huống giả định "nếu không có văn nghệ ...". Dựa vào tác dụng và ý nghĩa của văn nghệ đối với con người mà Nguyễn Đình Thi đã nêu để phân tích :

- Nhận thức, đời sống tinh thần của con người sẽ ra sao nếu không có văn nghệ ?

- Nếu không có văn nghệ thì mối quan hệ giữa con người với con người với cuộc sống sẽ ra sao ?

- Văn nghệ có tác dụng gì đối với đời sống sinh hoạt khắc khổ hàng ngày, đối với tâm hồn cảm xúc của chúng ta ?

2- Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

Đề 1 :

Tóm tắt hệ thống luận điểm và nhận xét về bố cục của văn bản ***Tiếng nói của văn nghệ*** *?*

Gợi ý :

- Bài văn có hệ thống luận điểm như sau :

+ Nội dung tiếng nói của văn nghệ : Cùng với thực tại khách quan là nhận thức mới mẻ, là tư tưởng, tình cảm của cá nhân nghệ sĩ. Mỗi tác phẩm nghệ thuật lớn là một cách sống của tâm hồn, từ đó làm thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ.

+ Tiếng nói của văn nghệ rất cần thiết đối với cuộc sống con người, nhất là trong hoàn cảnh chiến đấu, sản xuất vô cùng gian khổ của dân tộc.

+ Văn nghệ có khả năng cảm hóa, sức mạnh lôi cuốn của nó thật là kỳ diệu, bởi đó là tiếng nói của tình cảm, tác động tới mỗi con người qua những rung cảm sâu xa tự trái tim.

- Bố cục chặt chẽ, hợp lí, dẫn dắt tự nhiên. Các luận điểm vừa có sự giải thích cho nhau vừa nối tiếp nhau một cách tự nhiên theo hướng càng lúc càng phân tích sâu sức mạnh đặc trưng của văn nghệ.

C- BÀI TẬP VỀ NHÀ :

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 2 :

Tác phẩm nghệ thuật đến với người đọc, người xem bằng cách nào mà có khả năng kỳ diệu đến như vậy ?

Gợi ý : Học sinh cần phân tích con đường văn nghệ đến với người đọc và khả năng kỳ diệu của nó. Cụ thể các ý chính sau :

- Sức mạnh riêng của văn nghệ bắt nguồn từ nội dung của nó và con đường mà nó đến với người đọc, người nghe.

- Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm. Tác phẩm văn nghệ chứa đựng tình yêu, ghét, nỗi vui, buồn của con người trong đời sống sinh động. Tư tưởng của nghệ thuật không khô khan, trìu tượng mà lắng sâu, thấm vào những cảm xúc. Từ đó tác phẩm văn nghệ lay động cảm xúc đi vào nhận thức, tâm hồn chúng ta qua con đường tình cảm ...

- Khi tác động bằng nội dung, cách thức đặc biệt ấy, văn nghệ góp phần giúp mọi người tự nhận thức mình, tự xây dựng mình. Như vậy văn nghệ thực hiện các chức năng của nó một cách tự nhiên, có hiệu quả lâu bền sâu sắc.

2- Dạng đề 5 hoặc 7 điểm :

Đề 1 :

Em hãy phân tích nội dung phản ánh, thể hiện của văn nghệ.

Gợi ý : Học sinh viết thành bài văn đảm bảo các ý chính sau :

- Tác phẩm văn nghệ phản ánh đời sống thông qua cái nhìn của người nghệ sĩ. Văn nghệ tập trung khám phá, thể hiện chiều sâu tính cách, số phận con người, thế giới bên trong của con người. Nội dung tác phẩm văn nghệ còn là tư tưởng, tấm lòng của nghệ sĩ gửi gắm trong đó.

- Tác phẩm văn nghệ không cất lên những lời thuyết lí khô khan mà chứa đựng tất cả những say sưa, vui buồn, yêu ghét, mơ mộng của nghệ sĩ. Nó mang đến cho chúng ta bao rung động, bao ngỡ ngàng trước những điều tưởng chừng rất quen thuộc.

- Nội dung của văn nghệ còn là rung cảm và nhận thức của từng người tiếp nhận. Nó sẽ được mở rộng, phát huy vô tận qua từng thế hệ người đọc, người xem.

Tóm lại, nội dung chủ yếu của văn nghệ là hiện thực mang tính cụ thể, sinh động, là đời sống tình cảm của con người qua cái nhìn và tình cảm có tính cá nhân của người nghệ sĩ.

Đề 2 :

Nêu một tác phẩm văn nghệ mà em yêu thích và phân tích ý nghĩa, tác động của tác phẩm ấy đối với mình.

Gợi ý : Đây là bài tập nhằm phát huy năng lực cảm thụ văn học, sở thích văn học của mỗi cá nhân, vì vậy không áp đặt tác phẩm văn nghệ cụ thể để học sinh tự lựa chọn ảnh, tranh, phim, truyện, thơ ... chỉ yêu cầu học sinh nêu được nội dung, phân tích ý nghĩa, tác động của tác phẩm ấy đối với mình.

Tiết 6 CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỶ MỚI

-Vũ Khoan-

A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1- Tác giả :

Vũ Khoan là nhà ngoại giao, nhiều năm làm thứ trưởng Bộ Ngoại Giao, Bộ trưởng Bộ Thương mại, Nguyên là Phó Thủ tướng Chính phủ.

2- Tác phẩm :

a) Một số điểm cần chú ý về hoàn cảnh ra đời bài viết

- Bài viết "**Chuẩn bị hành trang**" của Vũ Khoan đăng trên Tạp chí Tia sáng năm 2001 và được in vào tập "Một góc nhìn của trí thức" NXB Trẻ 2002. Khi đưa vào SGK người biên soạn đặt nhan đề bài viết "Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới".

- "**Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới"** là bài nghị luận của Phó Thủ tướng Vũ Khoan đề cập tới những vấn đề vừa có ý nghĩa thời sự, cấp thiết vừa có ý nghĩa lâu dài. Tác giả viết bài này đầu năm 2001, khi đất nước ta cùng toàn thế giới bước vào năm đầu tiên của thế kỷ mới. Ở thời điểm chuyển giao thời gian đặc biệt có ý nghĩa, người ta thường có nhu cầu nhìn lại, kiểm điểm lại mình trên chặng đường đã qua và chuẩn bị hành trang đi tiếp chặng đường mới. Đối với dân tộc ta, bước vào thế kỷ mới cũng là tiếp tục một hành trình đầy triển vọng của công cuộc đổi mới toàn diện, nhằm vượt qua tình trạng chậm phát triển, nghèo nàn, lạc hậu, đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mặt khác đây cũng là con đường đầy khó khăn, thách thức, đòi hỏi mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ phải thực sự đổi mới vươn lên mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu của thời đại.

b) Nội dung

* Đây là bài nghị luận về một đề tài vừa cấp thiết vừa có tính lâu dài, vừa là của đất nước vừa là của từng người (trước hết là các bạn trẻ), vừa là một bài xã luận, vừa là một văn bản chỉ đạo, vừa là

một ý kiến riêng, vừa là ý kiến của vị lãnh đạo cấp cao, vừa có tính chất vấn đề đời sống, vừa có tính chất vấn đề tư tưởng, đạo lí đặc biệt bài văn chứa đựng một triết lý nhân văn có giá trị muôn thuở : "Con người quyết định tất cả".

* Luận điểm cơ bản của bài (vấn đề nghị luận) được nêu ngay từ đầu để làm căn cứ triển khai ***"**Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới".*

* Hệ thống luận cứ của bài văn :

(1) Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới thì quan trọng nhất là sự chuẩn bị bản thân con người.

(2) Bối cảnh của thế giới hiện nay và những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước.

(3) Những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam cần được nhận rõ khi bước vào nền kinh tế trong thế kỷ mới.

- Đây là luận cứ trung tâm, quan trọng nhất của cả bài nên được tác giả triển khai cụ thể và phân tích thấu đáo.

* Kết luận :

- Từ ba luận cứ được triển khai rất chặt chẽ nói tên tác giả kết thúc bài viết bằng việc nêu lên những yêu cầu đối với thế hệ trẻ : *Bước vào thế kỷ mới, mỗi người Việt Nam đặc biệt là thế hệ trẻ cần phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, rèn cho mình những thói quen tốt ngay từ những việc nhỏ để đáp ứng nhiệm vụ đưa đất nước đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

b) Nghệ thuật

- Bài nghị luận mẫu mực đã phân tích một cách thuyết phục, có lí có tình những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam. Tác giả không dùng cách nói theo kiểu sách vở, uyên bác mà diễn đạt giản dị, thiết thực dựa trên cơ sở thực tiễn, có ví dụ, ví von cụ thể, có hình ảnh. Đặc biệt cách sử dụng thành ngữ, tục ngữ "Nước đến chân mới nhảy", "Liệu cơm gắp mắm". "Trâu buộc ghét trâu ăn", "Bóc ngắn cắn dài", ...Vì thế bài viết sâu sắc mà dễ hiểu.

- Khi nêu ưu, nhược điểm của người Việt Nam, tác giả đã không làm một phép liệt kê đơn giản từ ưu điểm đến nhược điểm mà cứ mỗi khi nêu một ưu điểm tác giả lại đề cập đến một nhược điểm.

B- CÁC DẠNG ĐỀ :

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 1 :

Giải thích vì sao "Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới" là văn bản nhật dụng?

Gợi ý :

* Dựa vào hoàn cảnh ra đời và nội dung của bài viết để giải thích.

* Văn bản có nội dung mang tính cập nhật đối với cuộc sống hiện thời. Đề tài là một vấn đề có tính cấp thiết đối với đời sống xã hội hiện nay. Luận điểm cơ bản của bài (vấn đề nghị luận) được nêu ngay từ đầu để làm căn cứ triển khai "Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới".

Đây là bài nghị luận về một đề tài vừa cấp thiết vừa có tính lâu dài, vừa là của đất nước vừa là của từng người (trước hết là các bạn trẻ), vừa là một bài xã luận, vừa là một văn bản chỉ đạo, vừa là một ý kiến riêng, vừa là ý kiến của vị lãnh đạo cấp cao, vừa có tính chất vấn đề đời sống, vừa có tính chất vấn đề tư tưởng, đạo lí đặc biệt bài văn chứa đựng một triết lý nhân văn có giá trị muôn thuở : "Con người quyết định tất cả".

Đề 2 :

"Hành trang" nghĩa là đồ dùng mang theo và các thứ trang bị khi đi xa, vậy từ "Hành trang" được Vũ Khoan dùng trong "Chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ mới" có nghĩa như vậy không ? Vì sao ?

Gợi ý :

"Hành trang" được Vũ Khoan dùng trong bài viết có nghĩa là hành trang tinh thần như tri thức, kỹ năng, thói quen ... để đi vào một thế kỷ mới. Như vậy nghĩa từ "hành trang" trong bài rộng hơn so

với nghĩa từ "hành trang" nhưng trên cơ sở nét nghĩa giống nhau là các thứ trang bị khi đi xa, khác nhau vật dụng vật chất và vật dụng tinh thần. Đây là sự phát triển nghĩa của từ theo phương thức ẩn dụ.

2- Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

Đề 1 :

Dựa vào bố cục văn bản hãy nêu dàn ý chi tiết của bài viết và nhận xét cách trình bày, lập luận của tác giả.

Gợi ý :

**** Đặt vấn đề*** : Luận điểm cơ bản "Lớp trẻ ... kinh tế mới" (3 cầu đầu)

**** Giải quyết vấn đề :***

- Luận cứ 1 : Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới thì quan trọng nhất là sự chuẩn bị bản thân con người.

+ Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử.

+ Trong thời kỳ nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ, vai trò của con người lại càng nổi trội.

- Luận cứ 2 : Bối cảnh của thế giới hiện nay và những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước.

+ Một thế giới mà khoa học công nghệ phát triển như huyền thoại, sự giao thoa, hội nhập giữa các nền kinh tế ngày càng sâu rộng.

+ Nước ta phải đồng thời giải quyết ba nhiệm vcụ thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu của nền kinh tế nông nghiệp ; đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa và đồng thời lại phải tiếp cận ngay với nền kinh tế trí thức.

- Luận cứ 3 : Những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam cần được nhận rõ khi bước vào nền kinh tế trong thế kỷ mới.

+ Thông minh, nhạy bén với cái mới nhưng thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành.

+ Cần cù sáng tạo nhưng thiếu đức tính tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ khẩn trương.

+ Có tinh thần đoàn kết, đùm bọc, nhất là trong công cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, nhưng lại thường đố kỵ nhau trong làm ăn và trong cuộc sống thường ngày.

+ Bản tính thích ứng nhanh, nhưng lại có nhiều hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ, kỳ thị kinh doanh, quen với bao cấp, thói sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức, thói "khôn vặt", ít giữ chữ "tín".

**** Kết thúc vấn đề :***

Những yêu cầu đối với thế hệ trẻ : Bước vào thế kỷ mới, mỗi người Việt Nam đặc biệt là thế hệ trẻ cần phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, rèn cho mình những thói quen tốt ngay từ những việc nhỏ để đáp ứng nhiệm vụ đưa đất nước đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đề 2 :

Em hãy trình bày cụ thể cách nêu những ưu nhược điểm của người Việt Nam của tác giả và phân tích ngắn gọn tác dụng của cách nêu đó ?

Gợi ý :

+ Thông minh, nhạy bén với cái mới nhưng thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành.

+ Cần cù sáng tạo nhưng thiếu đức tính tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ khẩn trương.

+ Có tinh thần đoàn kết, đùm bọc, nhất là trong công cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, nhưng lại thường đố kỵ nhau trong làm ăn và trong cuộc sống thường ngày.

+ Bản tính thích ứng nhanh, nhưng lại có nhiều hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ, kỳ thị kinh doanh, quen với bao cấp, thói sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức, thói "khôn vặt", ít giữ chữ "tín".

Bài viết này đã mang đến cho bạn đọc cảm giác rất bất ngờ. Tác giả không ca ngợi một chiều, cũng không chỉ toàn phê phán một cách cực đoan mà nhìn nhận song song, đối chiếu và đánh giá những điểm mạnh cũng như những điểm yếu của người Việt Nam trong quan hệ với công việc, trong yêu cầu của sự phát triển xã hội. Đó là sự đánh giá khách quan và khoa học xuất phát từ thiện chí của tác giả muốn để chúng ta nhìn nhận về mình một cách đúng đắn chân thực, ý thức được những mặt tốt cũng như mặt chưa tốt của mình để phát huy hoặc sửa đổi.

C- BÀI TẬP VỀ NHÀ :

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 1 :

Trong những hành trang cần chuẩn bị để bước vào thế kỷ mới, theo tác giả bài viết này điều gì có ý nghĩa quan trọng nhất ? Suy nghĩ của em về quan niệm ấy?

Gợi ý :

- Câu nêu vấn đề ở phần giải quyết vấn đề (luận cứ 1) "Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất".

- Căn cứ vào đặc điểm phát triển của thời đại hiện nay, vai trò của chủ thể con người trong một xã hội trình bày suy nghĩ của mình về quan niệm ấy.

2- Dạng đề 5 hoặc 7 điểm :

Đề 1 :

Nêu những dẫn chứng trong thực tế xã hội và nhà trường để làm rõ một số điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam : cần cù, thông minh, sáng tạo; kém khả năng thực hành, thiếu đức tính tỉ mỉ, thiếu tính cộng đồng trong làm ăn. Bản thân em có những điểm mạnh và điểm yếu nào ? Phương hướng khắc phục những điểm yếu ?

Gợi ý :

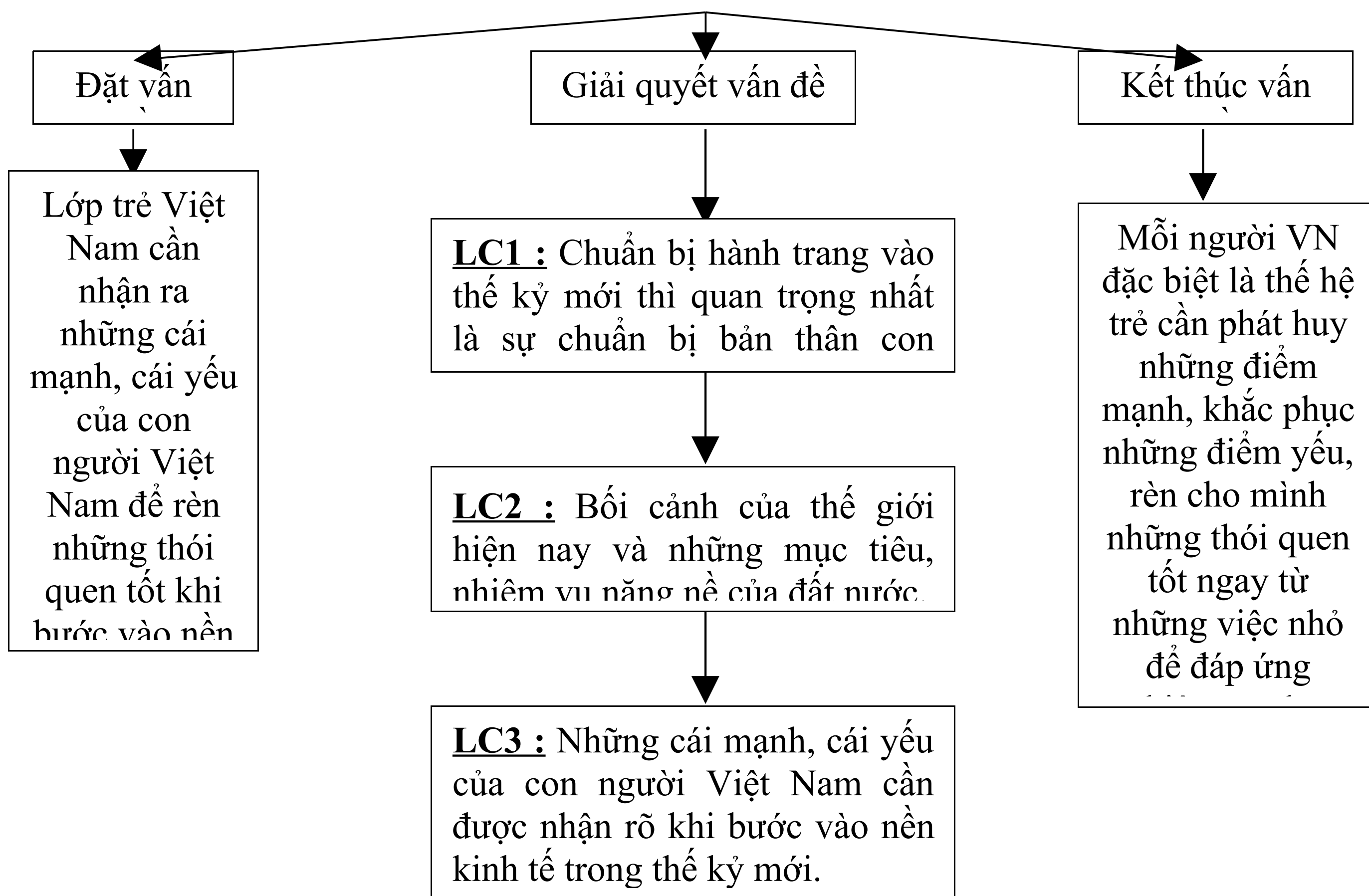
- HS suy nghĩ nêu dẫn chứng thực tế
- Liên hệ bản thân và nêu phương hướng khắc phục.

Đề 2 : *(dạng bài tập củng cố, hệ thống kiến thức)*

Tổng kết nội dung bài học "Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới" bằng sơ đồ?

Gợi ý :

CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỶ MỚI



Tiết 7 TỔNG KẾT PHẦN VĂN BẢN NHẬT DỤNG

A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1- Một số vấn đề về khái niệm và đặc điểm, nội dung của văn bản nhật dụng

a) Văn bản nhật dụng không phải là khái niệm về thể loại hay kiểu văn bản mà để chỉ những văn bản có nội dung mang tính cập nhật đối với đời sống hiện thời. Đề tài của văn bản nhật dụng phải là những vấn đề có tính cấp thiết đối với đời sống xã hội và con người hiện nay. Tuy nhiên đó cũng là vấn đề đã có ý nghĩa lâu dài chứ không phải chỉ là nhất thời. Vì thế, phần văn bản nhật dụng là một bộ phận thể hiện rõ và trực tiếp nhất sự gắn bó với đời sống của môn ngữ văn trong nhà trường.

b) Hình thức văn bản nhật dụng: có thể thuộc nhiều thể loại và kiểu văn bản: truyện ký, báo chí, nghị luận, thư từ, có thể cả văn bản hành chính, văn kiện chính trị. Mỗi văn bản nhật dụng có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức biểu đạt phối hợp với nhau : tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, lập luận.

c) Nội dung văn bản nhật dụng trong chương trình Ngữ văn THCS :

- Lớp 6 : Về di tích lịch sử (Cầu Long Biên – Chứng nhân lịch sử), về danh lam thắng cảnh (Động Phong Nha), về quan hệ giữa thiên nhiên và con người (Bức thư của thủ lĩnh da đỏ).
- Lớp 7 : Về giáo dục, vai trò của người mẹ (Cổng trường mở ra – Mẹ tôi), về gia đình và trẻ em (Cuộc chia tay của những con búp bê), về di sản văn hóa tinh thần (Ca Huế trên sông Hương).
- Lớp 8 : Về môi trường (Thông tin về ngày trái đất năm 2000), tệ nạn ma túy, thuốc lá (Ôn dịch, thuốc lá), dân số và tương lai loài người (Bài toán dân số).
- Lớp 9 : Hội nhập với thế giới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc (Phong cách Hồ Chí Minh), về chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình (Đấu tranh cho một thế giới hòa bình), về quyền con người (Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em), yêu cầu thế hệ trẻ phải

thực sự đổi mới vươn lên mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu của thời đại (Chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ mới).

2- Phương pháp học văn bản nhật dụng

- Lưu ý đến chú thích về các sự kiện có liên quan đến vấn đề đặt ra trong văn bản
- Liên hệ vấn đề được đặt ra với cuộc sống bản thên cũng như đời sống cộng đồng.
- Cần có ý kiến quan điểm riêng ở một số trường hợp cụ thể và đề xuất những kiến nghị và giải pháp.
- Vận dụng các môn học khác để làm sáng tỏ những vấn đề đặt ra trong văn bản nhật dụng.
- Cần căn cứ vào đặc điểm hình thức của văn bản và phương thức biểu đạt trong lúc phân tích nội dung.

B- CÁC DẠNG ĐỀ

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 1 :

Hãy nêu tên các văn bản nhật dụng đã học theo từng thể loại và kiểu văn bản : thuyết minh, thư từ, truyện ngắn, nghị luận ?

Gợi ý :

+ Thuyết minh : Động Phong Nha, Ca Huế trên sông Hương.
+ Thư từ : Bức thư của thủ lĩnh da đỏ.
+ Truyện ngắn : Cuộc chia tay của những con búp bê
+ Nghị luận : Phong cách Hồ Chí Minh, Đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

2- Dạng đề 5 hoặc 7 điểm

Đề 1 :

Chọn ra một văn bản nhật dụng trong SGK Ngữ văn THCS, chỉ ra sự phối hợp các phương thức biểu đạt trong đó và tác dụng của sự phối hợp ấy ?

Gợi ý : Học sinh chọn một trong những văn bản sau để xác định và phân tích tác dụng của các phương thức biểu đạt :

- Cầu Long Biên – Chứng nhân lịch sử : kết hợp miêu tả, thuyết minh, biểu cảm.
- Bức thư thủ lĩnh da đỏ : kết hợp miêu tả, thuyết minh, biểu cảm.
- Đấu tranh cho một thế giới hòa bình : kết hợp nghị luận, biểu cảm.
- Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới : kết hợp nghị luận, miêu tả.

C- BÀI TẬP VỀ NHÀ :

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

Đề 2 :

Em hiểu tính cập nhật của văn bản nhật dụng chủ yếu là gì ?

Gợi ý :

- Cập nhật có nghĩa là kịp thời, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của cuộc sống hàng ngày, cuộc sống hiện tại. Tính cập nhật thể hiện rõ nhất ở chức năng và đề tài : đề cập, bàn luận, thuyết minh, tường thuật, miêu tả, đánh giá ... những vấn đề, hiện tượng ... gần gũi bức thiết đối với cuộc sống trước mắt của con người và cộng đồng.

2- Dạng đề 5 hoặc 7 điểm :

Đề 2 :

Em hãy tìm trong các báo hoặc tạp chí bài viết về các vấn đề có tính cập nhật như : môi trường, gia đình, nhà trường, quyền trẻ em ... và giới thiệu tóm tắt nội dung hai bài viết đó ?

Gợi ý :

- HS có thể tìm ở các mục Diễn đàn (báo Nhân dân), Cùng bàn luận (Báo Quân đội nhân dân), các trang về văn hóa – xã hội, giáo dục (báo Giáo dục và thời đại) chọn bài ngắn gọn có nội dung đề cập tới các vấn đề nêu trên và tóm tắt nội dung.

Tiết 8 KỊCH "BẮC SƠN"

-Nguyễn Huy Tưởng-

A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1- Tác giả:

Nguyễn Huy Tưởng(1912-1960) quê ở huyện Đông Anh – Hà Nội, là nhà văn, nhà viết kịch, đã có tác phẩm được chú ý từ trước năm 1945. Sáng tác của Nguyễn Huy Tưởng thường khai thác đề tài lịch sử và cách mạng, đề cập đến những vấn đề trọng đại của vận mệnh dân tộc và xây dựng những hình tượng anh hùng.

- Năm 1996 ông được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

2- Tác phẩm

a) Nội dung

* Giới thiệu về loại hình kịch và các thể kịch : thuộc loại hình nghệ thuật sân khấu. Phương thức thể hiện là bằng ngôn ngữ trực tiếp (đối thoại, độc thoại) và hành động nhân vật. Kịch phản ảnh đời sống qua những mâu thuẫn, xung đột thể hiện ra thành hành động kịch.

- Các thể loại kịch : ca kịch, kịch thơ, kịch nói, bi kịch, chính kịch, kịch ngắn, kịch dài ...

- Cấu trúc một vở kịch : hồi, lớp (cảnh); thời gian và không gian trong kịch.

* Bắc Sơn là vở kịch nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, là tác phẩm mở đầu của kịch nói cách mạng. Tác phẩm đã giúp chúng ta hiểu về ý nghĩa cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và sức mạnh cảm hóa của cách mạng với quần chúng.

- Tóm tắt vở kịch : SGK 165.

- Đoạn trích hồi 4 của vở kịch Bắc Sơn : hai lớp kịch tập trung vào một tình huống bất ngờ để bộc lộ rõ xung đột kịch và thể hiện bản chất, tính cách của bốn nhân vật : Ngọc, Thơm, Thái, Cửu. Qua một tình huống bất ngờ, vở kịch đã khẳng định chính nghĩa của cách mạng có sức cảm hóa cả nhưng người ở tầng lớp trung gian, ngay cả khi phong trào cách mạng đang bị địch đàn áp.

b) Nghệ thuật

Đoạn trích khẳng định nghệ thuật sáng tạo tình huống để bộc lộ xung đột, tổ chức đối thoại, thể hiện tâm lí và tính cách nhân vật của tác giả.

c) Chủ đề

Khẳng định chính nghĩa của cách mạng có sức cảm hóa cả nhưng người ở tầng lớp trung gian, ngay cả khi phong trào cách mạng đang bị địch đàn áp.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

*** Đề 1:** *Tóm tắt nội dung vở kịch "Bắc Sơn"của (Nguyễn Huy Tưởng).*

*** Gợi ý:**

Học sinh trình bày tóm tắt theo SGK 165 (Vở kịch lấy bối cảnh là .... Ngọc trúng đạn của quân Pháp và chết).

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

*** Đề 1:** *Em hãy phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật Thơm qua hai lớp kịch trong đoạn trích hồi 4 của vở kịch "Bắc Sơn"(Nguyễn Huy Tưởng).*

<u>* Gợi ý:</u>

a) Mở bài:

- Giới thiệu tóm tắt gia cảnh Thơm (bố, mẹ, em trai, chồng).

- Khi cuộc khởi nghĩa nổ ra cô đứng ngoài cuộc, mặc dù cha và em là những quần chúng tích cực tham gia khởi nghĩa.

- Thơm vẫn chưa hẳn mất đi bản chất trung thực, lòng tự trọng, lòng thương người.

b) Thân bài:

- Chính vì có bản chất trung thực, có lòng tự trọng, lòng thương người mà Thơm rất quý trọng ông giáo Thái. Khi lực lượng cách mạng bị đàn áp, cả cha và và em đều hy sinh, Thơm rất ân hận và càng bị giày vò khi nhận ra rằng Ngọc làm tay sai cho địch dẫn quân Pháp về đánh úp lực lượng khởi nghĩa.

- Tâm trạng và hành động của nhân vật Thơm qua hai lớp kịch:

+ Hoàn cảnh: Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, cha và em hy sinh, mẹ bỏ đi lang thang, Thơm chỉ còn người thân duy nhất là Ngọc, nhưng y đã dần lộ rõ bộ mặt Việt gian.

+ Sự day dứt, ân hận của Thơm: Hình ảnh người cha trong lúc hy sinh, những lời cuối cùng, khẩu súng trao lại cho Thơm; sự hy sinh của em trai; tình cảnh thương tâm của người mẹ, tất cả những hình ảnh và sự việc ấy luôn ám ảnh và dày vò tâm trí cô.

+ Sự băn khoăn nghi ngờ đối với Ngọc ngày càng tăng.

+ Tình huống bất ngờ (Thái và Cửu chạy nhầm vào nhà Thơm) đã khiến Thơm phải lựa chọn dứt khoát. Thơm hành động một cách mau lẹ và khôn ngoan, không sợ nguy hiểm để che giấu Thái và Cửu ngay trong buồng của mình, bình tĩnh che mắt Ngọc để bảo vệ hai người cách mạng.

- Bằng cách đặt nhân vật vào hoàn cảnh và tình huống gây cấn, tác giả đã làm bộc lộ đời sống nội tâm và chuyển trong hành động của nhân vật

c) Kết bài

- Nhấn mạnh sự thay đổi trong tâm trạng và hành động của Thơm là do khả năng thức tỉnh quần chúng của Cách mạng.

- Khẳng định con người Việt Nam luôn đứng về phía chính nghĩa quốc gia, yêu hoà bình tự do và độc lập dân tộc.

<u>C- BÀI TẬP VỀ NHÀ</u>

<u>1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:</u>

<u>Đề 2:</u> *Nhập vai một trong ba nhân vật Thái, Cửu hoặc Thơm kể lại ngắn gọn tình huống " chạy trốn" của Thái và Cửu ở nhà Thơm.*

<u>* Gợi ý:</u>

+ Vai Thái hoặc Cửu:

- Lưu ý khi chạy nhầm vào nhà Thơm, gặp Thơm thái độ hai người không giống nhau. Cửu thì hoảng hốt, tự trách mình đã gây ra tình thế ấy; anh không tin Thơm vì cho rằng "Vợ Việt gian thì cũng là Việt gian", thậm chí lúc mới vào, thấy Thơm anh còn rút súng định bắn. Còn Thái thì bình tĩnh tìm cách thoát khỏi tình thế ấy. Là một người cách mạng dày dạn Thái hiểu và tin vào quần chúng, kể cả những người như Thơm. Thái đã hỏi thẳng Thơm: "Cô có định bắt tôi không?" và trước sự nghi ngờ của Cửu Thái đã khẳng định: "Anh đừng nghi dòng máu cụ Phương. Tôi tin như thế". Khi bọn địch đến gần,Thái không muốn để liên luỵ đến Thơm nên đã quyết định chạy ra ngoài. Chính thái độ của Thái đã làm tăng thêm sức cảm hoá đối với Thơm, để cô có được hành động táo bạo cứu hai người cách mạng.

+ Vai Thơm:

- Kể theo diễn biến tâm trạng.

- Khi hai người cán bộ chạy vào nhà mình, Thơm tưởng họ đến để bắt Ngọc nhưng rồi khi biết họ đang bị chính Ngọc dẫn người truy đuổi, Thơm từ ngạc nhiên đến lo lắng, hốt hoảng, lúng túng, đấu tranh tư tưởng quyết liệt… cứu người hay bỏ mặc, cứu bằng cách nào? Để hai người rơi vào tay giặc thì lòng cô day dứt không yên; mà cứu họ thì nguy hiểm đến tính mạng bản thân…, nhưng rồi cô quyết định không thể tiếp tay cho giặc.

- Khi Ngọc sắp về Thơm đã nghĩ cách bảo vệ hai người cán bộ bằng hành động hết sức mau lẹ, kịp thời, dứt khoát (giấu họ trong chính buồng của mình). Đây không phải là hành động tuỳ hứng mà có nguyên nhân chủ quan, khách quan.

Đề 3: *Em hiểu "kịch tính" trong đoạn trích hồi 4 của vở kịch "Bắc Sơn" là gì?*

*** Gợi ý:**

- Nghệ thuật thể hiện xung đột: Xung đột của vở kịch đến hồi 4 đã bộc lộ gay gắt sự đối đầu giữa Thái, Cửu và Ngọc trong hoàn cảnh cuộc khởi nghĩa bị đàn áp và Ngọc đang cùng đồng bọn truy lùng ráo riết những người cách mạng. Đồng thời xung đột kịch cũng diễn ra trong nội tâm nhân vật Thơm, thúc đẩy diễn biến tâm trạng nhân vật để đi tới bước ngoặt quan trọng.

- Nghệ thuật xây dựng tình huống: Tình huống éo le, bất ngờ, bộc lộ xung đột và thúc đẩy hành động phát triển.

- Ngôn ngữ đối thoại: Đối thoại với các nhịp điệu, giọng điệu khác nhau, phù hợp với hành động kịch.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

**** Đề 2:*** *Nhận xét về nhân vật Ngọc, Nguyễn Huy Tưởng đánh giá là " kẻ thù không đơn giản". Ý kiến của em ?*

*** Gợi ý:**

a. Mở bài:

- Giới thiệu sơ lược về vở kịch Bắc Sơn và về nhân vật Ngọc; vốn chỉ là tên nho lại thấp hèn trong bộ máy cai trị của thực dân, Ngọc nuôi tham vọng ngoi lên để thoả mãn lòng ham muốn địa vị, quyền lực, tiền tài.

b. Thân bài:

- Khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra, bộ máy cai trị ở châu Bắc Sơn bị đánh đổ, Ngọc thù hận cách mạng. Y rắp tâm làm tay sai cho giặc, dẫn quân Pháp về đánh Vũ Lăng- căn cứ của lực lượng khởi nghĩa; gián tiếp gây ra cái chết của bố và em vợ.

- Ở hồi 4 Ngọc càng thể hiện bản chất Việt gian, y ra sức truy lùng những người cách mạng đang ẩn trốn trong vùng, đặc biệt là Thái và Cửu. Mặt khác Ngọc ra sức chiều chuộng vợ nhằm giấu Thơm bản chất và hành động của mình.

- Nhưng tâm địa và tham vọng của Ngọc vẫn cứ lộ ra trước Thơm. Khi thấy Thơm nghi ngờ Ngọc đi lùng bắt Thái và Cửu thì Ngọc đã nói thác là đi bắt hai tên tướng cướp và lảng sang chuyện khác. Nhưng tất cả sự toan tính và bản chất của Ngọc đã không giấu được Thơm.

- Xây dựng một nhân vật phản diện như Ngọc, tác giả không chỉ tập trung vào những cái xấu xa, tàn ác mà vẫn chú ý khắc họa tính cách của một con người, nhất quán nhưng không đơn giản. Ngọc cũng yêu vợ, rất chiều vợ. Cũng có lúc có chút lương tâm còn sót lại y cảm thấy việc mình làm là xấu, nhưng rồi y lại tự biện bạch cho việc lùng bắt những người cách mạng.

c) Kết bài: Khẳng định ý kiến của em: Ngọc là nhân vật phản diện, là kẻ thù không đơn giản. Nhận xét của tác giả quả là đúng, thật tinh tế và chính xác.

Tiết 9 TÔI VÀ CHÚNG TA

(Trích cảnh ba)

A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

1- Tác giả

- Lưu Quang Vũ (1948 - 1988) quê Đà Nẵng, vừa là nhà thơ vừa là nhà viết kịch nổi tiếng. Các tác phẩm của ông đều đề cập đến những vấn đề có tính nóng hổi trong cuộc sống đương thời.Từ năm 1980 đến cuối đời tài năng thơ và vốn hiểu biết về sân khấu của ông đã kết tinh trong hơn 50 vở kịch. Lưu Quang Vũ được xem là tác giả tiêu biểu của kịch trường Việt Nam thời kì những năm 80 của thế kỉ XX.

2. Tác phẩm

a) Nội dung

- Vở kịch *Tôi và chúng ta* có 9 cảnh, đoạn trích là cảnh ba phản ánh hiệp đầu giao phong giữa hai phái mới và cũ, tiến bộ và bảo thủ tại xí nghiệp Thắng Lợi.

- Qua câu chuyện làm ăn của xí nghiệp Thắng Lợi vở kịch *Tôi và chúng ta* phản ánh cuộc đấu tranh gay gắt để thay đổi phương thức tổ chức, quản lí, lề lối hoạt động sản xuất trên đất nước ta ở thời kì có nhiều biến chuyển mạnh mẽ. Lúc này, nhiều nguyên tắc, quy chế, nhiều phương thức sản xuất cũ ngày càng tỏ ra xơ cứng, lạc hậu trước sự vận động sinh động của cuộc sống. Những con người tiên tiến đã nhận ra điều ấy và khát khao thay đổi mạnh mẽ phương thức quản lí, tổ chức. Nhưng họ đã vấp phải sự chống đối khá quyết liệt của những kẻ bảo thủ, xu nịnh mượn danh bảo vệ truyền thống. Cuộc đấu tranh giữa hai phái ấy thật gay gắt nhưng tất yếu chiến thắng sẽ thuộc về con người mới.

- Với cái tên *Tôi và chúng ta*, vở kịch cũng đặt ra vấn đề mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể. Trong khi thể hiện sự xung đột giữa hai phái tiên tiến và lạc hậu, bảo thủ, tác giả đồng thời khẳng định rằng không có thứ chủ nghĩa tập thể chung chung. Cái "chúng ta" được hình thành từ nhiều cái "tôi" cụ thể, vì thế cần quan tâm, chăm chút đến quyền lợi, hạnh phúc từng cá nhân con người.

b) Nghệ thuật

- Tác giả xây dựng tình huống kịch với những xung đột, những mẫu thuẫn căng thẳng, diễn tả các hành động kịch cụ thể, sinh động để làm nổi bật chủ đề tư tưởng và tạo cơ sở để các nhân vật bộc lộ tính cách.

c) Chủ đề

Là cuộc đấu tranh gay gắt giữa cái cũ và cái mới. Đó là vấn đề nóng bỏng của thực tiễn đời sống sinh động. Tuy gay go nhưng cuối cùng phần thắng sẽ thuộc về cái mới, cái tiến bộ góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước.

B- CÁC DẠNG ĐỀ

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

* **Đề1:** *Viết đoạn văn ngắn (15 đến 20 dòng) về vấn đề cơ bản của vở kịch Tôi và chúng ta đặt ra và ý nghĩa của nó đối với thực tiễn phát triển của xã hội ta thời kì bấy giờ.*

* **Gợi ý**

1. Mở đoạn

- Vở kịch Tôi và chúng ta phản ánh cuộc đấu tranh gay gắt để thay đổi phương thức tổ chức, quản lí lề lối hoạt động của xí nghiệp Thắng Lợi nói riêng và các xí nghiệp khác nói chung của đất nước ta những năm đầu thập niên 80 của thế kỉ XX.

2. Thân đoạn

- Vấn đề vở kịch ***Tôi và chúng ta*** đặt ra là: Không thể cứ khư khư giữ lấy nguyên tắc cơ chế đã trở thành cứng nhắc, lạc hậu mà phải mạnh dạn thay đổi phương thức tổ chức, quản lí thúc đẩy sản xuất phát triển đừng chạy theo chủ nghĩa hình thức mà cần coi trọng thực tiễn, coi trọng hiệu quả thiết thực của công việc.

- Không có thứ chủ nghĩa tập thể chung chung. Cái ”chung” được tạo thành từ những cái ”tôi” cụ thể. vì thế cần quan tâm một cách thiết thực đến cuộc sống, quyền lợi của mỗi cá nhân con người.

3. Kết đoạn

- Vở kịch *Tôi và chúng ta* phản ánh tình hình đất nước ta những năm lúc bấy giờ có ý nghĩa thực tiễn thật lớn lao. Nó là vấn đề cấp thiết từ đời sống thực tiễn, thực tế xã hội có ý nghĩa trực tiếp đối với sự phát triển chung của đất nước.

2. Dạng đề 5 đến 7 điểm

* **Đề 1**: *Phân tích cảnh ba vở kịch **Tôi và chúng ta** của Lưu Quang Vũ.*

* **Dàn bài**

1. Mở bài

- Giới thiệu Lưu Quang Vũ (1948 - 1988) và bút pháp sắc sảo nhạy bén đề cập hàng loạt vẫn đề nóng bỏng của thời kì đổi mới những năm 80 của thế kỉ XX.

- Đoạn trích là cảnh ba phản ánh hiệp đầu giao phong giữa hai phái mới và cũ, tiến bộ và bảo thủ tại xí nghiệp Thắng Lợi.

2. Thân bài

- Hoàng Việt giám đốc và Nguyễn Chính phó giám đốc là hai đối thủ trong cuộc xung đột giữa hai phái mới và cũ.

- Nguyễn Chính cho rằng muốn sản xuất theo đúng kế hoạch " cấp trên", tuyển công nhân phải thì theo chỉ tiêu biên chế; còn bà trưởng phòng tài vụ cho biết " không có quỹ lương cho thợ hợp đồng", mọi mua sắm nguyên liệu, vật tư " phải làm đúng những quy định".

- Giám đốc Hoàng Việt tuyên bố chủ động đặt ra trong kế hoạch, phải tuyển thêm thợ hợp đồng, mức sản xuất của xí nghiệp sẽ tăng lên năm lần, lương mỗi công nhân sẽ tăng lên bốn lần. Dừng việc xây nhà khách để trả lương cho công nhân trong hai tháng sau đó sẽ hoàn lại. Muốn tăng sản xuất thì phải đầu tư, trước tiên là con người để chấm dứt tình trạng vô lí, bất công. Những chức vụ vô tích sự như quản đốc Trương sẽ được bố trí làm việc khác. Ai làm được nhiều sản phẩm sẽ được hưởng lương cao, ai làm tồi sẽ bị phạt bằng tiền. Muốn phát triển sản xuất thì cần mua thêm nguyên, vật liệu...

- Phái bảo thủ Nguyễn Chính chống trả quyết liệt, có khi lại lên cao giọng đạo đức ân tình.

- Quan điểm của Hoàng Việt mới mẻ, tiến bộ.

- Qua đó, ta thấy tư tưởng bảo thủ và cơ chế bao cấp quan liêu đã bị tư tưởng đổi mới giáng những đòn mạnh mẽ quyết liệt nhưng thế lực bảo thủ đâu đã chịu đầu hàng. Nguyễn Chính một kẻ vô cùng xảo quyệt vả lại sau lưng hắn còn có những thế lực như Trần Khắc, ban thanh tra bộ.

- Cái "tôi" mà Hoàng Việt nêu lên là một tư tưởng lớn: Chúng ta hăng say lao động, vì sự ấm no hạnh phúc của chúng ta, vì sự giàu đẹp của đất nước.

3. Kết bài

- *Tôi và chúng ta* là đổi mới. Hơn hai mươi năm sau, trước sự đổi mới tốt đẹp của đất nước, ta càng thấy rõ vở kịch của Lưu Quang Vũ là vở kịch hay và sâu sắc.

C. BÀI TẬP VỀ NHÀ

1- Dạng đề 2 hoặc 3 điểm

* **Đề 1:** *Tóm tắt cảnh 3 vở kịch **Tôi và chúng ta** của Lưu Quang Vũ bằng một đoạn văn.*

* **Gợi ý**

- Sau một năm về làm quyền giám đốc xí nghiệp Thắng Lợi, Hoàng việt đã quyết định củng cố lại xí nghiệp và thực thi phương án làm ăn mới, dứt khoát không tuân thủ theo những lối mòn, các nguyên tắc lạc hậu đã kìm hãm sự phát triển của xí nghiệp. Những ý kiến của Hoàng Việt về kế hoạch mở rộng sản xuất và phương án làm ăn mới của xí nghiệp không được sự đồng thuận và chia sẻ của những con người bảo thủ đang là cộng sự của mình. Những mâu thuẫn đó đã tạo nên xung đột kịch, mâu thuẫn dồn dập giữa hai tuyến nhân vật tiên tiến và bảo thủ đã làm cho cảnh diễn trở lên hấp dẫn và lôi cuốn người đọc, người xem.

* **Đề 2:** *Xu thế phát triển và kết thúc của xung đột kịch của vở kịch ”Tôi và chúng ta” của Lưu Quang Vũ.*

* **Gợi ý** Học sinh trình bày nhận thức của mình trong đó có hai vấn đề chính sau :

- Cuộc đấu tranh giữa hai phái bảo thủ và đổi mới là cuộc đấu tranh có tính tất yếu và gay gắt. Tình huống xung đột mà vở kịch nêu lên là vấn đề nóng bỏng của thực tiễn đời sống sinh động. Các quan niệm, cách làm mới, táo bạo ở giai đoạn đầu tất nhiên sẽ vấp phải nhiều cản trở.

- Cuộc đấu tranh này gay go nhưng cuối cùng phần thắng thuộc về cái mới, cáo tiến bộ. Cách nghĩ cách làm của các nhân vật thuộc phái đổi mới phù hợp với yêu cầu của thực tế đời sống, thúc đẩy sự phát triển đi lên của xã hội. Họ không đơn độc mà được sự ủng hộ của công nhân xí nghiệp.

2. Dạng đề 5 đến 7 điểm

* **Đề 1 :** *Tình huống kịch và mâu thuẫn cơ bản trong cảnh ba của vở kịch Tôi và chúng ta.*

* **Gợi ý**

1. Mở bài

- Cảnh ba trong vở kịch *Tôi và chúng ta* là đoạn trích để lại trong lòng độc giả nhiều ấn tượng sâu sắc về tình huống kịch và những mâu thuẫn gay gắt giữa hai truyến nhân vật: Tiên tiến dám nghĩ, dám làm với những người dập khuôn máy móc.

2. Thân bài

- Tình trạng ngừng trệ sản xuất của xí nghiệp Thắng Lợi đã đến lúc phải giải quyết bằng những quyết định táo bạo. Sau quá trình tìm hiểu và củng cố lại xí nghiệp giám đốc Hoàng Việt quyết định công bố kế hoạch mở rộng sản xuất và phương án làm ăn mới.

- Anh đã công khai tuyên chiến với cơ chế quản lí lỗi thời. Những lời công bố của Hoàng Việt liên tiếp gây bất ngờ với nhiều người và bị phó giám đốc Nguyễn Chính, quản đốc phân xưởng Trương phản ứng gay gắt.

+ Phản ứng của trưởng phòng tổ chức lao động, trưởng phòng tài vụ liên quan đến biên chế, quỹ lương.

+ Phản ứng của quản đốc phân xưởng Trương liên quan đến hiệu quả tổ chức, quản lí khi Hoàng Việt khẳng định không cần chức vụ này.

+ Phản ứng ngày một gay gắt của phó giám đốc Nguyễn Chính dựa vào cấp trên và nguyên tắc vào nghị quyết Đảng uỷ của xí nghiệp.

3. Kết bài

- Với tình huống kịch và những mâu thuẫn quyết liệt giữa hai tuyến nhân vật tiên tiến dán nghĩ, dám làm và những người bảo thủ máy móc đã chứng tỏ muốn mở rộng quy mô sản xuất cần phải có những thay đổi mạnh mẽ và đồng bộ.

* **<u>Đề 2</u>:** *Phân tích tính cách của các nhân vật tiêu biểu trong cảnh ba vở kịch* ***Tôi và chúng ta*** *của Lưu Quang Vũ.*

* **<u>Gợi ý</u>**

1. Mở bài.

- Cảnh ba của vở kịch Tôi và chúng ta phản ánh cuộc đấu tranh gay gắt công khai giữa hai phái đổi mới và bảo thủ diễn ra tại phòng làm việc của giám đốc Hoàng Việt.

- Qua hành động và ngôn ngữ, các nhân vật đã tự bộc lộ tính cách của mình.

2. Thân bài.

- Giám đốc Hoàng Việt - nhân vật trung tâm. Một người lãnh đạo có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, dám ghĩ, dám làm vì sự phát triển của xí nghiệp và quyền lợi của anh chị em công nhân. Anh cũng là người trung thực, thẳng thắn kiên quyết đấu tranh với niềm tin và chân lý. Đó là mẫu người lãnh đạo thời kì đổi mới đầu tiên.

- Kĩ sư Lê Sơn: Một kĩ sư có năng lực, có trình độ chuyên môn giỏi, từng gắn bó nhiều năm tại xí nghiệp. Dù biết cuộc đấu tranh sẽ rất khó khăn nhưng anh vẫn chấp nhận, sẵn sàng cùng Hoàng Việt cải tiến toàn diện hoạt động của đơn vị.

- Phó giám đốc Nguyễn Chính: Tiêu biểu cho loại người máy móc, bảo thủ nhưng cũng gian ngoan nhiều mánh khoé. Nguyễn Chính luôn vin vào cơ chế, các nguyên tắc dù đã trở thành lạc hậu để chống lại sự đổi mới. Anh ta khéo luồn lọt, xu nịnh cấp trên.

- Quản đốc phân xưởng Trương: Là người suy nghĩ và làm việc như cái máy, khô cằn tình người thích tỏ ra quyền thế, hách dịch với anh chị em công nhân.

3. Kết bài.

- Cảnh ba đã tập trung cao độ những xung đột kịch có nhiều kịch tính. Sự phát triển của tình huống kịch và ngôn ngữ, hành động đã khắc hoạ rõ nét tính cách của từng nhân vật.
